BAOVIET Securities

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

20 NĂM 1999 - 2019

ĐỒNG KIẾN TẠO

Báo cáo thường niên 2019

Digitally signed by NHỮ ĐÌNH HÒA
Date: 2020.05.15 17:06:28 +07'00'

MỤC LỤC

01 02 03 04 05 06

Giới thiệu chung

01
Thông điệp Chủ tịch Hội Đồng Quản trị 10

02
Thông tin chung về Công ty 12

03
Các chỉ số cơ bản KPIs 25

Quản trị công ty

01
Cơ cấu tổ chức 28

02
Thông tin dành cho cổ đông 34

03
Hội đồng quản trị 46

04
Ban kiểm soát 53

05
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS 72

06
Đánh giá quản trị công ty 74

Báo cáo tình hình hoạt động 2019

01
Tổng quan nền Kinh tế và TTCK 2019 80

02
Báo cáo của Hội đồng quản trị 86

03
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 92

Kế hoạch kinh doanh trong năm 2020

01
Chiến lược phát triển 2016 - 2020 130

02
Mục tiêu và cam kết hành động 2020 132

Phát triển bền vững

01.
GRI 102: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2016 146

02.
Thông điệp về PTBV của TGĐ 147

03.
GRI 200: Kinh tế 156

04.
GRI 300: Môi trường 159

05.
GRI 400: Xã hội 162

Báo cáo tài chính & Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

01.
Báo cáo tài chính 194

02.
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 280

KIẾN TẠO
NỀN MÓNG

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là một công ty niêm yết trên TTCK, chúng tôi ý thức rằng xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả là xây dựng môi trường của lòng tin, tính minh bạch, sự ổn định về tài chính và đạo đức kinh doanh.

Khởi đầu với 7 nhân sự được ví như 7 viên gạch đầu tiên đặt nền móng xây dựng Công ty, tới nay sau 20 năm hình thành và phát triển, nền móng hoạt động tiếp tục được kiến tạo vững chắc thông qua hệ thống quản trị công ty, được xây dựng trên nền tảng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành cùng với sự đánh giá và chọn lựa vận dụng theo những thông lệ tốt trên thị trường Việt Nam và khu vực Asean. Bằng cách này, chúng tôi tin tưởng rằng BVSC tiếp tục phát triển ổn định và bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

01

Giới thiệu chung

01 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
02 Thông tin chung về Công ty
03 Các chỉ số cơ bản KPIs

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác của BVSC,

Năm 2019, năm gắn với một dấu mốc quan trọng trong lịch sử của Công ty khi BVSC tròn 20 năm hình thành và phát triển. Chúng tôi chọn chủ đề của cuốn Báo cáo năm nay là "20 năm – Đồng kiến tạo" như một lời tri ân tới các quý vị lãnh đạo từ các cơ quan quản lý, quý vị cổ đông, khách hàng và các thế hệ nhân sự BVSC đã cùng đồng hành kiến tạo BVSC của ngày hôm nay và cùng với BVSC góp phần xây dựng thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam trong hai thập kỷ vừa qua.

Năm 2019 đã qua đi trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, GDP đạt 7,02% và là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011; tuy nhiên mặc dù Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam tăng điểm nhưng thanh khoản lại giảm mạnh 28,08% so năm 2018. Trong khi đó Thông tư 128/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính chính thức có hiệu lực kể từ tháng 02/2019 đã làm thay đổi cục diện cạnh tranh trong khối các công ty chứng khoán. Bối cảnh trên đặt ra những thách thức đối với HĐQT lẫn Ban điều hành trong việc hoạch định định hướng kinh doanh và cần liên tục bám sát diễn biến thị trường nhằm đưa ra những quyết sách kịp thời để vừa nắm bắt cơ hội thị trường vừa quản trị rủi ro một cách hiệu quả hoàn thành các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua.

Bối cảnh thị trường trong năm 2019 đã ảnh hưởng lớn tới toàn ngành chứng khoán nói chung và khối các công ty chứng khoán nói riêng. Theo ước tính tổng doanh thu các CTCK toàn thị trường giảm khoảng 20% so với năm 2018, trong số đó phần lớn các CTCK đã chưa thể cán đích lợi nhuận thành công. Với BVSC, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ 2019 giao, tổng doanh thu tăng 10% so với kế hoạch và tăng 3% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 102% kế hoạch đề ra. Mặc dù doanh thu môi giới bị ảnh hưởng nặng nề do thanh khoản thị trường sụt giảm, tuy nhiên thị phần môi giới tăng 23% so với năm 2018 cho thấy sự tiến bộ rõ rệt trong bối cảnh thị trường kém thuận lợi. Năm 2019 cũng ghi nhận sự thành công của BVSC trong lĩnh vực tư vấn khi doanh thu tăng 16% so với kế hoạch và tăng 50% so với cùng kỳ. BVSC tiếp tục là nhà tư vấn cho những thương vụ tiêu biểu trên thị trường trong năm 2019 và một lần nữa được vinh danh là Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu tại Diễn đàn M&A thường niên 2019. Với những kết quả đạt được, HĐQT ghi nhận sự cống hiến tận tâm của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong suốt thời gian qua.

Thay mặt Công ty chứng khoán Bảo Việt, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Công ty.

Trân trọng.

TM. HĐQT
Chủ tịch

Nguyễn Hồng Tuấn

Thông tin chung về công ty

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	số 01/GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999
Vốn điều lệ	722.339.370.000 đồng
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019	1.806.633.192.421 đồng
Địa chỉ	Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	(+84-24) 3.928 8080
Fax	(+84-24) 3.928 9888
Website	www.bvsc.com.vn
Mã cổ phiếu	BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Sứ mệnh

Trao "Niềm tin vững chắc" cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng "Cam kết vững bền".

Tầm nhìn

Giữ vững vị trí là Công ty chứng khoán hàng đầu, mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và sự hài lòng nhất cho cổ đông;

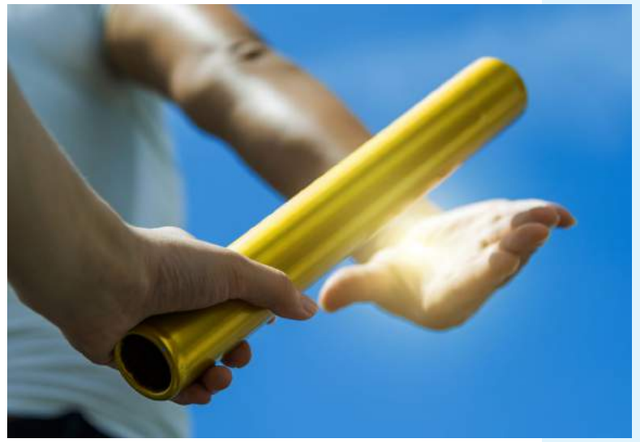

Giá trị cốt lõi

- Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty;
- Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên;
- Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.

Lịch sử phát triển

1999

Chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài chính.

2000

Thành lập Chi nhánh và khai trương phòng Giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2006

- Tăng vốn điều lệ từ 49,45 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng.
- Cổ phiếu BVSC (Mã CK: BVS) chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nay là Sở GDCK Hà Nội (HNX).

2008

- Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng.
- Khai trương Trụ sở chính và sàn giao dịch mới tại số 8, Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.
- Khai trương phòng Giao dịch số 1 tại 94 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2009

- Tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 722,3 tỷ đồng
- Khai trương phòng Giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TpHCM

2010

- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới.
- Chuyển trụ sở Chi nhánh về địa chỉ 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đồng thời thành lập phòng Giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp HCM

2011

Khai trương phòng Giao dịch Mỹ Đình tại số 8 Nguyễn Cơ Thạch – Từ Liêm – Hà Nội

2015

- Thành lập Phòng Giao dịch Láng Hạ tại 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Thành lập Phòng Giao dịch 233 Đồng Khởi tại 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Chuyển PGD Mỹ Đình về 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành Phòng Giao dịch Kim Mã

2016

Chuyển PGD 146 Nguyễn Văn Cừ về 90 Cao Thắng và đổi tên thành Phòng Giao dịch 90 Cao Thắng trực thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2017

- Chuyển trụ sở chính từ số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm sang tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Thành lập phòng giao dịch 174 Lê Hồng Phong trực thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2019

- Chuyển PGD Kim Mã về Tòa nhà Văn phòng Hapulico số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội và đổi tên thành Phòng Giao dịch Thanh Xuân.
- Kỷ niệm 20 năm ngày thành lập công ty.

Các lĩnh vực hoạt động

Môi giới chứng khoán 01

Môi giới khách hàng cá nhân

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 20 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có gần 70 ngàn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC. Công ty luôn nằm trong TOP 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu lớn nhất; đồng thời liên tục nằm trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất trên thị trường.

Môi giới khách hàng tổ chức

Trong nhiều năm qua BVSC là đối tác tin cậy của các tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước như Merrill Lynch, UBS, JP Morgan, NOMURA, Dragon Capital, Vina Capital, East Spring....

Với cam kết "Lấy khách hàng làm trọng tâm" trong chiến lược phát triển của mình, BVSC đã và đang thực hiện đầu tư đồng bộ về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư của các tổ chức.

Lưu ký 02

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tự doanh 03

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.

Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư 04

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác.

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm "Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả", và Mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích của khách hàng", các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.

Phân tích và Tư vấn đầu tư 05

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp.....Đặc biệt, các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo.

Mạng lưới hoạt động

Hà Nội

Hội sở

Địa chỉ: Tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
Tel: (84-24) 3.928 8080
Fax: (84-24) 3.928 9888
Email: info-bvsc@baoviet.com.vn
Website: www.bvsc.com.vn

Phòng GD Hội sở

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: (84-24) 3.928 8080/ Ext: 805
Fax: (84-24) 3.9288999

Phòng GD số 1

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-24) 3.928 9950/ Ext: 845
Fax: (84-24) 3.943 3012

Phòng GD Thanh Xuân

Địa chỉ: Tầng 10 tòa nhà Center Building – Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84-24) 3.928 8080/Ext: 888
Fax: (84-24) 3.237 3135

Phòng GD Láng Hạ

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (84-24) 3.928 8888/Ext: 873
Fax: (84-24) 3.772 8682

TP.HCM

Chi nhánh

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM
Tel: (84-28) 3.914 6888
Fax: (84-28) 3.914 7999
Email: info.hcm@baoviet.com.vn
Website: www.bvsc.com.vn

Phòng GD Chi nhánh TP.HCM

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3.821 8564/Ext 320
Fax: (84-28) 3.821 8566 / 3.914 1435

Phòng GD 90 Cao Thắng

Địa chỉ: 90 Cao Thắng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3.837 7799
Fax: (84-28) 3.837 1100

Phòng GD 233 Đồng Khởi

Địa chỉ: Lầu G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3.914 6888
Fax: (84-28) 3.914 7999

Phòng GD 174 Lê Hồng Phong

Địa chỉ: 174 Lê Hồng Phong, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3 914 6888
Fax: (84-28) 3.914 7999

Giải thưởng

Giải thưởng do các Cơ quan Quản lý vinh danh

Thủ tướng Chính phủ

Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2013

Bộ Tài chính

- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2000 – 2005
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển Hiệp hội kinh doanh Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015-2018
- Cờ thi đua khen thưởng về Thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Tài chính năm 2017
- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 2016 – 2017

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

- Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 - 2016
- Thành viên tiêu biểu trong 7 năm liên tiếp 2013 – 2019
- Bằng khen về những đóng góp tích cực vào sự phát triển thị trường Trái phiếu Chính phủ từ năm 2009 tới năm 2014
- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 - 2014 – 2015 - 2016
- Công ty chứng khoán thành viên có dịch vụ Tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005 – 2015

Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015
- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và CCQ năm 2016
- Công ty Chứng khoán Thành viên Tiêu biểu Giai đoạn 2018 – 2019

Trung tâm lưu ký chứng khoán

- Top 10 Thành Viên Tiêu Biểu Trong Hoạt Động Thanh Toán Tiền Chứng Khoán Năm 2017
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở 2018 - 2019

Giải thưởng khác

Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam

Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam

Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam

- Top 200 Sao vàng đất Việt 2015
- Top 100 Sao vàng đất Việt 2018

Thời báo Kinh tế Việt Nam

Thương hiệu mạnh Việt Nam 6 năm liên tiếp 2013 – 2018

Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên tốt nhất

- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 3 năm liên tiếp 2013 – 2014 - 2015
- Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012 & 2016

Giải thưởng bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu

Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 2 năm liên tiếp 2017 - 2018 – Nhóm vốn hóa vừa

Giải thưởng

Giải thưởng khác

Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững

Top 100 các Doanh nghiệp bền vững 2018 - 2019

Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam – Vietnam Leading Brands

Top 10 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam năm 2019 – Hạng mục Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Cuộc Bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Anphabe phối hợp với VCCI tiến hành

Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam năm 2018

Diễn đàn M&A thường niên

- Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 – 2014
- Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất - hạng mục tư vấn cổ phần hóa /thoái vốn/M&A 7 năm liên tiếp 2013 - 2014 - 2015 - 2016 - 2017 - 2018 - 2019
- Công ty Chứng khoán Tư vấn M&A tiêu biểu thập kỉ 2009 - 2018

Giải thưởng quốc tế

Finance Asia

Công ty tư vấn tốt nhất Việt Nam 2008

Global Banking and Finance Review (Anh Quốc)

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 2015 – 2016 – 2017
- Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017

International Finance Magazine (Anh Quốc)

- Tổ chức Tư vấn Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018 - 2019
- Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018

Các chỉ số cơ bản (KPIs)

Đơn vị: Triệu đồng

I. Chỉ tiêu cơ bản	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng doanh thu & thu nhập khác	**287.179**	**327.313**	**483.681**	**547.579**	**563.655**
- Doanh thu môi giới	84.024	99.887	207.668	171.590	135.859
- Doanh thu tư vấn	9.491	9.548	8.402	7.330	11.023
- Lãi đầu tư các tài sản tài chính	53.175	90.687	115.358	167.046	192.826
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	120.095	98.486	122.540	168.791	193.702
- Doanh thu bảo lãnh. đại lý phát hành CK. ủy thác đấu giá	1.028	272	926	280	63
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký CK	3.694	4.378	5.987	6.518	5.846
- Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác	15.672	24.055	22.801	26.024	24.336
Lợi nhuận trước thuế	120.325	121.487	152.423	122.480	151.163
Lợi nhuận sau thuế	**116.105**	**102.174**	**122.445**	**103.532**	**135.510**
Lợi nhuận thực hiện sau thuế		**88.844**	**112.880**	**131.652**	**127.930**
Tổng tài sản	1.667.827	1.879.659	2.198.954	2.927.161	2.397.853
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.450.740	1.567.685	1.698.104	1.692.152	1.806.633

II. Chỉ tiêu đặc thù	2015	2016	2017	2018	2019
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	735%	678%	702%	738%	714%
Hệ số thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	6,38	4,44	3,55	2,79	12,26
Hệ số thanh toán tức thời (Tiền & các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	2,07	4,22	3,48	2,75	12,02
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.552	1.339	1.479	1.741	1.693

02

Quản trị công ty

01 Cơ cấu tổ chức
02 Thông tin dành cho Cổ đông
03 Hội đồng Quản trị
04 Ban kiểm soát
05 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS
06 Đánh giá quản trị công ty

Cơ cấu tổ chức

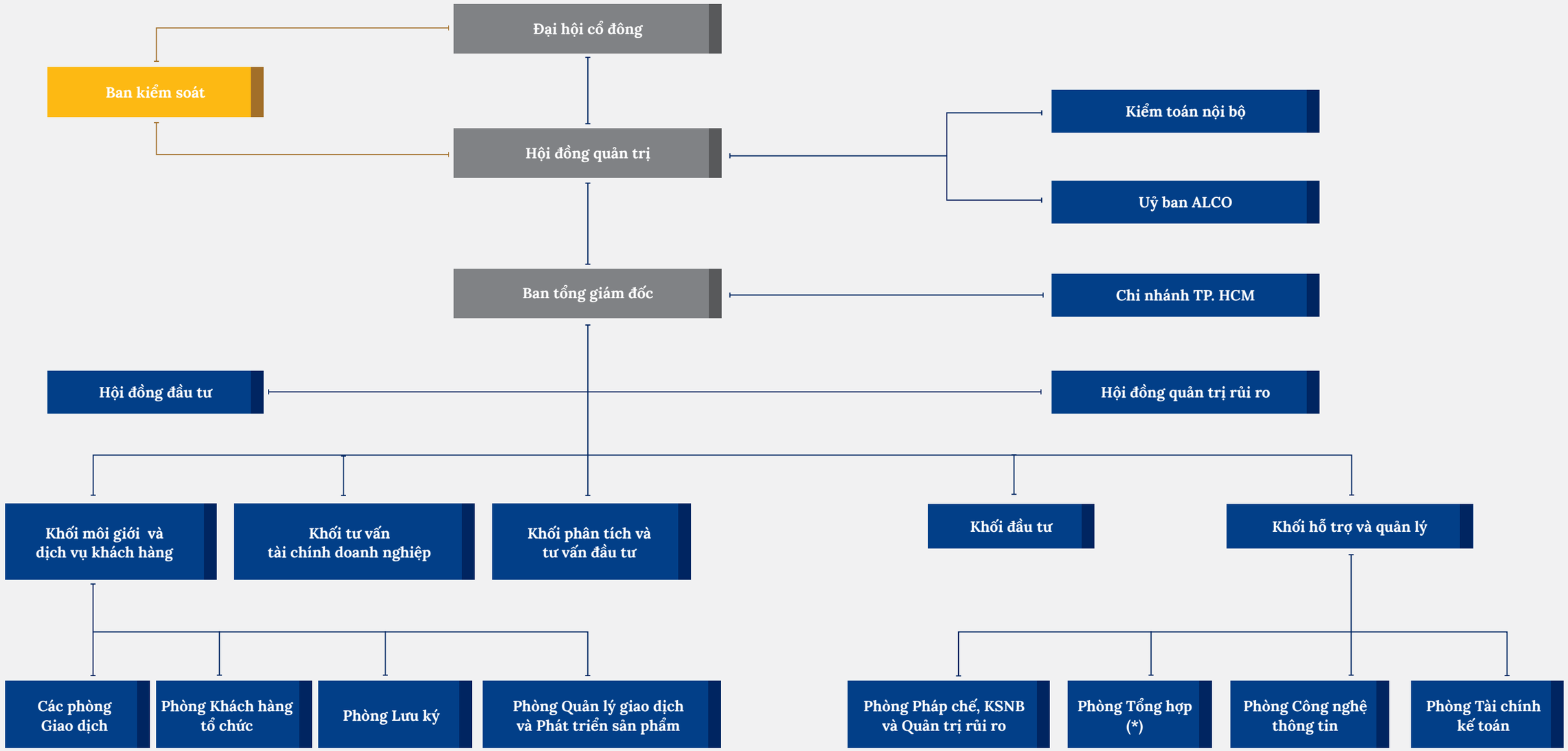

(*) Phòng Tổng hợp thực hiện các chức năng quản trị nhân sự (HR), quan hệ nhà đầu tư (IR), truyền thông (PR), kế hoạch tổng hợp và công tác hành chính.

***** Các công ty con, công ty liên kết: Không có**

Nhân sự chủ chốt

Hội Đồng Quản trị

Ông NGUYỄN HỒNG TUẤN
Chủ tịch HĐQT
(TV HĐQT không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC đầu tiên: 27/06/2017.
- Ngày tháng năm sinh: 31/03/1969.
- Học vấn: Cử nhân chuyên ngành tín dụng, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Luật, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

- 06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 05/2014 – nay: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 12/2011 – 09/2017: Quyền TGĐ, TGĐ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 01/2009 – 12/2011: Phó TGĐ kiêm GĐ Sở GD, Giám đốc khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- 12/2006 – 12/2008: Trưởng ban Dự án Ngân hàng Bảo Việt, Thành viên ban trù bị thành lập Ngân hàng Bảo Việt.
- 01/2006 – 11/2006: Phó trưởng ban phụ trách Ban đầu tư Bảo Việt.
- 04/1998 – 11/2005: Phó trưởng phòng P. Đầu tư vốn, Phó GĐ Trung tâm Đầu tư Bảo Việt.
- 12/1994 –04/1998: Cán bộ phòng Đầu tư vốn Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.
- Thành viên HĐTV Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Ông NGUYỄN QUANG HƯNG
Thành viên HĐQT
(TV HĐQT không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm Thành viên HĐQT BVSC đầu tiên: 27/06/2017.
- Ngày tháng năm sinh: 02/04/1974;
- Học vấn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

- 06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 01/2015 - nay: Phó TGĐ Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 03/2014 – 12/2014: Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 03/2009 – 03/2014: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 04/2004 – 03/2009: Phó Phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 09/2001 – 05/2003: Chuyên viên Công ty môi giới tái bảo hiểm Aon Re Singapore.
- 08/1995 – 09/2001: Chuyên viên Phòng tái bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Phó TGĐ Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Thành viên HĐQT
(TV HĐQT không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm Thành viên HĐQT BVSC đầu tiên: 12/05/2016.
- Ngày tháng năm sinh: 05/09/1977.
- Học vấn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

- 05/2016 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 11/2016 – nay: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 05/2016 - 11/2016: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2015 – 5/2016: Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 09/2014 – 04/2015: Phó trưởng ban – Ban Thư ký – Tổng hợp – Khối Quản lý hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/2012 – 09/2014: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư Dự án – Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 04/2011 – 12/2012: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư chiến lược – Khối đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- 01/2006 – 04/2011: Chuyên viên chính Quản lý và thẩm định dự án đầu tư – Ban đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.
- 11/2001 – 01/2006: Chuyên viên Quản lý dự án – Phòng Quản lý Dự án – Trung tâm Đầu tư Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Thành viên HĐTV Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.

Ông LÊ VĂN BÌNH
Thành viên HĐQT
(TV HĐQT không điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT lần đầu tiên: 2001.
- Ngày tái bổ nhiệm gần nhất TV. HĐQT: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 02/01/1955.
- Học vấn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

- 2001 - nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 10/2007 – 01/2015: Thường trực Ủy ban Kiểm toán, Giám đốc Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Bảo Việt.
- Năm 1994 – 10/2007: Phó Trưởng Phòng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Ủy viên HĐTV kiêm Kế toán trưởng – Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.
- Năm 1983 – 1994: Giảng viên Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Không có.

Ông NHỮ ĐÌNH HOÀ
Thành viên HĐQT
(Điều hành)

- Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT lần đầu tiên: 03/04/2010.
- Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 12/04/1972.
- Học vấn: Thạc sỹ kế toán ĐH Tổng hợp Hawaii (Hoa Kỳ), Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2010 - nay: Thành viên HĐQT BVSC.
- 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.
- Năm 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
- Năm 2000 – 2005: Trưởng Phòng Giao dịch, Trưởng Phòng tư vấn và tự doanh chứng khoán – BVSC.
- 1995 – 1999: Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Không có.

*** Theo quy định tại Khoản 7, Điều 2 của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP ngày 06/ 06/ 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, ông Nguyễn Quang Hưng là thành viên độc lập HĐQT của BVSC. Ông Nguyễn Quang Hưng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ghi nhận là thành viên độc lập của HĐQT BVSC tại Biên bản kiểm tra tình hình hoạt động BVSC ngày 11/12/2017.*

Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 15/10/2019

- *Ông Nguyễn Hồng Tuấn: Chủ tịch HĐQT, đại diện quản lý và nắm giữ 35% vốn điều lệ của BVSC.*
- *Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,15%).*
- *Ông Nguyễn Anh Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ.*
- *Ông Nguyễn Quang Hưng: Thành viên HĐQT độc lập, sở hữu 0% cổ phần.*
- *Ông Lê Văn Bình: Thành viên HĐQT không điều hành: sở hữu 0% cổ phần.*

Ban Kiểm soát

Ông NGUYỄN XUÂN HOÀ
Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm Thành viên BKS: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 11/03/1977.
- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh thương mại.

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC.
- 01/2008 – nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban – Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế - Tập đoàn Bảo Việt.
- 11/2001 – 01/2008: Kế toán viên, Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- 08/1999 – 10/2001: Phụ trách Kế toán – Công ty Tin học Duy Hùng.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế – Tập đoàn Bảo Việt.
- Thành viên HĐTV – Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Chủ tịch HĐTV – Công ty Bảo Việt Âu Lạc.

Ông HOÀNG GIANG BÌNH
Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm Thành viên BKS: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 14/12/1986.
- Học vấn: Thạc sỹ Kế toán – Tài chính.

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.
- 09/2015 – nay: Ban Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.
- 08/2012 – 09/2015: Ban Đầu tư Dự án – Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/2011 – 05/2012: Chi nhánh Hoàn Kiếm - Ngân hàng TMCP Quân đội.
- 03/2009 – 09/2009: Phòng Kế toán – Đài TH Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Chuyên viên – Ban Đầu tư, Khối Chiến lược và Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt.

Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày bổ nhiệm Thành viên BKS: 15/04/2015.
- Ngày tháng năm sinh: 16/07/1982.
- Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.
- 01/2005 – nay: Kế toán viên, Phó Trưởng Ban – Ban Kế toán, Tập đoàn Bảo Việt.
- 12/2014 – 12/2018: Kiểm soát viên – Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Phó trưởng ban – Ban Kế toán, Khối Quản lý Tài chính – Tập đoàn Bảo Việt.

Thành phần Ban Kiểm soát và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 15/10/2019

- *Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 4,92% vốn điều lệ của BVSC.*
- *Ông Hoàng Giang Bình: Thành viên Ban Kiểm soát, sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.*
- *Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Thành viên Ban Kiểm soát, sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.*

Ban Điều hành

Ông NHỮ ĐÌNH HOÀ
Tổng Giám đốc

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 02/2010.
- Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 10 năm.
- Tuổi: 47
- Học vấn: Thạc sỹ kế toán, Cử nhân quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

- 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC.
- Từ 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
- Từ 2000 – 2005: Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn và tự doanh chứng khoán BVSC.
- Từ 1995 – 1999: Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Không có.

Ông VÕ HỮU TUẤN
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP HCM

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 04/02/2008.
- Thời gian giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM: 12 năm.
- Tuổi: 46 tuổi.
- Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

- Từ 04/02/2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM – BVSC.
- Từ 08/2007 - 02/2008: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM.
- Từ 10/2005 - 08/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh TP.HCM.
- Từ 07/2002 - 09/2005: Trưởng phòng Giao dịch Chi nhánh TP.HCM.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Thành viên HĐQT của Công ty CP Dược phẩm Imexpharm.

Bà NGUYỄN THỊ THANH THUỶ
Phó Tổng Giám đốc

- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010.
- Thời gian giữ chức vụ Phó tổng giám đốc: 09 năm 05 tháng.
- Tuổi: 43 tuổi
- Học vấn: Thạc sỹ Kinh tế

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

- Từ 07/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC.
- Từ 09/2009 - 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn.
- Từ 09/2006 - 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch.
- Từ 10/2003 - 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

- Không có

"Trong năm 2019, Công ty không có sự thay đổi trong Ban Điều hành"

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 15/10/2019

- *Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty – đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (Trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,15%).*
- *Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.*
- *Ông Võ Hữu Tuấn: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh - nắm giữ 0,023% Vốn Điều lệ.*

Thông tin dành cho cổ đông

Thông tin cổ phiếu BVS tại ngày 31/12/2019

Tên cổ phiếu **BVS**	Sàn niêm yết **HNX**
Số lượng cổ phiếu niêm yết **72.233.937 cổ phiếu**	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành **72.200.145 cổ phiếu**
Số lượng cổ phiếu quỹ **33.792 cổ phiếu**	Giá trị vốn hóa thị trường **722 tỷ đồng**
Thay đổi vốn điều lệ trong năm **Không**	Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS 2019) **1.693 đồng**

Cổ tức 2019

Thanh toán cổ tức 10% trên mệnh giá cổ phần từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐQT Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, được chia thành 2 đợt: Đợt 1 tỷ lệ cổ tức là 7% trên mệnh giá chi trả vào ngày 28/02/2019; Đợt 2 tỷ lệ cổ tức là 3% trên mệnh giá chi trả vào ngày 20/11/2019.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV)	**24.990** đồng
Giá thị trường tại ngày 31/12/2019	**10.000** đồng/cổ phiếu
Giá cao nhất năm 2019	**14.300** đồng/cổ phiếu
Giá thấp nhất năm 2019	**9.600** đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng giao dịch năm 2019	**9.174.712** cổ phiếu
Tổng giá trị giao dịch năm 2019	**103.315.231.000** đồng
Khối lượng giao dịch bình quân năm 2019	**36.846** cổ phiếu/ngày
P/B	**0,40** lần
P/E	**5,33** lần

Nguồn: Fiinpro – Dữ liệu giao dịch doanh nghiệp

Biểu đồ giá đóng cửa của cổ phiếu BVS so với VNIndex từ ngày 01/01/2019 - 31/12/2019

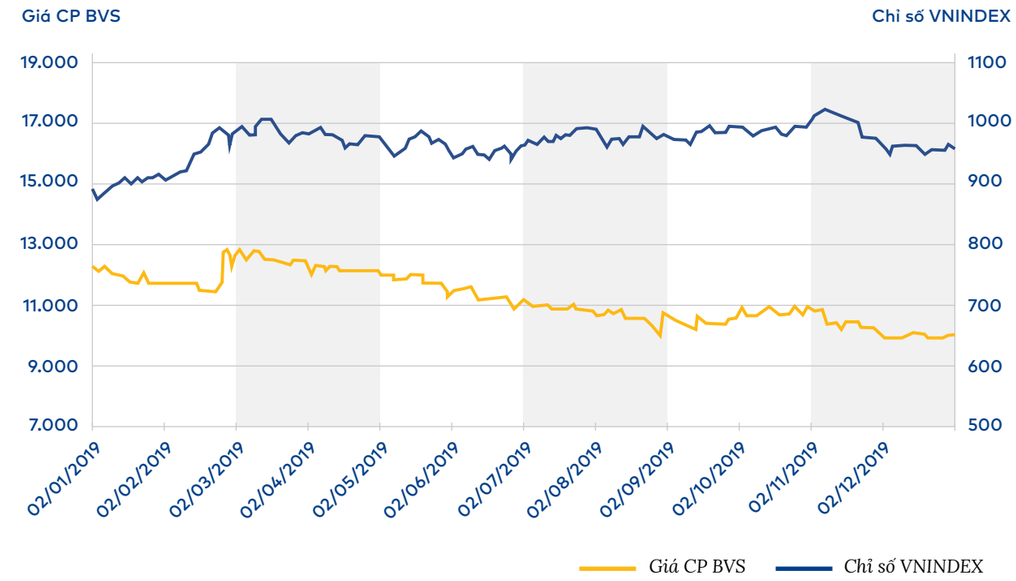

Biểu đồ giá đóng cửa của cổ phiếu BVS so với HNXIndex từ ngày 01/01/2019 - 31/12/2019

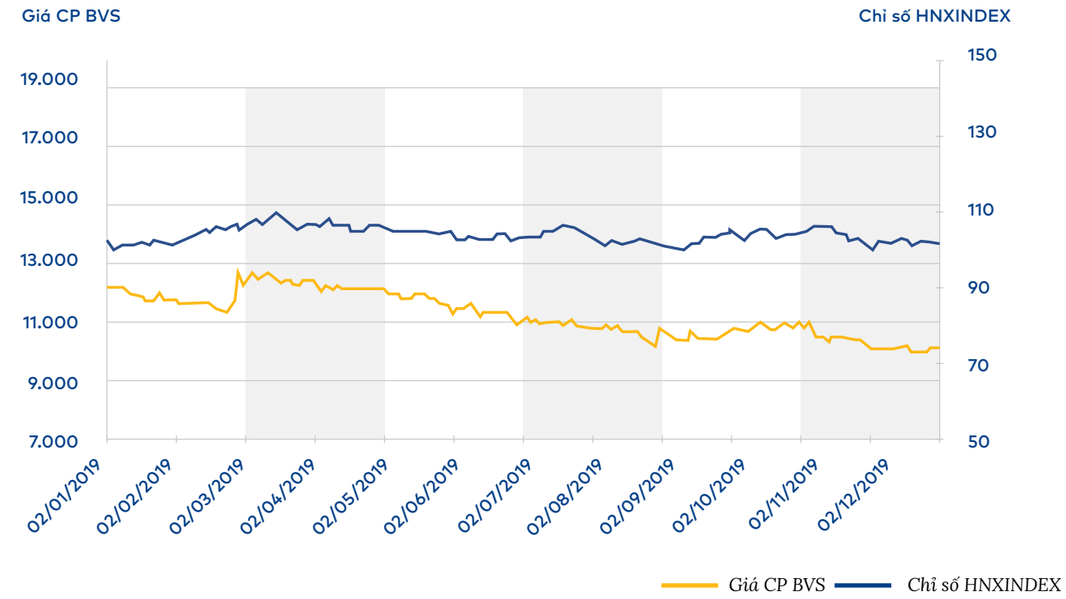

Biểu đồ khối lượng giao dịch của cổ phiếu BVS từ ngày 01/01/2019 - 31/12/2019

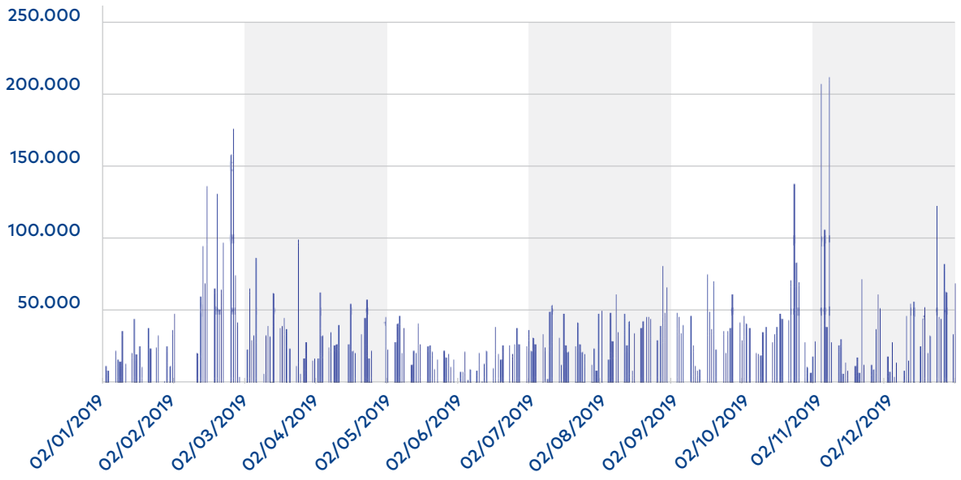

Giá trị giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư Nước ngoài (Triệu đồng)

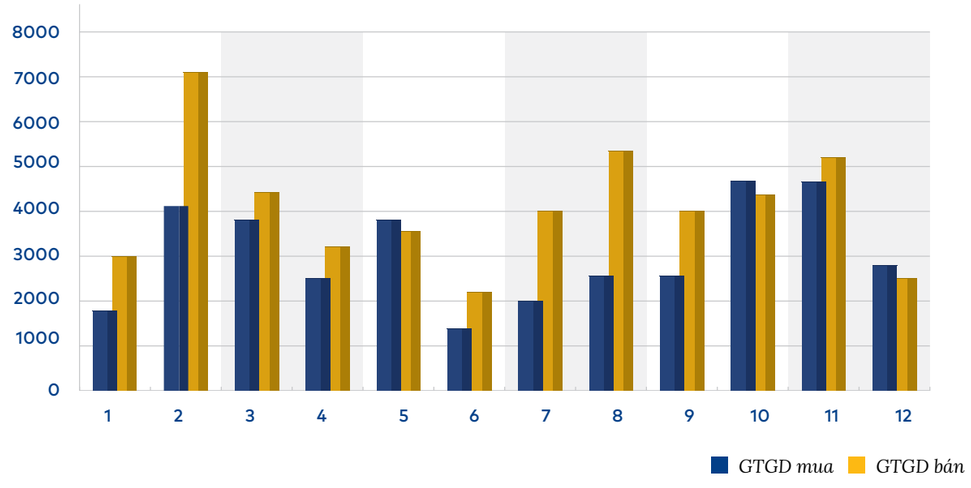

Khối lượng giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư Nước ngoài

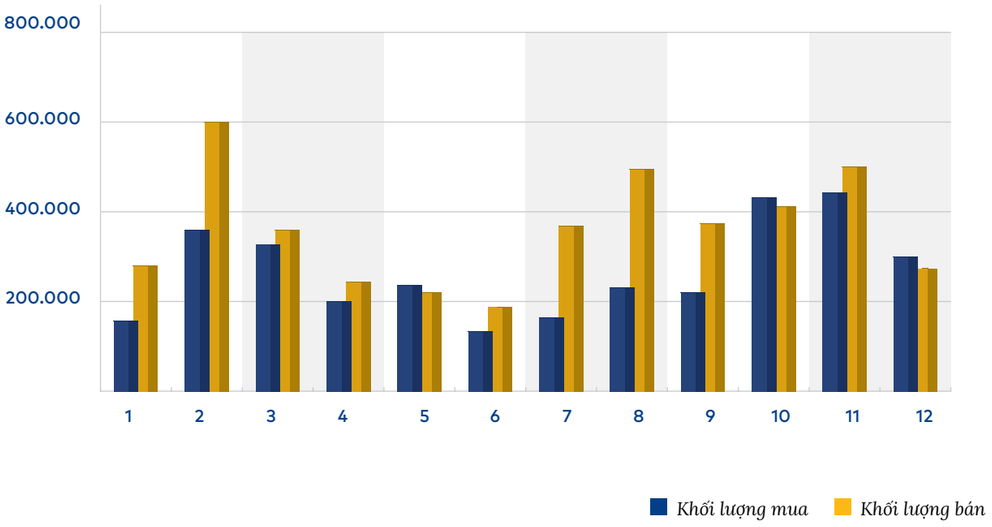

Danh sách cổ đông chốt ngày 15/10/2019

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ

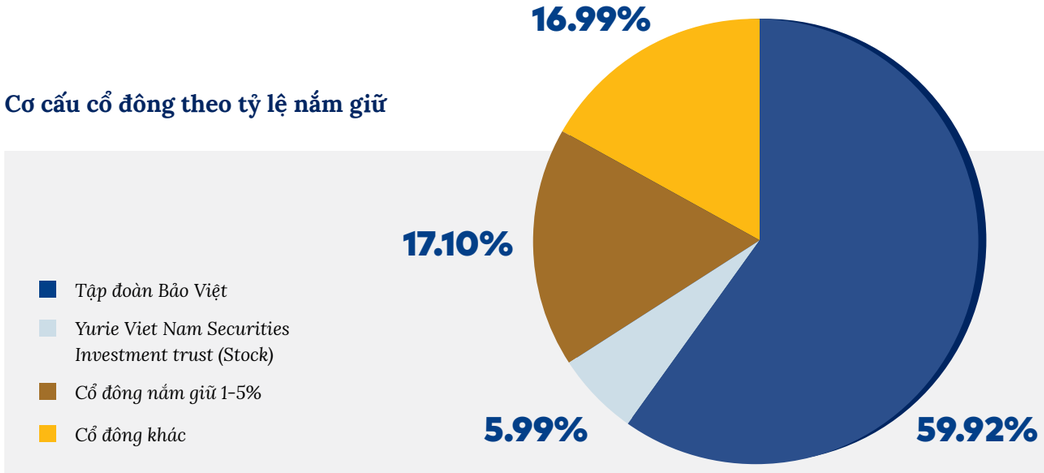

Danh sách cổ đông chốt ngày 15/10/2019 (Tiếp)

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2019: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2019: Không có.
- Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	2.698	12.270.554	16,99
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%	8	12.354.390	17,10
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	2	47.608.993	65,91
Tổng cộng	**2.708**	**72.233.937**	**100**

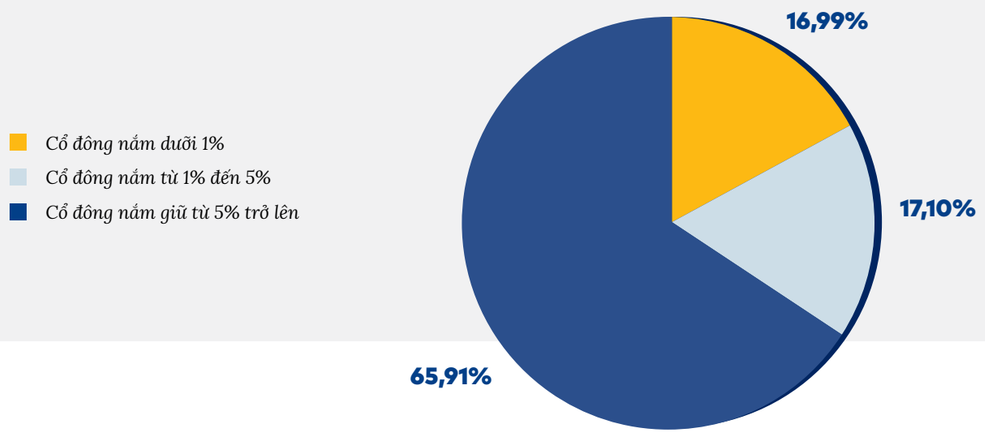

Cơ cấu theo địa lí

Cổ đông	Tỷ lệ (%)
Trong nước	**72,07%**
Cá nhân	11,07%
Tổ chức	61,00%
Nước ngoài	**27.93%**
Cá nhân	2,21%
Tổ chức	25,72%
Tổng cộng	**100%**

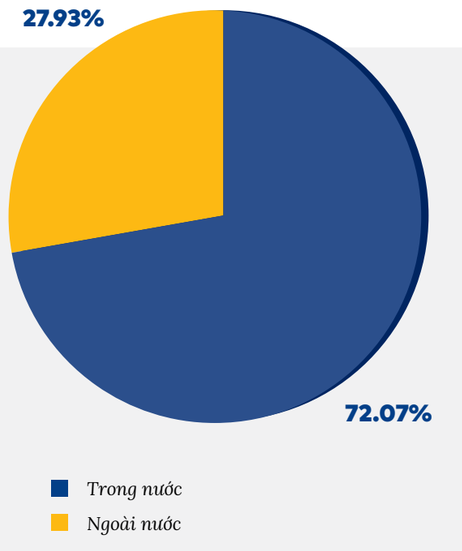

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài trong giai đoạn 2015 - 2019

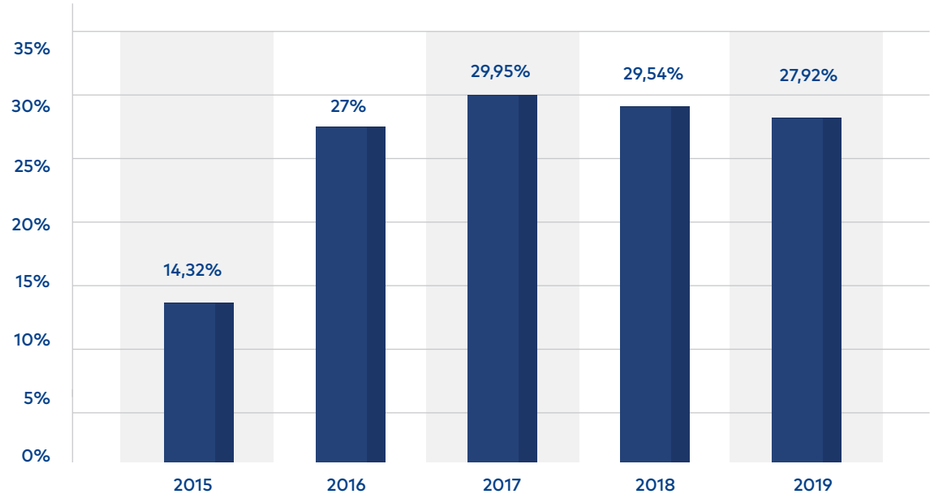

Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông (IR) năm 2019

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông

Là Công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, một doanh nghiệp niêm yết, và đặc biệt BVSC cũng là nhà tư vấn hàng đầu về tư vấn tài chính doanh nghiệp, BVSC đặc biệt chú trọng việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông của chính mình cũng như là một trong những hình mẫu về thực thi các quyền của cổ đông tới các doanh nghiệp, các khách hàng nói chung. Trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi này, BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng và công bằng.

Quyền của cổ đông được Công ty quy định cụ thể tại Điều 20, Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 10 của BVSC. Trong đó quyền của cổ đông quy định cụ thể theo từng loại cổ phần sở hữu, gồm có: quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (gọi là cổ đông phổ thông), quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Hiện tại, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2019 thông qua hoạt động IR và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và các công bố thông tin của BVSC tới các nhà đầu tư, các cổ đông.

ĐHĐCĐ thường niên 2019:

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Ngày 20/06/2019 BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông qua đường thư có bảo đảm và công bố trên website Công ty 15 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Ngoài ra, thư mời họp được công ty công bố trên 01 trang báo có kênh phát hành toàn quốc. Thư mời họp ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2019, Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc đại hội và được đăng tải tại website công ty.

Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ 2019, cổ đông đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc. Cũng tại Đại hội 2019, cổ đông đã trực tiếp chất vấn Đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng như kế hoạch kinh doanh 2019, về vấn đề cổ tức của BVSC, về kết quả kinh doanh quý I/2019, về hoạt động cho vay Margin... Các nội dung chất vấn trực tiếp tại Đại hội đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

Để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự đại hội 2019 để trả lời các chất vấn của cổ đông.

Biểu quyết tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ ngày 20/06/2019, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Nội dung	ĐHĐCĐ 2019 BVSC đã biểu quyết thông qua
Hoạt động kinh doanh	• Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2019
Các báo cáo	• Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019 của Hội đồng Quản trị • Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2018 – 2019; • Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
Phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty	• Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2018, kế hoạch sử dụng lợi nhuận năm 2019; • Thông qua chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị Công ty năm 2018 và kế hoạch trả thù lao năm 2019;
Sửa đổi Điều lệ, Quy chế	• Thông qua Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 10; • Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2019 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội cũng như công bố thông tin trong vòng 24h và lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.

Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông (IR) năm 2019 (Tiếp)

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông (Tiếp)

Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR)

Trong những năm qua bộ phận quan hệ cổ đông của BVSC đã làm tốt chức năng là cầu nối gắn kết các cổ đông và nhà đầu tư, việc thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông cũng như đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các cổ đông luôn là giá trị cốt lõi xuyên suốt của công ty. Thực tế, hoạt động này đã củng cố mối quan hệ vững chắc, tạo dựng niềm tin lâu dài giữa BVSC và nhà đầu tư và góp phần không nhỏ vào sự phát triển lớn mạnh của BVSC trong thời gian qua.

Đẩy mạnh truyền thông kết nối với cổ đông

Tại BVSC chúng tôi luôn xem trọng công tác quan hệ cổ đông, nhà đầu tư (IR); nhà đầu tư, cổ đông luôn được xem là bên liên quan trọng yếu và quyết định vào thành công trong chiến lược phát triển của BVSC. Bộ phận phụ trách công tác IR tại BVSC luôn hiểu rõ các yếu tố tác động đến từng quyết định của Nhà đầu tư, từ đó xây dựng và triển khai liên tục và nhất quán các hoạt động truyền thông kết nối. Sứ mệnh của bộ phận IR tại BVSC là xây dựng niềm tin, thương hiệu của Công ty trong cộng đồng đầu tư nói riêng và toàn xã hội nói chung.

Phương tiện tương tác linh hoạt

Bộ phận IR của BVSC luôn chủ động trong việc trao đổi thông tin với các cổ đông và nhà đầu tư. Chúng tôi có hotline và hòm thư điện tử riêng để trả lời tất cả các thắc mắc từ cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm. Mọi thắc mắc, yêu cầu thông tin về tình hình kinh doanh của công ty gửi về đều được bộ phận IR cập nhật ngay lập tức, các thông tin cần xử lý sẽ được phản hồi sau muộn nhất là 48h.

Tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư

Không chỉ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các cổ đông mới có điều kiện đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, mà BVSC luôn chủ động tổ chức các cuộc gặp gỡ, hoặc tham gia vào vào các Hội nghị xúc tiến đầu tư nơi có các nhà đầu tư, các Quỹ, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm tiếp cận, cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của BVSC góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư từ các bên quan tâm.

Trong năm 2019, BVSC đã tổ chức tiếp xúc cổ đông, Nhà Đầu tư quan tâm như sau:

- Tháng 6/2019: Tổ chức Hội thảo giới thiệu cơ hội thị trường & cơ hội đầu tư BVSC với các Nhà đầu tư Trung Quốc tại Trụ sở chính Công ty.
- Hoạt động định kỳ hàng quý: Tiếp xúc và trả lời mối quan tâm của nhà đầu tư hàng quý sau mỗi kỳ công bố báo cáo tài chính (Tokai Tokyo Finance, Indovina bank, Seabank…)

Nâng cao chất lượng và kênh công bố thông tin

Trong năm 2019, BVSC tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quan hệ nhà đầu tư và cổ đông, tăng cường minh bạch hóa thông tin và tiếp nhận những phản hồi để hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị doanh nghiệp bằng các hoạt động cụ thể như:

- Tham gia các buổi hội thảo, giao lưu trực tuyến với nhà đầu tư để trực tiếp giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm.
- Phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận Quan hệ cổ đông và các Bộ phận liên quan nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư kịp thời, hiệu quả.
- Nâng cấp website công ty, cập nhật các thông tin tài chính cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Chủ động hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.
- Lập báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo thường niên tại cả phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài.

Thông tin và số điện thoại liên hệ trực tiếp của bộ phận IR được đăng tải trực tiếp tại chuyên mục “Quan hệ cổ đông” trên trang tin điện tử của Công ty.

Công bố thông tin và tính minh bạch

Tại BVSC, Công ty xây dựng một quy trình công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của các Sở giao dịch. Trang thông tin điện tử của Công ty là phương tiện công bố thông tin chính thống và hiệu quả, hỗ trợ đắc lực trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty. Để tạo điều kiện cho các cổ đông trong và ngoài nước tiếp cận các thông tin quan trọng của Công ty, Công ty xây dựng một chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông trên trang tin điện tử và được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tại chuyên mục Quan hệ cổ đông, bên cạnh những thông tin và tài liệu căn bản như Điều lệ, quy chế quản trị, quy chế tổ chức ĐHĐCĐ, các báo cáo thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán, thông tin về cổ đông và cổ phiếu… Công ty còn thiết kế chuyên mục “Công bố thông tin” để cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty. Thư mời, các tài liệu liên quan tới họp ĐHĐCĐ, thông báo đề cử ứng cử, dự thảo nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ…. đều được Công ty cập nhật lên chuyên mục Thông tin họp ĐHĐCĐ trước mỗi kỳ họp tối thiểu 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ.

Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông (IR) năm 2019 (Tiếp)

Lịch CBTT định kỳ trong năm 2019

18/01/2019	**29/01/2019**	**29/03/2019**	**18/04/2019**
Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2018	Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2018	Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2018	Báo cáo thường niên năm 2018
19/04/2019	**27/06/2019**	**19/07/2019**	**29/07/2019**
Báo cáo Tài chính, Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2019	CBTT định kỳ của tổ chức phát hành trái phiếu do-anh nghiệp	Báo cáo Tài chính, Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2019	Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 30.06.2019
29/07/2019	**14/08/2019**	**18/10/2019**	**24/12/2019**
Báo cáo quản trị Công ty niêm yết 06 tháng đầu năm 2019	Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo Tỷ lệ ATTC bán niên 2019 (đã soát xét)	Báo cáo Tài chính, Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2019	CBTT định kỳ của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Lịch CBTT khác trong năm 2019

19/02/2019	**22/02/2019**	**28/02/2019**	**22/04/2019**
Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019	Thay đổi nhân sự là Người nội bộ	Sửa đổi quyết định thành lập PGD Thanh Xuân – trực thuộc Trụ sở chính	Nghị quyết của HĐQT về việc điều chỉnh kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
06/06/2019	**07/06/2019**	**12/06/2019**	**20/06/2019**
Kế hoạch kinh doanh năm 2019	Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019 và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2019	Phụ lục sửa đổi Hợp đồng Kiểm toán 2019	Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
25/06/2019	**15/07/2019**	**30/09/2019**	**01/11/2019**
HĐQT phê duyệt cho Công ty ký kết các HĐ/ thỏa thuận/GD với NCLQ hoặc NCLQ của Người nội bộ Công ty	Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty	Nghị quyết của HĐQT và Ngày ĐKCC để thực hiện quyền thanh toán cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2018	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế
01/11/2019	**13/11/2019**	**06/12/2019**	
HĐQT giao nhiệm vụ Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2019	Điều chỉnh khối lượng trái phiếu phát hành tại các đợt chào bán	

**Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty và qua các hệ thống CBTT tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.*

Một số định hướng đối với hoạt động IR năm 2020

Năm 2020 là năm cuối cùng trong chiến lược hoạt động 5 năm giai đoạn 2015-2020 của Công ty, BVSC sẽ tiếp tục tập trung nâng cao hơn nữa hiệu quả và tính chuyên nghiệp hoạt động quan hệ nhà đầu tư với một số định hướng như sau:

- Tuân thủ tốt các quy định pháp luật về công bố thông tin trên TTCK.
- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông kết nối cổ đông & nhà đầu tư quan tâm thông qua tiếp xúc trực tiếp tại ĐHĐCĐ thường niên, toàn văn tài liệu ĐHCĐ thường niên công bố song ngữ Anh – Việt, tăng cường hợp tác để đẩy mạnh các cơ hội xúc tiến đầu tư vào TTCK Việt Nam và BVSC.
- Chủ động cung cấp thông tin kịp thời và minh bạch về tình hình kết quả hoạt động kinh doanh các quý, giải trình các biến động, các thay đổi về nhân sự... đối với các nhà đầu tư thông qua tiếp xúc trực tiếp và qua các kênh truyền thông đại chúng, website & fanpage của Công ty. Các nội dung thông tin công bố sẽ được thực hiện song song bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.
- Nâng cao công cụ tìm kiếm thông tin và khả năng tương tác trên chuyên mục quan hệ cổ đông tại website Công ty;

Để biết thêm thông tin, Quý cổ đông/ Nhà đầu tư vui lòng liên hệ:

Địa chỉ:
Trụ sở chính Công ty, số 72 phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Hotline:
(84-24)3.928 8080 (máy lẻ: 601)

Email:
info-bvsc@baoviet.com.vn

Website:
www.bvsc.com.vn

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của BVSC bao gồm 05 thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Lý do miễn nhiệm/ bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Kể từ ngày 29/11/2018 là Chủ tịch HĐQT BVSC.	Kiện toàn công tác nhân sự HĐQT
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Kể từ ngày 12/05/2016.	Kiện toàn công tác nhân sự HĐQT
3	Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015.	Bầu nhiệm kỳ mới 2015 - 2020
4	Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015.	Bầu nhiệm kỳ mới 2015 - 2020
5	Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Kể từ ngày 27/6/2017.	Bầu bổ sung TV HĐQT

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về Hội đồng Quản trị Công ty tại chương 2 mục 2 phần "Nhân sự chủ chốt – Hội đồng Quản trị" từ trang 30 tới trang 31 của báo cáo này.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Hiện tại, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả công tác quản trị và giám sát hoạt động của Công ty, HĐQT đã có Nghị quyết phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong việc thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty. Trong năm 2019, các thành viên HĐQT của nhiệm kỳ 2015-2020 đã thực hiện cập nhật và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch HĐQT

Phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách lĩnh vực chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; phụ trách lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý tài chính; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ông Nhữ Đình Hòa
TV. HĐQT - TGĐ

Trực tiếp và là người đứng đầu phụ trách hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ông Nguyễn Anh Tuấn
TV. HĐQT

Phụ trách lĩnh vực đầu tư mua sắm tài sản cố định, công nghệ thông tin, truyền thông và thương hiệu của Công ty; hỗ trợ việc phối hợp giữa Công ty với Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ông Nguyễn Quang Hưng
TV. HĐQT

Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty (ủy ban ALCO); quản lý rủi ro; pháp chế; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ông Lê Văn Bình
TV. HĐQT

Phụ trách mảng kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ngoài ra, với đặc thù là công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết, HĐQT đã thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá và tư vấn mang tính độc lập, khách quan về: sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ Công ty... Việc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao sự minh bạch trong quá trình hoạt động và gia tăng giá trị của Công ty, đồng thời đảm bảo tuân thủ Điều 36 Kiểm toán nội bộ của Thông tư 210/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Hiện nay, cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 có 4/5 thành viên không tham gia công tác điều hành, trong đó có một thành viên độc lập, thông qua việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động đối với mỗi thành viên cũng như vai trò của thành viên độc lập và hiệu quả hoạt động của Kiểm toán nội bộ, các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của BVSC.

Thư ký Công ty

Để giúp việc cho HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Ban thư ký Công ty bao gồm các cá nhân sau:

Bà Bùi Thị Mai Hiên

Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề

- Cử nhân Luật
- Thạc sỹ QTKD
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/QLQ do UBCKNN cấp
- Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013

Kinh nghiệm tại BVSC

15 năm làm việc tại BVSC

Ngày được bổ nhiệm

26/09/2013

Ông Vũ Duy Vương

Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề

- Cử nhân Luật kinh doanh
- Chứng chỉ tốt nghiệp Đào tạo nghiệp vụ luật sư số: 15814/2012/LS ngày 25/04/2013

Kinh nghiệm tại BVSC

9 năm làm việc tại BVSC

Ngày được bổ nhiệm

10/09/2018

Người phụ trách quản trị công ty

Tuân thủ quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết theo quy định tại Điều 18 Người phụ trách quản trị công ty của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP, HĐQT bổ nhiệm ông Vũ Duy Vương Thư ký công ty đồng thời là Người phụ trách quản trị công ty.

Đào tạo về Quản trị Công ty

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký và người phụ trách quản trị công ty và các cán bộ quản lý khác thường xuyên cập nhật nghiên cứu quy định pháp luật và tham khảo các thông lệ tốt từ mô hình quản trị tiên tiến của các DNNY trên TTCK Việt Nam, tham gia các khóa đào tạo, diễn đàn, hội thảo liên quan đến quản trị công ty, chủ động sử dụng các công cụ được khuyến nghị như Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam; Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN; Quy chế CAMEL để nâng cao chuẩn mực và thực tiễn thực hành quản trị tại BVSC.

Danh sách thành viên có chứng chỉ Quản trị Công ty:

Ông Lê Văn Bình — Chứng chỉ số 06/QĐ229-TTNC ngày 05/09/2013;
Thành viên HĐQT

Ông Nhữ Đình Hòa — Chứng chỉ số 10/QĐ193-TTNC ngày 31/07/2013;
Thành viên HĐQT

Bà Bùi Thị Mai Hiên — Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013.
Thư ký công ty

Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019

Trong bối cảnh Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019 tuy tăng điểm nhưng không sôi động, thanh khoản trên thị trường ở mức thấp đạt 4.659 tỷ đồng/phiên giảm 28,80% so với năm 2018 do những lo ngại về bất ổn thương mại quốc tế, đặc biệt là căng thẳng thương mại Mỹ - Trung; thông tư 128 của Bộ Tài chính điều chỉnh chính sách giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán có hiệu lực tạo áp lực cạnh tranh lớn, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của BVSC. Thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình được quy định tại Điều lệ công ty cũng như được ĐHĐCĐ thường niên giao, trong năm 2019 HĐQT đã thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để có những chỉ đạo và quyết sách kịp thời và toàn diện đối với các mảng hoạt động của Công ty. Các hoạt động của HĐQT diễn ra trong năm như sau:

Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên

HĐQT đã triệu tập thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/06/2019. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thông qua các vấn đề quan trọng do HĐQT trình về kế hoạch kinh doanh và phân phối lợi nhuận, việc chia cổ tức, chế độ thù lao, Điều lệ và quy chế quản trị công ty.
Chi tiết các vấn đề được thông qua xem thêm tại mục ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 từ trang 40 đến trang 41 báo cáo này

Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền

HĐQT thông qua chính sách và các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty. Để xem xét quyết định các vấn đề một cách cẩn trọng và hiệu quả, HĐQT thực hiện thông qua các phương thức sau:

Tổ chức các cuộc họp của HĐQT để thảo luận thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT:

Thực hiện theo Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Kế hoạch công tác năm 2019, HĐQT đã tổ chức bốn (04) cuộc họp, định kỳ mỗi quý một (01) cuộc họp, tất cả các cuộc họp này đều mời Ban Kiểm soát và Ban điều hành tham dự. Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty, quy định của Pháp luật. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Kể từ ngày 29/11/2018 là Chủ tịch HĐQT BVSC.	04	100%	
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Kể từ ngày 12/05/2016	04 (có 01 lần UQ tham dự họp)	100%	
3	Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	04	100%	
4	Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015	04	100%	
5	Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Kể từ ngày 27/6/2017	03	75%	Lý do cá nhân

Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019 (Tiếp)

Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền (Tiếp)

Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định giải quyết các đề xuất, các nội dung thuộc thẩm quyền:

Ngoài việc tổ chức các phiên họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để quyết định các vấn đề Ban Tổng Giám đốc Công ty đề xuất: phê duyệt ban hành chính sách và hạn mức rủi ro năm 2019; kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản, tiền lương, phát hành trái phiếu, các đề xuất liên quan tới hoạt động đầu tư tự doanh và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Trong năm, HĐQT tiến hành 24 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

Năm 2019, HĐQT ban hành 31 Nghị quyết quan trọng, tập trung vào giải quyết và chỉ đạo các nội dung liên quan tới triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2019; tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019; đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản, kế hoạch tiền lương, kế hoạch tự doanh năm 2019; phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2019, phê duyệt việc thành lập Hội đồng đầu tư, phê duyệt nhân sự điều hành Chi nhánh cũng như các nội dung khác liên quan việc quản trị công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Công ty đã thực hiện công bố chi tiết các Nghị quyết HĐQT trong năm tại Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết năm 2019 được Công ty phát hành ngày 30/01/2020 và hiện đang lưu trữ tại trang tin điện tử của Công ty www.bvsc.com.vn.

Ngoài việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo phân công, thông qua các kỳ họp HĐQT, cho ý kiến trả lời đối với các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT, các thành viên HĐQT còn tham gia các cuộc họp nội bộ của Công ty như: cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản trị rủi ro (RMC); cuộc họp của ủy ban ALCO hay cuộc họp của hội đồng đầu tư. Các thành viên HĐQT đã trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trên thị trường, cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế.

Đánh giá hoạt động ủy ban RMC & ALCO năm 2019

Theo phân công nhiệm vụ, ông Nguyễn Quang Hưng – thành viên HĐQT phụ trách ủy ban ALCO và hoạt động quản trị rủi ro của Công ty. Năm 2019, ông Hưng đã trực tiếp tham gia và chỉ đạo tại các cuộc họp RMC và ALCO với những nội dung như sau:

Hoạt động của RMC

07/03/2019

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần thứ 4 năm 2018.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý IV/2018 và nhận diện xu hướng rủi ro quý I/2019.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý I/2019.
- Lịch họp Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro năm 2019.

06/06/2019

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 1 năm 2019.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý I/2019 và nhận diện xu hướng rủi ro quý II và quý III/2019.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý II và quý III/2019.
- Lập kế hoạch thực hiện Đăng ký rủi ro và Khảo sát văn hóa tuân thủ tại tất cả các phòng nghiệp vụ trong công ty trong quý III/2019.

27/08/2019

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp ngày lần 2 năm 2019.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý II/2019 và nhận diện xu hướng rủi ro quý III và quý IV/2019.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý III và quý IV/2019.
- Báo cáo kết quả Khảo sát văn hóa tuân thủ và tiến độ Đăng ký rủi ro tại tất cả các phòng nghiệp vụ trong công ty.

28/11/2019

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp ngày lần 3.2019.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động trong quý III/2019. Nhận diện xu hướng rủi ro quý IV/2019 và quý I/2020.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý IV/2019 và quý I/2020.
- Báo cáo kết quả Đăng ký rủi ro năm 2019 tại tất cả các phòng nghiệp vụ của Công ty.
- Lập kế hoạch rà soát, cập nhật Chính sách rủi ro 2020 và Hạn mức rủi ro 2020 để trình HĐQT phê duyệt và các báo cáo về QTRR gửi cơ quan quản lý Nhà nước.
- Lịch họp Hội đồng quản lý rủi ro năm 2020.

03/2019 | 06/2019 | 07/2019 | 08/2019 | 11/2019

Hoạt động ủy ban ALCO

05/07/2019

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ số KPIs Quý I & Quý II năm 2019; Phân tích các chỉ tiêu về Tài sản nợ - Tài sản có của BVSC

Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019 (Tiếp)

Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2019

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 16 của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP, HĐQT yêu cầu Thành viên độc lập HĐQT có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT trong năm 2019, cụ thể như sau:

- Mức độ tuân thủ và hiệu quả trong cơ cấu quản trị Công ty: Với 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có một thành viên độc lập, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, cơ cấu HĐQT BVSC đáp ứng tốt các tiêu chí tuân thủ quy định pháp luật. Nhằm phát huy tối đa vai trò gắn với thế mạnh của từng thành viên, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động của Công ty đối với từng thành viên HĐQT, nên các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý để rà soát và nắm bắt và ra quyết định kịp thời đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, để giải quyết các kiến nghị và đề xuất của Công ty giữa các kỳ họp, HĐQT tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Các Nghị quyết của HĐQT đã đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT, giải quyết kịp thời các nhu cầu của Công ty trong hoạt động kinh doanh và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

- Các phiên họp định kỳ do Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban điều hành; đồng thời các nội dung lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đều được cung cấp đầy đủ tới BKS. Qua đó, BKS thường xuyên có ý kiến kịp thời tới HĐQT về các nội dung được cung cấp. Thông qua những hoạt động này, BKS đã phát huy tốt vai trò giám sát của mình để đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm đều được thực hiện cẩn trọng trên nguyên tắc đảm bảo tối đa lợi ích của Công ty và cổ đông.

- Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ; bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng diễn biến của thị trường chứng khoán với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của BVSC.

- Các thành viên HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành là không đồng thời làm thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được HĐQT phân công, đồng thời công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Thành viên HĐQT và những người có liên quan của các thành viên này không sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên được bầu từ ĐHĐCĐ thường niên 2015 với các thành viên như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Lý do miễn nhiệm/ bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	Kể từ ngày 15/04/2015	Bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Kể từ ngày 15/04/2015	Bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020
3	Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Kể từ ngày 15/4/2015.	Bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020

Thông tin về các thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 - 2020 vui lòng xem thêm tại Phần Nhân sự chủ chốt – chương II mục 02 tại trang 32 báo cáo này.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2019, Ban Kiểm soát tiến hành bốn (04) cuộc họp. Các cuộc họp này đều đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty và Pháp luật. Cụ thể như sau

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên BKS tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp Quý I/2019 ngày 26/03/2019	• Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2018 và ước thực hiện kết quả kinh doanh Quý I/2019; • Thông qua nội dung Thông báo của BKS về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018 của BVSC; • Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS giữa 02 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2018 – 2019; • Kế hoạch hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2019 - 2020; • Các nội dung khác.	3/3	100%
Phiên họp Quý II/2019 ngày 27/06/2019	• Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 2019; • Kế hoạch công tác Quý III năm 2019 của BKS.	3/3	100%
Phiên họp Quý III /2019 ngày 26/09/2019	• Ghi nhận ước thực hiện kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019; • Kế hoạch công tác kiểm tra của BKS đối với hoạt động của BVSC giai đoạn 09 tháng đầu năm 2019.	3/3	100%
Phiên họp Quý IV /2019 ngày 10/11/2019	• Thông qua dự thảo Biên bản Kiểm tra của BKS đối với hoạt động của BVSC giai đoạn 09 tháng đầu năm 2019; • Xây dựng kế hoạch giám sát tài chính năm 2020 đối với BVSC.	3/3	100%

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019 (Tiếp)

Hoạt động Ban kiểm soát

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ công ty, Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát BVSC, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019, Ban Kiểm soát triển khai các hoạt động sau:

Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành Công ty:

- BKS thực hiện giám sát, kiểm tra, kiểm soát theo định kỳ việc chấp hành các quy định của Pháp luật, tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về QTCT, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, việc tuân thủ các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty trong công tác quản trị và điều hành Công ty của HĐQT và Ban Điều hành;

- BKS tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành, kiến nghị HĐQT và Ban Điều hành một số biện pháp trong tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty

Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính tại Công ty:

- BKS rà soát, thẩm định và thống nhất ý kiến đối với các Báo cáo Tài chính ("BCTC") năm 2019 của BVSC theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán TNHH Ernst&Young Việt Nam ("Ernst&Young Việt Nam") sẽ trình ra ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua;

- BKS xem xét Thư quản lý năm 2018 của Ernst&Young Việt Nam và theo dõi tình hình thực hiện của Công ty;

- BKS kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

Giám sát các hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty

- Báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 về kết quả giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2018 của Công ty; trình Kế hoạch hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019-2020;

- BKS thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018 và 9 tháng năm 2019 của BVSC và đưa ra các kiến nghị đối với Ban Điều hành Công ty;

- BKS kiến nghị HĐQT, Ban Điều hành các biện pháp tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

- BKS kiến nghị HĐQT, Ban Điều hành rà soát, tăng cường theo dõi, quản lý đối với các khoản công nợ của Công ty;

- BKS kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đánh giá của Ban Kiểm soát về hoạt động của Công ty trong năm 2019

Kết quả giám sát tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty

Năm 2019, BKS đánh giá cao về việc Công ty đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để xây dựng những mục tiêu chiến lược, đề ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, đúng đắn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững và hoàn thành kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 giao, cũng như tổ chức thành công các hoạt động chào mừng 20 năm ngày thành lập Công ty.

Thông tin về kết quả kinh doanh năm 2019 vui lòng xem thêm tại Phần Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc - Chương III từ trang 93 đến trang 100 báo cáo này.

Kết quả giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

Các BCTC quý, bán niên và cả năm 2019 đã được Công ty trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính theo đúng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam nói chung và đối với các công ty chứng khoán nói riêng. Các BCTC bán niên, cả năm 2019 đã được soát xét/kiểm toán bởi Ernst & Young Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Ban Kiểm soát thống nhất ý kiến với các kiểm toán viên độc lập là các BCTC năm 2019 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019; cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019 (Tiếp)

Đánh giá của Ban Kiểm soát về hoạt động của Công ty trong năm 2019

Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban điều hành

Về hoạt động của Hội đồng Quản trị

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Để thực hiện thành công Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, HĐQT đã luôn chủ động bám sát diễn biến thị trường chứng khoán trong nước, cũng như thế giới và thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết, quyết sách mang tính chiến lược, định hướng cho hoạt động của Ban điều hành với mục tiêu cao nhất hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được ĐHĐCĐ giao.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời phê duyệt, ra quyết sách chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty bám sát với diễn biến của thị trường chứng khoán, thực tiễn kinh doanh.

- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao với phương châm tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật, Điều lệ công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty nhằm đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời phục vụ hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

- Các Nghị quyết và các quyết sách của HĐQT luôn đã đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của Công ty; đồng thời tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; quy định của Pháp luật có liên quan.

- Qua quá trình giám sát, BKS thấy rằng: HĐQT đã hoạt động đúng thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về QTCT, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật; HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý Công ty; BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong hoạt động quản trị, quản lý của HĐQT nói chung và các Thành viên HĐQT nói riêng.

Về hoạt động của Ban điều hành

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Ban điều hành là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh chứng khoán; luôn nỗ lực tối đa với quyết tâm cao nhất trong việc triển khai thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty;

- Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, định kỳ hàng tháng, hàng quý Ban Điều hành đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng, trong quý và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng, của quý tiếp theo báo cáo HĐQT và BKS;

- Ban Điều hành luôn thực hiện cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

- Qua quá trình giám sát, BKS thấy rằng: căn cứ vào tình hình diễn biến của thị trường chứng khoán, Ban điều hành luôn chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đề ra những giải pháp, quyết sách đúng đắn và hiệu quả nhằm duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và bền vững; không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong quá trình điều hành Công ty của Ban Điều hành.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

- Giữa HĐQT, BKS và Ban Điều hành Công ty luôn duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ và thông suốt trên các nguyên tắc: bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty; hài hòa lợi ích giữa cổ đông và người lao động Công ty; đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của BVSC.

- Đối với cổ đông: Năm 2019, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.

Thù lao và chi phí hoạt động của BKS và từng Kiểm soát viên năm 2019

- Năm 2019, các Kiểm soát viên đã nhận thù lao và các khoản lợi ích khác tuân thủ theo Nghị quyết số: 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua vào ngày 20/06/2019.

Chi tiết việc chi trả thù lao & các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên vui lòng xem thêm tại Chương II từ trang 72 đến trang 73 của báo cáo này

- Chi phí hoạt động của BKS năm 2019: Tuân thủ Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty; Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2020 – 2021

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật, Ban Kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2020 – 2021 như sau:

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy trình kiểm tra, kiểm soát và các quy định liên quan đến hoạt động của BKS;

- Thực hiện tốt chức năng giám sát công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Điều hành thông qua công tác kiểm soát định kỳ, tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty;

- Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và công tác lập và kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; Giám sát việc thực hiện Thư quản lý năm 2019 của Kiểm toán độc lập;

- Nghiên cứu, cập nhật các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật.

Mô hình quản lý rủi ro "Ba tầng phòng vệ"

BVSC áp dụng mô hình quản lý rủi ro "Ba tầng phòng vệ" cho phép phân tách trách nhiệm giữa các bộ phận kinh doanh, bộ phận quản lý rủi ro và bộ phận kiểm toán/kiểm soát nội bộ, hỗ trợ tốt hơn cho công tác phát triển kinh doanh trong khi vẫn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc quản lý rủi ro và được vận hành một cách hiệu quả và chặt chẽ tại BVSC.

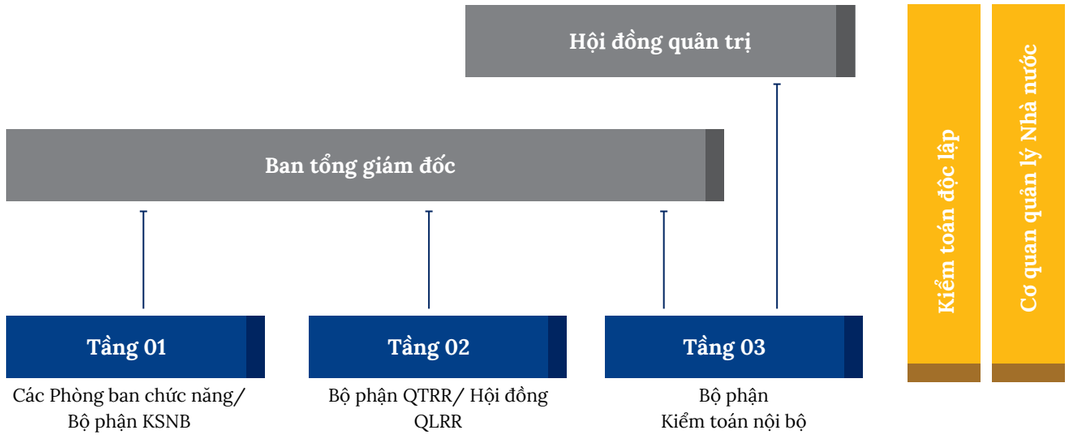

Tầng phòng vệ thứ nhất là các Phòng ban chức năng/bộ phận kinh doanh trực tiếp và bộ phận KSNB. Nhiệm vụ chính của các Phòng ban này là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của các biện pháp quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ tại các Phòng ban.

Tầng phòng vệ thứ hai bao gồm bộ phận QTRR và Hội đồng QLRR. Nhiệm vụ của tuyến này là xây dựng chính sách, quy trình, hướng dẫn về quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ; thực hiện giám sát, kiểm tra tính tuân thủ và cung cấp tư vấn, phản biện đối với Tuyến phòng thủ thứ nhất; quản trị rủi ro thông qua việc thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro cũng như theo dõi, quản lý danh mục rủi ro và cảnh báo sớm.

Tầng phòng vệ thứ ba là bộ phận Kiểm toán nội bộ, đây là bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị. Bộ phận có nhiệm vụ kiểm tra độc lập, khách quan đối với tuyến phòng thủ thứ nhất và thứ hai nhằm hỗ trợ các tuyến phòng thủ này cải thiện hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, qua đó, hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cải thiện công tác quản trị doanh nghiệp, bảo vệ tài sản, danh tiếng và sự bền vững của Công ty.

Kiểm toán nội bộ

Chức năng, nhiệm vụ

Bộ phận KTNB thuộc "tầng phòng vệ thứ ba" trong hệ thống quản trị rủi ro. Bộ phận Kiểm toán nội bộ cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc BVSC đảm bảo sự phù hợp và tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của HĐQT, các chính sách và quy trình nội bộ tại BVSC.

Quy trình kiểm toán nội bộ

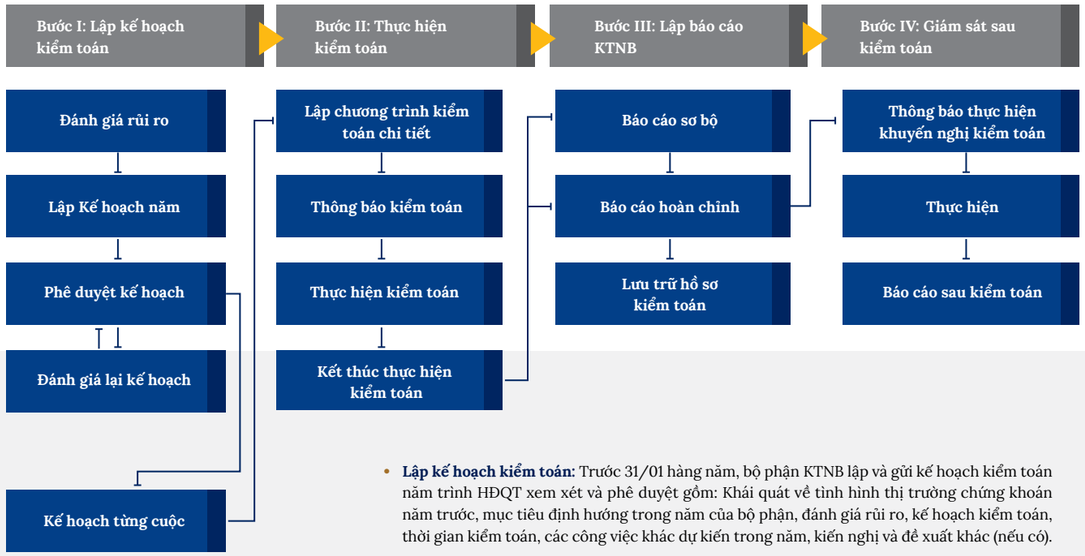

- **Lập kế hoạch kiểm toán:** Trước 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB lập và gửi kế hoạch kiểm toán năm trình HĐQT xem xét và phê duyệt gồm: Khái quát về tình hình thị trường chứng khoán năm trước, mục tiêu định hướng trong năm của bộ phận, đánh giá rủi ro, kế hoạch kiểm toán, thời gian kiểm toán, các công việc khác dự kiến trong năm, kiến nghị và đề xuất khác (nếu có).

- **Thực hiện kiểm toán:** Bộ phận KTNB lập chương trình kế hoạch chi tiết cuộc kiểm toán và thông báo tới đối tượng được kiểm toán về thời gian thực hiện, căn cứ thực hiện, phạm vi thực hiện, phương pháp thực hiện, nhân sự tham gia, các yêu cầu cung cấp hồ sơ... Trên cơ sở đó, bộ phận KTNB triển khai thực hiện kiểm toán bao gồm các công việc: thiết kế các thử nghiệm kiểm soát; thực hiện các thử nghiệm kiểm soát; chọn mẫu kiểm toán; soát xét chứng từ trong quá trình thực hiện kiểm toán, từ đó, xác định các phát hiện trong quá trình kiểm toán; kết thúc cuộc kiểm toán (thỏa luận và thống nhất các nội dung phát hiện với đơn vị được kiểm toán, hoàn tất các hồ sơ, tài liệu của cuộc kiểm toán).

- **Lập báo cáo kiểm toán nội bộ:**
  - **Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo kiểm toán từng cuộc kiểm toán:** Báo cáo phải trình bày đầy đủ nội dung và kết quả kiểm toán theo mục tiêu, yêu cầu đã đề ra cho từng cuộc kiểm toán; đề xuất các khuyến nghị, các biện pháp xử lý các sai sót, các giải pháp cần thiết để hoàn thiện hệ thống KSNB, cải tiến quy trình nghiệp vụ, các cơ chế chính sách chế độ của Nhà nước (nếu có)... từ đó nâng cao tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của Công ty trong tương lai.
  - **Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo KTNB hàng năm:** Trước ngày 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB gửi báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm trước và kế hoạch KTNB năm tiếp theo lên HĐQT.
  - **Bộ phận KTNB thực hiện báo cáo khác theo yêu cầu từ HĐQT phát sinh trong năm.**

- **Giám sát sau kiểm toán:** Đây là bước cuối cùng của quy trình KTNB tại BVSC nhằm đảm bảo đối tượng được kiểm toán thực hiện các hành động khắc phục hoặc cải thiện theo những khuyến nghị tại báo cáo kiểm toán. Trong trường hợp đối tượng kiểm toán không đưa ra các biện pháp chỉnh sửa, hoàn thiện, bộ phận KTNB phải yêu cầu làm rõ và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Hoạt động KTNB 2019

Trong năm 2019 vừa qua, bộ phận KTNB tại BVSC tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB Công ty trong việc thực hiện các kỳ kiểm toán định kỳ đối với một số hoạt động, nghiệp vụ trọng yếu liên quan tới công tác quản lý tiền, tài sản của khách hàng và Công ty. Sự phối hợp giữa 02 bộ phận giúp tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tránh trùng lặp về nội dung và phạm vi công việc giữa các cuộc KTNB và KSNB, tiết kiệm thời gian làm việc của các phòng nghiệp vụ trong Công ty; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng giữa 02 bộ phận.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị, trong năm 2019, bộ phận kiểm toán nội bộ BVSC đã hoàn thành các cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

Đối tượng kiểm toán	Nội dung
Phòng Tài chính Kế toán Phòng Tổng hợp	Kiểm toán tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ và quy trình mua sắm quản lý Tài sản tại Trụ Sở
Phòng Công nghệ thông tin	Kiểm toán tuân thủ Quy trình Vận hành hệ thống CNTT, cấp quyền truy cập cho đối tác, cập nhật phần mềm giao dịch chứng khoán và các quy định của Sở giao dịch chứng khoán về hạ tầng công nghệ thông tin
Phòng Đầu Tư	Kiểm toán tuân thủ hoạt động đầu tư tự doanh trong việc triển khai nhiệm vụ đầu tư cổ phiếu – CCQ niêm yết theo quy định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.
Các Phòng Giao dịch và Khách hàng tổ chức	Kiểm toán tuân thủ giao dịch liên quan hoạt động Ủy quyền Giao dịch chứng khoán tại Trụ Sở Công ty
Phòng Tổng Hợp Phòng Quản lý giao dịch Phòng Tài chính kế toán	Kiểm toán tuân thủ trong công tác khai báo và tính toán chi trả thu nhập cho nhân viên Phát triển khách hàng tại Trụ sở Công ty
Phòng Lưu ký Phòng Tài chính kế toán	Kiểm toán tuân thủ công tác tiếp nhận, thực hiện hạch toán các giao dịch tiền và ký gửi/chuyển khoản chứng khoán của Khách hàng tại Trụ sở Công ty
Các Phòng Giao dịch và Khách hàng tổ chức	Kiểm toán các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng có đăng ký TKNH chuyển khoản ra ngoài khác chủ tài khoản.
Các báo cáo khác - Các Báo cáo tra soát nhanh phát sinh theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và đề nghị của Ban Tổng Giám đốc để đem lại các thông tin nhanh chóng và hiệu quả phục vụ công tác quản trị, - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm 2018 và dự kiến kế hoạch KTNB cho năm 2019, - Báo cáo phòng chống rửa tiền năm 2019.	

Kết quả năm 2019 không ghi nhận sự kiện rủi ro hoặc vi phạm tuân thủ nào mang tính trọng yếu đối với các hoạt động được kiểm toán. Công tác tuân thủ theo quy trình và chính sách pháp luật được cán bộ nhân viên Công ty thực hiện tốt. Các sai sót trong quá trình tác nghiệp đều được các phòng nghiệp vụ chỉnh sửa sau khi có ý kiến của Kiểm toán nội bộ, giúp cải thiện và nâng cao hơn chất lượng công việc sau các kỳ tra soát.

Kết quả năm 2019 không ghi nhận sự kiện rủi ro hoặc vi phạm tuân thủ nào

Kế hoạch kiểm toán nội bộ 2020

Ghi nhận từ kết quả các cuộc kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong năm 2019; tham khảo báo cáo rủi ro hàng tháng cùng báo cáo quý từ các cuộc họp của Hội đồng quản lý rủi ro BVSC, bộ phận KTNB nhận thấy các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của BVSC được đánh giá ở mức độ thấp và trung bình. Từ đánh giá này, bộ phận KTNB xây dựng kế hoạch KNTB năm 2020 là tiếp tục nghiên cứu và đề xuất triển khai các hoạt động kiểm toán theo định kỳ, phối hợp với bộ phận KSNB để xây dựng kế hoạch kiểm toán cho các năm tiếp theo, hoàn thành các công việc HĐQT đã giao theo đúng kế hoạch.

Quản trị rủi ro

Các rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro BVSC, đánh giá HĐ QTRR trong năm 2019 và định hướng 2020

Nằm trong "tầng phòng vệ thứ hai" của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, bộ phận QTRR chịu trách nhiệm tổng hợp các báo cáo, thông tin về rủi ro từ các phòng chức năng và bộ phận KSNB

Nằm trong "tầng phòng vệ thứ hai" của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, bộ phận QTRR chịu trách nhiệm tổng hợp các báo cáo, thông tin về rủi ro từ các phòng chức năng và bộ phận KSNB nhằm nhận diện, đánh giá, tổng hợp ý kiến và đưa ra đề xuất về những giải pháp cho các vấn đề liên quan để Ban Tổng Giám đốc quyết định, xử lý. Định kỳ, Công ty tiến hành nhóm họp nhằm đánh giá lại các vấn đề phát sinh trong kỳ, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động QTRR; từ đó, đưa ra những giải pháp, cũng như kế hoạch hành động liên quan đến QTRR của toàn Công ty. Bộ phận QTRR là nơi quản lý những rủi ro tổng thể, rủi ro tích tụ, đồng thời cũng là nơi hệ thống lại những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty để nhận diện rủi ro nhằm đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp.

Để quản trị rủi ro tại BVSC, BVSC đã xây dựng chính sách rủi ro hàng năm phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. BVSC đã xác định khẩu vị rủi ro của Công ty đó là chấp nhận rủi ro ở mức thấp và trung bình. Mức trung bình mà BVSC chấp nhận là do hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động bởi tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán. Các loại rủi ro BVSC nhận diện và chủ động quản trị gồm 6 rủi ro chính là: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý và rủi ro danh tiếng. Và do tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán nên phương pháp xác định rủi ro để quản trị rủi ro tại BVSC theo tiêu chí định lượng và định tính, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ ảnh hưởng khi xảy ra rủi ro.

Rủi ro thị trường 01

Nhận diện

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản hay trách nhiệm của BVSC theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường xuất phát từ những khoản đầu tư mà lợi nhuận từ khoản đầu tư đó không được như kỳ vọng ban đầu do những biến động của thị trường.

Phương pháp xác định

- **Phương pháp trao đổi, thảo luận, đánh giá và báo cáo đa chiều** giữa các phòng nghiệp vụ có liên quan để đánh giá về biến động của nhân tố rủi ro chung (rủi ro hệ thống) của rủi ro thị trường như: lãi suất trên thị trường ngân hàng; chỉ số VN-Index; mức tăng trưởng GDP... Những rủi ro hệ thống cần được xác định trước khi tiến hành các bước tiếp theo để xác định rủi ro.

- **Phương pháp theo dõi và phân tích thường xuyên** áp dụng với những khoản đầu tư cụ thể (rủi ro phi hệ thống) như: Lãi suất tương ứng với các kỳ hạn tại từng ngân hàng; Biến động về giá cổ phiếu; Tình hình hoạt động và tài chính của doanh nghiệp. Một hoặc một số các mô hình phân tích: SWOT, công thức Dupont, mô hình PESTEL... có thể được sử dụng để xác định rủi ro cụ thể đối với tài sản BVSC có ý định đầu tư.

Biện pháp quản trị

Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro liên quan đến biến động về giá cổ phiếu, lãi suất tiền gửi.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng danh mục đầu tư cổ phiếu. Bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức rủi ro áp dụng với hoạt động đầu tư do HĐQT phê duyệt, Công ty còn chú trọng vào phân tích các yếu tố cơ bản và kỹ thuật khác khi lựa chọn cổ phiếu đầu tư.

Công cụ đánh giá rủi ro mà BVSC sử dụng là phân tích kịch bản (scenario analysis) và tính toán VAR. Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường, theo những mức độ rủi ro thị trường khác nhau, những tác động tới danh mục đầu tư cổ phiếu cũng như kết quả kinh doanh của Công ty được đánh giá, lượng hóa một cách thường xuyên và chủ động.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức độ thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, để nhằm giảm tác động của biến động lãi suất lên danh mục tiền gửi, trong năm 2019, Công ty đã chủ động cơ cấu lại danh mục đầu tư tiền gửi. Kết quả là năm 2019, công ty không gặp phải bất cứ sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch kinh doanh cũng như kết quả đầu tư.

Rủi ro tín dụng 02

Nhận diện

Đây là rủi ro xảy ra khi đối tác của BVSC không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chi trả hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian cam kết.

Phương pháp xác định

Rủi ro tín dụng được nhận diện theo từng đối tác và từng danh mục công nợ, bao quát các nghiệp vụ được đánh giá có tiềm ẩn rủi ro thanh toán. Ví dụ, đối với rủi ro tín dụng trong nghiệp vụ giao dịch ký quỹ, năng lực tài chính mức độ tín nhiệm của khách hàng được đánh giá thông qua các tiêu chí định lượng như giá trị tài sản ròng, thời gian và giá trị giao dịch trước đó, tỷ lệ ký quỹ thực tế của món vay... và các tiêu chí định tính bổ sung như đánh giá tiềm năng về mối quan hệ, khả năng tài chính của khách hàng... Rủi ro tín dụng trong nghiệp vụ đầu tư trái phiếu được đánh giá qua các chỉ tiêu tài chính của tổ chức phát hành như phân tích tình hình tài chính; dự báo dòng tiền của doanh nghiệp để đánh giá khả năng trả gốc và lãi khi đến hạn; tỷ lệ giá trị tài sản đảm bảo so với tổng giá trị trái phiếu phát hành...

Biện pháp quản trị

Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây thiệt hại/tổn thất trong các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ. Để phòng ngừa, BVSC đã nhận diện, đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro đối với các hoạt động mà rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới. Cụ thể:

Đối với hoạt động tiền gửi có kỳ hạn

BVSC tuân thủ theo Hạn mức tiền gửi/hạn mức rủi ro tín dụng mà HĐQT phê duyệt hàng năm. Bên cạnh đó, BVSC cũng lựa chọn các ngân hàng đối tác được xếp hạng tín dụng tốt theo đánh giá xếp hạng của Tập đoàn Bảo Việt.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu

Đối với cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do HĐQT quy định. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau quá trình thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, trái phiếu doanh nghiệp cần được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và BVSC đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro thanh toán của Tổ chức phát hành.

Đối với hoạt động giao dịch ký quỹ

Công ty tiếp tục duy trì các chính sách quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có dấu hiệu rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành.
- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 87/2017/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về Giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán.
- Định kỳ rà soát danh mục và hạn mức giao dịch ký quỹ cho từng cổ phiếu
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, tuân thủ công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho Công ty trong quá trình cho vay ký quỹ.

Rủi ro thanh khoản 03

Nhận diện

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi BVSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, chi trả cho khách hàng, đối tác.

Phương pháp xác định

Rủi ro thanh khoản được xác định thông qua đánh giá tình hình tài chính và triển vọng kinh doanh của BVSC. Ngoài ra, tính thanh khoản và biến động về giá, khối lượng giao dịch của chứng khoán so với thị trường được đo lường, theo dõi và giám sát trong thời gian ít nhất là 03 tháng gần nhất.

Biện pháp quản trị

Với BVSC, đây là rủi ro được đánh giá ở mức độ rất thấp do Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư. BVSC luôn thực hiện đầy đủ chính xác các nghĩa vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, các Sở Giao dịch và các khách hàng giao dịch chứng khoán. Nếu tiêu chí An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của Công ty chứng khoán thì tại BVSC trong năm 2019, tỷ lệ này tiếp tục đạt mức trung bình của cả năm trên 700%, vượt xa tỷ lệ quy định 180% của Bộ Tài chính.

Rủi ro hoạt động

04

Nhận diện

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất có nguyên nhân từ quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty vận hành không đúng, cố tình làm sai hoặc do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài đem lại.

Phương pháp xác định

- **Phương pháp xác định rủi ro dựa vào mục tiêu:** Cần xem xét những yếu tố khiến BVSC có khả năng không đạt được mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trong hoạt động môi giới và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư: trình độ chuyên môn của cán bộ môi giới, cán bộ tư vấn; cập nhật sản phẩm và chất lượng các gói dịch vụ. Với mục tiêu đảm bảo việc vận hành ổn định của hệ thống công nghệ thông tin, các kịch bản sự cố liên quan tới lỗi hệ thống phần mềm, lỗi đường truyền, lỗi kỹ thuật khác trong hệ thống công nghệ thông tin được xây dựng để có biện pháp xử lý hiệu quả và kịp thời.

- **Phương pháp xác định rủi ro dựa vào tình huống:** Phương pháp này cần đặt ra giả thiết về tình huống có thể xảy ra trong thực tế, từ đó xem xét các phương tiện kỹ thuật, năng lực cán bộ trong các phòng để có thể xử lý hoặc giải quyết những tình huống này hay không.

- **Phương pháp xác định rủi ro dựa vào kinh nghiệm và tiền lệ:** Trong một số tình huống đã từng xảy ra trong quá khứ, cần dựa vào kinh nghiệm và tiền lệ đã xảy ra để nhận diện và đánh giá các rủi ro. Các biện pháp đã từng áp dụng trong quá khứ cần được phân tích kỹ lưỡng, nếu là giải pháp hợp lý có thể coi là tiền lệ để áp dụng cho các rủi ro tương tự về sau.

- **Phương pháp hỗn hợp để xác định rủi ro:** Phương pháp này áp dụng kết hợp nhiều phương pháp ở trên nhằm nhận diện những rủi ro tiềm ẩn, khả năng xảy ra cũng như mức độ tác động. Biện pháp hỗn hợp được sử dụng thông qua việc rà soát định kỳ hàng năm tiến hành bởi KSNB và QTRR đối với tất cả các Phòng ban chức năng. Qua việc tiến hành rà soát về quy trình, quy chế, chức năng nhiệm vụ và tính tuân thủ, những rủi ro tiềm ẩn có thể được xác định và đánh giá. Đồng thời, kết hợp với việc đánh giá rủi ro qua mục tiêu, nhiệm vụ phòng, các tình huống rủi ro có thể được nhận diện; từ đó, các phương án xử lý khi phát sinh biến cố không lường trước được đưa ra xem xét

Biện pháp quản trị

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 04 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.

Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo Công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là một công ty đại chúng, BVSC có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp. Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong 4 công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức hậu kiểm báo cáo thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán tại BVSC. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán (FLEX); phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

Rủi ro con người

Rủi ro này được BVSC kiểm soát tốt do Công ty đã có một quá trình hoạt động lâu dài và xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn - đào tạo - huấn luyện và kiểm soát đánh giá công việc chặt chẽ. Bên cạnh đó, từ năm 2008, Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định tại Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Do đó, đối với cán bộ làm việc tại BVSC, ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp luôn được ưu tiên hàng đầu.

Rủi ro quy trình/thủ tục

Rủi ro quy trình/thủ tục là một trong những rủi ro mà Công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Nhận diện được mức độ trọng yếu của rủi ro này nên khi bắt đầu triển khai bất kỳ một hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành các quy trình, hướng dẫn tác nghiệp cụ thể, chi tiết, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành theo đúng theo quy trình đề ra. Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, bộ phận KTNB phối hợp với bộ phận KSNB của Công ty định kỳ tổ chức các đợt rà soát, kiểm tra tuân thủ nhằm đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình so với thực tiễn công việc, đồng thời phân tích khả năng xảy ra rủi ro để từ đó có thể hoàn thiện quy trình tốt hơn, phù hợp hơn với các quy định pháp luật, quy chế và chính sách của Công ty.

Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Tại BVSC, rủi ro này được đánh giá ở mức độ trung bình thấp bởi rủi ro đã được quản trị qua những chính sách cụ thể như quy trình vận hành hệ thống và xử lý sự cố. Thêm vào đó, BVSC còn xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính liên tục và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống. Hệ thống máy chủ, cơ sở dữ liệu của BVSC được đặt tại trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt, đạt chuẩn TIER2 của quốc tế. Ngoài ra, định kỳ Công ty tiếp tục thực hiện đánh giá các sự kiện đã xảy ra để phân tích, dự đoán các rủi ro tiềm ẩn, từ đó có phương án quản trị những rủi ro đó.

Ở cấp độ là người sử dụng các phần mềm nghiệp vụ, Công ty ban hành chính sách phân quyền chặt chẽ và phù hợp theo nhiệm vụ của từng phòng, cá nhân sử dụng với mục tiêu giảm thiểu các rủi ro. Nhằm hạn chế rủi ro từ vận hành hệ thống CNTT Công ty thực hiện định kỳ hàng năm công tác kiểm toán quy trình vận hành hệ thống CNTT.

Rủi ro pháp lý

05

Nhận diện

Rủi ro pháp lý được nhận diện là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Phương pháp xác định

Rủi ro pháp lý được xác định thông qua công tác phối hợp giữa bộ phận QTRR, Pháp chế, Kiểm soát nội bộ và các phòng ban khác trong việc rà soát hệ thống quy trình, quy chế, các loại văn bản sử dụng để đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh của BVSC được phân tích và đúc kết kinh nghiệm.

Biện pháp quản trị

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. Công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí từ lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên. Công ty đã thành lập Phòng Pháp chế với nhân sự có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong Công ty hay các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong Công ty, từ đó, mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về trách nhiệm tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.

Rủi ro danh tiếng

06

Nhận diện

Rủi ro danh tiếng là rủi ro xảy ra khi Công ty gặp phải những tác động bên ngoài hoặc bên trong gây tổn hại đến hình ảnh, thương hiệu.

Phương pháp xác định

Rủi ro danh tiếng có thể xảy ra từ sự kiện rủi ro của các rủi ro khác đặc biệt là rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý như việc cán bộ làm sai quy trình, vi phạm đạo đức nghề nghiệp dẫn đến việc khách hàng kiện tụng, cán bộ vi phạm pháp luật; việc không bảo mật thông tin nội bộ, từ việc phát ngôn mất kiểm soát gây ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp, từ việc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin (chậm, không đầy đủ, kịp thời...).

Biện pháp quản trị

Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại BVSC. Mặc dù vậy, Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác. Các phản hồi từ khách hàng, cổ đông và đối tác luôn là nguồn thông tin quý báu để BVSC tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, thắt chặt hơn mối quan hệ với cổ đông, đối tác để giữ vững vị trí là một Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, năng động và chuyên nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng luôn chú trọng xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty.

Quy trình quản trị rủi ro

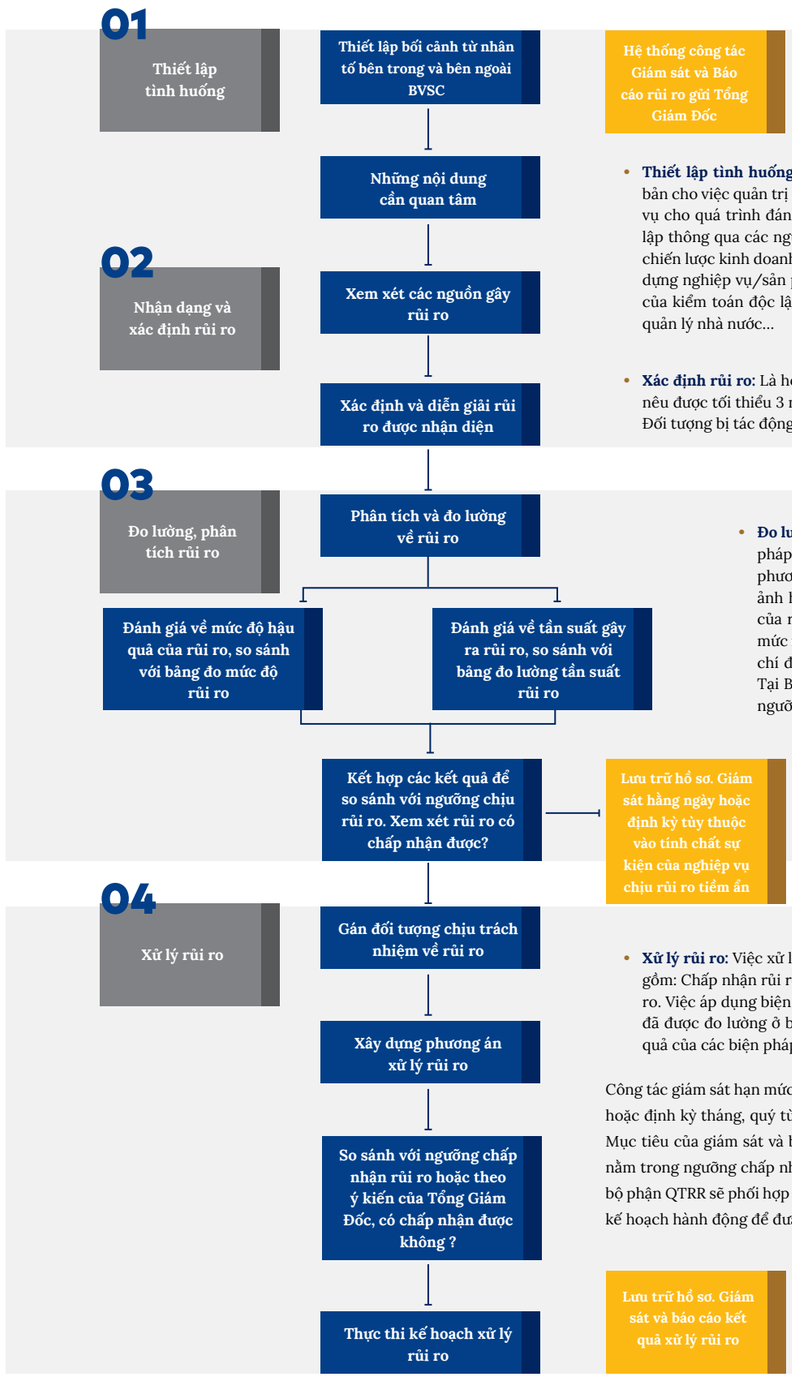

- **Thiết lập tình huống:** Được xây dựng nhằm xác định các thông số cơ bản cho việc quản trị rủi ro, thiết lập phạm vi cũng như tiêu chuẩn phục vụ cho quá trình đánh giá, đo lường rủi ro. Các tình huống được thiết lập thông qua các nguồn dữ liệu khác nhau, ví dụ như: Khi có thay đổi chiến lược kinh doanh, thay đổi chính sách của cơ quan quản lý, khi xây dựng nghiệp vụ/sản phẩm dịch vụ mới hoặc dựa trên các khuyến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm toán - kiểm soát nội bộ hay các cơ quan quản lý nhà nước...
- **Xác định rủi ro:** Là hoạt động nhận diện và ghi lại rủi ro, trong đó phải nêu được tối thiểu 3 nội dung chính: Nguồn gốc rủi ro; Diễn giải rủi ro; Đối tượng bị tác động bởi rủi ro và Chủ sỡ hữu rủi ro.
- **Đo lường rủi ro:** Được thực hiện thông qua các phương pháp định tính hoặc định lượng, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ ảnh hưởng của rủi ro. Tần suất và mức độ ảnh hưởng của rủi ro là cơ sở để xác định cấp độ của rủi ro. Hạn mức rủi ro được HĐQT phê duyệt hàng năm là một tiêu chí để kết hợp đánh giá về cấp độ rủi ro của sự kiện. Tại BVSC áp dụng 3 cấp độ rủi ro: Rủi ro cao; Rủi ro ở ngưỡng cảnh báo; Rủi ro chấp nhận được.
- **Xử lý rủi ro:** Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo các phương án chính gồm: Chấp nhận rủi ro; Tránh rủi ro; Giảm thiểu rủi ro hoặc Chia sẻ rủi ro. Việc áp dụng biện pháp nào phụ thuộc và mức độ của sự kiện rủi ro đã được đo lường ở bước trên cũng như cân nhắc giữa chi phí và hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro đó.

Công tác giám sát hạn mức rủi ro và báo cáo rủi ro được thực hiện hàng ngày hoặc định kỳ tháng, quý tùy thuộc vào tính chất của mỗi loại sự kiện rủi ro. Mục tiêu của giám sát và báo cáo nhằm đảm bảo trạng thái của rủi ro luôn nằm trong ngưỡng chấp nhận. Nếu như có sự kiện rơi vào ngưỡng cảnh báo, bộ phận QTRR sẽ phối hợp với phòng nghiệp vụ hoặc chủ sở hữu rủi ro đưa ra kế hoạch hành động để đưa trạng thái rủi ro về ngưỡng an toàn.

Hoạt động quản trị rủi ro 2019

Với nền tảng hệ thống chính sách, quy trình QTRR đã được chuẩn hóa và cập nhật lại hàng năm, công tác QTRR tại BVSC trong năm 2019 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả tốt trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro tại các phòng ban chức năng của Công ty. Kết quả nhận diện, đánh giá đo lường, biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro được thông báo đến các trưởng bộ phận có liên quan để xử lý kịp thời, nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Các hoạt động được triển khai bao gồm:

Thực hiện các báo cáo QTRR

Hoạt động	Mô tả
Báo cáo Tháng	• Báo cáo rủi ro hàng tháng được gửi tới Ban TGĐ để báo cáo về 6 loại rủi ro được nhận diện, đo lường, đánh giá trong tháng. Đồng thời báo cáo còn cập nhật tiến độ thực hiện biện pháp quản trị đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp quý trước đó, đảm bảo các rủi ro đã được xử lý phù hợp và kịp thời. • Báo cáo chuyên biệt hàng tháng về rủi ro tích tụ trong dịch vụ ký quỹ. Báo cáo đưa ra các thông tin hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc đánh giá về tính chất tập trung trên phương diện dư nợ và room ký quỹ đang sử dụng cũng như tạo tiền đề cho việc đánh giá và điều chỉnh danh mục cho vay ký quỹ tháng tiếp theo.
Báo cáo Quý	Báo cáo hàng quý phản ánh toàn diện về các rủi ro trọng yếu diễn ra trong Quý. Báo cáo Quý được trình bày trước Hội Đồng QLRR của BVSC để trao đổi, phân tích và đưa ra các biện pháp quản trị kịp thời và hiệu quả.
Báo cáo Bán niên	Báo cáo QTRR 6 tháng đầu và 6 tháng cuối năm 2019 được gửi tới UBCKNN. Báo cáo đã chi tiết về các rủi ro tác động đến hoạt động của BVSC, về việc tuân thủ hạn mức rủi ro, thống kê số lượng nhân sự, đánh giá tình hình biến động tăng trưởng kinh doanh của BVSC...
Báo cáo năm	Báo cáo thực hiện chính sách rủi ro năm 2018 và ban hành chính sách rủi ro năm 2019 gửi tới UBCK. Báo cáo đã tóm lược công tác QTRR mà BVSC đã thực hiện trong năm 2018 và định hướng triển khai QTRR sẽ thực hiện tại BVSC trong năm 2019.

Nhận diện, đánh giá và rà soát rủi ro

Hoạt động	Mô tả
Đăng ký rủi ro và cập nhật hồ sơ rủi ro.	Các phòng nghiệp vụ phối hợp với bộ phận QTRR thực hiện rà soát, đánh giá mức độ rủi ro và cập nhật sự kiện rủi ro định kỳ. Từ đó làm cơ sở để cập nhật hồ sơ rủi ro và đưa ra các biện pháp quản trị cũng như phương án xử lý rủi ro. Hoạt động được làm định kỳ hàng năm nên giúp BVSC giảm thiểu đáng kể các rủi ro mang tính hệ thống.

Xây dựng văn hóa QTRR

Hoạt động	Mô tả
Khảo sát văn hóa tuân thủ	Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện khảo sát mức độ nhận thức của toàn bộ cán bộ, nhân viên về văn hóa tuân thủ, cũng như thăm dò, lấy ý kiến về những lỗ hổng, còn thiếu sót trong quy định, quy trình của Công ty.

Rà soát, cập nhật văn bản chính sách rủi ro

Hoạt động	Mô tả
Cập nhật hạn mức rủi ro 2020	• HMRR 2020 được cập nhật phù hợp với những thay đổi trong Quy chế đầu tư được HĐQT thông qua và những hạn mức trong luật định. • HMRR 2020 đã bổ sung hạn mức cho một số rủi ro hoạt động chính của Công ty.

BVSC không xảy ra sự kiện rủi ro trong năm 2019

Các hạn mức rủi ro được đảm bảo tuân thủ. BVSC không để xảy ra sự cố gây gián đoạn hoạt động kinh doanh.

Với những nỗ lực trên, BVSC đã duy trì được vị thế là một trong những công ty chứng khoán tuân thủ tốt nhất tại Việt Nam. Điều này giúp BVSC gia tăng được niềm tin từ các đối tác và khách hàng là các nhà đầu tư chứng khoán, đối tác kinh doanh, các cơ quan quản lý và các cổ đông Công ty.

Các hạn mức rủi ro được đảm bảo tuân thủ. BVSC không để xảy ra sự cố gây gián đoạn hoạt động kinh doanh.

Một số định hướng Quản trị rủi ro năm 2020

Định hướng trong năm 2020 Công ty tiếp tục triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT thông qua. Công tác quản trị rủi ro sẽ tiếp tục được chú trọng, triển khai định kỳ và thường xuyên phục vụ cho công tác điều hành của Ban TGĐ được hiệu quả.

Bên cạnh đó, đào tạo nâng cao nhận thức về QTRR là một nhiệm vụ sẽ được chú trọng trong năm 2020. Song song với việc tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ nhằm nâng cao nhận thức về QTRR cho người lao động, bộ phận QTRR tham gia các khóa đào tạo và nghiên cứu sản phẩm mới trên thị trường để sớm đánh giá và nhận diện rủi ro tiềm ẩn, xây dựng các chốt chặn rủi ro và hạn mức rủi ro nhằm chủ động sớm trong việc phòng ngừa giúp cho hoạt động của Công ty an toàn và ổn định.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Lương, Thưởng, Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019

Nguyên tắc chi trả lương, thưởng, thù lao

Đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty

- Chế độ lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi áp dụng đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ban hành ngày 13/02/2019.

- Việc chi trả thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty và người phụ trách quản trị Công ty tuân thủ theo quy định tại Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ban hành ngày 13/05/2019 và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Đối với Ban Tổng Giám đốc & các cán bộ quản lý khác

Việc chi trả lương thưởng được thực hiện theo quy chế tiền lương và dựa trên kết quả kinh doanh cũng như đánh giá hiệu quả làm việc của từng cán bộ trong năm.

Mức lương, thưởng, thù lao đã thực hiện trong năm 2019

Đối với Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty

Mức chi trả thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty được thực hiện theo phê duyệt tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ - ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt, cụ thể như sau:

Chức danh	Mức thù lao
Thành viên HĐQT	5.000.000đ/người/tháng
Trưởng Ban kiểm soát	5.000.000đ/người/tháng
Thành viên Ban kiểm soát	4.000.000đ/người/tháng
Thư ký Công ty	4.000.000đ/người/tháng

Tổng thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty: 3.096.425.934 đồng, trong đó bao gồm tiền thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết số 01/2019/NQ - ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phê duyệt, thù lao và các khoản chi có tính chất tiền lương & phúc lợi khác bằng tiền trong năm 2019.

Đối với Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc & các cán bộ quản lý khác

- Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019: 6.368.784.568 đồng

- Tổng thu nhập của các cán bộ quản lý khác (không bao gồm Ban Tổng Giám đốc) trong năm 2019: 37,352,534,415 đồng

Ghi chú: Tổng thu nhập bao gồm lương chi trả hàng tháng, tiền thưởng dựa trên kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả làm việc của các năm 2018 & 2019 và một số khoản phúc lợi từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty phát sinh trong năm 2019

Các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty, Các cán bộ quản lý khác:

Chế độ bảo hiểm

Các thành viên HĐQT không điều hành và Ban Kiểm soát: Hiện nay, các thành viên đều làm việc theo hình thức kiêm nhiệm nên hưởng các chế độ bảo hiểm tại đơn vị công tác.

Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và các cán bộ quản lý khác: được tham gia các chế độ bảo hiểm theo chính sách của Công ty bao gồm:

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo mức lương quy định tại thang bảng lương của Công ty
- Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (HeathCare): Đối với các chức danh HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc được áp dụng theo chương trình bảo hiểm có mức bồi thường tối đa là 5.2 tỷ đồng/người, được bảo lãnh toàn bộ chi phí khám chữa bệnh phát sinh trên phạm vi toàn cầu. Đối với các cán bộ quản lý khác được áp dụng chương trình bảo hiểm có mức bồi thường tối đa là 1.05 tỷ đồng/người, được bảo lãnh chi phí khám chữa bệnh trên phạm vi khu vực châu Á - Thái Bình Dương.
- Bảo hiểm Nhân thọ: Công ty thực hiện mua bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ.
- Bảo hiểm các bệnh ung thư (K - care): Đối với các chức danh HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc được áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 1.17 tỷ đồng/người, đối với các cán bộ quản lý khác được áp dụng theo chương trình có mức bảo hiểm tối đa là 585 triệu đồng/người.

Chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm

Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty: được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và được chi trả theo phát sinh thực tế tại bệnh viên, cơ sở y tế chất lượng cao tại Việt Nam.

Thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty và các cán bộ quản lý khác: được khám sức khỏe định kỳ theo chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm dành cho người lao động của Công ty.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Vui lòng tham khảo tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính

Chế độ sử dụng điện thoại

Trang bị máy điện thoại: HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty được trang bị điện thoại di động theo mức từ 15.000.000 đồng/người đến 30.000.000 đồng/người trong khoảng thời gian 2 năm/lần.

Thanh toán cước phí điện thoại: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc được thanh toán cước phí điện thoại hàng tháng theo mức thực tế phát sinh. Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty được thanh toán cước phí điện thoại theo hóa đơn thực tế hàng tháng và trong phạm vi hạn mức từ 800.000 đồng/tháng đến 1.500.000 đồng/tháng.

Trong trường hợp đi công tác nước ngoài, cước phí điện thoại sẽ được thanh toán theo phát sinh thực tế được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Chế độ sử dụng ô tô

Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty và các cán bộ quản lý khác được sử dụng xe ô tô của Công ty để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.

Trường hợp Công ty không thể bố trí được xe ô tô, Công ty trang bị thẻ taxi và/hoặc taxi công nghệ để phục vụ đi lại, công tác, giao dịch và thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh.

Chế độ công tác phí

Công tác phí trong nước: Công ty xây dựng chế độ công tác phí bao gồm chi phí vé máy bay, khách sạn, phụ cấp lưu trú theo từng cấp bậc và thanh toán dựa trên hóa đơn chứng từ.

Công tác phí nước ngoài: Được thực hiện tham chiếu theo quy định của Bộ Tài chính.

Căn cứ quy định về Báo cáo tình hình quản trị công ty tại Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015, Công ty đã thực hiện công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết trên trang tin điện tử Công ty ngày 30/01/2020. Đồng thời, Công ty gửi báo cáo tới UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh để đăng tải lên trang tin điện tử của các cơ quan này. Trong Báo cáo bao gồm cả Danh sách người có liên quan của BVSC và giao dịch giữa BVSC với cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; danh sách được cập nhật và bổ sung đầy đủ cho tới thời điểm 31/12/2019. Hiện các báo cáo và danh sách này đang được lưu trữ trên Trang tin điện tử Công ty tại đường link: https://bvsc.com.vn/NewEvent/2020130/738267/bvsc-cbtt-bao-cao-quan-tri-cong-ty-nam-2019.aspx

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Là một công ty niêm yết trên TTCK, chúng tôi ý thức rằng xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả là xây dựng môi trường của lòng tin, tính minh bạch, sự ổn định về tài chính và đạo đức kinh doanh.

Hệ thống các văn bản, quy định nội bộ về quản trị công ty của BVSC được xây dựng trên nền tảng các quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết, các quy định áp dụng đối với công ty chứng khoán, các quy định về công bố thông tin trên TTCK. Bên cạnh đó, hàng năm chúng tôi đều thực hiện đánh giá và rà soát nội bộ trên cơ sở tham khảo vận dụng các thông lệ tốt trên thị trường cũng như các chuẩn mực trong nước & khu vực.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty trong năm 2019 diễn ra như sau

- Công ty đã thực hiện sửa đổi Điều lệ công ty và xây dựng mới Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC. Bản điều lệ sửa đổi và Quy chế quản trị công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua trong phiên họp ngày 20/6/2019. Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật.

- Nghiên cứu kiện toàn mô hình tổ chức trên cơ sở tham khảo các hướng dẫn tại Bộ nguyên tắc về quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng Việt Nam do UBCKNN và IFC vừa ban hành tháng 8/2019: Trong phiên họp quý IV/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua chủ trương thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT trên cơ sở các khuyến nghị tại Bộ nguyên tắc về quản trị Công ty và chỉ đạo Ban điều hành tiến hành các trình tự và thủ tục thực hiện tuân thủ theo Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

- Công ty tuân thủ tốt quy định về lập báo cáo Báo cáo thường niên theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Báo cáo thường niên của Công ty được bình chọn trong TOP 10 Doanh nghiệp có báo cáo thường niên tốt nhất thuộc nhóm Vốn hóa vừa tại cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2019.

- Cơ cấu Hội đồng quản trị trong năm 2019 luôn đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và không điều hành: BVSC luôn duy trì tỷ lệ 4/5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành, cao hơn so với tỷ lệ quy định tại Điều 13 Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP; Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được BVSC trình bày theo đúng các nội dung quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP;

Đánh giá theo quy chế Camel

Khi thực hiện phân tích các tiêu chí dưới góc độ quản trị Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán). Theo hệ thống đánh giá này, trong năm 2019, BVSC đạt tổng điểm là 87,7 điểm. Quản trị hiệu quả là một trong những yếu tố giúp Công ty được xếp loại A theo quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán của Ủy ban chứng khoán.

(Tham khảo Phụ lục I – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL từ trang 188 đến trang 189 báo cáo này)

Đánh giá theo thẻ điểm Quản trị công ty Asean

Kể từ năm 2016, với mong muốn hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty theo chuẩn mực thị trường khu vực và quốc tế, BVSC đã thực hiện tự đánh giá về hệ thống quản trị của mình tham chiếu theo các tiêu chí tại Thẻ điểm quản trị Asean, qua đó công ty đặt mục tiêu cải thiện qua từng năm.

Tham chiếu theo chuẩn mực này, trong các năm 2017 và 2018, thông qua việc đánh giá và rà soát lại trên cơ sở đối chiếu với bộ câu hỏi thuộc 5 nhóm chuẩn mực bao gồm Quyền của cổ đông, Đối xử bình đẳng với cổ đông, Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, Công bố thông tin và tính minh bạch và Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, kết quả cho thấy BVSC tuân thủ phần lớn các chuẩn mực này. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận diện một số nội dung cần cải thiện và xác định thứ tự ưu tiên để thực hiện trong năm 2019, bao gồm: bổ sung CBTT bằng tiếng Anh, Thành viên HĐQT đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi thực hiện chiến lược của Công ty ít nhất một năm (tiêu chí E 1.5 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); Thực hiện lập kế hoạch họp HĐQT khi bắt đầu năm tài chính (tiêu chí E 3.1 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018); cải thiện tiêu chí E.3.6 Thẻ điểm Quản trị Công ty Asean 2017-2018 liên quan tới nội dung tiếp cận thông tin của HĐQT cho các kỳ họp HĐQT; tiêu chí E.3.8 theo đó bổ sung thư ký Công ty có chuyên môn sâu về pháp luật, có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ luật sư; Đặc biệt, Công ty đã cải thiện rõ ràng nhất đối với tiêu chí (B).C.1.1. thuộc nhóm chuẩn mực (B)C Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, theo đó Công ty thực hiện báo cáo phát triển bền vững 2019 được tổ chức GRI xác nhận đáp ứng các chuẩn mực công bố thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016 (tiêu chuẩn mới nhất) do GRI ban hành. Nội dung báo cáo phát triển bền vững được chúng tôi trình bày trong cuốn báo cáo thường niên này.

CHỦ ĐỘNG THÍCH NGHI

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2019, bối cảnh vĩ mô là bức tranh đan xen giữa sự ổn định của kinh tế vĩ mô trong nước và sự bất ổn của nền kinh tế thế giới, khiến TTCK không có được sự bứt phá mà xu thế đi ngang là chủ đạo. Thị trường tăng điểm nhưng thanh khoản sụt giảm, khung pháp lý thay đổi, cạnh tranh gia tăng... đặt ra bài toán cho các công ty chứng khoán nói chung và BVSC nói riêng về khả năng thích ứng trước những tác động từ môi trường kinh doanh.

Với BVSC, chủ động thích nghi không chỉ là thông điệp truyền thông tới người lao động, chúng tôi thực hiện đánh giá và xây dựng các kịch bản kinh doanh gắn với các kịch bản thị trường, theo đó các giải pháp được thực thi với một tinh thần chủ động và quyết tâm cao nhất trong toàn bộ đội ngũ.

03

Báo cáo tình hình hoạt động 2019

01 Tổng quan nền Kinh tế và TTCK 2019
02 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
03 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán 2019

Bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2019

Thuận lợi trong năm 2019

GDP của Việt Nam năm 2019 tăng 7,02% so với năm 2018, vượt chỉ tiêu Quốc hội giao trong khoảng 6,6-6,8% và cũng cao hơn dự báo của nhiều tổ chức quốc tế. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm 2019 tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ như vận tải, kho bãi (tăng 9,12%); bán buôn và bán lẻ (tăng 8,82%); hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm (tăng 8,62%).

Chỉ số lạm phát cả năm tăng thấp, được kiểm soát dưới mức mục tiêu mà Quốc hội đề ra. Chỉ số CPI bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, hoàn thành chỉ tiêu (tăng dưới 4%) Quốc hội đề ra và cũng là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua. Lạm phát thấp là cơ sở giúp Ngân hàng Nhà nước cắt giảm các loại lãi suất điều hành trong nửa cuối năm 2019.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2019 vượt mốc 500 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm trước đó. Năm 2019 ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế trong nước trong lĩnh vực xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng đạt tới 17,7%, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4,2%). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 11,12 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm gần đây. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam tăng thêm khoảng 20 tỷ USD lên mức cao nhất từ trước đến nay (khoảng 80 tỷ USD).

Tỷ giá tiếp tục ổn định. Tỷ giá giữa USD/VND gần như đi ngang, không có nhiều thay đổi trong cả năm 2019. Diễn biến này giúp VND nằm trong nhóm những đồng tiền ổn định nhất khu vực bất chấp những bất ổn địa chính trị và các sự kiện kinh tế trong và ngoài nước. Sự thặng dư của cán cân thanh toán tổng thể giúp nguồn cung USD dồi dào, qua đó giúp VND chống đỡ tốt trước các rủi ro khách quan như chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, xu hướng rút ròng vốn tại các thị trường mới nổi.

Mức tăng trưởng GDP 2019

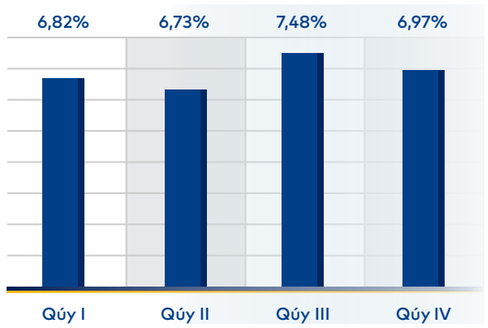

Thách thức trong năm 2019

Chiến tranh thương mại Mỹ – Trung leo thang. Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung mặc dù đã xuất hiện từ giữa năm 2018 nhưng vẫn tiếp tục kéo dài trong suốt năm 2019 với những gói đánh thuế mới của cả Mỹ và Trung Quốc áp lên hàng hóa của nhau. Mức thuế trung bình Mỹ áp dụng lên hàng hóa Trung Quốc đã tăng từ mức 3,1% thời điểm đầu năm 2018 lên mức 21,2% vào cuối năm 2019. Tương tự mức thuế trung bình Trung Quốc áp lên hàng hóa của Mỹ cũng tăng từ 8% lên 21,8% trong khung thời gian tương tự. Xung đột thương mại Mỹ-Trung leo thang đã trở thành một nhân tố khiến tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường tài chính toàn cầu luôn ở trạng thái thận trọng.

Xu hướng giảm tốc của kinh tế thế giới. Nền kinh tế thế giới trong năm 2019 tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro, không chỉ từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung mà còn từ việc Anh ra khỏi Liên minh châu Âu (Brexit) và căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông. Thương mại toàn cầu bị đình trệ, kéo theo hoạt động kinh tế tại hầu hết các nền kinh tế lớn đều chậm lại. Tăng trưởng tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam đều suy giảm khiến kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mặc dù vẫn tăng trưởng 8% nhưng mức tăng này chỉ bằng một nửa so với trung bình 3 năm trước đó.

Có thể nói, bối cảnh vĩ mô là bức tranh đan xen giữa sự ổn định của kinh tế vĩ mô trong nước và sự bất ổn của kinh tế thế giới, khiến thị trường chứng khoán không thể có được sự bứt phá mạnh mẽ về xu hướng. Xu hướng đi ngang là chủ đạo trong cả năm 2019.

Thị trường chứng khoán

Thuận lợi trong năm 2019

Chỉ số VnIndex tăng điểm nhẹ trong năm 2019. Kết thúc năm, chỉ số VnIndex đóng cửa tại 961 điểm, tăng 7,67%; chỉ số HnxIndex đóng cửa tại 102,51 điểm giảm 1,65%; chỉ số UpcomIndex đóng cửa tại 56,56 điểm, tăng 7,06%.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng, tiêu biểu là các doanh nghiệp thuộc khối ngân hàng. Lợi nhuận của các doanh nghiệp trên sàn tăng trưởng mạnh đã tạo ra nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư.

Khối ngoại thực hiện mua ròng với giá trị lớn (5.927,11 tỷ đồng trên 2 sàn HSX và HNX), một mặt tạo thêm lượng cầu trên thị trường, mặt khác cho thấy các doanh nghiệp lớn niêm yết vẫn có sức hấp dẫn về định giá, tiềm năng trong trung và dài hạn.

Các quỹ ETF rót vốn ròng vào thị trường Việt Nam trong năm 2019. Với ưu thế về chi phí đầu tư thấp, rủi ro theo thị trường và tiết kiệm thời gian chọn lọc cổ phiếu và quản trị danh mục, đầu tư vào chứng chỉ quỹ ETF đang ngày càng trở nên hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư. Thêm vào đó, dòng vốn giá rẻ từ Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan... tham gia vào TTCK Việt Nam thông qua các thương vụ M&A là những kênh dẫn vốn chính cho TTCK trong năm qua.

Biểu đồ tốc độ tăng trưởng của các TTCK trong khu vực

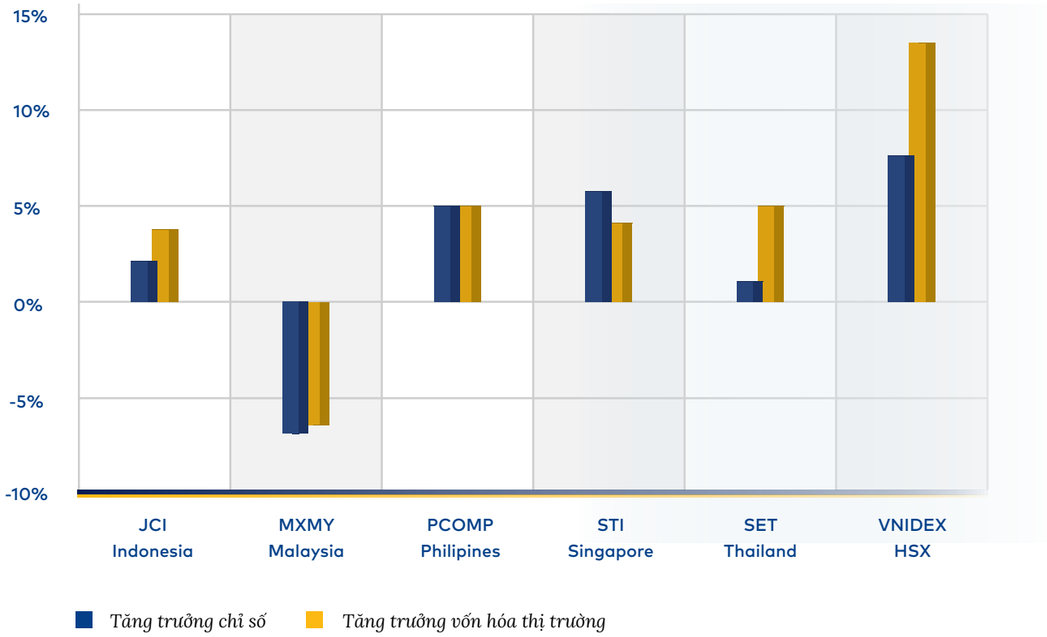

Chỉ số VnIndex và vốn hóa thị trường cổ phiếu của Việt Nam tiếp tục có mức tăng trưởng mạnh so với các thị trường cổ phiếu khác trong khu vực.

Biểu đồ Chỉ số và thanh khoản thị trường

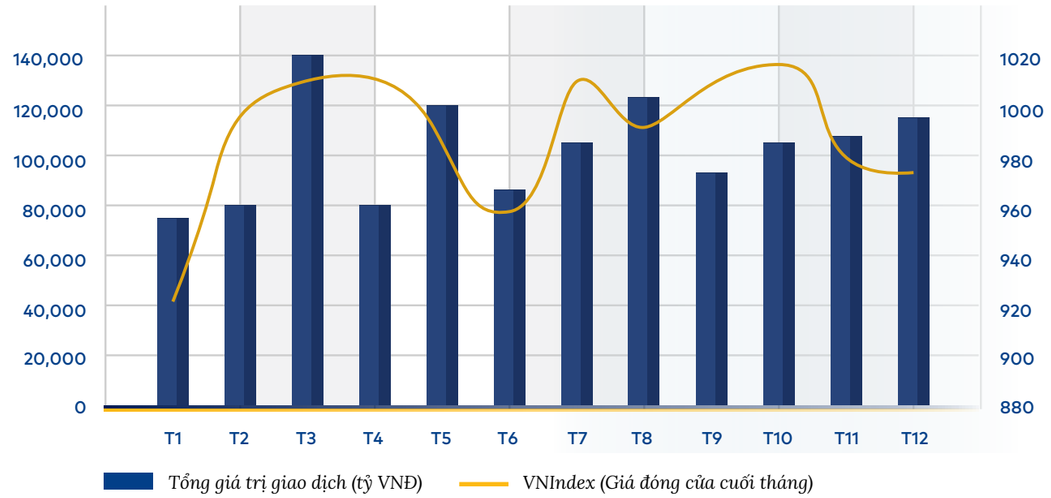

Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt của 03 sàn đạt mức trên 4.666 tỷ/phiên, giảm 28,8% so với năm 2018.

Biểu đồ dòng vốn ngoại thông qua một số quỹ ETF vào thị trường Việt Nam năm 2019

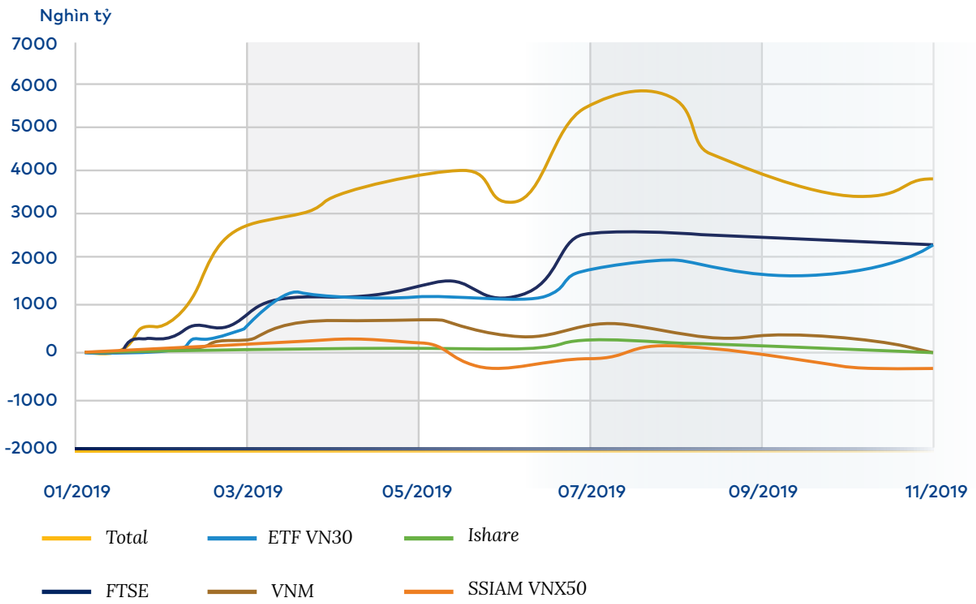

Một tỷ trọng khá lớn dòng vốn của nhà ĐTNN mua ròng trên thị trường cổ phiếu Việt Nam được thực hiện thông qua các quỹ ETF

Thách thức trong năm 2019

Bối cảnh thị trường tài chính, chứng khoán thế giới biến động mạnh trong năm 2019. Xung đột thương mại Mỹ-Trung leo thang, tăng trưởng chậm lại ở hầu hết các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Trung Quốc và khiến nhà đầu tư có xu hướng tìm đến các tài sản tài chính an toàn như trái phiếu chính phủ Mỹ, các đồng tiền có sự ổn định cao như Đô la Mỹ, Yên Nhật... và rút khỏi các tài sản tài chính có tính rủi ro cao như cổ phiếu.

Thị trường cổ phiếu chịu cạnh tranh lớn từ sự phát triển nhanh của thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong nước. Trong những năm gần đây về quy mô, sự đa dạng và khả năng tiếp cận với nhà đầu tư nhỏ lẻ đã tạo ra sự cạnh tranh lớn đối với thị trường cổ phiếu. Tổng số trái phiếu phát hành cả năm 2019 đạt giá trị 280.141 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2018, giúp quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng lên mức 11,3% GDP. Trong khi đó, trên thị trường cổ phiếu, giá trị giao dịch bình quân phiên cả ba sàn năm 2019 chỉ đạt 4.661 tỷ/phiên, giảm 28,8% so với năm 2018.

TTCK Việt Nam vẫn chưa được nâng hạng lên nhóm thị trường mới nổi. Dù có nhiều kỳ vọng về việc được nâng hạng lên thị trường mới nổi, nhiều quỹ đầu tư sẽ vào thị trường Việt Nam trước để đón đầu, tuy nhiên thị trường Việt Nam vẫn chưa đáp ứng đủ điều kiện để được nâng hạng ngay trong năm 2019. Sự chậm trễ trong việc đáp ứng các tiêu chí của MSCI và FTSE khiến thị trường chưa thể hút được dòng vốn lớn trong năm 2019.

Sự thay đổi về khung pháp lý

Cơ hội & thách thức

Năm 2019, hệ thống khung pháp lý và chính sách trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán tiếp tục được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, cải cách thị trường hoạt động theo xu hướng và thông lệ quốc tế, vừa góp phần thúc đẩy thị trường phát triển, một mặt mở ra các cơ hội kinh doanh nhưng cũng đồng thời là thách thức với các công ty chứng khoán nói chung và BVSC nói riêng trong năm 2019 và những năm tiếp theo.

Thách thức đầu tiên là khi Thông tư 128/2018/TT-BTC chính thức có hiệu lực kể từ tháng 02/2019 theo đó bỏ quy định mức phí sàn môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm. Tác động của Thông tư 128 tạo nên một cục diện cạnh tranh mới trong khối các CTCK, doanh thu môi giới trực tiếp bị ảnh hưởng tuy nhiên cũng là cơ hội để các CTCK chú trọng hơn nữa trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ có chiều sâu để thu hút và giữ chân khách hàng, thay vì cạnh tranh về giá.

Luật Chứng khoán 2019 đã được Quốc hội chính thức thông qua và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Luật mới ra đời với nhiều điểm thay đổi đáng chú ý về tổ chức thị trường chứng khoán, hoạt động chào bán chứng khoán, quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán... và được kỳ vọng sẽ khắc phục được những tồn tại, hạn chế sau hơn 10 năm thi hành Luật Chứng khoán 2006 trên thực tiễn. Bên cạnh đó, Quyết định số: 242/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025"; Thông tư 13/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 180/2015/TT-BTC hướng dẫn cụ thể hoạt động đăng ký, thay đổi, hủy đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết của doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa; Thông tư 21/2019/TT-BTC hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức dựng sổ, xây dựng khung hành lang pháp lý cụ thể cho hoạt động bán cổ phần lần đầu hoặc chuyển nhượng vốn Nhà nước theo phương thức dựng sổ (book building); Thông tư 30/2019/TT-BTC quy định, hướng dẫn cụ thể hoạt động đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ (gồm trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc), trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương... Sự ra đời của các văn bản này tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán trên thị trường, là cơ hội để các công ty khai thác tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới nhưng đồng thời thách thức đặt ra trong vấn đề điều chỉnh chính sách và quy trình nghiệp vụ, thiết kế các gói sản phẩm, cũng như đào tạo nhân lực để phù hợp với sự thay đổi về khung pháp lý.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động của Công ty năm 2019

Về triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019

Về triển khai nhiệm vụ kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2019 vui lòng xem thêm tại Phần Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc - Chương III từ trang 93 đến trang 100

Năm 2019, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao GDP đạt 7,02%, đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011; Thị trường chứng khoán ("TTCK") Việt Nam tăng điểm nhưng thanh khoản giảm mạnh, giảm 28,08% so năm 2018, diễn biến của thị trường không sôi động và không tạo ra nhiều cơ hội để nhà đầu kiếm lời; đồng thời với đó là sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán ("CTCK") trên thị trường, đặc biệt cạnh tranh về phí môi giới chứng khoán khi từ tháng 2/2019 Thông tư 128/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính có hiệu lực, chính thức bỏ quy định phí sàn môi giới chứng khoán. Nhận thức rõ những khó khăn này, HĐQT chỉ đạo Ban điều hành chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đề ra những quyết sách kịp thời, giải pháp đúng đắn và nắm bắt cơ hội thị trường với mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 giao. Cụ thể kết quả kinh doanh năm 2019 đã đạt như sau:

STT	Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	TH 2019 so với KH 2019	TH 2019 so với cùng kỳ
1	**Tổng doanh thu và thu nhập khác**	**510**	**564,05**	**110,60%**	**102,97%**
	Doanh thu đã thực hiện và thu nhập khác	440	500,21	113,68%	107,76%
2	**Tổng chi phí**	**365**	**412,89**	**113,12%**	**97,08%**
	Chi phí đã thực hiện	294	356,92	121,40%	114,73%
3	**LN trước thuế**	**145**	**151,16**	**104,25%**	**123,42%**
	LN đã thực hiện	146	143,29	98,14%	93,60%
4	**LN sau thuế**	**128**	**135,51**	**105,87%**	**130,89%**
	LN đã thực hiện	126	127,93	101,53%	97,17%

Đơn vị: Tỷ đồng *Nguồn: BCTC kiểm toán 2019*

Về triển khai nhiệm vụ khác

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, HĐQT chỉ đạo Ban điều hành Công ty:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm thanh toán cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phần, trích lập các quỹ dự phòng, quỹ khen thưởng phúc lợi cho NLĐ...
- Tổ chức lưu hành và triển khai công tác quản trị điều hành theo Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 10 và Quy chế nội bộ về QTCT sau khi ĐHĐCĐ thông qua; triển khai thực hiện các nội dung khác đã được ĐHĐCĐ thông qua
- Chỉ đạo Công ty triển khai các hoạt động chào mừng 20 năm ngày thành lập trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi ngân sách được ĐHĐCĐ 2019 duyệt, bằng nhiều hoạt động khác nhau góp phần lan tỏa hình ảnh thương hiệu Công ty ra công chúng và khởi dậy lòng tự hào, tinh thần đoàn kết, sự sáng tạo trong tập thể người lao động.

Năm 2019 với đầy thách thức và khó khăn, khi tổng doanh thu các CTCK toàn thị trường giảm trên 20% so với năm 2018, đa phần các CTCK không hoàn thành kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên, Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ 2019 giao, thị phần môi giới cả ba sàn giao dịch đạt 3,74% bằng 123,03% so với năm 2018. Với kết quả kinh doanh như vậy, HĐQT đánh giá Ban điều hành hoàn thành tốt việc triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2019.

Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc chỉ đạo Công ty tập trung triển khai các mảng hoạt động sau:

Nhằm nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường, HĐQT chỉ đạo Công ty tập trung triển khai các mảng hoạt động, cụ thể:

- **Hoàn thiện công tác quản trị và điều hành:** HĐQT chỉ đạo Công ty tiến hành rà soát, sửa đổi Điều lệ công ty và soạn thảo Quy chế nội bộ về QTCT đảm bảo tuân thủ các quy định về quản trị công ty tại Nghị định: 71/2017/NĐ-CP và Điều lệ mẫu công ty đại chúng ban hành theo Thông tư: 95/2017/TT-BTC trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua; HĐQT xem xét và thông qua kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019, kế hoạch tiền lương năm 2019, kế hoạch đầu tư tự doanh năm 2019 nhằm định hướng các hoạt động của BVSC để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019 ĐHĐCĐ đã giao; Ban hành Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty của Công ty; Ngoài ra, căn cứ các quy định về mô hình quản trị công ty tại Nghị định: 71/2017/NĐ-CP và Bộ quy tắc về quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam được ban hành, HĐQT chỉ đạo Công ty xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức công ty nhằm đảm bảo hoạt động của HĐQT hiệu quả hơn và công tác quản trị điều hành tốt hơn, bộ máy công ty tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả.

- **Tăng cường công tác phòng ngừa rủi ro:** HĐQT đã rà soát và thông qua các Chính sách Rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2019 theo đề xuất của Công ty. Ngoài ra, HĐQT đề nghị Công ty tiếp tục chủ động phòng ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động, bảo mật và an toàn thông tin đối với hệ thống giao dịch của BVSC, tăng cường công tác quản lý và thu hồi các khoản nợ khó đòi. HĐQT phân công một thành viên HĐQT phụ trách hoạt động quản trị rủi ro và trực tiếp tham dự các kỳ họp định kỳ của Hội đồng quản trị rủi ro để HĐQT có sự chỉ đạo kịp thời.

- **Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin:** Trong bối cảnh cuộc chuyển đổi số đang diễn ra rộng khắp trên mọi lĩnh vực và các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính làm thay đổi phương thức quản trị của doanh nghiệp cũng như chăm sóc, tiếp cận khách hàng... Trước những thách thức và cơ hội này, HĐQT đã chỉ đạo Công ty tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin từng bước tiên tiến, hiện đại, đẩy mạnh triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng của công tác quản trị điều hành, cũng như thúc đẩy hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Năm 2019, Công ty đưa vận hành nhiều phần mềm mới điển hình như: hệ thống sản phẩm mới – trái phiếu IBond; Phần mềm thu chi hộ - gia tăng tiện ích cho khách hàng; Phần mềm đào tạo trực tuyến E-learning...

- **Phát hành trái phiếu bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh:** Ngày 12/11/2019, HĐQT đã nghiên cứu và thông qua đề xuất của Công ty về phát hành riêng lẻ 300 tỷ đồng trái phiếu với mục đích nâng cao năng lực tài chính của Công ty; đồng thời để bổ sung nguồn vốn nhằm triển khai định hướng chiến lược phát triển môi giới theo Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 -2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Ngày 20/12/2019, Công ty đã phát hành thành công 100 tỷ đồng trái phiếu Đợt 1.

- **Phát triển sản phẩm mới đa dạng hóa nhu cầu của khách hàng:** trong bối cảnh sự cạnh tranh gay gắt giữa các CTCK, đồng thời nắm bắt cơ hội kinh doanh theo xu thế chung trên thị trường, HĐQT chỉ đạo Công ty đẩy mạnh việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới cung cấp cho khách hàng. Kể từ tháng 8 năm 2019, Công ty chính thức triển khai sản phẩm mới Trái phiếu iBondVar và IbondFix, mở ra một kênh đầu tư mới dành cho khách hàng đa dạng hóa danh mục đầu tư của mình một cách hiệu quả

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động điều hành của Ban điều hành

Năm 2019, HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT dựa trên các mặt hoạt động sau:

Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ

Trong quá trình điều hành hoạt động Công ty, Ban điều hành đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi HĐQT và BKS. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch và quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động.

Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các cuộc họp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản trong năm 2019

(Chi tiết các Nghị quyết HĐQT trong năm 2019 xin vui lòng xem tại Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết năm 2019 được Công ty phát hành ngày 30/01/2020).

Thông qua vai trò của Kiểm toán nội bộ:

Thông qua vai trò và chức năng nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ, HĐQT đã nắm bắt và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban điều hành, giám sát tính tuân thủ quy định pháp luật, các chính sách và quy trình nội bộ trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh tại Công ty.

Thông qua giám sát của Thành viên HĐQT độc lập:

HĐQT đã phân công Thành viên HĐQT độc lập phụ trách hoạt động quản trị rủi ro và theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty (ủy ban ALCO); trực tiếp tham dự các kỳ họp định kỳ của Hội đồng quản trị rủi ro, ủy ban ALCO để báo cáo HĐQT có sự chỉ đạo kịp thời.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát:

HĐQT đã phối hợp tích cực với BKS, dưới sự giám sát hoạt động của BKS để duy trì sự an toàn và hoàn thiện cơ chế quản trị và hoạt động của BVSC.

Thông qua các cơ chế kiểm tra, giám sát nêu trên, HĐQT đánh giá rất cao Ban điều hành trong năm 2019:

- Đã luôn chủ động, bám sát diễn biến thị trường nhằm đề ra những giải pháp kinh doanh đúng đắn và nắm bắt cơ hội thị trường để có được kết quả kinh doanh hoàn thành vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao.

- Thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty cũng như vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

- Xây dựng mội trường làm việc năng động và hiệu quả, khơi dậy tinh thần đoàn kết và đổi mới, thái độ làm việc tận tâm, chuyên nghiệp và sáng tạo trong những người lao động công ty.

- Đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao luôn cẩn trọng, trung thực, hiệu quả và công khai các lợi ích liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Về thù lao & các khoản lợi ích của HĐQT

Trong năm 2019, HĐQT đã nhận thù lao và các khoản lợi ích khác tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua vào ngày 20/06/2019.

Chi tiết việc chi trả thù lao & các khoản lợi ích khác của HĐQT vui lòng xem thêm tại Chương II, từ trang 72 đến trang 73 của báo cáo này.

Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2019, Thành viên độc lập HĐQT Công ty là ông Nguyễn Quang Hưng đã có Báo cáo nhận xét và đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2019.

Chi tiết báo cáo vui lòng xem thêm tại chương II, trang 52 của báo cáo này.

Các cuộc họp của HĐQT, các nghị quyết và quyết định của HĐQT

Chi tiết các các cuộc họp của HĐQT, các nghị quyết và quyết định của HĐQT vui lòng xem tại Chương II, từ trang 49 đến trang 51 của báo cáo này.

Hoạt động của Kiểm toán nội bộ

Hoạt động của Kiểm toán nội bộ trong năm 2019:

Chi tiết hoạt động của Kiểm toán nội bộ vui lòng xem thêm tại chương II, từ trang 59 đến trang 61 của báo cáo này.

Thực hiện các mục tiêu xã hội và bảo vệ môi trường

Bên cạnh những mục tiêu kinh tế, BVSC hiểu rằng mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm cộng đồng, xã hội chính là các yếu tố nền tảng cho sự thành công lâu dài, bền vững của BVSC. Do đó năm 2019 BVSC đã rất tích cực triển khai: các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng và an sinh xã hội; ứng dụng công nghệ để giảm thiểu các tác động đến môi trường; tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

(Chi tiết về nội dung thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường vui lòng xem thêm tại Chương 5: Phát triển bền vững, từ trang 146 đến trang 187 báo cáo này).

Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2020 (vui lòng tham khảo tại Chương IV, từ trang 132 đến trang 135 báo cáo này), HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020 như sau:

Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh 2020 để trình ĐHĐCĐ 2020 thông qua với các chỉ tiêu dự kiến sau:

Tổng doanh thu: **533 tỷ đồng**, trong đó:
Doanh thu thực hiện: 489 tỷ đồng,
tương đương 98% so với thực hiện năm 2019

Lợi nhuận sau thuế: **138 tỷ đồng**, trong đó:
Lợi nhuận sau thuế thực hiện: 136 tỷ đồng,
tương đương 106,39% so với thực hiện năm 2019.

Kế hoạch trên gắn với dự báo tăng trưởng kinh tế vĩ mô và diễn biến TTCK như được trình bày tại chương IV Báo cáo này, và có thể được điều chỉnh để sát với tình hình thực tế tăng trưởng kinh tế và TTCK trước tác động của dịch Covid – 19.

Định hướng kinh doanh trong năm 2020 tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh, tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới, tư vấn, hoạt động tự doanh, đầu tư; hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại; tăng cường quản trị rủi ro; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai hiệu quả các sản phẩm phái sinh khi Công ty đáp ứng điều kiện về Vốn điều lệ.

Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc định hướng và chỉ đạo đối với các hoạt động sau:

- Trên cơ sở diễn biến thị trường chứng khoán trong nước và thế giới, tình hình cạnh tranh gay gắt các CTCK trên thị trường và ảnh hưởng của Dịch cúm Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT chỉ đạo Công ty tiếp tục bám sát và chủ động đề ra những giải pháp

  (i) xây dựng và triển khai kịp thời các giải pháp ứng phó nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
  (ii) có giải pháp hỗ trợ khách hàng và các đối tác bị ảnh hưởng trực tiếp do Dịch cúm Covid-19 gây ra;
  (iii) nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phù hợp khẩu vị khách hàng trong nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ thông qua.

- HĐQT chỉ đạo Công ty hoàn thành việc kiện toàn cơ cấu tổ chức công ty nhằm

  (i) nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT, đáp ứng mục tiêu tuân thủ tốt các quy định pháp luật về quản trị công ty, Bộ quy tắc về quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam, qua đó nâng cao uy tín và thương hiệu của BVSC với tư cách là công ty niêm yết;
  (ii) đảm bảo tính nhất quán và đồng bộ từ định hướng chiến lược, chính sách, quy trình thực hiện và nhân sự triển khai trên toàn Công ty;
  (iii) tạo ra bộ máy công ty tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả;

- Chỉ đạo Công ty rà soát đánh giá tình hình thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 và nghiên cứu xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021-2025 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua;

- Chỉ đạo Công ty tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm đang thực hiện từng bước thực hiện quá trình chuyển đổi số trong các khâu hoạt động để đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh và quản trị điều hành Công ty trong thời đại chuyển đổi số tại các doanh nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng;

- Chỉ đạo Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án hợp lực trong khuôn khổ các đề án hợp lực giữa Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động;

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Tình hình hoạt động trong năm 2019

Bối cảnh thị trường – Cơ hội & Thách thức trong năm 2019:

Trong năm 2019, môi trường chính trị, kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục duy trì ổn định đưa Việt Nam trở thành một trong số ít các thị trường thu hút được dòng vốn mua ròng từ khối ngoại. Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, thị trường chứng khoán cũng chịu nhiều tác động bất lợi từ các yếu tố ngoại biên như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung hay việc thay đổi chính sách của FED, lo ngại việc tăng trưởng toàn cầu chậm lại... Những yếu tố này khiến cho nhà đầu tư tìm đến các tài sản tài chính an toàn như trái phiếu chính phủ, các đồng tiền có sự ổn định cao như Đô la Mỹ, Yên Nhật... và rút khỏi các tài sản tài chính có tính rủi ro cao như cổ phiếu dẫn đến dòng tiền vào thị trường cổ phiếu sụt giảm.

Thông tư 128/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng cho các tổ chức kinh doanh chứng khoán có hiệu lực từ 15/2/2019, theo đó bỏ quy định mức phí sàn môi giới chứng khoán tiếp tục tạo thêm áp lực cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán. Quy định mới có hiệu lực, cùng với thanh khoản thị trường giảm mạnh so với cùng kỳ và dự báo, đã ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu môi giới của hầu hết các công ty.

Không chỉ là áp lực cạnh tranh về phí môi giới, các CTCK liên tục điều chỉnh chính sách lãi suất đối với dịch vụ margin & ứng trước, đưa ra các gói sản phẩm tài chính linh hoạt và hấp dẫn thu hút khách hàng. Mức độ cạnh tranh gay gắt hơn khi các CTCK ngoại đến từ Hàn Quốc và Trung Quốc, với lợi thế về nguồn vốn rẻ được các công ty mẹ ở nước ngoài hỗ trợ, đã tung ra các gói sản phẩm với lãi suất thực sự cạnh tranh so với khối CTCK trong nước nhằm thu hút khách hàng và gia tăng thị phần.

Bối cảnh kinh tế vĩ mô và TTCK cùng với những thách thức đặt ra trong năm 2019 như đã phân tích tại phần 1 – chương III Báo cáo này vừa mang lại cơ hội kinh doanh cho các CTCK vừa đặt ra những yêu cầu thách thức hơn trong việc gia tăng lợi thế cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ, công tác quản trị nhằm phòng ngừa rủi ro để đạt được mục tiêu tăng trưởng.

Thuận lợi và khó khăn đối với BVSC

BVSC có lợi thế là công ty chứng khoán uy tín, có lịch sử hoạt động lâu dài, ổn định, am hiểu thị trường, trong nhiều năm qua liên tục được vinh danh với những giải thưởng uy tín trong các lĩnh vực tư vấn, môi giới, cùng với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp được xem là những thế mạnh của BVSC. Bên cạnh đó, với việc đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống công nghệ thông tin và quá trình thiết lập, vận hành hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả trong nhiều năm qua là những những nhân tố thuận lợi để Công ty triển khai các hoạt động kinh doanh trong năm 2019.

Tuy nhiên, thách thức lớn nhất đối với BVSC là hạn chế về nguồn vốn kinh doanh. Mặt khác, kế hoạch tăng vốn điều lệ chưa được triển khai do một số nhân tố khách quan và chủ quan, nên BVSC chưa thể triển khai được chứng khoán phái sinh, điều này đã làm giảm lợi thế cạnh tranh và ảnh hưởng tới thị phần môi giới của Công ty.

Đánh giá chung về kết quả kinh doanh của BVSC trong năm 2019

Trong bối cảnh trên, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động và tích cực nắm bắt cơ hội thị trường, nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, kết quả đạt được như sau:

STT	Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2019	TH 2019 so với KH 2019	TH 2019 so với cùng kỳ
1	**Tổng doanh thu và thu nhập khác**	**564,05**	**510**	**110,60%**	**102,97%**
	Doanh thu và thu nhập khác đã thực hiện	500,21	440	113,68%	107,76%
2	**Tổng chi phí**	**412,89**	**365**	**113,12%**	**97,08%**
	Chi phí đã thực hiện	356,92	294	121,40%	114,73%
3	**LN trước thuế**	**145**	**151,16**	**104,25%**	**123,42%**
	LN đã thực hiện	143,29	146	98,14%	93,60%
4	**LN sau thuế**	**135,51**	**128**	**105,87%**	**130,89%**
	LN đã thực hiện	127,93	126	101,53%	97,17%

Đơn vị: Tỷ đồng *Nguồn: BCTC kiểm toán 2019*

Năm 2019 thị trường chứng khoán tăng điểm nhẹ, tuy nhiên thanh khoản lại giảm mạnh so với cùng kỳ và dự báo, xu thế đi ngang là chủ đạo với diễn biến kém sôi động khiến các nhà đầu tư khó có khả năng kiếm lợi nhuận từ thị trường.

Với nỗ lực và quyết tâm cao trong bối cảnh trên, BVSC đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh đề ra. Tổng doanh thu đạt 563,66 tỷ đồng, đạt 110,5% so với kế hoạch và tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước. 3 mảng hoạt động chính bao gồm môi giới, tự doanh, doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu chiếm tới gần 90% cơ cấu tổng doanh thu của Công ty. Lợi nhuận trước thuế cả năm là 151,16 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 143,29 tỷ đồng bằng 98,14% so với kế hoạch và bằng 93,60% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 135,51 tỷ đồng trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 127,93 tỷ đồng, bằng 101,53% kế hoạch và bằng 97,17% so với cùng kỳ năm trước.

Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	So sánh %	
				Tỷ lệ thực hiện lũy kế so với KH năm	Tỷ lệ thực hiện so với thực hiện kỳ trước
I. Tổng Doanh thu trong đó:	**547.579**	**563.655**	**510.000**	**110,52%**	**102,94%**
1. Doanh thu hoạt động	**522.954**	**541.264**	**487.900**	**110,94%**	**103,50%**
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	171.590	135.859	153.000	88,80%	79,18%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	168.791	193.702	171.000	113,28%	114,76%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính	167.046	192.826	147.900	130,38%	115,43%
Trong đó: Lãi tài sản tài chính đã thực hiện	83.449	128.988	77.900	165,58%	154,57%
Lãi tài sản tài chính chưa thực hiện	83.597	63.838	70.000	91,20%	76,36%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh. đại lý phát hành chứng khoán	280	63	100	62,60%	22,37%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6.518	5.846	5.500	106,30%	89,69%
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	7.330	11.023	9.500	116,03%	150,39%
1.7. Doanh thu hoạt động khác	1.399	1.945	900	216,14%	139,01%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	**24.625**	**22.391**	**22.100**	**101,32%**	**90,93%**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	So sánh %	
				Tỷ lệ thực hiện lũy kế so với KH năm	Tỷ lệ thực hiện so với thực hiện kỳ trước
II. Tổng chi phí	**(424.840)**	**(412.363)**	**(365.000)**	**112,98%**	**97,06%**
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	(322.133)	(284.703)	(236.460)	120,40%	88,38%
Trong đó:					
chi phí thực hiện	(207.927)	(228.736)	(165.460)	138,24%	110,01%
chi phí chưa thực hiện	(114.207)	(55.967)	(71.000)	78,83%	49,00%
2. Chi phí hoạt động tài chính	(27.618)	(39.505)	(47.140)	83,80%	143,04%
3. Chi phí quản lý	(75.089)	(88.156)	(81.400)	108,30%	117,40%
III. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**122.740**	**151.292**	**145.000**	**104,34%**	**123,42%**
IV. Lợi nhuận/ Lỗ khác	**(260)**	**(129)**	**-**		
V. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	**122.480**	**151.163**	**145.000**	**104,25%**	**123,42%**
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện trước thuế	153.090	143.292	146.000	98,14%	93,60%
VI. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	**(18.948)**	**(15.653)**	**(17.000)**	**92,08%**	**82,61%**
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(21.438)	(15.362)	(20.000)	76,81%	71,65%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.490	(291)	3.000		-11,71%
VII. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	**103.532**	**135.510**	**128.000**	**105,87%**	**130,89%**
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện sau thuế	131.652	127.930	126.000	101,53%	97,17%
VIII. Thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN	**(2.308)**	**7.746**			

Đơn vị: Triệu đồng

Về Doanh thu:

Doanh thu môi giới đạt 135,86 tỷ đồng, chiếm 24,10% cơ cấu tổng doanh thu thực hiện của Công ty, bằng 88,80% so với kế hoạch và chỉ bằng 79,18% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu môi giới không đạt kế hoạch đặt ra do tác động từ diễn biến thị trường trong năm, thanh khoản thị trường giảm so với dự báo và cùng kỳ 2018. Bên cạnh đó, tác động từ Thông tư số 128 về việc bỏ khung phí sàn cũng ảnh hưởng tới doanh thu phí môi giới. Trong khi đó quy mô vốn của BVSC chỉ ở mức trung bình trong khi kế hoạch tăng vốn điều lệ chưa triển khai được như dự tính dẫn đến Công ty chưa thể cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh cũng đã ảnh hưởng tới khả năng cạnh tranh của Công ty.

Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu đạt 193,70 tỷ đồng, bằng 113,28% so với kế hoạch và tăng 14,76% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 34,37% cơ cấu tổng doanh thu. Mặc dù quy mô vốn còn hạn chế, nhưng với biện pháp quản trị nguồn vốn hợp lý, Công ty chủ động cơ cấu lại nguồn vốn tự có như giảm tỷ trọng đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, giảm tỷ trọng cổ phiếu dài hạn và những trái phiếu đáo hạn được thu hồi vốn, chuyển sang hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán. Ngoài ra Công ty cũng vay ngắn hạn tại các ngân hàng với lãi suất hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn. Cuối năm 2019, Công ty phát hành thêm 1.000.000 trái phiếu kỳ hạn 2 năm tương ứng số tiền phát hành 100 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty, trong đó có hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán.

Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính bao gồm đầu tư tự doanh và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn đạt 192,83 tỷ đồng, bằng 130,08% so với kế hoạch và tăng 15,43% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 34,21% cơ cấu tổng doanh thu. Trong đó doanh thu thực hiện tài sản tài chính đạt 128,99 tỷ đồng bằng 165,58% so với kế hoạch và tăng 54,57% so với cùng kỳ năm trước. Đối với đầu tư chứng khoán, phương thức hoạt động của BVSC là thiết lập tỷ trọng đầu tư của Danh mục linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn diễn biến của thị trường trên nguyên tắc thận trọng.

Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mặc dù nguồn lực không nhiều nhưng BVSC luôn chủ động đầu tư tại các ngân hàng TMCP với chỉ số an toàn cao và mức lãi suất cạnh tranh,

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính năm 2019 đạt 11,02 tỷ đồng, hoàn thành 116,03% kế hoạch và tăng 50,39% so với cùng kỳ năm 2018. Đây là năm thành công của hoạt động tư vấn tại BVSC. Công ty nắm bắt được nhu cầu và xu thế của thị trường, tận dụng các lợi thế của mình để thực hiện thành công nhiều hợp đồng thu xếp vốn thông qua phát hành cổ phiếu và trái phiếu. Ngoài ra Công vẫn đẩy mạnh các mảng tư vấn là lợi thế của mình như cổ phần hóa, tư vấn đấu giá, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp… Một số thương vụ tiêu biểu đã được thực hiện trong năm 2019 cho các đối tác như CTCP Kinh doanh F88, Tập đoàn Bảo Việt, Tổng công ty điện lực Vinacomin…

Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 5,85 tỷ đồng, đạt 106,30% so với kế hoạch và bằng 89,69% so với cùng kỳ năm trước. Sự giảm sút về doanh thu lưu ký một phần là do giá trị giao dịch của thị trường trong năm giảm, làm giảm số lượng chứng khoán nắm giữ và lưu ký tại Công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính đạt 22,391 tỷ đồng, đạt 101,32% so với kế hoạch và bằng 90,93% so với cùng kỳ năm trước. Mảng doanh thu này chủ yếu đến từ lãi tiền gửi không cố định và một phần nhỏ từ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện, tuy nhiên số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không đáng kể nên không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong kỳ.

Về Chi phí:

Tổng doanh thu trong năm tăng 2,94% nhưng tổng chi phí lại giảm 2,94% so với cùng kỳ năm trước, Công ty đã kiểm soát chi phí một cách có hiệu quả để góp phần đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra. Tổng chi phí trong kỳ đạt 412,36 tỷ đồng, bằng 112,98% kế hoạch và bằng 97,06% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

Chi phí hoạt động kinh doanh là 284,70 tỷ đồng bằng 120,40% so với kế hoạch và giảm 11,62% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí kinh doanh giảm chủ yếu đến từ chi phí chưa thực hiện trong kỳ, đạt 55,97 tỷ đồng, bằng 78,83% so với kế hoạch và giảm 51% so với cùng kỳ năm trước. Đây là các khoản đánh giá chênh lệch tăng giá tài sản tài chính so với giá vốn. Dù chỉ tiêu này chưa thực hiện nên không làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận thực hiện trong kỳ nhưng cũng cho thấy công ty có chiến lược đầu tư tự doanh đúng đắn, những tài sản tài chính nắm giữ cuối kỳ đánh giá lại có kết quả kinh doanh tốt hơn kỳ trước.

- Chi phí kinh doanh thực hiện trong kỳ đạt 228,74 tỷ đồng bằng 138,24% so với kế hoạch, tăng 10,01% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng từ khoản chi phí hoạt động tư vấn, mức tăng tương ứng với tăng trưởng hoạt động tư vấn trong năm 2019. Chi phí hoạt động môi giới giảm so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm trước tương ứng với sự sụt giảm doanh thu hoạt động môi giới.

Chi phí hoạt động tài chính trong kỳ đạt 39,51 tỷ đồng bằng 83,80% kế hoạch và tăng 43,04% so với cùng kỳ năm trước. Khoản chi này tăng so với kỳ trước nhưng do Công ty có chủ trương huy động vốn vay phục vụ hoạt động cho vay margin, ứng trước vì vậy chi phí lãi vay tăng lên tương ứng, tuy nhiên mức tăng vẫn thấp hơn kế hoạch đề ra và không làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh trong kỳ

Chi phí quản lý thực hiện là 88,16 tỷ đồng, bằng 108,30% so với số kế hoạch và tăng 17,40% với cùng kỳ năm trước. Chi phí quản lý chủ yếu là các khoản chi phí lương cho nhân viên; các chi phí nhằm thúc đẩy, hỗ trợ phát triển cho các hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài tăng nhẹ do Công ty triển khai các hoạt động cho chuỗi chương trình kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty, tuy nhiên các khoản chi này vẫn được kiểm soát một cách hiệu quả, bám sát kế hoạch đề ra.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng doanh thu:

Chỉ tiêu Doanh thu	Thực hiện 2018	Tỷ trọng	Thực hiện 2019	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Doanh thu hoạt động	**522.954**	**95,50%**	**541.264**	**96,03%**	**3,50%**
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	171.590	31,34%	135.859	24,10%	-20,82%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	168.791	30,82%	193.702	34,37%	14,76%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính	167.046	30,51%	192.826	34,21%	15,43%
Trong đó:					
doanh thu thực hiện	83.449	15,24%	128.988	22,88%	54,57%
doanh thu chưa thực hiện	83.597	15,27%	63.838	11,33%	-23,64%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh. đại lý phát hành chứng khoán	280	0,05%	63	0,01%	-77,63%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6.518	1,19%	5.846	1,04%	-10,31%
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	7.330	1,34%	11.023	1,96%	50,39%
1.7. Doanh thu hoạt động khác	1.399	0,26%	1.945	0,35%	39,01%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	**24.625**	**4,50%**	**22.391**	**3,97%**	**-9,07%**
Tổng Doanh thu (1) + (2)	**547.579**	**100%**	**563.655**	**100%**	**2,94%**

Đơn vị: Triệu đồng

Doanh thu của Công ty đến từ các hoạt động chính như môi giới, cho vay và phải thu, đầu tư tài sản tài chính (tự doanh), lưu ký, tư vấn và doanh thu khác trong đó chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu bao gồm hoạt động cho vay & phải thu, đầu tư tài sản tài chính & môi giới.

Cơ cấu doanh thu các nghiệp vụ 2018 - 2019

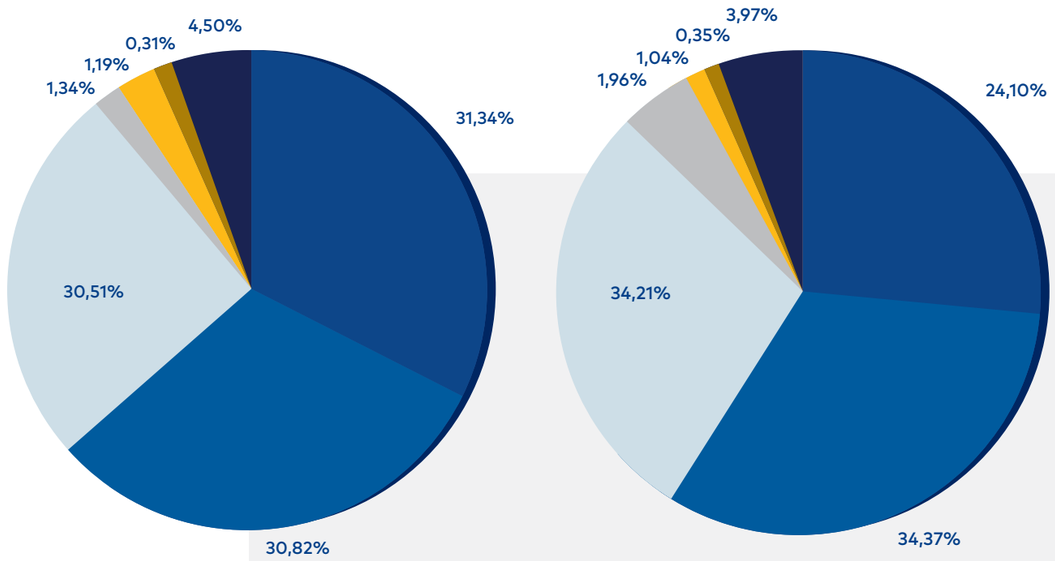

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng chi phí:

Chỉ tiêu chi phí	Thực hiện 2018	Tỷ trọng	Thực hiện 2019	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	(322.133)	75,82%	(284.703)	69,04%	-11,62%
Trong đó: chi phí thực hiện	(207.927)	48,94%	(228.736)	55,47%	10,01%
chi phí chưa thực hiện	(114.207)	26,88%	(55.967)	13,57%	-51,00%
2. Chi phí tài chính	(27.618)	6,50%	(39.505)	9,58%	43,04%
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(75.089)	17,67%	(88.156)	21,38%	17,40%
Tổng chi phí	**(424.840)**	**100%**	**(412.363)**	**100%**	**-2,94%**

Đơn vị: Triệu đồng

Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là Chi phí hoạt động kinh doanh, chiếm 69,04% tổng chi phí. Hạng mục này bao gồm chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chính như: phí giao dịch trả sở, phí lưu ký, chi phí hoạt động tự doanh... và chi phí hoạt động cho hoạt động cho khối kinh doanh như chi phí thuê nhà, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài...Trong đó: chi phí hoạt động kinh doanh thực hiện trong kỳ đạt 228,74 tỷ đồng, chiếm 55,47% tổng chi phí tăng 10,01% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí kinh doanh chưa thực hiện là các khoản chênh lệch đánh giá giảm đối với tài sản tài chính (chứng khoán tự doanh). Chi phí này đạt 55,97 tỷ đồng, chiếm 13,57% tổng chi phí, giảm 51,0% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay để huy động vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động cho vay margin ứng trước và các hoạt động kinh doanh khác. Chi phí này đạt 39,51 tỷ đồng, chiếm 9,58% tổng chi phí, tăng 43,04% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 88,16 tỷ đồng, chỉ chiếm 21,38% tổng chi phí và tăng 17,40 % so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí được phân bổ hợp lý, các khoản chi phí được tập trung cho các mảng hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn như môi giới và các mảng dịch vụ khách hàng, tự doanh, chi phí quản lý được kiểm soát chặt chẽ đã góp phần mang lại kết quả hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra.

Đánh giá các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong năm 2019

Môi giới

Trong bối cảnh diễn biến thị trường (như đã trình bày ở trên), trước tác động của Thông tư số 128 đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động môi giới, cạnh tranh trong khối các CTCK trong khi BVSC vẫn còn tồn tại những rào cản về vốn, kết quả hoạt động môi giới trong năm 2019, như sau:

Bảng số liệu giao dịch năm 2019

Giá trị giao dịch	Năm 2018		Năm 2019		So sánh với cùng kỳ 2018	
	Thị trường	Công ty	Thị trường	Công ty	Thị trường	Công ty
Tại HSX	1.346,02	81,11	989,09	75,17	73,48%	92,68%
Tại HNX	196,86	12,61	102,36	5,61	52,00%	44,46%
Tại Upcom	93,49	5,84	73,47	6,49	78,58%	111,17%
Tổng cộng	**1.636,37**	**99,56**	**1.164,92**	**87,27**	**71,19%**	**87,66%**

Nguồn: HNX, HSX, BVSC

Đơn vị tính: 1.000 tỷ

Kết quả hoạt động Môi giới năm 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018	KH năm 2019	Năm 2019	% TH so với cùng kỳ	% TH so với KH 2019
Doanh thu (Tỷ Đồng)	171,59	153	135,86	79,18%	88,80%
Thị phần giao dịch (%)	3,04%	3,67%	3,74%	123,03%	101,91%
Số lượng tài khoản	65.135	67.530	66.649	102,32%	98,70%

Ghi chú: Số liệu thị phần là số liệu theo tính toán của BVSC tại cả 3 sàn giao dịch

Số liệu trên cho thấy, hoạt động môi giới mặc dù chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thanh khoản thị trường sụt giảm, tuy nhiên nỗ lực tăng trưởng thị phần trong năm vừa qua thông qua một loạt các giải pháp về chính sách lãi suất, chính sách phí cạnh tranh, ra mắt sản phẩm mới IBond Var & Ibond Fix.... đã mang lại kết quả doanh thu đạt 135,8 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch và bằng xấp xỉ 80% so với cùng kỳ trong bối cảnh thanh khoản thị trường 2019 chỉ tương đương 71% so với 2018

Bảng xếp hạng thị phần tại HNX và HSX

Nguồn: HNX, HSX

Thị phần giao dịch	Quý I				Quý II				Quý III				Quý IV			
	Trái phiếu		Cổ phiếu		Trái phiếu		Cổ phiếu		Trái phiếu		Cổ phiếu		Trái phiếu		Cổ phiếu	
	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX	HSX	HNX
Vị trí	4	4	6		4	4	6		4	5	7		6	3		
Thị phần (%)	1,79%	Nhóm có thị phần trên 10%	3,67%	2,37%	2,75%	Nhóm có thị phần trên 10%	3,89%	2,93%	2,22%	Nhóm có thị phần từ 5% đến 10%	4,48%	2,70%	0,62%	Nhóm có thị phần trên 10%	2,91%	2,78%

Thị phần môi giới CP & CCQ

- Thị phần môi giới CP&CCQ chung cho cả ba sàn giao dịch đạt 3,74% bằng 123,03% so với cùng kỳ năm trước.
- Thị phần môi giới trái phiếu tại HSX đạt 1,75% đứng thứ 5 trong TOP 10, tại HNX đứng thứ 3 trong TOP 10 và nằm trong nhóm Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới trên 10%.

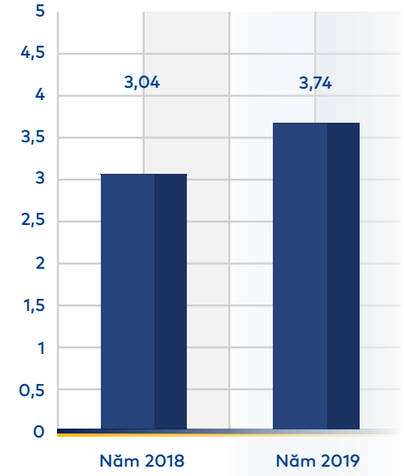

Kết quả trên cho thấy những nỗ lực của BVSC mang lại hiệu quả thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp, cụ thể:

- Giảm pháp về CNTT đối với dịch vụ môi giới: hoàn tất thực hiện việc tối ưu hệ thống cơ sở dữ liệu, golive hệ thống sản phẩm mới iBond, hoàn tất việc tích hợp phần mềm thu chi hộ với Vietinbank....
- Chính sách lãi suất và phí giao dịch hấp dẫn, cạnh tranh và thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với thị trường. Mặc dù nguồn lực tài chính còn hạn chế, tuy nhiên với việc quản trị tài chính hiệu quả bằng nhiều giải pháp linh hoạt, BVSC đã nỗ lực trong việc quản trị nguồn vốn ổn định cho các hoạt động margin, ứng trước, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, BVSC còn xây dựng các tiêu chí phân loại và đánh giá khách hàng để thiết kế các gói dịch vụ tài chính phù hợp và tối ưu nhất cho khách hàng.
- Giải pháp về nguồn nhân lực: Thông qua việc xây dựng chính sách khoán môi giới linh hoạt và đa dạng, cạnh tranh là tiền để để Công ty thu hút tuyển dụng nhân sự. Tỷ lệ tuyển dụng trong năm 2019 tăng 17,2% so với cùng kỳ. Trong năm qua, Công ty tiếp tục tăng cường đào tạo phân tích kỹ thuật, thực hiện kiểm tra nghiệp vụ và huấn luyện nội bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự. Các chương trình thi đua nội bộ hướng tới các nhóm lao động thuộc các cấp bậc khác nhau được đẩy mạnh tạo động lực cho việc tăng năng suất lao động.
- Tăng cường chăm sóc khách hàng bằng các sản phẩm tư vấn cập nhật có chất lượng, đặc biệt Công ty tổ chức chương trình tri ân khách hàng nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty "Sinh nhật vàng, ngập tràn quà tặng" được xem là điểm nhấn nhằm tăng sự gắn kết khách hàng.
- Hoạt động môi giới khách hàng tổ chức được đẩy mạnh triển khai trong năm với những kết quả tích cực: BVSC đẩy mạnh việc tiếp xúc, phát triển mối quan hệ với khách hàng tổ chức thông qua kênh bán hàng truyền thống và mở rộng thêm kênh bán hàng mới trên cơ sở hợp tác quốc tế với các tổ chức tài chính lớn trên thế giới như: Fenghe Fund Management, Gam Investment, Phatra Asset Management, FIM Partners, Baillie & Gifford, ... Thị phần môi giới KHTC trong năm 2019 tăng nhẹ 1,37% so với cùng kỳ.

BVSC đẩy mạnh việc tiếp xúc, phát triển mối quan hệ với khách hàng tổ chức thông qua kênh bán hàng truyền thống và mở rộng thêm kênh bán hàng mới trên cơ sở hợp tác quốc tế với các tổ chức tài chính lớn trên thế giới.

Tự doanh

Trong năm 2019 BVSC vẫn tiếp tục giữ chủ trương không mở rộng quy mô đầu tư tự doanh để tập trung nguồn vốn cho các dịch vụ kinh doanh khác của Công ty. Đây là một chiến lược đúng đắn trong bối cảnh diễn biến thị trường không thuận lợi, nhu cầu về vốn đối với các dịch vụ kinh doanh khác của Công ty đang ở mức cao trong khi công ty chưa triển khai được kế hoạch tăng vốn.

Tỷ trọng nguồn vốn sử dụng cho hoạt động tự doanh cổ phiếu và chứng chỉ quỹ của BVSC duy trì ở mức 30% Vốn chủ sở hữu. Công ty đẩy mạnh giao dịch chứng chỉ quỹ ETF, tổng giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trong năm 2019 đạt gần 500 tỷ đồng. Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu, ngoài các giao dịch trading BVSC đã tận dụng lợi thế của Nhà tư vấn phát hành trái phiếu để tìm kiếm được những deal đầu tư trái phiếu an toàn, lãi suất tốt cho Công ty.

Lưu ký chứng khoán

Là hoạt động đòi hỏi sự chuẩn mực, cẩn trọng, dịch vụ lưu ký chứng khoán được triển khai trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán và sự chuyên nghiệp của BVSC. Trong năm 2019 BVSC được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam vinh danh với giải thưởng Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở hai năm liên tiếp (2018 – 2019). Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 5,85 tỷ đồng, đạt 106,3% so với kế hoạch.

Trong năm Công ty đã tiếp nhận lưu ký chứng khoán cho các công ty mới niêm yết và đã niêm yết trên HSX, HNX, UPCOM với số lượng trên 251 triệu cổ phần. Thực hiện chốt 3.200 danh sách lưu ký cổ phiếu và trái phiếu để tiến hành trả cổ tức, phát hành thêm cổ phiếu, lấy ý kiến cổ đông, đại hội cổ đông...

BVSC phối hợp chặt chẽ cùng với các Ngân hàng đáp ứng tốt các yêu cầu nộp rút tiền của khách hàng, thực hiện 759 giao dịch nộp và 4.244 giao dịch rút với tổng số tiền 2.190 tỷ đồng.

Thực hiện chốt

3.200

Danh sách

Lưu ký

251

triệu cổ phần

Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở 2018 - 2019

Tư vấn và bảo lãnh phát hành

Mặc dù chiếm tỷ trọng không lớn trong cơ cấu doanh thu, tuy nhiên hoạt động tư vấn là một trong những hoạt động cốt lõi góp phần tạo nên vị thế thương hiệu của BVSC trên thị trường (vui lòng tham khảo Mục Giải thưởng tại Chương I báo cáo này). Không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng, đẩy mạnh triển khai các hoạt động vốn là thế mạnh của BVSC như tư vấn cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp...Năm 2019 Công ty ký mới 76 Hợp đồng và hoàn tất tư vấn trên 60 Hợp đồng, mang lại doanh thu trên 11 tỷ đồng, hoàn thành 116% kế hoạch và tăng 50% so với cùng kỳ.

Có thể nói, 2019 là một năm đặc biệt thành công đối với BVSC không chỉ trên phương diện doanh thu. BVSC hoàn tất thương vụ tư vấn thành công cho Samsung SDS Asia mua 25 triệu cổ phần phát hành riêng lẻ tại CTCP Tập đoàn công nghệ CMC. Đặc biệt, BVSC đã tư vấn thành công thương vụ Sumitomo Life đầu tư thêm 4.012 tỷ đồng mua hơn 41 triệu cổ phần Tập đoàn Bảo Việt với giá mua cao hơn khoảng 35% giá thị trường đã đưa thương vụ này trở thành một trong số ít thương vụ tiêu biểu trên TTCK trong năm vừa qua. Trong năm BVSC tiếp tục được bình chọn là "Tổ chức Tư vấn M&A tiêu biểu Việt Nam năm 2018-2019" tại Diễn đàn M&A 2019; Giải thưởng "Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam 2019 ở hạng mục Dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB)"; Giải thưởng "Best Securities Advisory Firm – 2019" của International Finance Magazine (IFM).

Doanh thu Tư vấn & Bảo lãnh phát hành trong 3 năm

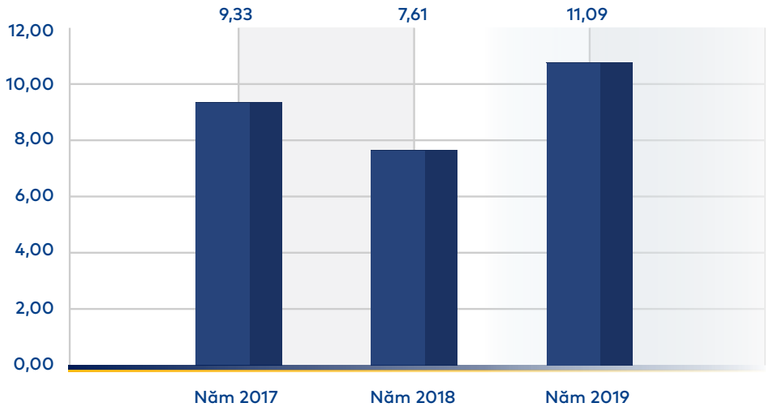

Các hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi

Hoạt động cho vay và phải thu đóng góp tỷ trọng doanh thu khá lớn vào kết quả kinh doanh năm 2019. Mặc dù quy mô vốn còn hạn chế, nhưng với biện pháp quản trị nguồn vốn hợp lý, Công ty chủ động cơ cấu lại nguồn vốn tự có như giảm tỷ trọng đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, giảm tỷ trọng cổ phiếu dài hạn và những trái phiếu đáo hạn được thu hồi vốn, chuyển sang hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán. Ngoài ra Công ty cũng vay ngắn hạn tại các ngân hàng với lãi suất hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn. Cuối năm 2019, Công ty phát hành thêm 1,000,000 trái phiếu kỳ hạn 2 năm tương ứng số tiền phát hành 100 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty, trong đó có hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các nguồn lực tài chính này đã hỗ trợ khách hàng vay giao dịch ký quỹ với lãi suất cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng giao dịch chứng khoán, nhằm gia tăng thị phần môi giới đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của công ty.

Doanh thu hoạt động cho vay, phải thu và lãi tiền gửi đạt 217,68 tỷ đồng, tăng 12,73% so với kế hoạch.

Công tác quản lý và hỗ trợ

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm

Hoạt động Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm trong năm qua được duy trì ổn định nhằm đảm bảo hệ thống giao dịch thông suốt và an toàn, đáp ứng quy mô hàng triệu lệnh trong năm.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế của khách hàng và thị trường, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm không ngừng được chú trọng. Tháng 8/2009, Công ty chính thức cung cấp sản phẩm mới iBond, đây là một kênh đầu tư mới dành cho khách hàng nhằm đa dạng hóa danh mục đầu tư của mình một cách hiệu quả. Với sự ra đời của IbondVar và IbondFix, khách hàng thêm một lựa chọn đầu tư và hưởng mức lãi suất cao vượt trội với cơ chế linh hoạt hơn hình thức gửi tiết kiệm hoặc chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng.

Nghiên cứu phân tích

Với hàng trăm báo cáo phân tích với các dòng sản phẩm khác nhau định hướng theo nhu cầu khách hàng, bao gồm phân tích ngành và công ty, Báo cáo vĩ mô, phân tích kỹ thuật và thị trường, tư vấn trong phiên, có thể nói các sản phẩm của BVSC đã và đang liên tục được cải thiện và bám sát nhu cầu nhà đầu tư.

Hoạt động nghiên cứu phân tích của BVSC đã và đang được đầu tư đúng hướng, khẳng định mục tiêu của Công ty là không ngừng nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư phục vụ khách hàng. Trong năm 2019, BVSC đã thường xuyên tổ chức các buổi Hội thảo giới thiệu các cơ hội đầu tư phù hợp với danh mục đầu tư riêng của từng quỹ để tăng tính hiệu quả cho các quỹ như: MB Capital, PTI, SSIAM, BVF... Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các buổi tọa đàm về kinh tế vĩ mô với các diễn giả hàng đầu như một hình thức tăng cường dịch vụ khách hàng, đặc biệt đối với nhóm khách hàng tổ chức.

Các chuyên gia phân tích của BVSC là đối tác chuyên môn với các kênh truyền thông đại chúng thông qua việc tham gia hàng trăm cuộc phỏng vấn, tọa đàm về diễn biến vĩ mô, xu hướng thị trường..... Thông qua các hoạt động này góp phần thúc đẩy xây dựng thương hiệu và nâng cao hình ảnh của BVSC.

Công nghệ thông tin

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của TTCK, cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ thông tin (CNTT) đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của BVSC. Đây là hoạt động trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng lẫn tối ưu hệ thống cơ sở dữ liệu, trong năm 2019 bên cạnh việc đảm bảo duy trì vận hành hệ thống giao dịch thông suốt, hoạt động CNTT tập trung triển khai các dự án sau:

- Golive hệ thống sản phẩm mới iBond (tháng 8/2019) và tiếp tục triển khai các gói nâng cấp Ibond trên BVS@trade và BVSC Mobile.
- Dự án phần mềm thu chi hộ điện tử.
- Nâng cấp bảo mật và chuẩn hóa hệ thống mạng WAN.
- Tiếp tục nghiên cứu triển khai dự án website mới để mang đến những tiện ích hoàn hảo cho khách hàng.

Pháp chế và kiểm soát nội bộ

Pháp chế:

Với vai trò đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật; từ đó giảm thiểu mọi rủi ro pháp lý và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, năm 2019 Bộ phận Pháp chế triển khai các hoạt động và đạt được kết quả như sau:

Soạn thảo & thẩm định các văn bản nội bộ của Công ty
Bộ phận Pháp chế là đầu mối rà soát, soạn thảo trình ĐHĐCĐ, HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty ban hành 12 quy chế, quy trình nội bộ công ty và hàng chục văn bản nội bộ khác liên quan tới quản trị điều hành.. như Điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 10; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy trình giao dịch Trái phiếu iBond, Quy trình đăng ký Dịch vụ GDCKTT&CTI, Quy trình nhận chuyển khoản tiền qua hệ thống thu hộ điện tử, Quy trình cập nhật hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán...;

Tham mưu & hỗ trợ pháp lý cho Ban lãnh đạo và các Phòng nghiệp vụ
Đây là hoạt động thường xuyên trong năm, bộ phận Pháp chế có trách nhiệm đưa ra các tư vấn pháp lý phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty và yêu cầu của Khách hàng;

Soạn thảo và thẩm định hợp đồng và các biểu mẫu hợp đồng
Để đảm bảo tối đa quyền lợi của Công ty, hạn chế các rủi ro pháp lý phát sinh từ các hợp đồng, thỏa thuận ký kết với đối tác và khách hàng, Bộ phận pháp chế có trách nhiệm soạn thảo & thẩm định xấp xỉ 200 hợp đồng và các biểu mẫu hợp đồng ký kết với khách hàng & đối tác liên quan tới mọi mặt hoạt động của Công ty.

Hoạt động nghiên cứu
Năm 2019 là năm các cơ quan quản lý xây dựng, ban hành nhiều văn bản pháp luật và chính sách mới quan trọng ảnh hưởng đến việc phát triển thị trường chứng khoán, cũng như tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty... Trước sự thay đổi của các quy định pháp luật và chính sách mới này, Bộ phận pháp chế tích cực nghiên cứu các quy định mới; tham gia góp ý kiến và các hội thảo về việc lấy ý kiến soạn thảo các văn bản hướng dẫn Luật chứng khoán sửa đổi năm 2019; tham gia các hội thảo triển khai thi hành văn bản pháp luật mới nhằm hiểu rõ và đầy đủ các quy định của pháp luật; để từ đó tham mưu, tư vấn cho Ban lãnh đạo công ty trong quá trình xây dựng quy chế, quy trình nghiệp vụ và các vấn đề phát sinh liên quan hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh của Công ty, cũng như để xây dựng kế hoạch làm việc của Bộ phận năm 2020.

Kiểm soát nội bộ:

KSNB trong năm vừa qua đã thực hiện các kỳ kiểm tra và đánh giá tính tuân thủ tại các phòng ban/ bộ phận trong Công ty nhằm giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của các bộ phận tác nghiệp và kinh doanh trực tiếp. Báo cáo của KSNB đưa ra các khuyến nghị và đánh giá nhằm đảm bảo tính tuân thủ đúng đắn đối với quy trình, quy chế của công ty cũng như quy định của pháp luật, đảm bảo sự tách bạch trong quản lý tiền và tài sản của Khách hàng với tiền và tài sản của Công ty, tính toàn vẹn và an toàn của tài sản công ty cũng như phản ảnh mức độ tin cậy, tính chính xác, trung thực và tính bảo mật của thông tin dữ liệu.
Trong năm 2019, các mục tiêu kiểm soát tiếp tục được mở rộng và tăng cường so với những năm trước đây. Các kỳ kiểm soát tuân thủ và soát xét báo cáo đã thực hiện trong năm 2019 bao gồm:

Kiểm soát tuân thủ định kỳ năm

Nội dung	Mục tiêu kiểm soát chính
1. Kiểm tra tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy trình mua sắm quản lý tài sản.	• Đảm bảo các khoản chi phí là hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành và được hạch toán đúng với các định mức trong quy định nội bộ Công ty. • Đảm bảo tài sản của công ty được mua sắm hợp lý, sử dụng và quản lý khoa học, an toàn và tiết kiệm.
2. Kiểm tra tuân thủ Quy trình vận hành hệ thống công nghệ thông tin, Quy trình cập nhật hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán và các Quy định về công tác an ninh bảo mật hệ thống.	• Đảm bảo hệ thống CNTT vận hành theo quy trình của Công ty cũng như tuân thủ các quy định của Sở giao dịch chứng khoán cả về cơ sở vật chất hạ tầng lẫn yêu cầu kỹ thuật. • Đảm bảo lưu trữ và bảo vệ dữ liệu giao dịch của khách hàng an toàn trong trường hợp xảy ra sự cố.
3. Kiểm tra tuân thủ Quy chế đầu tư tự doanh.	• Đảm bảo việc tuân thủ đúng theo quy trình đầu tư nói chung cũng như các kế hoạch đầu tư cụ thể đã được phê duyệt trong năm. • Đảm bảo tính tuân thủ trong các hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro...
4. Kiểm tra hoạt động ủy quyền giao dịch chứng khoán của Khách hàng.	• Đảm bảo các hồ sơ ủy quyền được lập hợp pháp tại cơ quan công chứng; các thông tin về người ủy quyền, thời hạn ủy quyền, các dịch vụ ủy quyền v.v... được khai báo chính xác lên hệ thống phần mềm. • Các giao dịch của người được ủy quyền tuân thủ theo các quy định pháp luật.
5. Kiểm tra công tác gán/ điều chuyển môi giới; công tác khai báo và tính toán chi trả thu nhập cho nhân viên môi giới phát triển khách hàng	• Đảm bảo sự chính xác về giá trị, đối tượng, thời điểm phát sinh và tuân thủ theo chính sách, quy trình nội bộ Công ty.
6. Kiểm tra tuân thủ Quy trình Lưu ký liên quan giao dịch về tiền, ký gửi/ chuyển khoản chứng khoán của Khách hàng.	• Đảm bảo sự chính xác về giá trị, khớp đúng đối tượng khách hàng và thời gian của giao dịch. • Đảm bảo tính chính xác và tách bạch giữa tiền của Khách hàng với tiền của công ty.
7. Kiểm tra tuân thủ công tác mở tài khoản của Khách hàng nước ngoài tại Chi nhánh	• Đảm bảo các hồ sơ mở tài khoản của nhóm khách hàng nước ngoài tại Chi nhánh tuân thủ theo đúng quy trình giao dịch chứng khoán đã được ban hành
8. Kiểm tra các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng có đăng ký tài khoản ngân hàng chuyển khoản ra ngoài khác chủ tài khoản.	• Đảm bảo việc khai báo hồ sơ khách hàng của các tài khoản giao dịch chứng khoán đăng ký dịch vụ chuyển khoản ra ngoài khác chủ tài khoản là hợp lệ và trùng khớp với thông tin trên hệ thống quản lý của BVSC.

Kết quả của các đợt kiểm soát tuân thủ định kỳ năm 2019 cho thấy:

- Các Phòng ban trong Công ty tuân thủ tốt theo các quy trình nội bộ Công ty và các quy định của pháp luật. Không có vi phạm tuân thủ hay sai sót ở mức độ trọng yếu trong quá trình tác nghiệp của các Phòng ban.
- Các sai sót đã được phát hiện từ các đợt kiểm soát tuân thủ định kỳ của các năm trước đều có xu hướng giảm, được các Phòng ban cải thiện và chỉnh sửa.
- Công ty tuân thủ các quy trình nội bộ và quy định pháp luật trong việc quản lý tách bạch tiền và tài sản của Khách hàng với tiền và tài sản của Công ty. Tài sản của Công ty được quản lý tốt hướng tới mục tiêu toàn vẹn và an toàn. Thông tin dữ liệu hoạt động kinh doanh đảm bảo tính tin cậy, chính xác, trung thực và được bảo mật.

Soát xét các báo cáo tài chính và hồ sơ giao dịch chứng khoán

Trong năm 2019, KSNB phối hợp với các phòng liên quan thực hiện soát xét báo cáo gửi tới các cơ quan quản lý Nhà nước. Bộ phận KSNB đã thực hiện soát xét hơn 107 báo cáo liên quan báo cáo hoạt động tháng, báo cáo tỷ lệ an toàn vốn khả dụng, báo cáo số dư tiền của nhà đầu tư. Đồng thời, bộ phận KSNB đã tiếp nhận, kiểm tra và lưu trữ hơn 19 nghìn lượt hồ sơ và phiếu lệnh giao dịch của khách hàng đảm bảo tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của các tài liệu lưu trữ.

Truyền thông và phát triển thương hiệu

Năm 2019 gắn với một dấu mốc quan trọng trong lịch sử công ty khi BVSC tròn 20 năm song hành cùng TTCK Việt Nam. Bên cạnh những hoạt động thường niên, điểm nhấn trong các hoạt động xây dựng thương hiệu trong năm là việc triển khai chuỗi sự kiện xuyên suốt hướng tới kỷ niệm dấu quan trọng này.

BVSC tổ chức liveshow **"Khát vọng"** tại Nhà Hát Lớn Hà Nội và Tiệc tri ân **"Cảm ơn tình yêu"** tại TP.HCM với sự góp mặt của những danh ca hàng đầu như Thanh Lam, Trọng Tấn, Uyên Linh... nhằm tri ân các đối tác, khách hàng và lãnh đạo công ty qua các thời kỳ, để gợi nhắc chặng đường 20 năm hình thành, phát triển và mở ra khát vọng hướng đến vị thế cao hơn trong tương lai. Song song, nhằm tri ân khách hàng nhân dịp thành lập Công ty cũng như hướng tới kỷ niệm 55 thành lập Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt, Công ty triển khai các chương trình khuyến mãi tặng quà bằng nhiều hình thức khác nhau, qua đó đã tăng thêm sự gắn kết với các khách hàng.

Bên cạnh đó, các hoạt động truyền thông ra công chúng xuyên suốt cả năm đều hướng tới dấu mốc quan trọng trên và định vị thương hiệu BVSC là công ty chứng khoán uy tín & DNNY minh bạch. Năm 2019 BVSC tiếp tục được ghi nhận và tôn vinh từ các cơ quan quản lý lẫn các tổ chức truyền thông trong và ngoài nước bằng những giải thưởng có giá trị như "Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2018-2019 HNX và HSX", "Tổ chức Tư vấn M&A tiêu biểu Việt Nam năm 2018-2019" tại Diễn đàn M&A thường niên; "Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam 2019", hạng mục Dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB); "Best Securities Advisory Firm – 2019" do tạp chí International Finance Magazine – Anh Quốc bình chọn, "Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững năm 2019" – do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi Trường, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng; "Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2019 - Nhóm vốn hóa vừa" tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2019...

Xây dựng thương hiệu Công ty thông qua truyền thông nội bộ để mỗi cán bộ BVSC sẽ là một đại sứ thương hiệu của BVSC. Năm 2019 với dấu mốc 20 năm hình thành và phát triển, BVSC đẩy mạnh xây dựng thương hiệu Công ty thông qua chuỗi sự kiện mang tên **"20 năm – Từ trái tim đến hành động"**, bằng nhiều nội dung và hình thức thể hiện khác nhau, như phát động phong trào **Thay đổi từ chính mình, Nói Không với Zombie Công sở, Tọa đàm Câu chuyện tương lai**, Hội thi cắm trại với chủ đề **"BVSC - Ngôi nhà hạnh phúc"**, BVSC đã khơi dậy tinh thần đổi mới sáng tạo, thái độ làm việc chuyên nghiệp & tận tâm, tình đồng nghiệp và sự hợp tác trong toàn thể cán bộ nhân viên làm việc tại công ty, những điều này sẽ tạo nên một BVSC với sự phát triển bền vững trong tương lai.

Chuỗi sự kiện kỷ niệm "20 năm - Từ trái tim đến hành động"

Phát triển nguồn nhân lực

Một trong những yếu tố nòng cốt cho sự phát triển bền vững và tạo lợi thế cạnh tranh của BVSC là nguồn nhân lực. Trong nhiều năm qua, BVSC luôn đặt mục tiêu phát triển con người là nhiệm vụ trọng tâm. Chính sách nhân sự của BVSC tập trung vào bốn nhóm giá trị nhằm nâng tầng động lực cho người lao động, hướng tới xây dựng nguồn nhân lực có tính cạnh tranh bền vững. Bốn giá trị hướng tới bao gồm Sức khỏe & Tri thức, Tính công bằng và Sự hợp tác được Công ty xây dựng thành bộ thông điệp truyền thông nội bộ: **Thể lực sung sức - Trí lực vững vàng - Tưởng thưởng rõ ràng - Đồng nghiệp hợp tác**. Bốn giá trị này cũng là nền tảng xuyên suốt trong các định hướng chính sách về tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ và xây dựng văn hóa Công ty.

Tuyển dụng:

Tỷ lệ tuyển dụng mới năm 2019 là 17.2%, trong đó, tuyển dụng mới đội ngũ nhân viên tại các phòng Giao dịch chiếm tỷ trọng 65%, phù hợp với định hướng kinh doanh đẩy mạnh mảng môi giới. Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2019 là 545 người. Trong đó lao động tại Trụ sở chiếm 60%, tại Chi nhánh là 40%. .

Với việc hoàn tất phân hệ tuyển dụng trong phần mềm quản lý nhân sự, BVSC đã đẩy mạnh việc ứng tuyển trực tuyến, giúp tiết kiệm thời gian và tăng tính chủ động của ứng viên và rút ngắn quy trình chọn lọc và xét tuyển tại Công ty. Việc tiếp cận với nguồn ứng viên cũng được BVSC đa dạng hóa nhằm tìm kiếm được những nhân sự phù hợp nhất cho các vị trí cần tuyển. Năm 2019, Công ty đẩy mạnh việc sử dụng kênh tuyển dụng thông qua mạng xã hội với các group nghề nghiệp liên quan, các diễn đàn nhân sự, cũng như kết nối với các hiệp hội như Hiệp hội CFA, Hiệp hội FRM... và từ các cuộc thi quy mô lớn như Go Finance của trường Đại học Kinh tế quốc dân, cuộc thi Financial Student Contest 2019 của trường Đại học Ngoại Thương TP. HCM; BVSC cũng phối hợp với các trường đại hội tổ chức các buổi thăm quan thực tế doanh nghiệp & giới thiệu cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên các trường đại học lớn như Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Luật Hà Nội, Đại học Ngoại Thương TP. HCM, Đại học Mở TP. HCM, Đại học Kinh tế Luật TP. HCM... Đây là những hoạt động vừa góp phần thúc đẩy hiệu quả quá trình tuyển dụng vừa góp phần xây dựng thương hiệu Công ty trên thị trường. Năm 2019, BVSC được vinh danh trong TOP 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn tại cuộc bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Alphabe tổ chức dưới sự bảo trợ của VCCI.

Cơ cấu lao động phân theo chức năng

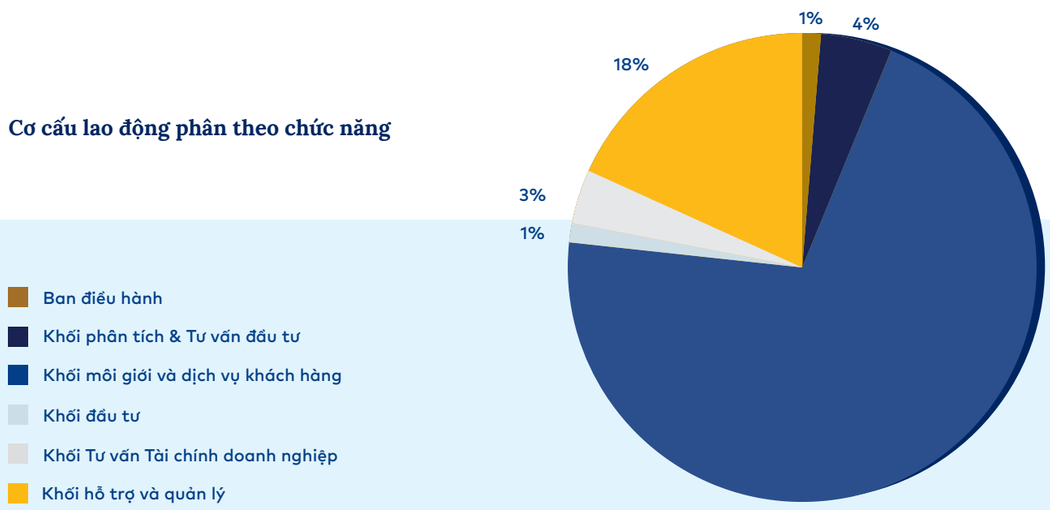

Đào tạo:

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự **"Trí lực vững vàng"** tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty, BVSC đã tiếp tục hoàn thiện khung chương trình đào tạo toàn diện cả về trình độ chuyên môn lẫn kỹ năng. Điểm nổi bật trong năm 2019 là BVSC đã chính thức chuyển đổi việc đạo tạo nội bộ cho đội ngũ cán bộ môi giới thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến. Với hình thức đào tạo này, cán bộ có thể chủ động sắp xếp thời gian học phù hợp theo chương trình đã được cài đặt sẵn trên bất kỳ thiết bị nào có kết nối internet. Các chương trình đào tạo với những môn học trực tuyến được xây dựng phù hợp theo từng cấp độ tương ứng với độ trưởng thành nghề nghiệp của nhân viên. Việc triển khai đào tạo trực tuyến đã giúp nâng cao hiệu quả trong công tác đào tạo và tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí của Công ty.

Trong năm 2019, BVSC đã triển khai được 1.700 giờ đào tạo nội bộ với các khóa đào tạo hội nhập, nghiệp vụ môi giới, quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Khung chương trình đào tạo tại BVSC năm 2019

	Đối tượng đào tạo	Nội dung đào tạo	Hình thức đào tạo
Đào tạo Hội nhập	Toàn bộ NLĐ	• Văn hóa công ty • Đạo đức người hành nghề chứng khoán • Các quy định và chính sách nội bộ của Công ty	• Đào tạo trực tuyến thông quan hệ thống elearning
Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ	Lao động khối môi giới	• Kiến thức chung về thị trường chứng khoán và BVSC • Hướng dẫn sử dụng phần mềm giao dịch tại BVSC • Quy trình nghiệp vụ về giao dịch • Kỹ năng phân tích cơ bản • Kỹ năng phân tích kỹ thuật • Thực hành giao dịch thực tế • Quản trị rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán • 07 chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và chứng chỉ chứng khoán phái sinh do UBCKNN đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề (bắt buộc) *(*): Định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức đợt kiểm tra trình độ của cán bộ môi giới/ lưu ký (bộ phận hỗ trợ trực tiếp khối môi giới khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng) nhằm đánh giá chất lượng nhân sự cũng như đánh giá những kiến thức còn hạn chế của môi giới và lưu ký, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo và nội dung đào tạo phù hợp*	• Đào tạo trực tuyến thông quan hệ thống elearning • Đào tạo trực tiếp với giảng viên nội bộ của Công ty • Đào tạo thuê giảng viên ngoài/ Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo • Hướng dẫn trực tiếp trong quá trình triển khai công việc (Trainning on Job)
	Lao động tại khối quản lý & hỗ trợ kinh doanh	• Quy trình nghiệp vụ của từng phòng ban • Đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu theo đề xuất của từng phòng ban, từng cán bộ • Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn có liên quan đến công việc của từng vị trí như CFA, ACCA, CPA, CMT, SHRM... • 07 chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và chứng chỉ chứng khoán phái sinh do UBCKNN đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề (theo yêu cầu của từng vị trí)	• Đào tạo trực tuyến thông quan hệ thống elearning • Đào tạo thuê giảng viên ngoài/ Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo • Hỗ trợ chi phí đào tạo các chứng chỉ chuyên môn • Hướng dẫn trực tiếp trong quá trình triển khai công việc (Trainning on Job)
Đào tạo kỹ năng	Quản lý & Lãnh đạo	Kỹ năng quản lý & lãnh đạo: • Kỹ năng lãnh đạo • Kỹ năng tạo động lực • Kỹ năng huấn luyện và kèm cặp • Kỹ năng tuyển dụng • Kỹ năng thuyết phục và gây ảnh hưởng	• Đào tạo thuê giảng viên ngoài/ Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo
	Chuyên viên & Nhân viên tại khối Môi giới	Kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc: • Kỹ năng bán hàng • Kỹ năng đàm phán và thuyết phục • Kỹ năng lập và quản lý kế hoạch kinh doanh • Kỹ năng tuyết trình • Kỹ năng giải quyết vấn đề • Kỹ năng quản lý thời gian • Kỹ năng quản lý sự thay đổi • Kỹ năng làm việc nhóm	• Đào tạo thuê giảng viên ngoài/ Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo
	Chuyên viên & Nhân viên tại khối Quản lý & Hỗ trợ	• Kỹ năng tuyết trình • Kỹ năng giải quyết vấn đề • Kỹ năng quản lý thời gian • Kỹ năng quản lý sự thay đổi • Kỹ năng làm việc nhóm • Kỹ năng soạn thảo văn bản, thiết kế báo cáo...	• Đào tạo thuê giảng viên ngoài/ Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo

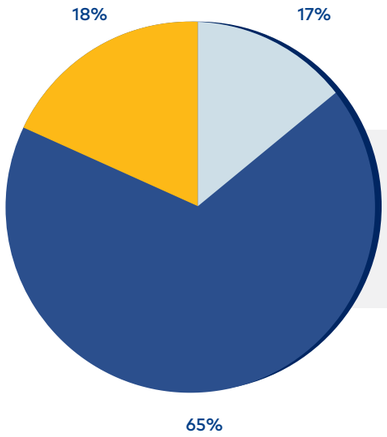

105 cán bộ có CCHN chứng khoán phái sinh

- Phân tích tài chính
- Quản lý quỹ
- Môi giới

Trong năm 2019

- **1 TỶ ĐỒNG:** Chi phí đào tạo năm 2019, tăng 43% so với cùng kỳ năm 2018
- **334:** lượt người tham gia đào tạo
- **4.544:** giờ đào tạo đã thực hiện, trong đó tổng số giờ đào tạo nội bộ là 1.700 giờ.

Đãi ngộ:

Tính công bằng là giá trị cốt lõi khi Công ty xây dựng chính sách đãi ngộ cho người lao động, do đó BVSC thực hiện trả lương dựa trên đánh giá giá trị công việc và thưởng dựa trên hiệu quả làm việc. Lương trả cho người lao động được xác định dựa trên 03 yếu tố chính là năng lực, khả năng giải quyết vấn đề, và phạm vi trách nhiệm; Hàng năm Công ty đều thực hiện khảo sát lương thị trường để đánh giá và điều chỉnh chính sách trả lương đảm bảo khả năng cạnh tranh. Tỷ lệ nâng lương bình quân trong năm 2019 là tăng 21% so với 2018, mức cạnh tranh cao so với mức nâng lương bình quân toàn thị trường là 8,9% theo khảo sát lương của Mercer – Talennet công bố.

Công ty thực hiện trả thưởng dựa trên đánh giá hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân. Đối với cán bộ thuộc khối môi giới, chính sách thưởng hiệu quả làm việc được xây dựng dựa trên hiệu quả doanh thu mang lại. Các tiêu chí đánh giá, tỷ lệ xét thưởng được xây dựng rõ ràng, minh bạch và hướng tới nhiều nhóm đối tượng lao động khác nhau bao gồm chính sách áp dụng đối với cấp nhân viên, cấp trưởng nhóm môi giới, và cấp quản lý. Đối với cán bộ thuộc khối quản lý và hỗ trợ, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm của từng cán bộ. Với phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc theo mục tiêu công việc, việc chi trả thưởng đảm bảo sự khách quan và minh bạch.

Tổng thu nhập bình quân của người lao động tại BVSC năm 2019 là 20.1 triệu đồng/ người/ tháng.

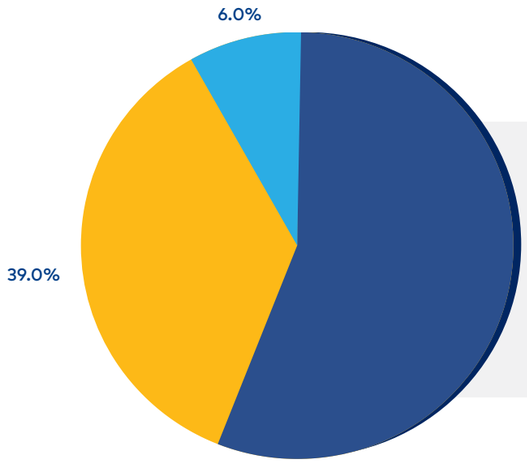

Tổng quan đãi ngộ tài chính năm 2019

Biểu đồ tổng quan đãi ngộ tài chính năm 2019 (Lương, thưởng, phúc lợi bằng tiền)

Tiền lương

- Lương theo công việc
- Lương tháng thứ 13
- Lương làm thêm giờ đến 350%
- Lương cho các ngày nghỉ hàng năm mà NLĐ chưa nghỉ

Phụ cấp

- Ăn trưa
- Đồng phục
- Điện thoại
- Công việc đặc thù

Tiền thưởng

- **Thưởng HQLV** (áp dụng đối với phòng ban khối quản lý và hỗ trợ)
- **Thưởng kinh doanh** (áp dụng đối với phòng ban kinh doanh)
- **Thưởng theo các chương trình thi đua**

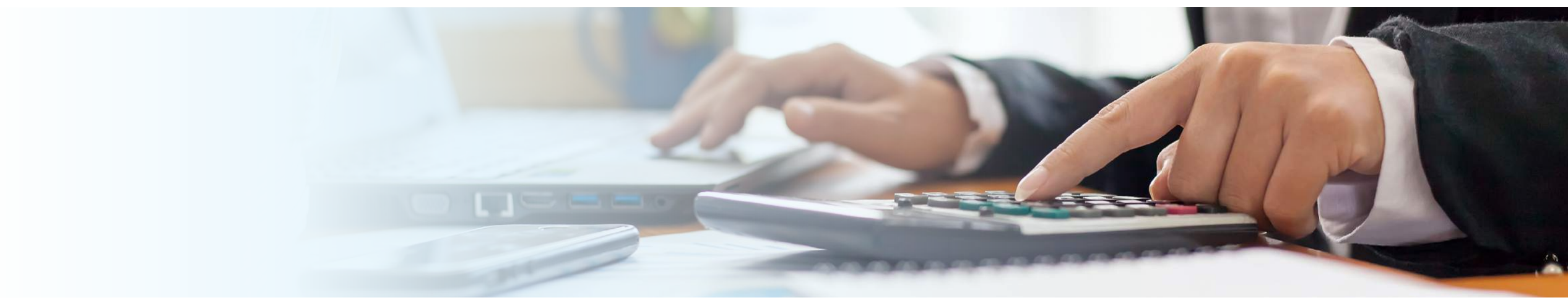

Năm 2019, Công ty tiếp tục triển khai các chính sách bảo hiểm ưu việt bao gồm BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm nhân thọ và Bảo hiểm các bệnh ung thư. Các chương trình bảo hiểm này được xây dựng thành các gói phúc lợi cụ thể rõ ràng áp dụng cho từng đối tượng cấp bậc nhân viên khác nhau. Cụ thể:

Sản phẩm	Ý nghĩa	Quyền lợi	Thực hiện trong năm 2019
BHXH, BHYT, BHTN	• Đảm bảo tuân thủ theo đúng quỹ định của Nhà nước để xây dựng hệ thống an sinh xã hội • Hỗ trợ tài chính NLĐ khi ốm đau, tai nạn, thai sản, mất việc làm, nghỉ hưu lúc tuổi già	• Được hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước	• Thực hiện đóng bảo hiểm đầy đủ theo đúng quy định cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty • Tổng chi phí BHXH, BHYT, BHTN năm 2019: 6.5 tỷ đồng
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Từ năm 2010)	• Bảo vệ rủi ro và chia sẻ tài chính cho cán bộ trước những rủi ro tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc trong các trường hợp thai sản	• Được bảo vệ rủi ro trong phạm vi vùng lãnh thổ tại Việt Nam, khu vực Châu Á Thái Bình Dương và phạm vi toàn cầu tương ứng với từng cấp bậc nhân sự • Được chi trả quyền lợi bảo hiểm tối đa tương ứng với từng cấp bậc nhân sự, mức bảo hiểm từ 105 triệu đồng/ người tới 5.2 tỷ đồng/ người	• Số lượng cán bộ đã được khám và chữa bệnh năm 2019: 242 lượt cán bộ • Tổng quyền lợi bảo hiểm được chi trả năm 2019: 1.6 tỷ đồng
Bảo hiểm nhân thọ (Từ năm 2015)	• Bảo vệ tính mạng và sức khỏe cho NLĐ trước các rủi ro không mong muốn trong suốt quá trình làm việc tới khi nghỉ hưu • Tích lũy tài chính để bổ sung thêm thu nhập bên cạnh lương hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước khi nghỉ hưu	• NLĐ sẽ được hưởng giá trị giải ước của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ khi nghỉ hưu hoặc một phần/ toàn bộ khi tất toán hợp đồng trước thời hạn nghỉ hưu • Nếu không may xảy ra rủi ro về tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn sẽ được cơ quan bảo hiểm chi trả bồi thường	• Công ty tiếp tục thực hiện trang bị sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cho toàn bộ NLĐ trong năm 2019
Bảo hiểm các bệnh Ung thư (K - Care) (Từ năm 2017)	• Chia sẻ rủi ro và hỗ trợ tài chính trước nguy cơ các bệnh ung thư ngày một gia tăng trước sức ép về ô nhiễm môi trường, thực phẩm ...	• Được chi trả quyền lợi bảo hiểm bằng tiền theo mức tối đa tương ứng với từng cấp bậc nhân sự ngay khi phát hiện bệnh để NLĐ có khoản tài chính chữa bệnh với mức bảo hiểm từ 292 triệu đồng/ người tới 1.17 tỷ đồng/ người	• Công ty tiếp tục thực hiện trang bị sản phẩm bảo hiểm các bệnh Ung thư cho toàn bộ NLĐ trong năm 2019

Bên cạnh chính sách bảo hiểm ưu việt, người lao động còn được hưởng nhiều chế độ phúc lợi khác như khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ công tác phí, phương tiện di chuyển đi công tác, chế độ nghỉ phép, chế độ làm thêm giờ, các khoản phúc lợi bằng tiền mặt chi vào những dịp đặc biệt ... Với các gói phúc lợi đang áp dụng hiện nay đã góp phần gia tăng sự gắn kết của người lao động đối với Công ty, nâng cao tính cạnh tranh về chính sách đãi ngộ, và đồng thời giúp người lao động thêm sự an tâm khi làm việc.

Chế độ phúc lợi

- Nghỉ mát hằng năm, team building
- Bảo hiểm sức khỏe toàn diện
- Chế độ công tác phí, phương tiện di chuyển đi công tác
- Chế độ nghỉ phép từ 12 - 16 ngày, được thanh toán lương cho những ngày phép chưa nghỉ
- Các khoản chi phúc lợi bằng tiền mặt trong các dịp đặc biệt: Lễ tết, kỷ niệm thành lập công ty...
- Khám sức khỏe định kỳ hằng năm
- BHXH, BHYT, BHTN
- Bảo hiểm nhân thọ
- Bảo hiểm các bệnh ung thư (K - care)

Biểu đồ phúc lợi của NLĐ năm 2017 - 2019

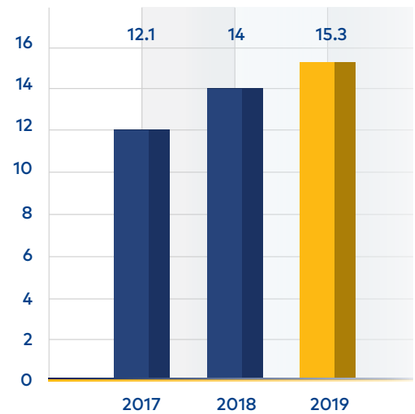

Đơn vị: Tỷ đồng

Môi trường làm việc:

Một trong những giá trị quan trọng để nâng tầng động lực cho người lao động là xây dựng môi trường làm việc, điều này đặc biệt quan trọng khi thế hệ nhân sự Gen Y, lực lượng chiếm tới trên 50% nguồn nhân lực BVSC hiện tại và tiếp tục tăng trong tương lai, có xu hướng đề cao tính tự chủ, sự sáng tạo, sự cân bằng các giá trị công việc và cuộc sống. Do đó, yêu cầu đặt ra với BVSC trong việc xây dựng môi trường làm việc hướng tới phát huy tinh thần đoàn kết & hỗ trợ, thúc đẩy sự sáng tạo và gắn kết cao trong nội bộ.

Năm 2019, BVSC triển khai chuỗi các chương trình nội bộ kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty với thông điệp "Từ trái tim đến hành động" bằng nhiều hoạt động với các hình thức khác qua đó góp phần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và có tính gắn kết cao.

Thông tin chi tiết về nội dung phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương Phát triển bền vững, từ trang 146 đến trang 187 báo cáo này.

Phân tích tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	2.927.161	2.397.853	-18,08%
Doanh thu thuần	**547.579**	**563.655**	**2,94%**
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	122.740	151.292	23,26%
Lợi nhuận khác	**(260)**	**(129)**	**50,21%**
Lợi nhuận trước thuế TNDN	122.480	151.163	23,42%
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện trước thuế	**140.300**	**153.090**	**9,12%**
Lợi nhuận sau thuế TNDN	103.532	135.510	30,89%
Trong đó: Lợi nhuận thực hiện sau thuế	131.652	127.930	-2,83%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (NVĐ)	1.741	1.693	-2,81%
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	738%	714%	-3,25%

Đơn vị: Triệu đồng

- Tổng tài sản năm 2019 đạt 2.397,85 tỷ đồng, giảm 529,31 tỷ đồng, tương ứng giảm 18,08% so với cùng kỳ năm trước. Dù giảm khoản phải trả khác hơn 500 tỷ đồng nhưng tổng tài sản của Công ty vẫn rất lớn so với mức vốn chủ sở hữu hiện có.
- Các chỉ tiêu về Lợi nhuận được được phân tích tại phần II.1
- Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức rất cao qua các năm, gấp hơn 4 lần so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCK, Năm 2019, tỷ lệ anh toàn vốn khả dụng đạt 714% giảm nhẹ 3,25% với cùng kỳ năm trước. Đây là con số tăng trưởng ổn định và đạt ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
• Hệ số thanh toán tổng quát: • Tổng tài sản / Tổng nợ	2,37	4,06	71,1%
• Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,79	12,26	9,47
• Hệ số thanh toán nhanh	2,75	12,02	9,27
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
• Vốn chủ / Tổng Nguồn vốn	57,81%	75,34%	17,54%
• Hệ số Nợ/Tổng nguồn vốn	42,19%	24,66%	-17,54%
• Hệ số vay ngắn hạn / Tổng nguồn vốn	4,44%	4,17%	-0,27%
• Hệ số vay dài hạn / Tổng nguồn vốn	10,69%	16,70%	6,01%
• Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	72,98%	32,72%	-40,26%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
• Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân)	17,46	16,26	-1,20
• Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,21	0,21	0,00
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
• Hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	22,37%	21,73%	-0,64%
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	18,91%	24,04%	5,13%
• Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	22,41%	26,84%	4,43%
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ROE	6,12%	7,50%	1,38%
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	3,54%	5,65%	2,11%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty:

01

Khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo duy trì ở mức cao, các khoản nợ phải trả nhỏ hơn nhiều so với tài sản hiện có nên Công ty luôn sẵn sàng nguồn lực cho các khoản nợ phải trả. Năm 2018 khả năng thanh toán của Công ty là 2,37 lần và năm 2019 là 4,06 lần và khả năng thanh toán nhanh còn cao hơn do Công ty giảm khoản nợ phải trả ngắn hạn. Tài sản của Công ty được bố trí an toàn và hợp lý, tập trung chủ yếu là các khoản tài sản ngắn hạn, có tính thanh khoản cao và dễ dàng chuyển đổi thành tiền để đáp ứng cho các nhu cầu thanh toán đến hạn và thanh toán khi cần thiết. Các nghĩa vụ thanh toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như cam kết. Công ty luôn chú trọng quản lý tốt nguồn vốn và dòng tiền, đảm bảo sự cân đối, ổn định và không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Điều này góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty, cũng như mang lại sự tin tưởng cho đối tác, khách hàng.

02

Cơ cấu vốn của công ty: Công ty hoạt động chủ yếu là vốn góp của các chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu của công ty chiếm đến 75,34% trong tổng nguồn vốn và Nợ phải trả chiếm 24,66%.

Năm 2019 có sự thay đổi về cơ cấu vốn của Công ty, chỉ số Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn giảm 17,54% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu giảm từ khoản Nợ phải trả ngắn hạn khác.

03

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động gồm các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản cho biết khả năng "vận động" Công ty trong năm tài chính 2019, cụ thể:

- Hệ số vòng quay các khoản phải thu khá lớn, đạt 16,26 lần, chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu khá nhanh cho thấy Công ty quản lí thu hồi công nợ tốt hơn, không phát sinh mới các khoản phải thu quá hạn và không bị đối tác chiếm dụng vốn, điều này giúp cho Công ty chủ động linh hoạt luồng tiền trong kinh doanh,

- Vòng quay vốn lưu động đạt 0,31 lần, giảm nhẹ 0,07 lần so với cùng kỳ năm trước. Đây là một chỉ tiêu tổng hợp đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty. Vòng quay Vốn lưu động giảm nhẹ, chứng tỏ tốc độ tăng Doanh thu chậm hơn tốc độ tăng Vốn Lưu động bình quân trong kỳ, mặc dù Doanh thu thuần tăng trưởng 2,94% nhưng Vốn lưu động bình quân tăng 27,22%. Vốn lưu động bình quân tăng do cuối năm 2019 Công ty giảm Nợ ngắn hạn, giảm vay thấu chi, hạn chế sử dụng repo và chuyển sang phát hành thêm 100 tỷ trái phiếu BVSC_BOND để bổ sung vốn kinh doanh. Tuy vòng quay vốn lưu động giảm nhẹ nhưng mức giảm ko đáng kể và hiệu quả sử dụng vốn đã được phản ánh vào doanh thu, lợi nhuận trong kỳ của Công ty.

- Vòng quay Tổng tài sản của Công ty đạt 0,21 lần, chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty. Do không có biến động lớn về doanh thu và tổng tài sản nên hệ số vòng quay tổng tài sản năm nay không đổi so với cùng kỳ năm trước.

04

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

- Chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần năm 2019 đạt 21,73% giảm nhẹ 0,64% so với cùng kỳ năm trước nhưng chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2019 đạt 24,04% tăng 5,13% so với cùng kỳ năm trước. Chênh lệch này là do Công ty có lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính, so với mức lỗ đánh giá lại cùng kỳ năm trước, thu nhập từ đánh giá lại là thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Nhìn chung, kết quả kinh doanh của Công ty năm 2019 có tăng trưởng so với năm 2018. Với chỉ tiêu tăng trưởng về lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã được nâng lên.

- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 7,50%, tăng 1,38% so với cùng kỳ năm trước và tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản ROA đạt 5,65% tăng 2,11% so với cùng kỳ năm trước do doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của công ty đều tăng so với cùng kỳ năm trước: doanh thu thuần tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận sau thuế tăng 30,89%.

- Hai chỉ tiêu ROE và ROA tăng trưởng chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn vốn của Công ty tăng lên rõ rệt, đặc biệt là hiệu quả sử dụng vốn của cổ đông. Công ty đã cân đối một các hài hòa giữa vốn của chủ sở hữu và vốn đi vay để khai thác lợi thế cạnh tranh của của mình trong quá trình huy động vốn, mở rộng quy mô.

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2018	Tỷ trọng 2018	Năm 2019	Tỷ trọng 2019	Số tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/ giảm
A. Tài sản ngắn hạn	**2.547.077**	**87,02%**	**2.216.766**	**92,45%**	**(330,311)**	**-12,97%**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	465.849	15,91%	174.237	7,27%	(291,612)	-62,60%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.049.591	70,02%	1.999.648	83,39%	(49,943)	-2,44%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	29.488	1,01%	39.861	1,66%	10,373	35,18%
V. Tài sản ngắn hạn khác	2.149	0,07%	3.020	0,13%	872	40,57%
B. Tài sản dài hạn	**380.084**	**12,98%**	**181.087**	**7,55%**	**(198,997)**	**-52,36%**
II. Tài sản cố định	16.648	0,57%	16.847	0,70%	199	1,19%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	306.216	10,46%	118.581	4,95%	(187,635)	-61,28%
V. Tài sản dài hạn khác	57.220	1,95%	45.659	1,90%	(11,561)	-20,20%
Tổng cộng tài sản:	**2.927.161**	**100%**	**2.397.853**	**100%**	**(529,308)**	**-18,08%**

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu tài sản:

Tài sản năm 2019 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 92,4% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 7,55% tổng tài sản.

Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản:

- Tiền và tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền, chiếm 7,27% trong tổng tài sản.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn: gồm các khoản tiền đầu tư ngắn hạn, cho vay và phải thu (cho vay hoạt động margin, ứng trước tiền bán chứng khoán), đầu tư chứng khoán tự doanh, chiếm 83,39% trong tổng tài sản.
- Các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác: chiếm 1,66% trong tổng tài sản.

Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 4,95% và tài sản cố định, các khoản tài sản dài hạn khác chiếm 2,61% trong tổng tài sản.

Biến động của tài sản:

Tổng tài sản năm 2019 của Công ty đạt đạt 2.397,9 tỷ đồng, giảm 539,31 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 18,08% chủ yếu giảm từ tài sản ngắn hạn 330,31 tỷ đồng và giảm tài sản dài hạn 198,99 tỷ đồng, cụ thể:

Tài sản ngắn hạn giảm 330,31 tỷ đồng tương ứng mức giảm 12,97% chủ yếu từ:

- Các khoản tiền và tương đương tiền giảm 291,61 tỷ đồng tương ứng mức giảm 62,60 % so với cùng kỳ năm trước do giảm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.
- Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 49,94 tỷ đồng tương ứng mức giảm 2,44% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu giảm từ khoản đáo hạn hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trong năm.

Tài sản dài hạn giảm 198,99 tỷ đồng tương ứng mức giảm 52,36% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do sự chuyển dịch từ chứng khoán dài hạn sang ngắn hạn phục vụ cho mục đích tradding chứng khoán ngắn hạn và bổ sung nguồn vốn cho vay margin, ứng trước của Công ty.

Phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cao cho Công ty.

Nguồn vốn, tình hình nợ phải trả

Nguồn vốn

Chỉ tiêu	Năm 2018	Tỷ trọng 2018	Năm 2019	Tỷ trọng 2019	Số tăng/ giảm	Tỷ lệ % tăng/ giảm
A. Nợ phải trả	**1.235.009**	**42,19%**	**591.220**	**24,66%**	**(643.789)**	**-52,13%**
I. Nợ ngắn hạn	914.347	31,24%	180.865	7,54%	(733.483)	-80,22%
II. Nợ dài hạn	320.662	11,95%	410.355	17,11%	89.694	27,97%
B. Vốn chủ sở hữu	**1.692.152**	**57,81%**	**1.806.633**	**75,34%**	**114.481**	**6,77%**
I. Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư)	1.332.096	45,51%	1.332.096	55,55%	-	
II. Các quỹ và LN chưa phân phối	360.056	12,30%	474.537	19,79%	114.481	31,80%
Tổng cộng nguồn vốn	**2.927.161**	**100%**	**2.397.853**	**100%**	**(529.308)**	**-18,08%**

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu Nguồn vốn:

Nguồn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nguồn vốn chủ sở hữu, chiếm 75,34% chủ yếu là vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối; phần còn lại là các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn phải trả chiếm 24,66% tổng nguồn vốn.

Biến động Nguồn vốn:

Nợ phải trả của Công ty năm 2019 đã giảm 643,80 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức giảm 52,13% chủ yếu giảm từ các khoản nợ phải trả ngắn hạn, cụ thể:

- Nợ ngắn hạn giảm 733,48 tỷ đồng tương ứng mức giảm 80,22% là do các khoản vay ngắn hạn, các khoản phải trả cho hợp đồng repo và khoản phải trả khác giảm đồng do đáo hạn tất toán hợp đồng kinh tế.

- Nợ dài hạn tăng 89,69 tỷ đồng chủ yếu đến từ khoản phát thành thêm trái phiếu BVSC_BOND kỳ hạn hai năm để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty.

Việc giảm mạnh các khoản nợ ngắn hạn và tăng nợ dài hạn nhằm cân đối khoản nợ phải trả, đảm bảo khả năng thanh toán nợ đúng hạn. Công ty không có khoản nợ xấu và nợ quá hạn phải trả.

Vốn chủ sở hữu năm 2019 tăng 114,48 tỷ đồng tương ứng mức tăng 6,77% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng cam kết nhưng vốn chủ sở hữu vẫn tăng trưởng đáng kể do được bổ sung từ nguồn lợi nhuận sau thuế.

Qua phân tích tình hình tài chính năm 2019 cho thấy BVSC có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt. Tình hình tài chính có tính ổn định và bền vững. Công ty luôn đạt mục tiêu phát triển các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả nhưng vẫn trú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn. Các báo cáo tài chính của BVSC luôn thể hiện tính minh bạch, hữu ích cho nhà đầu tư, các cơ quản lý và các đối tượng liên quan.

Đánh giá theo quy chế Camel

Khi đánh giá tình hình tài chính, tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh gái tình trạng vững mạnh của một số tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán), nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt 95/100 điểm, tăng 5 điểm so với năm 2018. Sự cải thiện đến từ hai yếu tố: mức độ đủ vốn và khả năng sinh lời, cho thấy tình hình tài chính của Công ty ngày càng vững mạnh.

(Tham khảo Phụ lục 2, từ trang 190 đến trang 191 báo cáo này.)

Thương hiệu lớn trên thị trường tư vấn, thực hiện thành công thương vụ tiêu biểu năm 2019

Ra mắt sản phẩm mới

Trái phiếu iBond

- Lãi suất lên đến 8.81%/năm
- Kỳ hạn linh hoạt và cố định phù hợp
- An toàn tuyệt đối
- Được mua lại tự động khi đáo hạn và bất kỳ thời điểm nào mong muốn

Top 10

Báo cáo thường niên tốt nhất

Top 100

Doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI 100)

Những tiến bộ trong năm

Hoạt động tư vấn và BLPH tiếp tục là hoạt động cốt lõi dù không mang lại tỷ trọng doanh thu lớn nhưng góp phần xây dựng uy tín thương hiệu của BVSC, đồng thời hỗ trợ cho việc phát triển khách hàng môi giới và tìm kiếm cơ hội đầu tư.

Trong năm 2019, BVSC tiếp tục đẩy mạnh mảng hoạt động thu xếp vốn thông qua phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu: hoàn thành thu xếp vốn thông qua phát hành trái phiếu cho CTCP Kinh doanh F88; tư vấn thành công thương vụ Samsung SDS Asia mua 25 triệu cổ phần phát hành riêng lẻ tại CTCP Tập đoàn công nghệ CMC và điển hình là thương vụ tư vấn phát hành riêng lẻ tiêu biểu trên thị trường năm 2019, Sumitomo Life mua hơn 41 triệu cổ phần Tập đoàn Bảo Việt với giá chào bán cao hơn 35% giá thị trường.

Trong năm 2019 BVSC tiếp tục được tôn vinh với những giải thưởng lớn tại Diễn đàn M&A 2019: Giải thưởng "Tổ chức Tư vấn M&A tiêu biểu Việt Nam năm 2018-2019"; "Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam 2019 ở hạng mục Dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB)"; Giải thưởng "Best Securities Advisory Firm – 2019" của International Finance Magazine (IFM) bình chọn và vinh danh cùng hàng loạt các giải thưởng khác

Năm 2019 BVSC đã cho ra mắt sản phẩm trái phiếu IBOND, bao gồm hai sản phẩm IBOND Var & IBOND Fix, góp phần đa dạng hóa các cơ hội đầu tư cho khách hàng.

Năm 2019, thương hiệu BVSC tiếp tục được khẳng định là một tổ chức niêm yết uy tín và minh bạch khi BVSC lọt Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất – nhóm vốn hóa vừa tại Cuộc bình chọn các DNNY do UBCKNN và các Sở giao dịch và báo Đầu tư chứng khoán đồng tổ chức.

Với chiến lược hoạt động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, năm 2019, năm thứ hai liên tiếp BVSC được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam do VCCI cùng Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững bình chọn.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý trong năm

- Sửa đổi điều lệ và ban hành quy chế Quản trị Công ty: Tuân thủ các quy định về quản trị công ty tại Nghị định: 71/2017/NĐ-CP và Điều lệ mẫu công ty đại chúng ban hành theo Thông tư: 95/2017/TT-BTC, Công ty đã thực hiện sửa đổi điều lệ và ban hành Quy chế nội bộ về QTCT và được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua;

- Điều chỉnh chính sách trong hoạt động môi giới: Ngày 15/02/2019, Thông tư 128/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng cho các tổ chức kinh doanh chứng khoán chính thức có hiệu lực, Công ty tiến hành rà soát và điều chỉnh Chính sách phí dịch vụ môi giới. Đồng thời, Công ty điều chỉnh các chính sách khoán trong hoạt động môi giới nhằm tăng tính cạnh tranh.

- Nghiên cứu điều chỉnh mô hình quản lý: Trên cơ sở các quy định về mô hình quản trị công ty tại Nghị định: 71/2017/NĐ-CP và Bộ quy tắc về quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam, HĐQT chỉ đạo Công ty xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu mô hình tổ chức công ty với các mục tiêu: (i) nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT, đáp ứng mục tiêu tuân thủ tốt các quy định pháp luật về quản trị công ty, Bộ quy tắc về quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam, qua đó nâng cao uy tín và thương hiệu của BVSC với tư cách là công ty niêm yết; (ii) đảm bảo tính nhất quán và đồng bộ từ định hướng chiến lược, chính sách, quy trình thực hiện và nhân sự triển khai trên toàn Công ty; (iii) tạo ra bộ máy công ty tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả. Để án kiện toàn cơ cấu, mô hình tổ chức công ty đã được HĐQT thông qua về chủ trương làm tiền đề cho việc triển khai trong năm 2020;

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán.

04

Kế hoạch kinh doanh trong năm 2020

01 Chiến lược phát triển 2016 - 2020
02 Mục tiêu và cam kết hành động 2020

Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020

Chiến lược hoạt động giai đoạn 2016-2020 của BVSC được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua ngày 12/5/2016, và được ĐHĐCĐ thường niên 2017 phê duyệt điều chỉnh vào phiên họp ngày 27/6/2017, cụ thể như sau:

Tầm nhìn và mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020

Tầm nhìn đến năm 2020

Giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng và tốt nhất cho khách hàng, mang đến sự hài lòng nhất cho cổ đông

Mục tiêu chiến lược đến năm 2020

- Doanh thu: đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 9%.
- Lợi nhuận sau thuế: đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 6,5%.
- Vốn điều lệ đến năm 2020: Dự kiến tăng lên 1.500 tỷ đồng.
- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE): đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 7%, tới năm 2020 dự kiến đạt 8%;
- Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (ROCC): đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 11%
- Tỷ trọng doanh thu môi giới/Tổng doanh thu: đặt mục tiêu đạt từ 40%-50%.
- Thị phần CP&CCQ: đặt mục tiêu tới năm 2020 đạt vị thế trong Top 5 CTCK thị phần lớn nhất.

Ghi chú: Các chỉ tiêu trên sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự biến động của thị trường chứng khoán

Định hướng triển khai chiến lược giai đoạn 2016-2020

Để thực thi chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020 hướng tới tầm nhìn và mục tiêu chiến lược nêu trên, BVSC hoạch định các giải pháp triển khai như sau:

Chiến lược khách hàng, sản phẩm, kênh phân phối, địa bàn kinh doanh

- Tập trung phát triển thị trường tại các Trung tâm tài chính trong nước là Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... và triển khai khai thác thị trường nước ngoài thông qua văn phòng đại diện hoặc hợp tác kinh doanh.
- Tập trung phát triển khách hàng tổ chức.
- Mở rộng mạng lưới: tăng số lượng các Phòng Giao dịch và tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới.
- Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn, giữ vững thương hiệu nhà tư vấn M&A hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chiến lược đầu tư

- Chiến lược đầu tư tự doanh linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn nhằm tận dụng các cơ hội từ thị trường chứng khoán và phù hợp với nhu cầu triển khai kinh doanh chứng khoán phái sinh, phát hành chứng quyền có bảo đảm để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao tỷ suất lợi nhuận/vốn để gia tăng giá trị cho cổ đông của Công ty

Chiến lược vốn

- Để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, BVSC sẽ cần mức vốn điều lệ tối thiểu 1.200 tỷ đồng, tới năm 2020 đặt mục tiêu nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sẽ duy trì tỉ lệ sở hữu chi phối tại BVSC.
- BVSC sẽ triển khai phát hành tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược.
- Cơ cấu sử dụng vốn được ưu tiên cho định hướng kinh doanh nêu trên, tập trung nguồn lực cho hoạt động môi giới, tự doanh, hoạt động IB, và các hoạt động hỗ trợ môi giới như margin, ứng trước, đầu tư công nghệ thông tin và các dịch vụ khác...

Tổ chức và Quản trị doanh nghiệp

- Mô hình Quản trị tập trung đối với xây dựng chiến lược phát triển & chính sách sản phẩm, dịch vụ xuyên suốt; quản trị rủi ro, nguồn nhân lực, công nghệ, thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh;
- Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ.
- Kiện toàn tổ chức Đảng.

Chiến lược ngành nghề	Chiến lược tài chính	Mô hình quản trị
3 trụ cột chính bao gồm: • Môi giới và dịch vụ tài chính • Tư vấn • Tự doanh	Phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược để nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sẽ duy trì tỉ lệ sở hữu chi phối tại BVSC	Quản trị tập trung đối với các chức năng: Quản trị tài chính; Quản trị nguồn nhân lực; Quản trị Rủi ro; Phát triển sản phẩm; Công nghệ thông tin; Nghiên cứu phân tích. Thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ Kiện toàn tổ chức Đảng đoàn

Kế hoạch kinh doanh 2020

Dự báo nền Kinh tế và Thị trường Chứng khoán năm 2020

Dự báo nền Kinh tế

Cơ hội 2020

Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung có dấu hiệu hạ nhiệt

Ngay đầu năm 2020, Mỹ và Trung Quốc đã ký thỏa thuận thương mại bước 1, trong đó hai bên đồng ý tạm dừng việc áp thêm thuế lên hàng hóa của nhau. Mặc dù có thể còn nhiều bất định nhưng sự hạ nhiệt tạm thời trong quan hệ thương mại giữa hai nước sẽ giúp ổn định tâm lý, thúc đẩy hoạt động đầu tư và tăng trưởng của kinh tế thế giới.

Đầu tư công sẽ có sự cải thiện

Kể từ đầu năm 2020, Luật Đầu tư công sửa đổi đã chính thức có hiệu lực, mang đến kỳ vọng giải ngân vốn đầu tư công sẽ khởi sắc. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ công/GDP của Việt Nam hiện đã giảm khá sâu so với mức trần 65%, tạo thêm dư địa để thực hiện chính sách tài khóa mở rộng.

Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực

Vào tháng 2/2020, Nghị viện châu Âu đã chính thức phê chuẩn Hiệp định EVFTA cho Việt Nam. Hiệp định này được dự báo sẽ mang đến nhiều thuận lợi cho Việt Nam, mở ra một thị trường xuất khẩu rộng lớn với sức chi trả cao của người tiêu dùng. Ước tính Xuất khẩu của Việt nam sẽ tăng khoảng 4-6% mỗi năm trong thập niên tới nhờ vào hiệp định này. Các ngành sẽ được hưởng lợi nhiều nhất là dệt may, da giày, thủy sản và nông sản. Bên cạnh đó, EVFTA cũng sẽ thúc đẩy hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp EU vào Việt Nam trong thời gian tới.

Thách thức 2020

Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2020 sẽ ở mức rất thấp, thậm chí có thể tăng trưởng âm

Tình hình dịch bệnh Covid-19 lây lan mạnh trên toàn thế giới đang khiến rất nhiều nước phải thực hiện việc "giãn cách xã hội" và đóng cửa nhiều hoạt động kinh tế. Theo đó, tăng trưởng GDP tại các nước châu Âu và Mỹ nhiều khả năng sẽ giảm mạnh trong quý II. Nếu dịch bệnh không được kiểm soát sớm, những nền kinh tế này có thể sẽ rơi vào trạng thái suy thoái (tăng trưởng GDP âm hai quý liên tiếp). Hiện thị trường châu Âu và Mỹ chiếm 47% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng công nghiệp chế biến chế tạo. Do đó, đây sẽ là thách thức lớn đối với xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2020.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 sẽ giảm mạnh so với năm 2019

Ngay từ quý đầu tiên của năm 2020, kinh tế Việt Nam đã bắt đầu chịu tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19. Cụ thể, tăng trưởng GDP chỉ đạt 3,82% trong quý I – mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Sự suy giảm diễn ra ở cả 3 khu vực, nông – lâm – thủy sản, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Với các động thái "giãn cách xã hội" quyết liệt của Chính phủ kể từ cuối tháng 3/2020, tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng mạnh trong quý II, đặc biệt là khu vực dịch vụ. Trong kịch bản cơ sở với việc dịch bệnh được kiểm soát tại Việt Nam và thế giới vào cuối quý II, tăng trưởng GDP được dự báo sẽ hồi phục nhanh trở lại trong quý III và quý IV. Tuy vậy, mức tăng trưởng GDP cho cả năm 2020 nhiều khả năng sẽ chỉ ở quanh mức 3,8 - 4,2%.

Một số rủi ro tiềm ẩn đối với kinh tế vĩ mô do tác động của dịch bệnh Covid-19 cần theo dõi

Một số rủi ro tiềm ẩn đối với kinh tế vĩ mô do tác động của dịch bệnh Covid-19 cần theo dõi như nhiều doanh nghiệp trong nước phá sản do thiếu nguồn tiền hoạt động, nợ xấu ngân hàng tăng cao, rủi ro thanh khoản cho hệ thống ngân hàng, thị trường bất động sản đóng băng, tỷ lệ thất nghiệp tăng dẫn tới bất ổn xã hội...

BVSC dự báo các chỉ tiêu vĩ mô năm 2020

Các chỉ tiêu chính	2019	2020	
		Mục tiêu của chính phủ	BVSC dự báo
Tăng trưởng GDP (%)	7.02	6.8	3.8 - 4.2
Lạm phát bình quân (%)	2.79	dưới 4	3 - 3.5
Tăng trưởng tín dụng (%)	13.5	14	10 - 12
Biến động tỷ giá USD/VND (%)	0.1	N/A	dưới 3%
Tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa (%)	8.1	7	3 - 5
Tăng trưởng vốn FDI giải ngân (%)	6.7	N/A	2 -5

Thị trường Chứng khoán năm 2020

Cơ hội 2020

Bối cảnh vĩ mô của Việt Nam có tính ổn định cao hơn so với các nền kinh tế khác trong khu vực

Việc kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 sẽ mang lại lòng tin rất lớn cho nhiều nhà đầu tư vào hệ thống chính trị của Việt Nam. Bên cạnh đó, dù tăng trưởng GDP sẽ giảm tốc, nhưng ổn định của hệ thống ngân hàng, cùng khả năng các chỉ số vĩ mô khác biến động trong tầm kiểm soát của Chính phủ sẽ là điểm nhấn tích cực, tạo ra sức hút cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Việt Nam được nâng tỷ trọng trong rổ chỉ số MSCI Frontier Markets Index

Vào tháng 5/2020, hoạt động tái cơ cấu danh mục của tổ chức xây dựng chỉ số MSCI sẽ chính thức diễn ra khi Kuwait được nâng hạng từ thị trường cận biên (Frontier Market - FM) lên thị trường mới nổi (Emerging market). Sau khi Kuwait được nâng hạng, tỷ trọng của Việt Nam trong rổ MSCI dự kiến sẽ được nâng từ mức 17% hiện nay lên mức gần 30%, tương ứng thu hút thêm lượng vốn mới có giá trị khoảng 200 triệu USD. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam đang có nhiều cơ hội để được nâng hạng lên thị trường mới nổi theo chỉ số FTSE hay MSCI.

Sẽ có thêm các quỹ ETF mới đầu tư vào thị trường

Thị trường còn có thể kỳ vọng vào các quỹ ETFs hoạt động dựa trên các bộ chỉ số mới là Vietnam Diamond Index (VN DIAMOND), Vietnam Financial Select Sector Index (VN FIN SELECT), Vietnarn Leading Financial Index (VN FIN LEAD), được xây dựng bởi Hose. Các cổ phiếu trong rổ của 3 bộ chỉ số này phần lớn đã hết tỷ lệ được phép mua của khối ngoại. Việc ra đời của các quỹ ETFs này giải quyết một phần nhu cầu đầu tư của khối ngoại vào các cổ phiếu chất lượng nhưng đã hết hoặc còn lại room không đáng kể. Sự ra đời các quỹ ETFs nội này kỳ vọng sẽ thu hút được dòng vốn ngoại và qua đó hỗ trợ tích cực đến sức cầu của thị trường.

Thách thức 2020

Sự khó lường của bối cảnh vĩ mô quốc tế, đặc biệt liên quan đến rủi ro mới là dịch bệnh Covid-19

Dịch bệnh kéo dài ảnh hưởng tiêu cực đến triển vọng kết quả kinh doanh năm 2020 của các doanh nghiệp niêm yết, hay khả năng gia tăng nợ xấu trong hệ thống ngân hàng. Triển vọng kinh tế giảm tốc, nhiều rủi ro khiến tâm lý của nhà đầu tư e ngại khi lựa chọn các tài sản mang tính rủi ro cao như cổ phiếu trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các sự kiện quan trọng khác như cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào tháng 11/2020 hay xung đột thương mại Mỹ-Trung, dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn tiềm ẩn sự khó lường là những rủi ro đáng lưu ý khác đối với thị trường chứng khoán.

Rủi ro từ các khoản nợ trái phiếu doanh nghiệp

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã có tốc độ phát triển rất nhanh trong 02 năm gần đây. Giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành cả năm 2019 là 296,71 ngàn tỷ đồng. Năm 2018 giá trị này là 224 ngàn tỷ, còn năm 2017 giá trị phát hành của TPDN đạt 115 ngàn tỷ. Như vậy, sau 2 năm, giá trị TPDN đã tăng gấp 2,5 lần. Với tốc độ phát triển nhanh, trong khi điều kiện kinh doanh năm 2020 lại không thuận lợi như những năm trước có thể khiến rủi ro của thị trường này tăng lên và từ đó có thể tác động không tích cực tới thị trường cổ phiếu.

"tỷ trọng của Việt Nam trong rổ MSCI dự kiến sẽ được nâng từ mức 17% hiện nay lên mức gần 30%, tương ứng thu hút thêm lượng vốn mới có giá trị khoảng 200 triệu USD"

Thuận lợi và khó khăn với BVSC trong năm 2020

Thuận lợi	Khó khăn
Thương hiệu uy tín, hoạt động ổn định, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm là những yếu tố nền tảng tốt đối với BVSC. BVSC tiếp tục khẳng định vị thế cao trên thị trường đối với mảng tư vấn sẽ là tiền đề tốt để đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, IB trong năm 2020.	Quy mô vốn vẫn ở mức trung bình thấp trong khi kế hoạch tăng vốn có độ trễ làm hạn chế khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng đối với các dịch vụ margin và ứng trước, Bên cạnh đó, cũng ảnh hưởng tới tiến độ tham gia thị trường chứng khoán phái sinh sẽ làm giảm tính cạnh tranh về dịch vụ đối với hoạt động môi giới.

Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2020

Các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến 2020

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2020, với những thuận lợi và khó khăn của BVSC, Công ty dự kiến các chỉ tiêu kinh doanh trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 như sau:

Kế hoạch kinh doanh dự kiến 2020

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% KH so với TH
A	**Tổng doanh thu**	**564,05**	**533**	**94,50%**
I	Doanh thu thực hiện	500,21	489	97,76%
1	Môi giới	135,86	156	115,12%
2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	217,72	205	94,16%
3	Tự doanh	127,37	109	85,74%
4	Tư vấn, BLPH	11,09	11,7	105,54%
5	Lưu ký	5,85	5	88,94%
6	Doanh thu khác	2,34	1,5	64,11%
II	Doanh thu chưa thực hiện	63,84	44	68,92%
B	**Tổng chi phí**	**412,89**	**378**	**91,55%**
I	Chi phí thực hiện	356,92	336	94,14%
II	Chi phí chưa thực hiện	55,97	42	75,04%
C	**Lợi nhuận trước thuế**	**151,16**	**155**	**102,54%**
	Trong đó: Lợi nhuận trước thuế thực hiện	143,29	153	106,78%
D	**Lợi nhuận sau thuế**	**135,51**	**138**	**101,84%**
	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế thực hiện	127,93	136	106,31%

Đơn vị: Tỷ đồng

Kế hoạch kinh doanh 2020 nêu trên được xây dựng dựa trên cơ sở một số dự báo và giả định theo chiều hướng tích cực, cụ thể:

Dự báo về điều kiện thị trường năm 2020

VNIndex trung bình quanh mức **990 – 1.040 điểm.**

Giá trị giao dịch trung bình phiên đạt khoảng **5.400 tỷ đồng/phiên.**

Điều kiện dự kiến về nguồn vốn

Vốn điều lệ dự kiến tăng lên mức **1.083 tỷ đồng**.

Kế hoạch nêu trên gắn với các điều kiện cụ thể về dự báo thị trường và kế hoạch tăng vốn điều lệ được hoàn tất, tuy nhiên trước những diễn biến khó lường do tác động của dịch Covid – 19 ảnh hưởng tới nền kinh tế và TTCK. Công ty sẽ trình với ĐHĐCĐ để ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2020 phù hợp với thực tế diễn biến thị trường và thực tế tác động của dịch bệnh Covid-19.

Các giải pháp thực hiện

Hoạt động môi giới

Mục tiêu

- Doanh thu: 156 tỷ đồng
- Thị phần môi giới CP&CCQ: Giữ vững vị trí trong TOP 10 tại các Sở giao dịch.

Giải pháp

Sản phẩm

- Triển khai các sản phẩm dựa trên nền tảng Online Trading, Mobile Trading.
- Triển khai hệ thống Front-end mới.
- Nghiên cứu để ban hành các sản phẩm tư vấn đầu tư
- Nâng cấp Ibond trên BVS@trade và BVSC Mobile.

Kênh phân phối

- Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn.
- Xúc tiến việc khai thác thị trường tại một số nước như: Singapore, Philippines, Hàn Quốc, Anh...

Chính sách khách hàng

- Chính sách lãi suất margin & ứng trước, chính sách phí... cạnh tranh và linh hoạt

Nguồn nhân lực

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyển dụng nhân viên môi giới: Tỷ lệ dự kiến tăng trên 10%;
- Điều chỉnh chính sách lương và thưởng trên doanh thu cho đội ngũ môi giới;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển đội ngũ môi giới mới.
- Thiết kế các chương trình thi đua và tôn vinh

Tự doanh

Năm 2020, BVSC sẽ tiếp tục chiến lược đầu tư thận trọng, kiểm soát tỷ trọng đầu tư phù hợp và linh hoạt trong từng giai đoạn nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư và an toàn cho danh mục. Công ty sẽ xem xét giải ngân đầu tư vào các ngành được đánh giá khả quan trong Báo cáo chiến lược 2020 của BVSC như Ngân hàng, Công nghệ thông tin, Bán lẻ. Hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng sẽ được chú trọng trong năm 2020. Bên cạnh đó, Công ty sẽ xúc tiến mạnh hơn các hoạt động giao dịch trên thị trường chứng chỉ quỹ ETF cũng như các dịch vụ đầu tư khác mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng. Trong năm 2020 dự kiến sẽ có một loạt quỹ ETF mới thành lập, BVSC sẽ chú trọng đẩy mạnh hoạt động trên thị trường ETF, đây sẽ là một mảng dịch vụ tiềm năng để tăng doanh thu cho BVSC trong tương lai.

Công ty sẽ chủ động thực hiện triển khai theo đúng quy định hoạt động mua bán có kỳ hạn các trái phiếu nắm giữ để khai thác tối đa các nguồn lực huy động vốn cho các hoạt động kinh doanh ngắn hạn.

Tư vấn và Bảo lãnh phát hành

- Triển khai các mảng tư vấn vốn là thế mạnh của BVSC như: M&A, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, niêm yết cổ phiếu gắn với hoạt động IR.
- Tiếp tục đẩy mạnh tiếp xúc và mở rộng network với các buyside trong và ngoài nước.
- Khai thác lợi thế bán chéo trong Tập đoàn Bảo Việt để mở rộng thêm mạng lưới khách hàng để triển khai các hợp đồng tư vấn thuộc thế mạnh của BVSC.

Lưu ký

- Triển khai dịch vụ lưu ký tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, dịch vụ chuyên nghiệp
- Tiếp tục triển khai các hợp đồng quản lý sổ cổ đông đã ký kết.

Hoạt động cho vay và phải thu

Là hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, đồng thời là mảng hỗ trợ hoạt động Môi giới, do đó Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động này trong năm 2020 những định hướng chính sau:

- Tập trung nguồn lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng vay ký quỹ giao dịch chứng khoán và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.
- Công ty tích cực tìm các nguồn để huy động vốn, Vay ngắn hạn tại các ngân hàng TMCP, thực hiện repo trái phiếu nhằm huy động vốn ngắn hạn hoặc phát hành trái phiếu kỳ hạn từ 1 năm nhằm khai thác hiệu quả nguồn vốn phục vụ khách hàng.

Công tác quản lý và hỗ trợ

Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm

Trong năm 2020, bên cạnh việc duy trì hệ thống hỗ trợ giao dịch hàng ngày, Công ty sẽ tập trung hoàn thiện một số dự án quan trọng như sau:

- Dự án chỉnh sửa hệ thống Flex đảm bảo bám sát gói thầu 04 của các Sở GDCK và VSD.
- Dự án nâng cấp hệ thống Frontend dành cho khách hàng và cho nhân viên môi giới của BVSC.
- Các chương trình đào tạo nội bộ cho khối môi giới

Nghiên cứu và phân tích

Hoạt động phân tích được xác định là hoạt động mũi nhọn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Trong năm 2020, ngoài việc duy trì các hạng mục báo cáo định kỳ, khối phân tích của BVSC sẽ tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng từng loại báo cáo. Một số định hướng trọng tâm bao gồm:

- Nâng cao chất lượng từng loại báo cáo. Tăng tần suất các báo cáo chuyên đề chuyên sâu, tập trung.
- Triển khai các hoạt động thăm doanh nghiệp, bám sát những chuyển biến mới; tìm kiếm và sàng lọc cơ hội đầu tư.
- Kết hợp với phân tích kỹ thuật để lựa chọn thời điểm giao dịch, gia tăng mức độ cụ thể trong các khuyến nghị đầu tư.

Công nghệ thông tin

Một số dự án trọng tâm sẽ triển khai bao gồm:

- Dự án website mới theo hướng hiện đại, tập trung vào nội dung là các dịch vụ của BVSC tới khách hàng, trong đó bao gồm cổng thông tin báo cáo phân tích BVSC.
- Nâng cấp hệ thống back office bổ sung các nhóm tính năng cho việc giao dịch với khách hàng tổ chức trong nước và nước ngoài, nhằm cung cấp thông tin đến khách hàng hiệu quả hơn.
- Hoàn tất Dự án nâng cấp đưa vào triển khai thực tế hệ thống giao dịch Online mới (Frontend) với mục tiêu nhắm đến sự thuận tiện, mềm dẻo và nhanh chóng cho đối tượng là khách hàng của BVSC cùng các công cụ phụ trợ đi kèm.
- Triển khai Data warehouse & CRM: Xây dựng nền tảng cho hệ thống dataware house (tổng hợp và khai thác dữ liệu đa chiều) và CRM cung cấp công cụ khai thác thông tin một cách hiệu quả.
- Nâng cấp đáp ứng yêu cầu hệ thống chứng khoán mới của các cơ quan quản lý (HSX, VSD, HSX). Dự kiến chính thức vận hành vào tháng 5/2020.
- Triển khai các module nhằm hỗ trợ giao dịch Market Maker ETF/Giao dịch phái sinh/ CW khi điều kiện cho phép.
- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng phục vụ cho khôi phục sau thảm họa và phát sinh dịch vụ dự phòng.
- Chuyển đổi một phần máy trạm làm việc của nhân viên lên môi trường Ảo hóa tập trung nhằm quản lý tốt hơn về mặt an toàn bảo mật dữ liệu.

Công tác tổ chức nhân sự và chính sách tiền lương

Năm 2020, Công ty sẽ chính thức triển khai đề án kiện toàn mô hình tổ chức sau khi được ĐHĐCĐ thông qua. Thông qua việc kiện toàn này, bộ máy của Công ty sẽ được đảm bảo tính nhất quán, đồng bộ từ định hướng chiến lược đến các chính sách cụ thể đối với một số chức năng quản trị Công ty như quản trị nguồn nhân lực, thương hiệu.

Tuyển dụng nhân sự tiếp tục là một nhiệm vụ quan trọng đặt ra trong năm 2020 nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển hoạt động môi giới. Các chính sách khoán môi giới cũng sẽ được thường xuyên nghiên cứu, cập nhật để kịp thời sửa đổi bổ sung đảm bảo phù hợp với những thay đổi của thị trường, tăng tính cạnh tranh để thu hút nhân lực.

Việc rà soát lại toàn bộ hệ thống văn bản nội bộ liên quan tới công tác quản trị nhân sự sẽ được triển khai và sửa đổi để đáp ứng với những thay đổi của Luật Lao động mới, tạo nền tảng cho công tác quản trị nhân sự phù hợp với những thay đổi của luật sẽ có hiệu lực từ năm 2021.

Truyền thông và phát triển thương hiệu

Bên cạnh các hoạt động có tính chất thường xuyên như việc đẩy mạnh truyền thông ra công chúng nhằm định vị BVSC là thương hiệu chứng khoán uy tín, tăng cường hợp lực cùng Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên trong các hoạt động truyền thông và phát triển thương hiệu Bảo Việt, một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020 là việc triển khai dự án website mới với mục tiêu trở thành kênh tương tác hiện đại, thông minh với các khách hàng.

Bên cạnh đó, BVSC tiếp tục xác định truyền thông nội bộ là một kênh xây dựng thương hiệu Công ty, năm 2020 công tác truyền thông nội bộ không chỉ giới hạn trong phạm vi BVSC, trên nền tảng Workplace trong phạm vi toàn bộ Tập đoàn Bảo Việt trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, định hướng truyền thông nội bộ sẽ mở rộng phạm vi tương tác trong toàn bộ hệ thống Bảo Việt.

Công tác pháp chế

Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành dự kiến sẽ ban hành hàng loạt các văn bản hướng dẫn trong năm 2020 để triển khai thi hành Luật Chứng khoán 2019 và Bộ luật Lao động 2019 trên thực tế. Do đó, công tác pháp chế sẽ tập trung theo dõi, cập nhật các Nghị định, Thông tư hướng dẫn được ban hành mới để tiến hành rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện đồng bộ các quy chế, quy trình nội bộ và các biểu mẫu hợp đồng, thỏa thuận của Công ty nhằm tăng tính chủ động, kịp thời trong việc tuân thủ quy định pháp luật của Công ty.

Kiểm soát nội bộ

Qua các kỳ kiểm soát, những khuyến nghị của bộ phận KSNB đã giúp Ban Tổng Giám đốc có thêm thông tin để đưa ra các biện pháp quản trị và ngăn ngừa rủi ro tốt hơn. Những ghi nhận, thông tin phản hồi từ kết quả công việc đã thực hiện của bộ phận còn là cơ sở để bộ phận xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2020.
Mục tiêu trong năm 2020 của KSNB là xây dựng các chương trình kiểm soát mới để bên cạnh việc kiểm tra tuân thủ còn nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong Công ty về một môi trường kiểm soát minh bạch và hiệu quả. Một môi trường kiểm soát hiệu quả giúp giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh, đem lại sự phát triển bền vững cho BVSC và giá trị tốt hơn cho cổ đông.

Quản trị rủi ro

Trong năm 2020 bộ phận QTRR tiếp tục triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2020. Tiếp tục thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
Công tác đào tạo về QTRR sẽ là một nội dung được chú trọng trong năm 2020. Bằng việc tổ chức các chương trình đào nội bộ nhằm nâng cao nhận thức về QTRR cho người lao động nói chung trong Công ty, QTRR sẽ tham gia các khóa đào tạo và nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới là những hoạt động công ty chú trọng để sớm đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, đề xuất xây dựng chốt chặn rủi ro, hạn mức rủi ro cho sản phẩm dịch vụ mới này khi công ty triển khai.

CÙNG CHUNG KHÁT VỌNG

Ra đời từ tầm nhìn và khát vọng của thế hệ đi trước cách đây 20 năm, BVSC sẽ tiếp tục kế thừa những giá trị và thành quả đã đạt được, kiên định với mục tiêu phát triển bền vững để mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông, sự hài lòng của khách hàng, sự trưởng thành của mỗi cán bộ nhân viên và sự bình an trong cộng đồng.

20 NĂM 1999 - 2019
ĐỒNG KIẾN TẠO

05

Phát triển bền vững

01 GRI 102: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2016
02 Thông điệp về PTBV của TGĐ
03 GRI 200: Kinh tế
04 GRI 300: Môi trường
05 GRI 400: Xã hội

This report is a result of the GRI Empowering Sustainable Decisions CSRCB Program in Vietnam 2019 2020

GRI 102
Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016

Hồ sơ tổ chức

102-1 Tên tổ chức
102-2 Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ
102-3 Địa điểm của trụ sở chính
102-4 Các địa điểm hoạt động
102-5 Quyền sở hữu và hình thức pháp lý
102-6 Các thị trường phục vụ

(chi tiết xem tại Chương I, từ trang 12 đến trang 19 báo cáo này)

102-8 Thông tin về nhân viên và người lao động khác

Thông tin nhân viên và người lao động theo giới tính

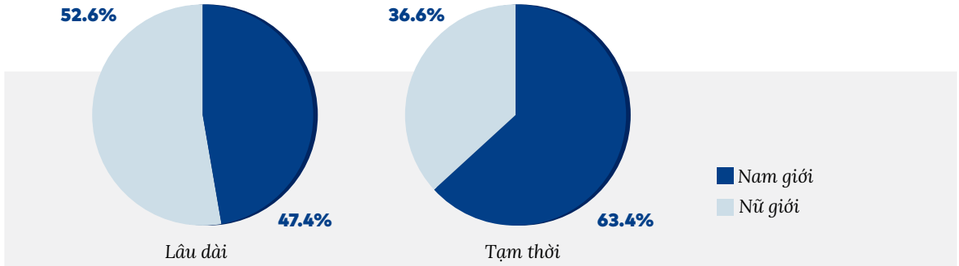

Thông tin nhân viên và người lao động theo khu vực

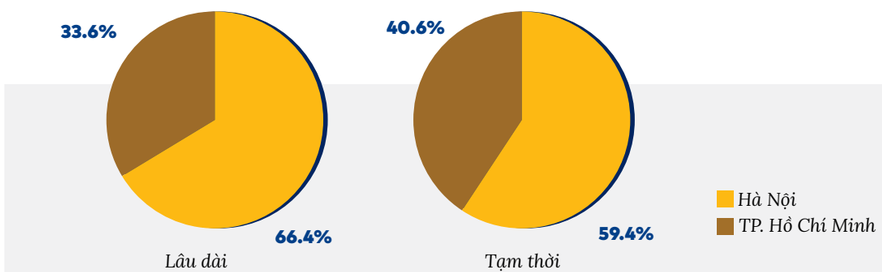

102-13 Quyền hội viên trong các hiệp hội

BVSC là hội viên của Hiệp hội kinh doanh chứng khoán; Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính và Hiệp hội kinh doanh trái phiếu.

Quản trị

102-18 Cơ cấu quản trị
(chi tiết xem tại Chương II, Quản trị Công ty)

Chiến lược

102-14 Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao

Tên người thực hiện:
Nhữ Đình Hòa
Chức vụ:
Tổng Giám đốc

Kính gửi Quý cổ đông, Khách hàng và các đối tác,

Trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với rất nhiều thách thức về môi trường & xã hội đặt ra mối quan tâm chung đối với hầu hết các doanh nghiệp về định hướng kinh doanh trong trung và dài hạn, theo đó phát triển bền vững là một hướng đi được quan tâm và đề cao trong những năm trở lại đây.

Là công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường, đồng hành và lớn mạnh cùng TTCK Việt Nam, BVSC hiểu được tầm quan trọng trong sứ mệnh phát triển bền vững của mình như một cách xây dựng niềm tin với cổ đông, với khách hàng và cộng đồng xã hội. Chúng tôi xác định Phát triển bền vững là mục tiêu xuyên suốt trong chiến lược phát triển công ty và tuân thủ để hướng tới tăng trưởng xanh của đất nước. Năm vừa qua, một cột mốc quan trọng đánh dấu 20 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán, chúng tôi đã cụ thể hóa mục tiêu phát triển bền vững vào tất cả các nhiệm vụ trọng tâm trong năm, đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn với mục tiêu phát triển lâu dài.

Năm 2019, BVSC lần thứ hai liên tiếp được vinh danh trong **Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững** trong Chương trình đánh giá và công bố các Doanh nghiệp bền vững Việt Nam do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI phối hợp cùng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức. Giải thưởng này nhằm tôn vinh những doanh nghiệp tiêu biểu có chiến lược hoạt động không ngừng hướng tới phát triển bền vững ở các khía cạnh xã hội, bảo vệ môi trường và kinh tế. Đây chính là sự ghi nhận xứng đáng từ cơ quan quản lý cho những nỗ lực và cam kết hành động của BVSC trong suốt thời gian qua.

Chúng tôi trình bày các hoạt động diễn ra trong năm 2019 cũng như những kết quả đạt được thông qua Báo cáo phát triển bền vững được tích hợp trong Báo cáo thường niên 2019 của Công ty. Nội dung trình bày được thực hiện trên cơ sở tham chiếu Bộ tiêu chí đánh giá về phát triển bền vững theo chuẩn mực cập nhật nhất của GRI và đã nhận được sự xác thực của tổ chức GRI. Thông qua nỗ lực này, chúng tôi muốn tái khẳng định những cam kết của chính mình từ trong nhận thức lẫn hành động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Trân trọng.

"Năm vừa qua, một cột mốc quan trọng đánh dấu 20 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán, chúng tôi đã cụ thể hóa mục tiêu phát triển bền vững vào tất cả các nhiệm vụ trọng tâm trong năm, đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn với mục tiêu phát triển lâu dài."

Sự tham gia của bên liên quan

102-40/ 102-44

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của BVSC đến họ hoặc những cá nhân/tổ chức có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của BVSC. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; Mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp. Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn thông tin khác nhau một các phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của BVSC, đặc biệt là các vấn đề về quản trị công ty, phát triển nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

Tỷ lệ phần trăm tổng nhân viên tham gia các thỏa ước thương lượng tập thể

100%

102-43 Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan

Công ty nhận diện các bên liên quan và thực hiện phương pháp tiếp cận để biết các vấn đề được các bên liên quan như sau:

Đối với cổ đông/ Nhà đầu tư:
- Đại hội cổ đông
- Bộ phận quan hệ cổ đông (email/ hotline)
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư
- Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư
- Website công ty

Đối với Khách hàng:
- Đội ngũ nhân viên môi giới/ tư vấn
- Tiếp xúc trực tiếp tại sàn giao dịch
- Hội nghị tri ân khách hàng
- Tổng đài chăm sóc KH/ Email/ Fanpage
- Hội thảo phân tích và khuyến nghị đầu tư
- Thông qua các phản hồi trên các kênh truyền thông và mạng xã hội

Đối với các Hiệp hội:
- Sinh hoạt thường kỳ
- Thông qua các hội thảo, diễn đàn, sự kiện
- Thông qua các thảo luận, đóng góp ý kiến trong các chương trình sinh hoạt định kỳ

Đối với người lao động:
- Đối thoại định kỳ hàng quý và Hội nghị người lao động định kỳ hàng năm
- Các hội nghị sơ kết/ tổng kết
- Thông qua vai trò của người quản lý trực tiếp
- Thông qua vai trò của Công đoàn và Bộ phận nhân sự
- Chương trình tập huấn văn hóa doanh nghiệp
- Tọa đàm và các chương trình đào tạo nội bộ
- Thông qua kênh truyền thông nội bộ Workplace

Đối với các cơ quan quản lý
- Thông qua hội nghị, Hội thảo, đào tạo do các cơ quan quản lý tổ chức
- Tiếp xúc trực tiếp

Đối với cơ quan báo chí:
- Tổ chức họp báo
- Các chương trình gặp mặt phóng viên báo chí thường niên
- Tiếp xúc trực tiếp qua phỏng vấn/ giao lưu kết nối

Đối với Cộng đồng đại chúng
- Thông qua chính quyền địa phương/ cơ quan sở tại
- Thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội

102-44 Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên

Bên liên quan	Các chủ đề được quan tâm	Phản ứng của BVSC
Cổ đông/ Nhà đầu tư	• Kết quả kinh doanh hiệu quả • Minh bạch thông tin • Nâng cao năng lực quản trị Công ty, giá trị Công ty tăng trưởng • Cổ tức	• Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được ĐHCĐ thông qua • Chủ động công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư • Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động IR • Thực hiện cam kết cổ tức
Cơ quan quản lý	• Tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước. • Tích cực đóng góp xây dựng phát triển TTCK Việt Nam.	• Tuân thủ tốt các quy định pháp luật. • Đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước • Tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường. • Trở thành thành viên tích cực của các Sở giao dịch
Các Hiệp hội	• Trở thành thành viên của các Hiệp hội và tích cực tham gia vào hoạt động của hiệp hội • Đóng góp nghĩa vụ tài chính cho các Hiệp hội	• Là thành viên và tích cực tham gia vào hoạt động của các Hiệp hội bao gồm Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam. • Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính theo quy định của Hiệp hội
Khách hàng	• Chất lượng dịch vụ tốt và giá thành cạnh tranh. • Địa điểm giao dịch thuận lợi • Giao dịch thuận tiện, an toàn và bảo mật • Nhân viên thân thiện, cởi mở và tận tâm • Sản phẩm đa dạng để mở rộng cơ hội đầu tư cho khách hàng	• Nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự và chất lượng báo cáo, khuyến nghị đầu tư. • Chính sách phí giao dịch, lãi suất margin và ứng trước cạnh tranh và linh hoạt • Đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới giao dịch • Đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT, website,... • Ra mắt các sản phẩm mới phục vụ nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng • Triển khai các chương trình khuyến mại và sự kiện tri ân nhằm tăng cường sự gắn kết với khách hàng
Cơ quan báo chí	• Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty kịp thời và thuận lợi • Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông về thị trường	• Chủ động gửi thông cáo báo chí về kết quả kinh doanh định kỳ mỗi quý/bán niên/thường niên cho cơ quan báo chí • Thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện/hoạt động phát sinh trong năm • Cung cấp các phân tích, đánh giá, xu hướng thị trường để giúp báo chí có những thông tin giá trị, khách quan • Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, giải đáp những câu hỏi, thắc mắc của báo chí một cách kịp thời, nhanh chóng
Người lao động	• Đảm bảo việc làm, ổn định và phát triển đội ngũ nhân sự • Chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động, đảm bảo điều kiện làm việc tốt, an toàn vệ sinh lao động. • Cơ hội được đào tạo, phát triển bản thân • Tạo cơ hội phát triển bình đẳng, công bằng, những đóng góp thành tích được ghi nhận. • Thu nhập ổn định và có tính cạnh tranh • Môi trường làm việc công bằng và chuyên nghiệp	• Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động • Kinh doanh hiệu quả đảm bảo chi trả thu nhập ổn định cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống vật chất của người lao động. • Xây dựng các chính sách lương thưởng cạnh tranh, phù hợp với xu hướng thị trường và đảm bảo công bằng, gắn với hiệu quả làm việc. • Chế độ phúc lợi được đảm bảo, trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư... bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước • Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với từng vị trí nghiệp vụ. • Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để công đoàn, đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở • Các chính sách liên quan đến người lao động hướng tới mục tiêu công bằng trong nội bộ và có tính cạnh tranh với bên ngoài
Cộng đồng xã hội	• Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo • Đầu tư cho giáo dục, thế hệ tương lai • Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả • Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng • Các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn cần được động viên và chia sẻ	• Triển khai các chương trình an sinh xã hội thường niên, đầu tư cho thế hệ trẻ, tri ân người có công và xóa đói giảm nghèo • Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa • Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bảo Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động. • Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường • Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước • Trực tiếp chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn tại các bệnh viện và cơ sở y tế khám chữa bệnh
Đối tác/ Nhà cung cấp	• Quy trình đánh giá xét chọn đảm bảo công bằng • Việc ký kết và triển khai hợp đồng tuân thủ pháp luật, đảm bảo tiến độ thanh toán	• Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp • Hợp đồng được pháp chế rà soát đảm bảo tuân thủ pháp luật trước khi ký kết • Tiến hành kiểm soát nội bộ về quy trình thực hiện Hợp đồng với các nhà cung cấp • Thường xuyên đánh giá lại khả năng của Đối tác trong việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu của Công ty

Thông lệ báo cáo

102-45/ 102-46 Thông lệ báo cáo

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Tất cả các đơn vị của Công ty CP Chứng Khoán Bảo Việt đều được đề cập trong Báo cáo tài chính của công ty và Báo cáo phát triển bền vững này với các cách xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề như sau:

Công ty xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề của Báo cáo sau khi được Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu đào tạo về việc lập báo cáo theo chuẩn GRI phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ liên quan trong công ty.

Báo cáo Phát triển bền vững của BVSC xác định nội dung báo cáo bằng việc tuân thủ các nguyên tắc báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:

1. Nguyên tắc để xác định nội dung báo cáo

Bối cảnh phát triển bền vững
Chưa bao giờ nhân loại được chứng kiến những thay đổi nhanh chóng với quy mô rộng lớn và mức độ ngày càng sâu sắc trong các lĩnh vực của đời sống xã hội của thế giới do tiến trình phát triển mang lại như trong thời gian vừa qua. Ngoài mặt tích cực và tiến bộ, không thể không thừa nhận quá trình đó cũng đã và đang đặt tất cả các nước trước một loạt vấn đề toàn cầu nóng bỏng, tác động và đe dọa trực tiếp đến triển vọng phát triển của nhân loại, đặc biệt là vấn đề về cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường sinh thái ... Đó là những hệ quả nghiêm trọng của quan niệm cũ về sự phát triển (đồng nhất phát triển với tăng trưởng kinh tế). Tất cả những điều đó buộc nhân loại phải hướng đến một quan niệm mới, đúng đắn và thông minh hơn về sự phát triển – **Chiến lược phát triển bền vững.**

Không nằm ngoài quỹ đạo vận động chung của thế giới, ở Việt Nam, phát triển bền vững đã được Nhà nước xác định là một mục tiêu chiến lược, lâu dài. vấn đề đặt ra đối với chúng ta hiện nay là làm thế nào để vừa giữ được sự tăng trưởng kinh tế cao, vừa bảo vệ được môi trường, vừa ứng phó có hiệu quả với tác động của biến đổi khí hậu để phát triển bền vững. Bên cạnh đó, sự chuyển dịch từ các thị trường vốn truyền thống sang thị trường vốn xanh được xem là bước tiến quan trọng, nhằm tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam và hướng tới phát triển bền vững. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp tham gia trên tinh thần tự nguyện, để doanh nghiệp vừa duy trì được hoạt động kinh doanh hiệu quả, vừa đảm bảo lợi ích môi trường và xã hội.

Tính trọng yếu
Để xác định nội dung báo cáo, Công ty tuân thủ nguyên tắc về tính trọng yếu. Từ đó, Công ty lập ma trận để xác định các bên liên quan trọng yếu chịu tác động trực tiếp (tác động tích cực hoặc tiêu cực) từ các hoạt động của Công ty và xác định các vấn đề trọng yếu được các bên liên quan quan tâm để trình bày trong báo cáo.

Tính đầy đủ
Thông tin đưa ra trong báo cáo được sử dụng số liệu đầy đủ với phạm vi chủ đề rõ ràng và phạm vi thời gian rõ ràng

2. Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo

Tính chính xác
Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này

Tính cân đối
Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có)

Tính rõ ràng
Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.

Khả năng so sánh
Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.

Tính kịp thời
Báo cáo được lập vào tháng 3/2020 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2019 đến 31/12/2019 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

102-48 Trình bày lại thông tin
Không có

102-50 Kỳ báo cáo
Các thông tin trong báo cáo này được lập dựa trên các dữ liệu từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019.

102-51 Ngày của báo cáo gần nhất
2019-04-18 - Ngày phát hành Báo cáo phát triển bền vững tích hợp cùng Báo cáo thường niên.

102-52 Chu kỳ báo cáo
Thường niên

102-53 Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo

Tên **Bùi Thị Mai Hiên**
E-mail **buithimaihien@baoviet.com.vn**
Chức vụ **Thư ký công ty**
Điện thoại **0243 928 8080 - 600**

102-54 Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI

Báo cáo này đã được thực hiện theo Tiêu chuẩn GRI:
Core Option (Lựa chọn báo cáo các vấn đề cốt lõi)

102-55 Mục lục GRI

Thông tin tham khảo

Báo cáo này công bố các thông tin liên quan đến GRI 102: Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016, GRI 103: Phương pháp Quản trị 2016, GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016, GRI 302: Năng lượng 2016, GRI 401: Việc làm 2016, GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2016, GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016.

Phần đã loại trừ:
Không có

Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016

Hồ sơ tổ chức
Trang: 146

Quản trị
Trang: 146

Chiến lược
Trang: 147

Sự tham gia của bên liên quan
Trang: 148

Thông lệ báo cáo
Trang: 152

Nhóm tiêu chuẩn từng chủ đề
Trang: 156-187

Kinh tế

Phương pháp quản trị
Trang: 156

Hiệu quả hoạt động kinh tế
Trang: 157

Môi trường

Phương pháp quản trị
Trang: 159

Năng lượng 2016
Trang: 161

Xã hội

Phương pháp quản trị
Trang: 162

Việc làm 2016
Trang: 165

Phương pháp quản trị
Trang: 168

An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp
Trang: 171

Phương pháp quản trị
Trang: 172

Giáo dục và Đào tạo
Trang: 176

Phương pháp quản trị
Trang: 178

Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng 2016
Trang: 180

GRI 200
Chủ đề Kinh tế

Hiệu quả hoạt động kinh tế

GRI 103
Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

BVSC là một công ty niêm yết, vì vậy, chúng tôi xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi khi xây dựng được nguồn lực tài chính vững chắc cho bản thân doanh nghiệp, chúng tôi mới có thể đem lại lợi ích và thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của mình cho các bên liên quan.

Nơi phát sinh tác động
BVSC xác định hiệu quả kinh tế thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản. Việc đạt mức tăng trưởng tốt qua các năm chính là điều kiện để BVSC tiếp tục phát triển và triển khai các hoạt động của mình đối với các bên liên quan.

Sự liên quan của tổ chức
Công ty liên quan trực tiếp đến các tác động vì sự tăng trưởng lợi nhuận của công ty mang lại lợi ích và đảm bảo các quyền lợi tài chính cho cổ đông/ nhà đầu tư, gia tăng dịch vụ và lợi ích cho khách hàng, gia tăng chế độ lương và phúc lợi cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

BVSC quản trị các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế dựa trên các chỉ tiêu tài chính & phi tài chính:

- Các chỉ tiêu tài chính: Tổng tài sản, tỉ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm, tăng trưởng EPS, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng...
- Các chỉ tiêu phi tài chính: thị phần, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ quản lý...
- Đảm bảo công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

Cam kết
Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua
Chính sách hiệu quả kinh tế

Mục tiêu và chỉ tiêu
Kế hoạch hiệu quả kinh tế trong năm 2019:

Doanh thu
510 tỷ VNĐ

Lợi nhuận sau thuế thực hiện
126 tỷ VNĐ

Thị phần môi giới CP & CCQ
Top10 Công ty CK có thị phần cao nhất

Trách nhiệm
Người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc quản trị các vấn đề về chỉ tiêu Hiệu quả kinh tế của Công ty là Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Nguồn lực
Công ty có nguồn lực thực hiện phát triển kinh doanh trực tiếp là các bộ phận kinh doanh như: Khối môi giới, Khối Tư vấn, Khối Đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn có nguồn lực hỗ trợ kinh doanh để thực hiện các công việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho công ty là các phòng ban liên quan khác.

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- Triển khai đồng bộ các giải pháp bao gồm chính sách về lãi suất, chính sách phí, nguồn nhân lực...thúc đẩy hoạt động môi giới
- Ra mắt các sản phẩm mới dành cho khách hàng như Ibond var và Ibond fix giúp đa dạng hóa các danh mục đầu tư của khách hàng
- Chuyển đổi phương thức đào tạo nhân sự truyền thống sang hệ thống đào tạo trực tuyến Elearning
- Các giải pháp về công nghệ thông tin

Chi tiết xem tại Chương III, từ trang 101 đến trang 107

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá
Đánh giá hàng tháng/ hàng quý đối với các chỉ tiêu đã đặt ra.
Các phòng/ ban kinh doanh chịu trách nhiệm về việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của mình và lập báo cáo để ban điều hành kiểm soát. Trong các cuộc họp giữa các phòng/ ban kinh doanh với ban điều hành đều có sự tham gia của kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.

Kết quả
Thực hiện phương pháp quản trị đạt hiệu quả giúp công ty kiểm soát được các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

GRI 201
Hiệu quả Hoạt động Kinh tế

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ

Tổng doanh thu và thu nhập khác
564.049.196.117 VNĐ

Tổng chi phí
190.306.165.001 VNĐ

Lương và phúc lợi của nhân viên
139.388.277.073 VNĐ

Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn
111.210.387.527 VNĐ

Tổng số phải nộp cho chính phủ
79.818.060.057 VNĐ

Đầu tư cho cộng đồng
391.450.000 VNĐ

Giá trị kinh tế chưa phân phối:
42.934.856.459 VNĐ

Năm 2019, tổng nộp ngân sách nhà nước của BVSC đạt hơn 79 tỷ đồng (bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác). Việc thực hiện các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế giúp tạo tiền đề cho việc mở rộng quy mô kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho CBNV, cũng như góp phần duy trì ổn định mức đóng góp cho ngân sách nhà nước.

201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác

Nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng
Có

Giá trị ước tính
10.934.920.626 đồng
Bao gồm chi phí các loại bảo hiểm: BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm các bệnh ung thư

Quỹ riêng
Không

Tỷ lệ đóng bảo hiểm của người lao động và Công ty
Công ty thực hiện tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

Người lao động đóng
10.5%

Người sử dụng lao động đóng
21.5%

Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện mua bổ sung bảo hiểm nhân thọ cho người lao động. Người lao động được tham gia hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho đến khi nghỉ hưu (trừ trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động trước khi nghỉ hưu). Tại thời điểm nghỉ hưu, người lao động sẽ được nhận giá trị giải ước của hợp đồng nhân thọ bổ sung thêm cho khoản lương hưu hàng tháng từ nguồn bảo hiểm xã hội của nhà nước. Đây là một phần trong chính sách phúc lợi của người lao động nhằm bổ sung tài chính và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động khi đến tuổi nghỉ hưu.

This report is a result of the GRI CSRCB Program in Vietnam 2019 2020

GRI 300
Chủ đề Môi trường

Năng lượng – Nước – Điện – Vật liệu

GRI 103
Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Với đặc thù là doanh nghiệp trong ngành cung cấp dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của BVSC không gây tác động trực tiếp và đáng kể đến môi trường, tuy nhiên BVSC luôn cố gắng gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động của công ty, đặc biệt là các hoạt động nội bộ bằng việc nâng cao nhận thức của CBNV về bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng để ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Nơi phát sinh tác động
Số năng lượng, nước, điện và vật liệu công ty sử dụng trong quá trình hoạt động cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

Sự liên quan của tổ chức
Việc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải sử dụng các năng lượng: điện, nước, giấy và có xả ra một lượng rác thải sinh hoạt ra môi trường. Vì vậy đây là tác động trực tiếp từ doanh nghiệp.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Doanh nghiệp quản lý số năng lượng tiêu hao thông qua hóa đơn hàng tháng, trên hóa đơn có chỉ số năng lượng tiêu hao và số chi phí phải trả cho điện năng, nước, giấy tiêu thụ.

Trong quá trình hoạt động, Công ty nhận thức việc doanh nghiệp quản trị để điều chỉnh và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và hợp lý sẽ góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Trách nhiệm
Các vấn đề liên quan đến việc sử dụng năng lượng trong Công ty được người đứng đầu bộ phận hành chính – kế hoạch ghi nhận và báo cáo lên Ban điều hành Công ty.

Nguồn lực
Bộ phận hành chính - kế hoạch

Các biện pháp hành động cụ thể
Chương trình truyền thông nội bộ về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
Bên cạnh việc truyền thông để nâng cao nhận thức đối với CBNV, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp cụ thể để góp phần giảm tải việc sử dụng năng lượng như:

Hệ thống điều hòa không khí

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng điều hòa bao gồm cục lạnh & cục nóng ngoài trời 6 tháng một lần để đảm bảo hiệu suất của máy.
- Thay mới 1 số điều hòa có dán nhãn tiết kiệm năng lượng của VNEEP
- Duy trì nhiệt độ trên 26 độ C trong những ngày mùa hè và hạn chế bật điều hòa nóng vào mùa đông
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h.30 hàng ngày.

Hệ thống chiếu sáng

- Tiếp tục duy trì sử dụng toàn bộ thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện: bóng compact tiết kiệm điện
- Tại các phòng có cửa sổ, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên
- Tắt toàn bộ hệ thống điện sau 17h30 hàng ngày

Tài nguyên nước

Mặc dù Công ty không cần chi trả chi phí sử dụng nước hàng năm do đã bao gồm trong chi phí thuê văn phòng nhưng việc tiết kiệm nước vẫn được truyền thông tích cực trong Công ty. Đặc biệt, Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra rò rỉ nước, tránh thất thoát nước đối với cả nước vệ sinh; tái sử dụng nước sạch cho mục đích tưới cây; không sử dụng nước bồn cầu vào mục đích xả rác.

Tài nguyên giấy

Một trong những biện pháp hiệu quả nhất trong việc sử dụng giấy hiệu quả là tái sử dụng giấy in 1 mặt cho các văn bản lưu hành nội bộ Công ty.

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị
Bộ phận hành chính/ kế hoạch của Công ty là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng năng lượng. Việc đánh giá được diễn ra thường niên trong nội bộ doanh nghiệp và tổ chức các kỳ họp khi có những biến động lớn.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị
Việc thực hiện quản trị/ đánh giá của bộ phận hành chính/ kế hoạch vẫn được tiến hành dưới sự kiểm soát của Ban giám đốc công ty và thực hiện tốt, góp phần quản lý tốt việc tiêu thụ năng lượng của công ty.

Không có điều chỉnh nào trong kỳ báo cáo

GRI 302
Năng lượng

302-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Dưới tác động của con người, môi trường thế giới đang ngày càng trở nên khắc nghiệt. Nhận thức được điều đó, nhiều năm liền Công ty duy trì các quy định tại Nội quy lao động của Công ty đồng thời đẩy mạnh truyền thông hơn nữa chương trình tiết kiệm năng lượng "Tiết kiệm điện năng – Tăng thêm thu nhập" trong nội bộ công ty. Song song với đó là việc kêu gọi và phát động các phong trào trên nhiều bản tin nội bộ và hệ thống poster của chương trình được phủ rộng trong khu văn phòng, phòng giao dịch, CBNV và khách hàng BVSC đã tích cực hưởng ứng chương trình này.

Đối với điện và nước
Năm 2019, tổng số điện năng mà Công ty sử dụng là 425,360 kwh, đây là số điện năng của toàn bộ Công ty bao gồm Trụ sở, chi nhánh và 8 Phòng giao dịch. Số điện năng sử dụng này đã có chiều hướng giảm, tương đương 7% so với cùng kỳ năm trước, tổng chi phí chi trả cho khoản mục này trong năm là khoảng 1,64 tỷ đồng. Trong bối cảnh định biên nhân sự tăng hơn 7% so với cùng kỳ mà lượng điện năng sử dụng lại giảm cho thấy việc tiết kiệm năng lượng tại Công ty đã phát huy hiệu quả.
Ngoài ra, Công ty cũng tích cực hưởng ứng các chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hay cử cán bộ tham gia sự kiện Giờ trái đất hàng năm để thể hiện trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nhân sự tăng, lượng điện tiêu thụ giảm

Đối với Giấy
Việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả giấy và mực in trong văn phòng cũng được BVSC truyền thông mạnh mẽ đến toàn bộ CBNV Công ty tại Hội sở, Chi nhánh và các Phòng giao dịch. Với phương thức chuyển đổi sang hình thức digital: hạn chế sử dụng giấy và mực in khi không cần thiết, tăng cường trao đổi tài liệu và các hình thức họp trực tuyến đã giúp BVSC cắt giảm lượng giấy tiêu thụ so với năm 2018 là 11%, tổng lượng giấy năm 2019 Công ty tiêu thụ chỉ còn 1476 gram.

Lượng giấy tiêu thụ
▼11%
so với năm 2018

Trong năm 2019, BVSC không có bất kỳ hành vi không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường nào.

This report is a result of the GRI CSRCB Program in Vietnam 2019 2020

GRI 400
Chủ đề Xã hội

Việc làm

GRI 103
Phương pháp Quản trị

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

BVSC là doanh nghiệp kinh doanh trong ngành dịch vụ tài chính, theo đó, sản phẩm dịch vụ của BVSC chủ yếu là mang lại những dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng. Do đó, nguồn lực lao động, chất lượng lao động là một phần cấu thành quan trọng của việc mang lại sản phẩm dịch vụ tốt cho khách hàng. Giá trị do người lao động mang lại sẽ đóng góp vào sự thành công, phát triển của BVSC.

Ngược lại, việc tăng trưởng hoạt động kinh doanh của Công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng sẽ đồng nghĩa với việc gia tăng quy mô về việc làm, chế độ lương thưởng, phúc lợi của người lao động được cải thiện.

Nơi phát sinh tác động
Xác định việc làm là một yếu tố quan trọng tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty, BVSC luôn chú trọng trong việc xây dựng môi trường làm việc tốt, đảm bảo chế độ lương thưởng phúc lợi tốt để từ đó tạo sự an tâm cho người lao động nhằm duy trì ổn định nhân sự, giữ chân lao động giỏi, cũng như thu hút đội ngũ lao động có chất lương trên thị trường.

Sự liên quan của tổ chức
Các chính sách nhân sự bao gồm chính sách tuyển dụng, đào tạo và chính sách lương thưởng, phúc lợi của người lao động được xây dựng dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề trong báo cáo này.

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty và kế hoạch kinh doanh hàng năm, BVSC xây dựng kế hoạch về quy mô việc làm cũng như kế hoạch tuyển dụng lao động chi tiết phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng kịp thời và hiệu quả về nguồn lực lao động cho các phòng ban nghiệp vụ cũng như tối ưu hóa về nguồn nhân lực của Công ty.

Bên cạnh đó, BVSC xây dựng cơ chế, chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh để có thể hỗ trợ cho việc thu hút nhân sự tốt, giữ chân người tài và ổn định nhân sự trong Công ty.

Mục đích của Phương pháp quản trị

- Tối ưu hóa nguồn nhân sự, đảm bảo lực lượng nhân sự phù hợp và hiệu quả, hạn chế việc dư thừa lao động
- Duy trì và phát huy hiệu quả các gói chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp với từng nhóm lao động, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trong việc thu hút những nhân sự giỏi trên thị trường.
- Kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch

Chính sách

Chính sách tuyển dụng	Căn cứ kế hoạch nhân sự năm, Công ty xây dựng các tiêu chí lựa chọn ứng viên cụ thể, rõ ràng gắn với mô tả công việc của vị trí đó. Việc đánh giá lựa chọn ứng viên phải đảm bảo sự công bằng, chính xác, phù hợp qua các vòng thi tuyển và phỏng vấn của Hội đồng tuyển dụng.
Chính sách lương thưởng	• Lương của người lao động được xác định dựa trên tổng hợp đánh giá các tiêu chí thuộc 3 nhóm yếu tố: năng lực, khả năng giải quyết vấn đề, trách nhiệm, đồng thời xem xét các yếu tố bổ sung khác như mức độ khan hiếm của các vị trí, mức độ cạnh tranh trên thị trường. • Chính sách thưởng được xây dựng cho các vị trí khác nhau nhưng đều được dựa trên đánh giá hiệu quả làm việc. Đối với các bộ phận kinh doanh, thưởng hiệu quả làm việc được xác định theo doanh thu/ hiệu quả kinh doanh mang lại. Đối với các bộ phận hỗ trợ và quản lý, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của từng cá nhân theo phương pháp đánh giá mục tiêu.
Chính sách phúc lợi	• Công ty thực hiện trích quỹ phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế hàng năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên để triển khai các chương trình phúc lợi trong năm. • Chính sách phúc lợi được quy định rõ ràng theo nhóm lao động và cấp bậc, kết hợp với chính sách lương thưởng tạo nên các gói đãi ngộ cho người lao động. • Chính sách phúc lợi được thực hiện thông qua các hình thức như chi tiền mặt, các sản phẩm bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ phép, chế độ công tác, và các chế độ phúc lợi khác....

Cam kết
BVSC cam kết luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật lao động tại Việt Nam và gia tăng thêm các quyền lợi bổ sung khác cho người lao động.

Mục tiêu và chỉ tiêu

20%
Tỷ lệ tuyển dụng mới

100%
cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt kế hoạch, định hướng về các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động
Bộ phận nhân sự	Trực tiếp thực hiện và/ hoặc phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động
Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Thực hiện công tác kiểm soát và đánh giá rủi ro nhân sự
Ban chấp hành công đoàn	Thực hiện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động

Nguồn lực

Nội dung	
Nguồn lực tài chính	• Chi phí tuyển dụng: 184.6 triệu • Chi phí chi trả lương thưởng cho người lao động: 123.5 tỷ • Chi phí phúc lợi cho người lao động: 15.3 tỷ
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác nhân sự để đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến công tác tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động
Nguồn lực về công nghệ	Phần mềm nhân sự được dùng để tập trung dữ liệu và hỗ trợ Bộ phận nhân sự trong công tác liên quan đến tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động
Nguồn lực khác	Uy tín và thương hiệu của Công ty cũng như của Tập đoàn Bảo Việt đã giúp cho việc nâng cao thương hiệu của nhà tuyển dụng

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại
Bộ phận Nhân sự là đơn vị trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại trong các vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động tại Công ty

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Đối với công tác tuyển dụng

BVSC đã đẩy mạnh việc ứng tuyển trực tuyến, giúp tiết kiệm thời gian và tăng tính chủ động của ứng viên và rút ngắn quy trình chọn lọc và xét tuyển tại Công ty. Việc tiếp cận với nguồn ứng viên cũng được BVSC đa dạng hóa nhằm tìm kiếm được những nhân sự phù hợp nhất cho các vị trí cần tuyển. Năm 2019, Công ty đẩy mạnh việc sử dụng kênh tuyển dụng thông qua mạng xã hội với các group nghề nghiệp liên quan, các diễn đàn nhân sự, cũng như kết nối với các hiệp hội như Hiệp hội CFA, Hiệp hội FRM... và từ các cuộc thi quy mô lớn như Go Finance của trường Đại học Kinh tế quốc dân, cuộc thi Financial Student Contest 2019 của trường Đại học Ngoại Thương TP. HCM;

Đối với chính sách trả lương & phúc lợi

Lương trả cho người lao động được xác định dựa trên 03 yếu tố chính là năng lực, khả năng giải quyết vấn đề, và phạm vi trách nhiệm; Hàng năm Công ty đều thực hiện khảo sát lương thị trường để đánh giá và điều chỉnh chính sách trả lương đảm bảo khả năng cạnh tranh. Tỷ lệ nâng lương bình quân trong năm 2019 là tăng 21% so với 2018, mức cạnh tranh cao so với mức nâng lương bình quân toàn thị trường là 8,9% theo khảo sát lương của Mercer – Talennet công bố.
(Chi tiết tham khảo tại Chương III, từ trang 114 đến trang 117 báo cáo này)

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

- Hàng năm, bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro thường xuyên thực hiện công tác rà soát đánh giá về các chỉ số biến động nhân sự để kiểm tra và cảnh báo các ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.
- Bộ phận nhân sự thường xuyên trao đổi, tìm hiểu, lấy ý kiến phản hồi từ các phòng ban nghiệp vụ và Ban chấp hành Công đoàn về tình hình nhân sự của phòng, cũng như những ý kiến về các chính sách lương, thưởng, phúc lợi dành cho người lao động và đánh giá những tác động của chính sách tới hiệu quả công việc để từ đó xem xét có những điều chỉnh kịp thời những điểm còn hạn chế, tháo gỡ những khúc mắc của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị
Với phương pháp quản trị này, Công ty có thể kiểm soát tốt yếu tố con người giúp ổn định nguồn lực nhân sự, thu hút được các ứng viên phù hợp trên thị trường, đảm bảo sự cạnh tranh, giữ chân được những nhân sự giỏi

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị
Công ty thường xuyên thực hiện rà soát lại các chính sách nhân sự đang áp dụng để kịp thời cập nhật, sửa đổi phù hợp theo quy định của pháp luật cũng như xu hướng của thị trường, đảm bảo theo đúng mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty

GRI 401
Việc làm

401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

Tổng số lượng và tỷ lệ nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.

	Thuê mới						Tỷ lệ					
	Nam giới			Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
Nhóm tuổi	**<30**	**30-50**	**>50**	**<30**	**30-50**	**>50**	**<30**	**30-50**	**>50**	**<30**	**30-50**	**>50**
Hà Nội	23	15	1	15	7	0	4,2%	2,8%	0,2%	2,8%	1,3%	0%
TP. Hồ Chí Minh	14	6	2	7	1	3	2,6%	1,1%	0,4%	1,3%	0,2%	0,6%
Tổng theo độ tuổi	37,0	21,0	3,0	22,0	8,0	3,0	6,8%	3,9%	0,6%	4,0%	1,5%	0,6%
Tổng theo giới tính	61			33								
Tổng cộng	**94**											

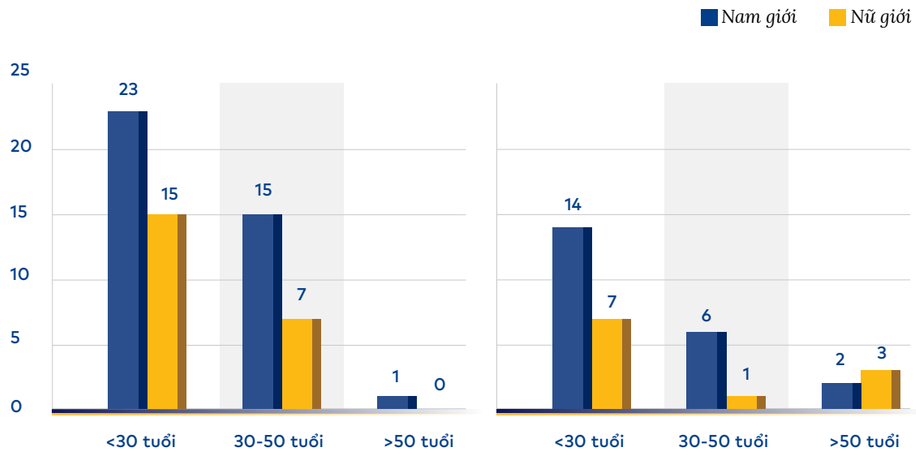

Số lượng nhân viên thuê mới theo giới tính ở Hà Nội

Số lượng nhân viên thuê mới theo giới tính ở TP. Hồ Chí Minh

Tổng số lượng và tỷ lệ thôi việc trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực

	Thôi việc						Tỷ lệ					
	Nam giới			Nữ giới			Nam giới			Nữ giới		
Nhóm tuổi	**<30**	**30-50**	**>50**	**<30**	**30-50**	**>50**	**<30**	**30-50**	**>50**	**<30**	**30-50**	**>50**
Hà Nội	5	14	0	3	10	0	0,9%	2,6%	0%	0,6%	1,8%	0%
TP. Hồ Chí Minh	11	7	0	5	5	1	2,0%	1,3%	0%	0,9%	0,9%	0,2%
Tổng theo độ tuổi	16,0	21,0	0	8,0	15,0	1,0	2,9%	3,9%	0,0%	1,5%	2,8%	0,2%
Tổng theo giới tính	37			24								
Tổng cộng	**61**											

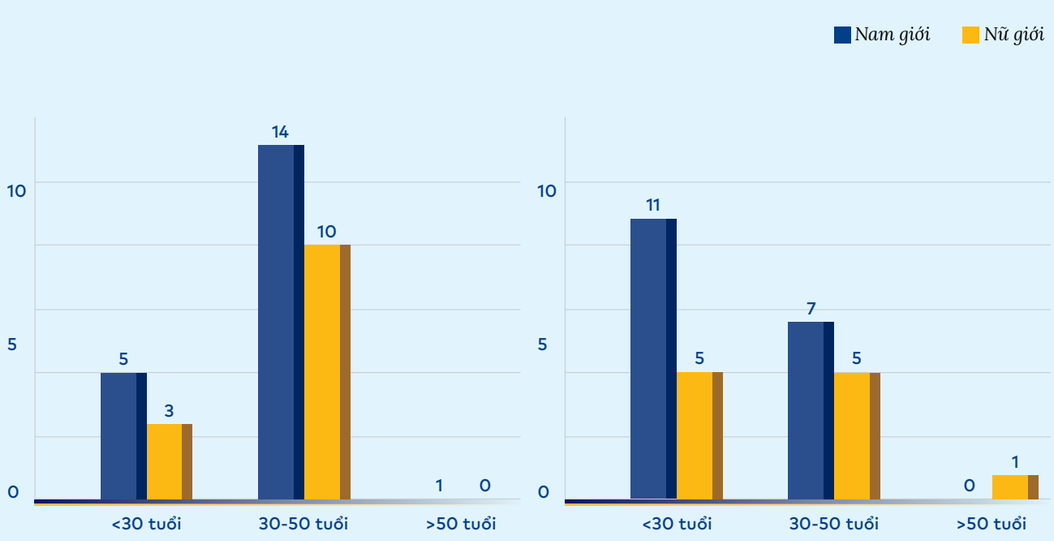

Số lượng nhân viên thôi việc ở Hà Nội

Số lượng nhân viên thôi việc ở TP. Hồ Chí Minh

401-1 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian

Bên liên quan	Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh
Bảo hiểm nhân thọ	✓	✓
Chăm sóc sức khỏe	✓	✓
Bảo hiểm các bệnh ung thư	✓	✓
Nghỉ thai sản	✓	✓
Trợ cấp hưu trí	✓	✓
Quyền sở hữu cổ phiếu		
Các phúc lợi khác	✓	✓
Giải thích các phần khác	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền

Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nơi có kinh tế phát triển, đông dân, tập trung nhiều lực lượng lao động có chất lượng

401-3 Nghỉ thai sản

	Nam giới	Nữ giới
Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	117	130
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	5	15
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	5	10
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng sau khi quay lại làm việc	5	10

100%

Tỷ lệ quay lại làm việc của nhân viên đã nghỉ thai sản

100%

Tỷ lệ giữ chân nhân viên đã nghỉ thai sản

An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

GRI 103
Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

An toàn và sức khỏe là một trong những vấn đề mà Công ty hướng tới khi xây dựng chính sách phúc lợi cho người lao động. Việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn và có những chính sách bảo vệ sức khỏe người lao động sẽ giúp người lao động cảm thấy an tâm, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo đối với người lao động, đặt yếu tố con người là quan trọng trong doanh nghiệp; từ đó gia tăng sự gắn kết của người lao động với doanh nghiệp.

An toàn và sức khỏe là một trong những vấn đề mà Công ty hướng tới khi xây dựng chính sách phúc lợi cho người lao động.

Nơi phát sinh tác động

- Các chương trình bảo hiểm cho người lao động: Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư, bảo hiểm nhân thọ được công ty trang bị cho người lao động bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của nhà nước
- Chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm của Công ty

Sự liên quan của tổ chức

Chính sách về an toàn và sức khỏe là một phần trong gói chính sách phúc lợi dành cho người lao động, tạo nên sự an tâm, quyền lợi thiết thực cho người lao động, qua đó tăng động lực làm việc và sự gắn bó của người lao động với Công ty.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề này tại Công ty

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động được Công ty xây dựng cụ thể, rõ ràng phân theo từng nhóm lao động và theo cấp bậc, giúp cho người lao động cảm thấy sự an tâm, đảm bảo quyền lợi cho người lao động

Mục đích của phương pháp quản trị

- Đảm bảo sự rõ ràng minh bạch để người lao động có thể an tâm về các quyền lợi mà người lao động được hưởng
- Hạn chế tối đa những thông tin sai lệch về chính sách của Công ty

Chính sách

Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Công ty thực hiện xây dựng thang bảng lương theo từng chức danh công việc cụ thể và được dùng làm căn cứ để đóng các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước
Chính sách bảo hiểm bổ sung khác	Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước, Công ty đã thực hiện xây dựng và triển khai áp dụng các chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện (áp dụng từ năm 2010), chính sách bảo hiểm nhân thọ (áp dụng từ năm 2015), chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư (áp dụng từ năm 2017) dành cho toàn bộ người lao động tại Công ty, được xây dựng cụ thể cho từng loại đối tượng và từng cấp bậc nhân viên, do Tổng Giám đốc ban hành. Đây là những chính sách bảo hiểm bổ sung cho người lao động, thực hiên gia tăng quyền lợi cho người lao động ngoài quy định của Luật
Tổ chức khám sức khỏe định kỳ	Hàng năm, Công ty thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các Bệnh viện/ Phòng khám quốc tế lớn, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật

Các văn bản ban hành chính thức

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Theo đúng của quy định của Pháp luật hiện hành
Bảo hiểm sức khỏe	Quy chế về chính sách bảo hiểm sức khỏe ban hành kèm theo quyết định số 61/2016/QĐ - BVSC ngày 27/05/2016 do Tổng Giám đốc ký
Bảo hiểm nhân thọ	Quy chế về chính sách bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo quyết định số 161/2015/QĐ - BVSC ngày 31/12/2015 do Tổng Giám đốc ký
Bảo hiểm các bệnh ung thư	Quy định về chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư được Tổng Giám đốc ký phê duyệt tại tờ trình ngày 17/08/2017
Tổ chức khám sức khỏe định kỳ	Quy định tại Thỏa ước lao động tập thể của Công ty với Đại diện người lao động

100%
cán bộ tham gia BHXH, BHYT, BHTN

Cam kết

- Cán bộ được làm việc trong môi trường tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động
- Cán bộ được bảo vệ sức khỏe và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra về sức khỏe.

Mục tiêu và chỉ tiêu

- 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động mà Công ty đã xây dựng
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/ năm

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt các chính sách và ngân sách bảo hiểm dành cho người lao động
Bộ phận nhân sự	• Nghiên cứu xây dựng chính sách đề xuất Ban điều hành cho áp dụng triển khai • Trực tiếp thực hiện triển khai các chính sách bảo hiểm cho người lao động
Ban chấp hành công đoàn	Đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động và theo dõi giám sát việc thực hiện để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động

Nguồn lực

	Nội dung
Nguồn lực tài chính	Tổng chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các loại bảo hiểm bổ sung khác năm 2019: gần 11 tỷ đồng tăng 16% so với năm 2018
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ phụ trách về công tác nhân sự để đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến chính sách bảo hiểm cho người lao động

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối tiếp nhận các thông tin, khiếu nại về nội dung của các chương trình bảo hiểm, đồng thời cũng là đầu mối hỗ trợ kết nối giữa người lao động và các đơn vị bảo hiểm khi giải quyết các vụ việc thanh toán bảo hiểm liên quan

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- Tiếp tục triển khai các chương trình bảo hiểm cho người lao động bao gồm: BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của nhà nước và các loại bảo hiểm bổ sung khác theo quy định của Công ty.
- Triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

- Công ty thực hiện các khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên đối với các chính sách phúc lợi dành cho người lao động, trong đó có các chính sách liên quan đến bảo hiểm
- Thông qua báo cáo kết quả khảo sát về chính sách phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, Công ty thực hiện so sánh với các chính sách hiện nay đang áp dụng tại BVSC

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Thông qua kết quả khảo sát, Công ty nhận được những phản hồi tích cực từ phía người lao động về các chính sách bảo hiểm mà Công ty đang áp dụng cho người lao động. Ngoài ra, tham khảo báo cáo khảo sát về phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, BVSC đang áp dụng nhiều chính sách về bảo hiểm ưu việt và thiết thực cho người lao động. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Công ty sẽ nghiên cứu bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm cho người thân của người lao động góp phần gia tăng phúc lợi cho người lao động.

GRI 403
An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

403-1 Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động

Mạng lưới an toàn vệ sinh được thành lập với các thành viên là cán bộ làm việc tại tất cả các phòng ban trong Công ty, được đào tạo kiến thức về an toàn vệ sinh tại doanh nghiệp theo đúng quy định.

Việc thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh hỗ trợ hiệu quả Công ty trong công tác truyền thông cũng như triển khai các hoạt động liên quan đến an toàn vệ sinh lao động và chính sách bảo hiểm của Công ty.

100%

Tỷ lệ phần trăm người lao động

mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động.

403-4 Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn

Tại BVSC, công tác an toàn và sức khỏe được thực hiện đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật.
Bên cạnh đó, Công ty có đề cập đến các vấn đề về an toàn sức khỏe tại các văn bản cụ thể bao gồm:

- Thỏa ước lao động tập thể
- Các văn bản quy định/ hướng dẫn vệ sinh tại nơi làm việc
- Các quy chế, quy định về bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư

Do các chủ đề về an toàn sức khỏe được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, do đó, khó có thể xác định tỷ lệ phần trăm.

Giáo dục và Đào tạo

GRI 103
Phương pháp Quản trị

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

- Đào tạo là yếu tố quan trọng giúp Công ty xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh, chuyên nghiệp, giúp cán bộ cập nhật thường xuyên những kiến thức nghiệp vụ, quy định pháp luật, trau dồi những kỹ năng để theo kịp xu hướng phát triển của thị trường.
- Tại BVSC, việc tham gia các chương trình đào tạo theo khung chương trình được xây dựng cho từng nhóm lao động vừa là yêu cầu bắt buộc vừa là yếu tố tạo động lực.

Nơi phát sinh tác động

Các chương trình, chính sách đào tạo của Công ty bao gồm

Đào tạo định hướng	Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ	Đào tạo kỹ năng
Giúp cán bộ có thể sớm hòa nhập với môi trường làm việc mới, văn hóa công ty khi được tuyển dụng mới	Giúp cán bộ được cập nhật thường xuyên các quy định, chính sách, các quy trình nghiệp vụ để thực hiện tốt các công việc đang đảm nhiệm; Giúp cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để có thể phát triển bản thân	Giúp cán bộ nâng cao kỹ năng của bản thân, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng.

Sự liên quan của tổ chức

Công ty xây dựng các khung chương trình đào tạo, các chính sách đào tạo dành cho người lao động giúp nâng cao trình độ, kỹ năng của bản thân.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các khung chương trình đào tạo được xây dựng cho từng nhóm lao động và theo cấp bậc nhân viên khác nhau. Công ty đưa ra các quy định cụ thể gắn việc đào tạo với lộ trình thăng tiến, các chính sách nâng lương, khen thưởng nhằm khuyến khích người lao động đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo theo vị trí công việc của mình.

Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích cán bộ tham gia các khóa đào tạo giúp nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty

Mục đích của phương pháp quản trị

- Nhằm đảm bảo khả năng thích ứng nhanh với công việc và với sự thay đổi
- Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đối với từng vị trí cụ thể, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng nguồn lực dự phòng cho các kế hoạch triển khai và mở rộng kinh doanh của Công ty

Chính sách

Chương trình đào tạo định hướng

Đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tích của Công ty, từ đó hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, giá trị mục tiêu để gắn kết cá nhân người lao động với kế hoạch phát triển của Công ty. Ngoài ra, cán bộ còn được phổ biến các nội quy, quy định, chính sách nội bộ của Công ty, quy tắc đạo đức nghề nghiệp để cán bộ có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc mới, tạo nên sự thành công của sự gắn bó với công ty trong tương lai

Chương trình đào tạo kỹ năng

Khung chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được xây dựng cho từng khối nghiệp vụ cụ thể:

- *Đối với khối môi giới:* Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề; Đào tạo nội bộ theo chương trình đạo tạo được xây dựng dành riêng cho đội ngũ môi giới
- *Đối với khối hỗ trợ và quản lý:* Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề (tùy thuộc vào các vị trí theo yêu cầu của luật); tài trợ chi phí cho cán bộ tham gia đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, CMT, SHRM...; các khóa đào tạo nghiệp vụ khác theo yêu cầu của từng vị trí chuyên môn

Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ

Đào tạo các kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc, kỹ năng quản lý & lãnh đạo dành cho cấp quản lý.

Cam kết

Đảm bảo thực hiện theo các chương trình đào tạo và các quy định có liên quan của Công ty đã ban hành

Mục tiêu và chỉ tiêu

15-20h/năm
Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên kinh doanh

12-15h/năm
Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên quản lý và hỗ trợ

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo
Bộ phận nhân sự	• Chịu trách nhiệm thực hiện/ phối hợp triển khai các chương trình đào tạo theo kế hoạch • Là đầu mối thực hiện đề xuất các chương trình đào tạo phát sinh (nếu có) • Trực tiếp xây dựng/ phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ hoặc đối tác để xây dựng & tổ chức các chương trình đào tạo
Phòng ban nghiệp vụ	Phối hợp với Bộ phận nhân sự và/ hoặc các đối tác để xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ
Phòng Quản lý giao dịch	Tiến hành triển khai và chịu trách nhiệm các hoạt động đào tạo nội bộ liên quan đến nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Nguồn lực

Nội dung	
Nguồn lực tài chính	Chi phí đào tạo năm 2019: xấp xỉ 1 tỷ đồng
Nguồn lực về con người	• Số lượng giảng viên nội bộ: 07 người • Số lượng cán bộ phụ trách đào tạo: 06 người
Nguồn lực về công nghệ	• Đào tạo từ xa thông qua hệ thống video conference kết nối giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh • Đào tạo thông qua hệ thống trực tuyến elearning • Hệ thống phần mềm nhân sự để quản lý việc triển khai hoạt động đào tạo đối với từng nhân sự

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Bộ phận nhân sự là đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động liên quan đến vấn đề đào tạo

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

- Thường xuyên cập nhập, chỉnh sửa nội dung các chương trình đào tạo cho phù hợp với những thay đổi của Pháp luật, của các cơ quan quản lý, và các xu hướng, kiến thức mới trên thị trường;
- Đổi mới cách thức đào tạo để thu hút, khuyến khích cán bộ tích cực tham gia đào tạo; Công ty triển khai đào tạo thông qua hệ thống trực tuyến đối với các chương trình đào tạo nội bộ. Theo đó, người lao động có thể chủ động bố trí thời gian hợp lý tham gia đào tạo, từ đó tiết kiệm chi phí và thời gian.
- Đưa ra những biện pháp tích cực giúp người lao động nâng cao ý thức học tập và phát triển bản thân (các chương trình tôn vinh khen thưởng nhằm khuyến khích các CBNV đạt điểm cao trong học tập)
- Số lượng các khóa đào tạo đã triển khai trong năm 2019:

4.544h
Số giờ đào tạo trong năm 2019

1.700h
Số giờ đào tạo nội bộ

Đào tạo hội nhập	10 khóa đào tạo hội nhập cho cán bộ mới tuyển dụng
Đào tạo nghiệp vụ chứng khoán	33 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo của Trung tâm nghiên cứu khoa học & đào tạo chứng khoán thuộc UBCKNN tổ chức.
Đào tạo nội bộ cho đội ngũ môi giới	18 khóa đào tạo nội bộ thông qua 2 hình thức đào tạo trực tiếp và đào tạo thông qua hệ thống elearning với 670 lượt cán bộ tham gia đào tạo. Ngoài ra, Công ty tổ chức nhiều buổi hội thảo, truyền thông cho cán bộ về các chính sách, quy định mới ban hành, các sản phẩm mới của Công ty.
Đào tạo nghiệp vụ khác	Khóa đào tạo Phân tích kỹ thuật Ami cho khối môi giới, Khóa đào tạo Phương pháp phát hiện gian lận báo cáo tài chính cho đội ngũ phân tích, Khóa đào tạo Quản trị rủi ro doanh nghiệp cho BP Quản trị rủi ro, Khóa đào tạo Quản trị hạ tầng ảo hóa cho BP Công nghệ thông tin, Bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác bảo hiểm...
Đào tạo kỹ năng	Kỹ năng thiết kế slide thuyết trình, kỹ năng cho giảng viên nội bộ, Tư duy lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện nâng cao hiệu quả làm việc...

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

- Thông qua phần mềm quản lý nhân sự, Công ty có thể kiểm soát được các cán bộ chưa tham gia các khóa đào tạo được quy định cho từng vị trí, thực hiện thông báo khuyến nghị cán bộ tham gia, từ đó thúc đẩy cán bộ tham gia công tác đào tạo.
- Thông qua hệ thống Elearning để đánh giá tính chủ động tương tác và tự học của người lao động.
- Việc tham gia đào tạo đảm bảo theo quy định bắt buộc sẽ là một trong những yếu tố xem xét khi đánh giá nhân sự cho công tác bổ nhiệm cán bộ, đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm, từ đó nâng cao ý thức tham gia đào tạo của cán bộ
- Hàng năm, Công ty tổ chức các kỳ kiểm tra đánh giá năng lực của cán bộ để từ đó định hướng xây dựng các kế hoạch đào tạo, nội dung cho phù hợp và thiết thực.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Theo kết quả đánh giá năng lực cán bộ hàng năm thông qua các kỳ kiểm tra, Công ty nhận thấy trình độ chuyên môn của cán bộ được cải thiện qua các năm. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các chương trình đào tạo, xây dựng thêm nhiều khung chương trình đào tạo cho nhiều vị trí trong Công ty.

GRI 404
Giáo dục và Đào tạo 2019

404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo chức năng của nhân viên

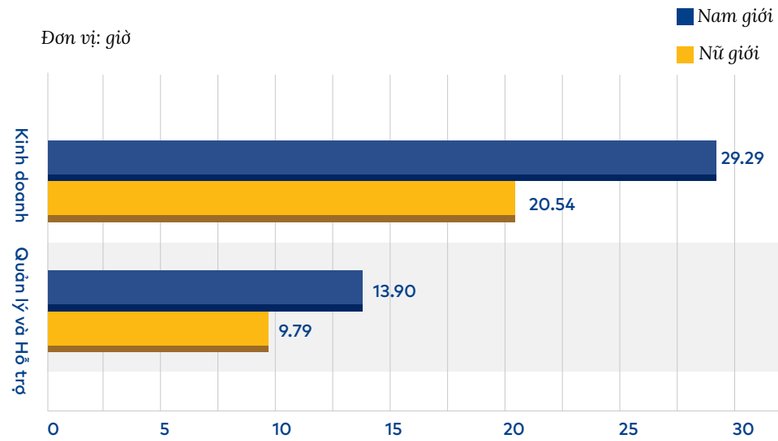

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo cấp nhân viên

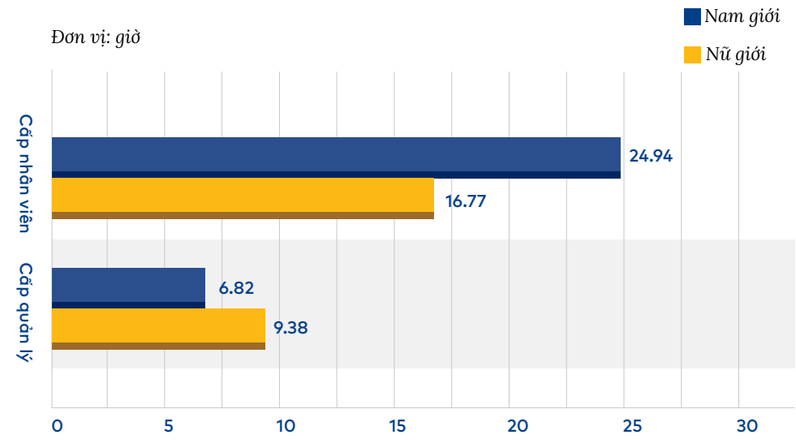

Nguyên nhân số giờ đào tạo năm 2019 thấp hơn so với năm 2018 là do CBNV đều đã tham gia đào tạo vào năm trước lấy tiền để thực hành vào năm nay.

404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp

Đối với khối môi giới

Theo định hướng chiến lược của Công ty là tập trung cho hoạt động môi giới nên công tác đào tạo cho đội ngũ môi giới cũng được chú trọng nhiều hơn so với các nghiệp vụ khác. Hiện tại, Công ty đã xây dựng một khung chương trình đào tạo nội bộ chuẩn với 07 khóa đào tạo từ cơ bản đến nâng cao với giảng viên nội bộ là những cán bộ có kiến thức chuyên sâu và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực môi giới, am hiểu sâu về các sản phẩm dịch vụ của BVSC. Ngoài ra, cán bộ còn được đào tạo trực tiếp thông qua công việc được thực hiện bởi các Trưởng nhóm môi giới.

Đối với các Phòng ban nghiệp vụ khác

Công ty tài trợ để cán bộ tham gia các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ nghề nghiệp thuộc các Hiệp hội nghề nghiệp toàn cầu như CFA, ACCA, CPA, CMT, SHRM... Đồng thời, Công ty thường xuyên tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc của từng vị trí cụ thể. Tại mỗi bộ phận/ phòng ban nghiệp vụ, các cấp lãnh đạo luôn ý thức được sự quan trọng trong việc bố trí nhân sự kế cận để phòng ngừa biến động nhân sự. Đội ngũ kế cận được đào tạo để có thể đáp ứng yêu cầu công việc tối thiểu ngay khi có sự biến động nhân sự.

Công ty có chính sách luân chuyển cán bộ định kỳ trong một số bộ phận/ phòng ban để cán bộ có thể thực hiện nhiều mảng nghiệp vụ khác nhau. Việc thực hiện luân chuyển được triển khai trong phạm vi hẹp do đặc thù nghiệp vụ chuyên môn của các phòng ban tại BVSC rất khác biệt, đòi hỏi sự chuyên môn sâu.

404-3 Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu qua công việc và phát triển nghề nghiệp

Phân loại nhân viên	% Nam giới	% Nữ giới
Cấp nhân viên	96.9	95.4
Cấp quản lý	100	100

Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng

GRI 103
Phương pháp Quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật. BVSC là doanh nghiệp Việt Nam nên việc tuân theo các quy định pháp luật Việt Nam là điều tất yếu.

Tại BVSC, cán bộ có vị trí và vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và phát huy năng lực của mình cho sự phát triển chung của toàn Công ty.

Nơi phát sinh tác động

- Tỷ lệ lao động nữ giới và nam giới hiện nay trong Công ty
- Tỷ lệ lao động nữ giữ vị trí quản lý từ cấp trung trở lên so với nam giới
- Các chính sách nhân sự giữa lao động nữ và lao động nam

Sự liên quan của tổ chức

Bình đẳng giới tại BVSC được thể hiện trong mọi hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp, được xây dựng và hình thành thành văn hóa doanh nghiệp và trở thành điều tất yếu trong hoạt động kinh doanh.

Không có bất kỳ giới hạn cụ thể về phạm vi chủ đề này

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Trong tất cả các chính sách về nhân sự của Công ty đều không có sự khác biệt, hạn chế theo giới tính, theo dân tộc.

Việc đảm bảo sự đa dạng và cơ hội bình đẳng trong doanh sẽ giúp có tất cả người lao động có thể phát huy năng lực của bản thân, đóng góp cho sự phát triển của Công ty

Chính sách

- Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong chính sách tuyển dụng nhân sự
- Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong việc phát triển nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ
- Không phân biệt giới tính, tôn giáo trong chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho người lao động

Cam kết
Đảm bảo duy trì sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho tất cả người lao động trong Công ty

Mục tiêu và chỉ tiêu
Phấn đấu tăng tỷ lệ nữ trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty

Trách nhiệm, Nguồn lực, Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết khiếu nại, Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến:
Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho người lao động được Ban Lãnh đạo Công ty luôn coi trọng và trở thành văn hóa của doanh nghiệp. Mặc dù hiện nay, BVSC chưa ban hành chính sách về bình đẳng giới nhưng quan điểm về bình đẳng giới được thể hiện xuyên suốt trong tất cả các chính sách liên quan đến người lao động trong Công ty.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị
Thông qua các báo cáo về tỷ lệ nam nữ trong cơ cấu lao động của Công ty dựa trên các báo cáo nhân sự định kỳ hàng năm của Công ty

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị
Với các số liệu báo cáo về tình hình nhân sự tại Công ty, có thể thấy Công ty đã thực hiện tốt phương pháp quản trị về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị
Không có điều chỉnh nào liên quan đến phương pháp quản trị này

GRI 405
Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng

405-1 Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức

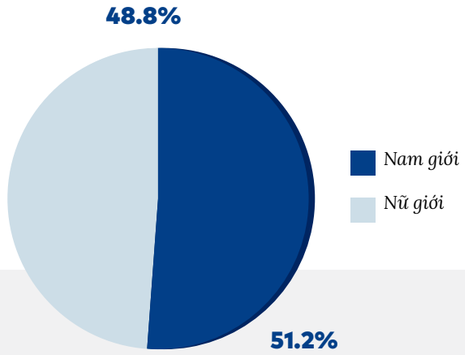

Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức theo phân loại giới tính

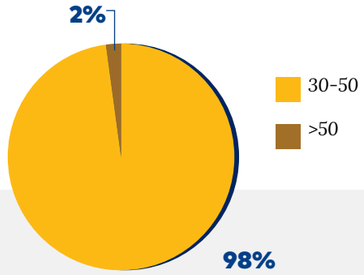

Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức theo phân loại độ tuổi

Tỷ lệ phần trăm nhân viên theo phân loại nhân viên:

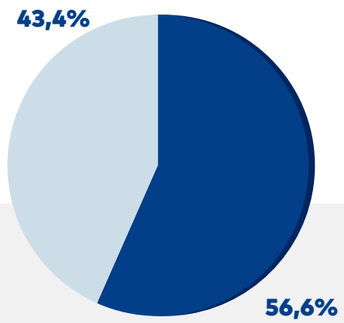

Tỷ lệ phần trăm nhân viên của tổ chức theo phân loại giới tính

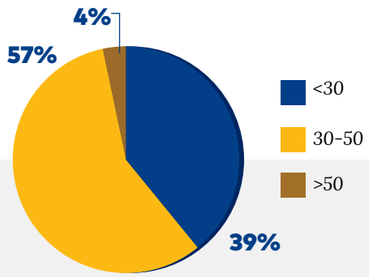

Tỷ lệ phần trăm nhân viên của tổ chức theo phân loại độ tuổi

03 Cán bộ là người dân tộc thiểu số

405-2 Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới

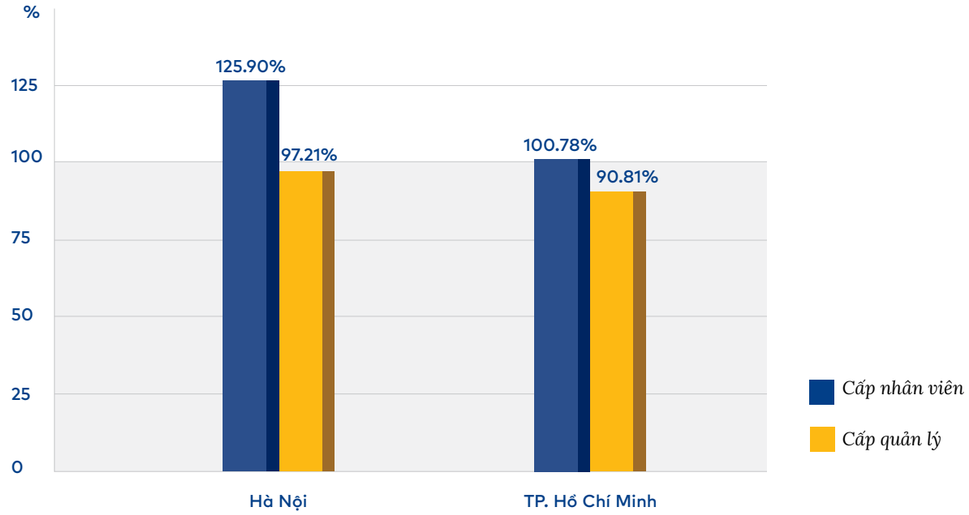

Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nơi có kinh tế phát triển, đông dân, tập trung nhiều lực lượng lao động có chất lượng

An sinh xã hội

GRI 103
Phương pháp Quản trị

Với vai trò là người đồng hành, BVSC luôn nỗ lực nâng cao trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Những năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh, công tác An sinh xã hội luôn được BVSC quan tâm, coi đó là mục tiêu, là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, đồng thời là trách nhiệm đối với cho cộng đồng xã hội.

Tại BVSC, vấn đề An sinh xã hội luôn thể hiện tính nhân văn, đảm bảo sự đoàn kết, chia sẻ và tương trợ cộng đồng đối với các hoàn cảnh khó khăn, rủi ro trong cuộc sống, đồng lòng hỗ trợ để cùng phát triển, tạo nên tác dụng thúc đẩy sự đồng thuận, bình đẳng và công bằng xã hội.. Với vai trò là người đồng hành, BVSC luôn nỗ lực nâng cao trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội, nhằm góp phần chia sẻ gánh nặng với Nhà nước trong bối cảnh hiện nay.

Nơi phát sinh tác động
Công tác An sinh xã hội được BVSC chia thành 3 nhóm đối tượng chính:

Sự liên quan của tổ chức

Công ty thường trực tiếp tổ chức các hoạt động an sinh xã hội hoặc kết hợp với Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện các hoạt động thiện nguyện ý nghĩa

Không có phạm vi giới hạn trong chủ đề này.

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Công ty quản lý việc thực hiện các chương trình An sinh xã hội thông qua Công đoàn của Công ty, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các chương trình được lên kế hoạch thực kiện và dự trù kinh phí, sau khi thực hiện, toàn bộ kết quả chương trình, chi phí thực tế đều được công khai minh bạch trong cuộc họp tổng kết.

Việc thực hiện chương trình theo phương pháp quản trị nhằm mục đích tối ưu hóa các chương trình an sinh xã hội, đảm bảo đúng đối tượng cần được chia sẻ.

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị
Công ty chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị một cách chính thống. Tuy nhiên, đối với tất cả chương trình An sinh xã hội hàng năm của Công ty đều được lên kế hoạch, thực hiện tổ chức và họp tổng kết đầy đủ. Ngoài ra công ty ghi nhận tính hiệu quả của các chương trình triển khai thông qua các phản hồi từ các tổ chức đoàn thể cấp trên và thông qua mạng xã hội.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị
Việc thực hiện rà soát sau tất cả những chương trình An sinh xã hội hàng năm cũng như ghi nhận những phản hồi từ bên ngoài của Công ty đang thực hiện tốt. Tuy nhiên, Công ty sẽ lên kế hoạch để thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị và ban hành trong thời gian tới.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị
Không có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến Phương pháp điều chỉnh trong chủ đề này.

Các chương trình an sinh xã hội

Năm 2019, với thông điệp **"20 năm - Từ trái tim đến hành động"** một loạt các chương trình diễn ra xuyên suốt cả năm hướng tới kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty, theo đó các chương trình an sinh xã hội tại BVSC đã thực sự lan tỏa thông điệp này tới cộng đồng. Các chương trình an sinh xã hội tại BVSC được thực hiện có trọng tâm gắn với những mục tiêu rõ ràng, bao gồm các hoạt động đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ, xóa đói giảm nghèo, khám chữa bệnh, tri ân các anh hùng liệt sỹ.

Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ

Trẻ em chính là tương lai của gia đình và xã hội, là thế hệ xây dựng và bảo vệ đất nước mai sau. Nhận thức được việc đó, tại BVSC chúng tôi đặc biệt quan tâm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho "mầm xanh" tương lai của đất nước, góp phần tạo nên tương lai tươi sáng và trường tồn cho quốc gia. Năm 2019, BVSC đã tổ chức 2 chương trình lớn hướng tới các em học sinh với tổng chi phí 225 triệu đồng, bao gồm:

Chương trình **"Mang hơi ấm đến vùng cao"** năm thứ 8 đã mang đến món quà hiện vật là áo ấm, lương thực, đồ dùng học tập cho 500 em học sinh tại 02 Trường mầm non xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An với số tiền lên đến 181 triệu đồng. Ngoài ra, BVSC còn thực hiện trao tặng 34 suất quà cho các em học sinh khuyết tật giúp động viên các em vượt qua hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống.

Chương trình **"Sẻ chia tri thức – Xây dựng tương lai"** được thực hiện tại trường tiểu học Hưng Lợi 1 – tỉnh Sóc Trăng với phần quà là 12 chiếc xe đạp dành cho các em học sinh có thành tích học tập tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho các em năm sau sẽ đi học cấp 2 xa nhà, cùng với hơn 80 phần quà là sách giáo khoa và tập vở cho các bé khối lớp 1 đến lớp 4 trị giá 34 triệu đồng.

Thông điệp năm 2019:
"20 năm - Từ trái tim đến hành động"

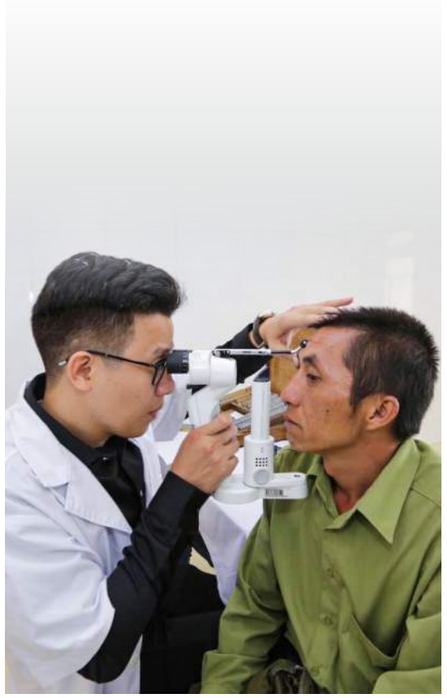

Chương trình "Sẻ chi tri thức - Xây dựng tương lai" Tiểu học Hưng Lợi 1, Sóc Trăng

Chương trình "Mang hơi ấp tới vùng cao tại xã Na Ngoi, Kỳ Sơn, Nghệ An

Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng

Đã thành thông lệ hàng năm, BVSC thường kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7 nhằm tri ân, tưởng nhớ công lao của các anh hùng liệt sỹ, những người yêu nước đã anh dũng hi sinh vì nền độc lập tự do của tổ quốc. Công ty đã gửi lời thăm hỏi và trao tặng 14 phần quà đến gia đình CBNV để tỏ lòng biết ơn đối với những con người đã hi sinh cả cuộc đời mình cho hòa bình dân tộc.

Ngoài ra, Công đoàn BVSC thực hiện trao tặng 30 triệu tiền mặt cho Trung đoàn huấn luyện 927 - Sân bay Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vì những đóng góp của đơn vị trong công cuộc bảo vệ tổ quốc.

Đầu tư xóa đói giảm nghèo

Chương trình **"San sẻ yêu thương – Xuân đầm ấm"** do CBNV tại Chi nhánh TP Hồ Chí Minh tổ chức trao tặng 150 suất quà cho các hộ nghèo trên địa bàn 4 xã: Châu Hưng, Tân Long, Tuân Tức và Phú Lộc thuộc huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Mỗi phần quà bao gồm các thực phẩm cần thiết như gạo, đường, nước mắm, bột ngọt,.. với mong muốn mang đến một cái Tết ấm áp hơn cho những gia đình khó khăn cần hỗ trợ.

Các chương trình an sinh xã hội (tiếp)

Đầu tư xóa đói giảm nghèo (tiếp)

1.500

suất cơm từ thiện

trao tặng các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại Viện Huyết học Truyền máu Trung ương

Cùng với đó, cứ đều đặn vào mỗi quý trong suốt 07 năm qua, BVSC triển khai chương trình **"Suất cơm từ thiện"** tại Viện Huyết học Truyền máu Trung ương với mong muốn góp một phần nhỏ bé để giúp những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị bệnh tại đây. Năm 2019, chúng tôi đã trao tặng hơn 1500 suất cơm từ thiện, trị giá hơn 45 triệu đồng cho các bệnh nhi đang điều trị tại bệnh viện.

Liveshow Khát Vọng - Nhà hát Lớn Hà Nội - 14/11/2019

BVSC tích cực tham gia các hoạt động gây quỹ từ thiện cho cộng đồng xã hội như: giải chạy Terry Fox vì bệnh nhân ung thư, chương trình Tết yêu thương tại xã Dế Xu Phình – Yên Bái, phong trào khuyến học quận Hoàn Kiếm,... Cũng như các chương trình thiện nguyện do Tập đoàn Bảo Việt tổ chức.

Hội thi Cắm trại BVSC - Ngôi nhà hạnh phúc

Giải bóng đá BVSC Open 2019

Team Building FLC Sầm Sơn 2019

Hội thi Cắm trại BVSC - Ngôi nhà hạnh phúc

Ngoài những hoạt động thiện nguyện trên, năm 2019, BVSC tiếp tục tham gia tích cực các hoạt động do Tập đoàn Bảo Việt tổ chức như: Chương trình thiện nguyện "Khăn áo ấm mùa đông", Ngày hội hiến máu, Tết trồng cây,..

Phụ lục I

Điểm yếu tố chất lượng quản trị theo Quy chế Camel

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2018	Điểm số 2019	Trọng số
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 5 năm	100	100	4%
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 5 năm	100	100	6%
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 7 năm	100	100	4%
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc	Trên 7 năm	100	100	6%
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO,CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này	Nghỉ 04 vị trí cấp trung	0	0	4%
6	Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế.	100	100	5%
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động	Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế.	100	100	5%
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả.	100	100	5%
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ	100	100	5%
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố	100	100	6%
11	Số năm hoạt động	Lớn hơn 7 năm	100	100	6%
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở)	Từ 2% đến dưới 5%	80	80	8%
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin	Hệ thống giao dịch trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS	80	80	5%
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung	Top 15	100	70	5%
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ)	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng, tính khả thi cao	100	100	4%
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất	Dưới 5%	60	30	6%
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	Không sử dụng	100	100	5%
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất	Không có vi phạm	100	100	6%
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của Công ty	4 nghiệp vụ	100	100	5%
	Tổng điểm số		**91**	**87,7**	

Phụ lục II

Điểm yếu tố tài chính theo Quy chế Camel

STT	Chỉ tiêu Tài chính theo Camel	Tỷ lệ		Áp điểm		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Trọng số
1	C1 = VCSH/TTS	57,8%	75,3%	80	100	10%
2	C2 = VCSH/VPĐ	564,1%	602,2%	100	100	10%
3	C3= TL vốn khả dụng	738,0%	714,0%	100	100	10%
4	A1 = Tỉ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ)	92,79%	90,43%	100	100	5%
5	A2 = Tỉ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu)	4,3%	4,3%	80	80	10%
6	A3= Tỉ lệ các khoản phải thu/TTS	1,0%	1,7%	100	100	10%
7	E1= LNST/Tổng doanh thu	18,9%	24,0%	70	100	10%
8	E2= LNST/VCSH bình quân	6,1%	7,7%	70	70	10%
9	L1= Tỉ lệ TSNH/Nợ NH	278,6%	1225,6%	100	100	15%
10	L2=tỉ lệ tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn	50,9%	96,3%	100	100	10%
Tổng điểm số				**90**	**95**	

Điểm xếp loại

Điểm thành phần	Năm 2018	Năm 2019	Trọng số
Điểm cho yếu tố tài chính	90	95	70%
Điểm cho yếu tố quản trị	91	87,7	30%
Tổng điểm	**90,3**	**92,81**	

Điểm theo các yếu tố của Camel

Điểm thành phần	Năm 2018	Năm 2019
C (Mức độ đủ vốn)	93,3	100,0
A (Chất lượng tài sản)	92,0	92,0
M (Quản trị)	91	87,7
E (Khả năng sinh lời)	70,0	85,0
L (Chất lượng thanh khoản)	100,0	100,0

Kết hợp cả 02 yếu tố tài chính và quản trị, Công ty được xếp loại A do tổng điểm xếp loại của Công ty đạt 92,81 điểm, đáp ứng tiêu chí tổng điểm từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65 điểm.

A
Xếp loại

92.81
Tổng điểm xếp loại

Ghi chú: XẾP LOẠI A: Tổng điểm xếp loại của Công ty từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65.

06

Báo cáo tài chính & Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

01 Báo cáo tài chính
02 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC" hoặc "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 08 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.806.633.192.421 VND.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2016
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Bổ nghiệm ngày 27 tháng 06 năm 2017

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 07 năm 2019
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ Kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 60758149/21085188

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 200 đến trang 279, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
2400-2018-004-1

Nguyễn Văn Trung
Chủ nhiệm kiểm toán
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
3847-2016-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Báo cáo
Tài chính tổng hợp

B01-CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Đơn vị tính VND)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.216.765.893.431**	**2.547.076.962.053**
110	**I. Tài sản tài chính**		**2.213.745.653.759**	**2.544.928.394.217**
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	174.237.228.080	465.849.247.326
111.1	- Tiền		174.237.228.080	465.849.247.326
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	421.327.957.700	252.425.875.043
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	10.022.246.575	51.600.000.002
114	4. Các khoản cho vay	7.4	1.514.325.651.880	1.682.728.337.545
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	131.915.592.497	128.006.432.497
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.6	(77.943.762.861)	(65.169.527.850)
117	7. Các khoản phải thu	8	17.888.832.396	20.925.796.544
117.2	- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		17.888.832.396	20.925.796.544
117.4	- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		17.888.832.396	20.925.796.544
118	8. Trả trước cho người bán	8	6.440.012.898	6.514.867.194
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	4.243.758.225	6.415.254.928
122	10. Các khoản phải thu khác	8	27.271.866.068	11.615.840.687
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(15.983.729.699)	(15.983.729.699)
130	**II. Tài sản ngắn hạn khác**	9	**3.020.239.672**	**2.148.567.836**
131	1. Tạm ứng		583.827.230	200.751.380
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		486.898.450	388.072.553
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.949.513.992	1.559.743.903

(Đơn vị tính VND)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**181.087.292.225**	**380.084.227.603**
210	**I. Tài sản tài chính dài hạn**		**118.581.166.699**	**306.216.244.096**
212	1. Các khoản đầu tư		120.449.203.000	333.532.709.546
212.1	- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.3	-	142.759.886.546
212.4	- Đầu tư dài hạn khác	7.2	120.449.203.000	190.772.823.000
213	2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	7.6	(1.868.036.301)	(27.316.465.450)
220	**II. Tài sản cố định**		**16.846.722.014**	**16.648.055.291**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.606.828.563	14.126.988.253
222	- Nguyên giá		35.972.723.069	40.799.362.388
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.365.894.506)	(26.672.374.135)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.239.893.451	2.521.067.038
228	- Nguyên giá		14.530.251.090	14.019.651.090
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.290.357.639)	(11.498.584.052)
250	**III. Tài sản dài hạn khác**		**45.659.403.512**	**57.219.928.216**
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.092.282.572	1.169.613.567
252	Chi phí trả trước dài hạn	12	23.388.143.453	36.050.314.649
254	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	21.178.977.487	20.000.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.397.853.185.656**	**2.927.161.189.656**

Báo cáo
Tài chính tổng hợp (tiếp)

B01-CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Đơn vị tính VND)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**591.219.993.235**	**1.235.009.147.192**
310	**I. Nợ phải trả ngắn hạn**		**180.864.567.225**	**914.347.334.930**
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		100.000.000.000	129.900.000.000
312	- Vay ngắn hạn	14	100.000.000.000	129.900.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	2.810.129.998	3.700.362.817
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	2.904.469.374	2.622.604.004
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.017.431.817	2.771.000.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.654.954.770	8.099.520.084
323	6. Phải trả người lao động		35.568.500.561	37.691.980.762
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.165.913.810	967.203.941
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.491.758.782	5.082.283.353
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	19	2.845.649.995	551.293.643.777
330	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		12.000.000.000	6.000.000.000
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.405.758.118	6.061.490.456
332	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	20	-	160.157.245.736
340	**II. Nợ phải trả dài hạn**		**410.355.426.010**	**320.661.812.262**
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	21	400.387.697.434	312.922.170.663
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	9.967.728.576	7.739.641.599

(Đơn vị tính VND)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.806.633.192.421**	**1.692.152.042.464**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	22	**1.806.633.192.421**	**1.692.152.042.464**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		722.339.370.000	722.339.370.000
411.1a	1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	30	30.894.437.854	23.148.061.854
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		42.517.552.484	36.121.049.159
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		42.517.552.484	36.121.049.159
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		358.607.795.379	264.666.028.072
417.1	5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		380.595.251.718	294.233.027.901
417.2	5.2. Lỗ sau thuế chưa thực hiện		(21.987.456.339)	(29.566.999.829)
440	**TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.397.853.185.656**	**2.927.161.189.656**

Báo cáo
Tài chính tổng hợp (tiếp)

B01-CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		390.400.000	390.400.000
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		72.200.145	72.200.145
007	3. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		33.792	33.792
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK (VND)	23.1	154.658.540.000	205.698.370.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND)	23.2	3.000.000.000	3.000.040.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	23.3	385.900.000	2.213.300.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	23.4	174.686.470.000	174.686.470.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	23.5	26.179.273.156.000	24.918.883.010.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND)		25.172.493.819.000	24.019.054.660.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND)		234.606.360.000	279.960.730.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND)		509.936.430.000	312.755.540.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (VND)		92.969.860.000	92.969.860.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND)		169.266.687.000	214.142.220.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	23.6	15.519.200.000	205.695.930.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND)		5.844.020.000	2.146.660.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND)		9.675.180.000	203.549.270.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)		119.419.034.000	221.116.530.000
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND)		2.492.322.700.000	1.809.322.700.000
026	5. Tiền gửi của khách hàng (VND)		588.148.124.654	799.756.495.843
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.7	364.578.483.902	558.187.678.624
028	b. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)	23.7	223.301.242.574	235.604.670.445
030	c. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		268.398.178	5.964.146.774
	6. Phải trả khách hàng (VND)		588.148.124.654	799.756.495.843
031	a. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.8	564.487.860.800	734.555.769.517
031.1	- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		563.256.823.806	733.215.022.591
031.2	- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		1.231.036.994	1.340.746.926
032	b. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		14.999.565.694	6.352.246.425
035	c. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)		8.660.698.160	58.848.479.901

Bà Vũ Thị Thủy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp

B02-CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		184.910.055.845	141.259.273.145
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	51.447.253.099	37.337.826.892
01.2	1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	63.837.989.373	83.596.850.159
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	24.3	69.624.813.373	20.324.596.094
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	24.3	2.943.826.785	20.869.796.639
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.3	193.702.056.566	168.791.290.501
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	24.3	4.971.727.400	4.917.148.400
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	24.4	135.858.907.322	171.589.919.323
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	24.4	62.602.909	279.843.553
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	24.4	5.846.382.979	6.518.202.269
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	24.4	11.022.954.544	7.329.571.942
11	9. Thu nhập hoạt động khác	24.4	1.945.263.739	1.399.358.598
20	**Cộng doanh thu hoạt động**		**541.263.778.089**	**522.954.404.370**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(139.063.068.343)	(150.518.432.512)
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	(83.096.115.437)	(36.311.621.285)
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(55.966.952.906)	(114.206.811.227)
24	2. Hoàn nhập/(chi phí) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	25	12.674.194.138	3.268.735.583
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		(2.929.485.497)	(2.161.594.969)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(119.277.954.084)	(140.758.429.249)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(14.720.763.230)	(14.455.212.614)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(12.491.091.723)	(8.908.412.506)
32	7. Chi phí các dịch vụ khác		(8.894.414.299)	(8.599.965.543)
40	**Cộng chi phí hoạt động**		**(284.702.583.038)**	**(322.133.311.810)**
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	Chênh lệch lãi tỉ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		119.046	-
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		22.391.026.254	24.624.943.372
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**		**22.391.145.300**	**24.624.943.372**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(1.976.854)	-
52	Chi phí lãi vay	26	(39.502.779.067)	(27.617.501.931)
60	Cộng chi phí tài chính		(39.504.755.921)	(27.617.501.931)
62	**V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	27	**(88.155.629.150)**	**(75.088.804.928)**
70	**VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**151.291.955.280**	**122.739.729.073**
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác	28	394.272.728	214.282.701
72	Chi phí khác	28	(523.614.540)	(474.040.000)
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**		**(129.341.812)**	**(259.757.299)**
90	**VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**151.162.613.468**	**122.479.971.774**
91	Lợi nhuận đã thực hiện		143.291.577.001	153.089.932.842
92	Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện		7.871.036.467	(30.609.961.068)
100	**IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	29	**(15.653.003.473)**	**(18.948.177.341)**
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(15.361.510.496)	(21.438.219.166)
100.2	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại		(291.492.977)	2.490.041.825
200	**X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**135.509.609.995**	**103.531.794.433**
300	**XI. THU NHẬP/(LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**	31	**7.746.376.000**	**(2.307.620.480)**
301	Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		7.746.376.000	(2.307.620.480)
400	**Tổng thu nhập/(lỗ) toàn diện**		**7.746.376.000**	**(2.307.620.480)**
500	**XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	32.2	1.693	1.741

Bà Vũ Thị Thủy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

B03-CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	(52.573.822.607.317)	(57.014.488.834.403)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	52.909.923.549.908	56.712.306.950.318
04	3. Cổ tức đã nhận	61.651.057.392	21.040.800.394
05	4. Tiền lãi đã thu	218.684.404.057	194.655.338.969
06	5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	(50.545.315.983)	(636.412.292)
07	6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	(35.559.175.855)	(43.217.102.054)
08	7. Tiền chi trả cho người lao động	(114.495.872.255)	(121.649.582.102)
09	8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	(71.057.257.918)	(91.679.452.289)
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	27.608.185.677.922	18.061.626.056.390
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(28.126.546.464.583)	(17.535.416.467.276)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**	**(173.582.004.632)**	**182.541.295.655**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	(5.330.206.154)	(7.347.764.874)
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**	**(5.330.206.154)**	**(7.347.764.874)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	1. Tiền vay gốc	1.078.690.000.000	1.530.324.971.568
33.2	1.1. Tiền vay khác	1.078.690.000.000	1.530.324.971.568
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.119.682.200.000)	(1.199.710.521.345)
34.3	2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	(1.119.682.200.000)	(1.199.710.521.345)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(71.707.608.460)	(50.219.912.645)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính**	**(112.699.808.460)**	**280.394.537.578**
50	**V. (GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM**	**(291.612.019.246)**	**455.588.068.359**
60	**V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM** *(Thuyết minh: 5)*	**465.849.247.326**	**10.261.178.967**
61	Tiền	465.849.247.326	10.261.178.967
70	**VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM** *(Thuyết minh:5)*	**174.237.228.080**	**465.849.247.326**
71	Tiền	174.237.228.080	465.849.247.326

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Mã số	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG		
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	54.392.648.561.090	82.942.739.057.445
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(50.919.531.828.214)	(74.717.203.711.766)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	25.390.359.305.280	45.093.144.497.506
09	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(3.384.346.741)	(5.762.773.996)
12	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	3.215.162.056.719	5.713.428.788.648
13	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	(3.250.162.669.974)	(5.712.837.009.700)
	Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng	85.281.438.102.382	79.175.811.272.517
	Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng	(114.318.137.551.731)	(132.426.878.213.510)
20	**(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm**	**(211.608.371.189)**	**62.441.907.144**
30	**II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG**		
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	799.756.495.843	737.314.588.699
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý *(Thuyết minh: 23.7)*	558.187.678.624	415.638.533.838
34	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	235.604.670.445	318.869.139.597
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	5.964.146.774	2.806.915.264
40	**III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG**		
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	588.148.124.654	799.756.495.843
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý *(Thuyết minh: 23.7)*	364.578.483.902	558.187.678.624
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng *(Thuyết minh: 23.7)*	223.301.242.574	235.604.670.445
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	268.398.178	5.964.146.774

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp

B04-CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Đơn vị: VND)

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2018	Ngày 01/01/2019	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2019
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3		4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU										
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220	-		-	-	-	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000	-		-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720	-		-	-	-	610.253.166.720	610.253.166.720
1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)	-		-	-	-	(496.682.500)	(496.682.500)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		29.538.463.475	36.121.049.159	6.582.585.684		-	6.396.503.325	-	36.121.049.159	42.517.552.484
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		29.538.463.475	36.121.049.159	6.582.585.684		-	6.396.503.325	-	36.121.049.159	42.517.552.484
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	31	25.455.682.334	23.148.061.854	17.363.384.960		(19.671.005.440)	13.692.850.000	(5.946.474.000)	23.148.061.854	30.894.437.854
5. Lợi nhuận chưa phân phối		281.475.143.206	264.666.028.072	131.651.713.676		(148.460.828.810)	135.509.609.995	(41.567.842.688)	264.666.028.072	358.607.795.379
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		282.922.223.792	294.233.027.901	131.651.713.676		(120.340.909.567)	127.930.066.505	(41.567.842.688)	294.233.027.901	380.595.251.718
5.2. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa thực hiện		(1.447.080.586)	(29.566.999.829)	-		(28.119.919.243)	7.579.543.490	-	(29.566.999.829)	(21.987.456.339)
TỔNG CỘNG		**1.698.103.606.710**	**1.692.152.042.464**	**162.180.270.004**		**(168.131.834.250)**	**161.995.466.645**	(47.514.316.688)	**1.692.152.042.464**	**1.806.633.192.421**
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC										
Lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	31	25.455.682.334	23.148.061.854	17.363.384.960		(19.671.005.440)	13.692.850.000	(5.946.474.000)	23.148.061.854	30.894.437.854
TỔNG CỘNG		**25.455.682.334**	**23.148.061.854**	**17.363.384.960**		**(19.671.005.440)**	**13.692.850.000**	**(5.946.474.000)**	**23.148.061.854**	**30.894.437.854**

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 08 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
Phòng giao dịch Trụ sở chính (Hà Nội)	72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội)	Tầng 10, tòa nhà văn phòng Hapulico - Số 1 Nguyễn Huy Tưởng - Thanh Xuân – Hà Nội
Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội)	Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phòng giao dịch Cao Thắng (TP. HCM)	90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP.HCM)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP.HCM)	233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP.HCM)	Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.806.633.192.421 VND, tổng tài sản là 2.397.853.185.656 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Cơ sở trình bày

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bô Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 hàng năm và báo cáo tài chính tổng hợp quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 03, 30 tháng 06, 30 tháng 09 và 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính tổng hợp của Trụ sở chính Công ty và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015. Công ty cũng lập báo cáo tài chính của riêng Trụ sở chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tổng hợp.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và phải thu;
b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

Xác định giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp gần nhất.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC.

Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc

- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:

- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chinh AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến năm (5) năm vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động tổng hợp trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Trái phiếu phát hành

Trái phiếu do Công ty phát hành được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản trái phiếu phát hành được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Trợ cấp thôi việc

- Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 01 tháng 05 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nữa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

- Trợ cấp mất việc: theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương. Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Công ty không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Toàn bộ các khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại Công ty được hạch toán trực tiếp vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch trước để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc có thể thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

- Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do không có sự kiện tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kế tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền	174.237.228.080	465.849.247.326
Tiền mặt tại quỹ	328.387.909	390.336.005
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	173.908.840.171	465.458.911.321
TỔNG CỘNG	**174.237.228.080**	**465.849.247.326**

Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Của công ty	Khối lượng GD thực hiện trong năm(đơn vị)	Giá trị thực hiện GD trong năm (VND)
Cổ phiếu	135.693.670	3.037.739.926.456
Trái phiếu	138.686.985	16.723.825.782.843
Chứng khoán khác	24.774.000	366.171.503.587
TỔNG CỘNG	**299.154.655**	**20.127.737.212.886**

Của nhà đầu tư	Khối lượng GD thực hiện trong năm(đơn vị)	Giá trị thực hiện GD trong năm (VND)
Cổ phiếu	4.384.475.250	83.773.558.471.084
Trái phiếu	343.763.033	42.975.454.589.326
Chứng khoán khác	8.895.760	93.884.437.900
TỔNG CỘNG	**4.737.134.043**	**126.842.897.498.310**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các loại tài sản chính

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Cổ phiếu niêm yết	**189.762.246.176**	**180.822.550.600**	**216.907.980.663**	**191.652.744.640**
TIX	30.661.299.730	29.954.900.400	30.661.299.730	27.140.346.000
HPX	15.600.000.000	15.810.000.000	-	-
Khác	143.500.946.446	135.057.650.200	186.246.680.933	164.512.398.640
Cổ phiếu chưa niêm yết	**83.272.941.379**	**70.870.256.777**	**4.621.482.680**	**1.351.130.403**
C21	67.581.339.000	59.758.216.414	-	-
PVO	-	-	3.318.480.000	1.206.720.000
Khác	15.691.602.379	11.112.040.363	1.303.002.680	144.410.403
Chứng chỉ quỹ	**37.661.457.049**	**39.260.500.000**	**28.510.785.394**	**29.422.000.000**
E1VFVN30	29.961.457.049	29.520.000.000	18.510.785.394	17.172.000.000
FUESSV50	7.700.000.000	9.740.500.000	10.000.000.000	12.250.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	**130.374.650.323**	**130.374.650.323**	**30.000.000.000**	**30.000.000.000**
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	95.170.500.000	95.170.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty MBLAND	30.236.712.300	30.236.712.300	-	-
Khác	4.967.438.023	4.967.438.023	-	-
TỔNG CỘNG	**441.071.294.927**	**421.327.957.700**	**280.040.248.737**	**252.425.875.043**

Các loại tài sản chính (tiếp)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

(Đơn vị: VND)

Ngắn hạn	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*)	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*)
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	**16.576.432.682**	**40.895.760.000**	**40.895.760.000**	**16.576.432.682**	**36.842.790.000**	**36.842.790.000**
Chứng chỉ quỹ	**16.576.432.682**	**40.895.760.000**	**40.895.760.000**	**16.576.432.682**	**36.842.790.000**	**36.842.790.000**
VFMVF1	16.576.432.682	40.895.760.000	40.895.760.000	16.576.432.682	36.842.790.000	36.842.790.000
Ghi nhận theo giá gốc	**91.019.832.497**	**91.019.832.497**	**42.515.376.099**	**91.163.642.497**	**91.163.642.497**	**43.950.155.786**
Đầu tư tự doanh khác	**18.664.504.253**	**18.664.504.253**	**-**	**18.808.314.253**	**18.808.314.253**	**-**
Cổ phiếu	**72.355.328.244**	**72.355.328.244**	**42.515.376.099**	**72.355.328.244**	**72.355.328.244**	**43.950.155.786**
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	24.000.000.000	24.000.000.000	8.983.650.000	24.000.000.000	24.000.000.000	7.083.375.000
Công ty Cổ phần Tổng công ty MBLAND	28.800.000.000	28.800.000.000	21.360.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000	24.144.000.000
Khác	19.555.328.244	19.555.328.244	12.171.726.099	19.555.328.244	19.555.328.244	12.722.780.786
TỔNG CỘNG	**107.596.265.179**	**131.915.592.497**	**83.411.136.099**	**107.740.075.179**	**128.006.432.497**	**80.792.945.786**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các loại tài sản chính (tiếp)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp)

(Đơn vị: VND)

Dài hạn	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*)	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần (*)
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	**92.000.000.000**	**106.298.720.000**	**106.298.720.000**	**92.000.000.000**	**100.668.720.000**	**100.668.720.000**
Chứng chỉ quỹ	**92.000.000.000**	**106.298.720.000**	**106.298.720.000**	**92.000.000.000**	**100.668.720.000**	**100.668.720.000**
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt (BVIF)	80.000.000.000	92.501.120.000	92.501.120.000	80.000.000.000	87.965.520.000	87.965.520.000
Quỹ đầu tư triển vọng Bảo Việt (BVPF)	12.000.000.000	13.797.600.000	13.797.600.000	12.000.000.000	12.703.200.000	12.703.200.000
Ghi nhận theo giá gốc	**14.150.483.000**	**14.150.483.000**	**12.282.446.699**	**90.104.103.000**	**90.104.103.000**	**62.787.637.550**
Cổ phiếu	**14.150.483.000**	**14.150.483.000**	**12.282.446.699**	**90.104.103.000**	**90.104.103.000**	**62.787.637.550**
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu (GPINVEST)	14.150.483.000	14.150.483.000	12.282.446.699	14.150.483.000	14.150.483.000	11.738.980.800
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	-	-	-	75.953.620.000	75.953.620.000	51.048.656.750
TỔNG CỘNG	**106.150.483.000**	**120.449.203.000**	**118.581.166.699**	**182.104.103.000**	**190.772.823.000**	**163.456.357.550**

(*): Đối với các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá gốc, giá trị thuần là giá trị ghi sổ trừ dự phòng suy giảm giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Ngắn hạn	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn	10.022.246.575	51.600.000.002
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	10.022.246.575	51.600.000.002
TỔNG CỘNG	**10.022.246.575**	**51.600.000.002**

Dài hạn	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Trái phiếu niêm yết	-	52.502.619.425
Trái phiếu Chính phủ	-	52.502.619.425
Trái phiếu chưa niêm yết	-	90.257.267.121
Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	-	90.257.267.121
Trái phiếu Doanh nghiệp	-	-
TỔNG CỘNG	**-**	**142.759.886.546**

Các khoản cho vay

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cho vay margin	1.287.737.369.585	1.452.056.655.240
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	226.588.282.295	230.671.682.305
TỔNG CỘNG	**1.514.325.651.880**	**1.682.728.337.545**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các loại tài sản chính (tiếp)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

(Đơn vị: VND)

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm					Số đầu năm			
	Giá mua	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại		Giá mua	Chênh lệch đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại
		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tài sản tài chính FVTPL									
Ngắn hạn	**441.071.294.927**	**11.220.595.561**	**(30.963.932.788)**	**421.327.957.700**		**280.040.248.737**	**9.763.130.675**	**(37.377.504.369)**	**252.425.875.043**
Cổ phiếu niêm yết	189.762.246.176	9.178.988.264	(18.118.683.840)	180.822.550.600		216.907.980.663	7.511.785.775	(32.767.021.798)	191.652.744.640
Cổ phiếu chưa niêm yết	83.272.941.379	1.107.297	(12.403.791.899)	70.870.256.777		4.621.482.680	1.344.900	(3.271.697.177)	1.351.130.403
Chứng chỉ quỹ niêm yết	37.661.457.049	2.040.500.000	(441.457.049)	39.260.500.000		28.510.785.394	2.250.000.000	(1.338.785.394)	29.422.000.000
Trái phiếu	130.374.650.323	-	-	130.374.650.323		30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	**441.071.294.927**	**11.220.595.561**	**(30.963.932.788)**	**421.327.957.700**		**280.040.248.737**	**9.763.130.675**	**(37.377.504.369)**	**252.425.875.043**
Tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá trị hợp lý									
Ngắn hạn	**16.576.432.682**	**24.319.327.318**	**-**	**40.895.760.000**		**16.576.432.682**	**20.266.357.318**	**-**	**36.842.790.000**
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	16.576.432.682	24.319.327.318	-	40.895.760.000		16.576.432.682	20.266.357.318	-	36.842.790.000
Dài hạn	**92.000.000.000**	**14.298.720.000**	**-**	**106.298.720.000**		92.000.000.000	**8.668.720.000**	**-**	**100.668.720.000**
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	92.000.000.000	14.298.720.000	-	106.298.720.000		92.000.000.000	8.668.720.000	-	100.668.720.000
TỔNG CỘNG	**108.576.432.682**	**38.618.047.318**	**-**	**147.194.480.000**		**108.576.432.682**	**28.935.077.318**	**-**	**137.511.510.000**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các loại tài sản chính (tiếp)

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Ngắn hạn	**77.943.762.861**	**65.169.527.850**
Các khoản cho vay	29.439.090.550	17.956.041.139
Cho vay margin	29.439.090.550	17.956.041.139
Các tài sản tài chính AFS	48.504.672.311	47.213.486.711
Cổ phiếu	29.840.168.058	28.405.172.458
Đầu tư tự doanh khác	18.664.504.253	18.808.314.253
Dài hạn	**1.868.036.301**	**27.316.465.450**
Các tài sản tài chính AFS	1.868.036.301	27.316.465.450
Cổ phiếu	1.868.036.301	27.316.465.450
TỔNG CỘNG	**79.811.799.162**	**92.485.993.300**

Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay				Giá trị lập dự phòng năm trước (VND)	Mức (trích lập)/ hoàn nhập năm nay (VND)
	Số lượng	Giá sổ sách kế toán (VND)	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC (VND)	Giá trị lập dự phòng năm nay (VND)		
I. HTM						
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	**1**	**10.022.246.575**	**52.572.662.535**	**-**	**-**	**-**
II. TSTC cho vay		**1.514.325.651.880**	**1.484.886.561.330**	**(29.439.090.550)**	**(17.956.041.139)**	**(11.483.049.411)**
Phải thu khách hàng về giao dịch margin		1.287.737.369.585	1.258.298.279.035	(29.439.090.550)	(17.956.041.139)	(11.483.049.411)
Các khoản cho vay ứng trước		226.588.282.295	226.588.282.295	-	-	-
III. AFS						
1. Ngắn hạn	**7.055.627**	**91.019.832.497**	**42.515.376.099**	**(48.504.672.311)**	**(47.213.486.711)**	**(1.291.185.600)**
Đầu tư tự doanh khác		18.664.504.253	-	(18.664.504.253)	(18.808.314.253)	143.810.000
Cổ phiếu	7.055.627	72.355.328.244	42.515.376.099	(29.840.168.058)	(28.405.172.458)	(1.434.995.600)
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	975.000	24.000.000.000	8.983.650.000	(15.016.350.000)	(16.916.625.000)	1.900.275.000
Công ty Cổ phần Tổng công ty MBLAND	4.800.000	28.800.000.000	21.360.000.000	(7.440.000.000)	(4.656.000.000)	(2.784.000.000)
Khác	1.280.627	19.555.328.244	12.171.726.099	(7.383.818.058)	(6.832.547.458)	(551.270.600)
2. Dài hạn	**1.630.414**	**14.150.483.000**	**12.282.446.699**	**(1.868.036.301)**	**(27.316.465.450)**	**25.448.429.149**
Cổ phiếu	1.630.414	14.150.483.000	12.282.446.699	(1.868.036.301)	(27.316.465.450)	25.448.429.149
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	-	-	-	-	(24.904.963.250)	24.904.963.250
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu (GPINVEST)	1.630.414	14.150.483.000	12.282.446.699	(1.868.036.301)	(2.411.502.200)	543.465.899
TỔNG CỘNG		**1.629.518.213.952**	**1.592.257.046.663**	**(79.811.799.162)**	**(92.485.993.300)**	**12.674.194.138**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các khoản phải thu và trả trước cho người bán

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	17.888.832.396	20.925.796.544
Cổ tức	3.967.889.500	4.556.619.400
Dự thu lãi tiền gửi	2.884.364.028	-
Dự thu lãi margin	11.036.578.868	16.369.177.144
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.243.758.225	6.415.254.928
Phải thu khác	27.271.866.068	11.615.840.687
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	(15.983.729.699)	(15.983.729.699)
TỔNG CỘNG	**33.420.726.990**	**22.973.162.460**
Trả trước cho người bán	6.440.012.898	6.514.867.194
Công ty TNHH kỹ thuật sáng tạo (Innotech)	1.404.480.000	1.404.480.000
Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH Religare Technova Global Solutions Việt Nam	1.447.875.000	1.447.875.000
Khác	787.657.898	862.512.194
TỔNG CỘNG	**39.860.739.888**	**29.488.029.654**

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại 31.12.2019	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	15.983.729.699	15.983.729.699	-	-	15.983.729.699
Các khoản phải thu	11.735.854.699	11.735.854.699	-	-	11.735.854.699
Nguyễn Phương Nam	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Nguyễn Mạnh Giao	1.780.000.000	1.780.000.000	-	-	1.780.000.000
Hà Thanh Hải	1.685.000.000	1.685.000.000	-	-	1.685.000.000
Khác	4.270.854.699	4.270.854.699	-	-	4.270.854.699
Trả trước cho người bán	4.247.875.000	4.247.875.000	-	-	4.247.875.000
Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
Khác	1.447.875.000	1.447.875.000	-	-	1.447.875.000
TỔNG CỘNG	**15.983.729.699**	**15.983.729.699**	**-**	**-**	**15.983.729.699**

Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tạm ứng	583.827.230	200.751.380
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	486.898.450	388.072.553
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.949.513.992	1.559.743.903
- Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	572.911.587	472.253.636
- Chi phí bảo trì bảo dưỡng phần mềm	699.298.304	691.348.303
- Khác	677.304.101	396.141.964
Ký quỹ ngắn hạn	-	-
TỔNG CỘNG	**3.020.239.672**	**2.148.567.836**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Tài sản cố định khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2019	36.229.668.161	4.264.275.167	248.648.500	56.770.560	40.799.362.388
Mua trong năm	1.928.806.154	2.921.700.000	-	-	4.850.506.154
Thanh lý, nhượng bán	8.741.735.473	935.410.000	-	-	9.677.145.473
31/12/2019	29.416.738.842	6.250.565.167	248.648.500	56.770.560	35.972.723.069
Giá trị khấu hao lũy kế					
01/01/2019	22.654.936.452	3.781.075.419	192.995.869	43.366.395	26.672.374.135
Khấu hao trong năm	4.011.783.831	288.835.038	25.340.004	13.404.165	4.339.363.038
Thanh lý, nhượng bán	8.710.432.667	935.410.000	-	-	9.645.842.667
31/12/2019	17.956.287.616	3.134.500.457	218.335.873	56.770.560	21.365.894.506
Giá trị còn lại					
01/01/2019	13.574.731.709	483.199.748	55.652.631	13.404.165	14.126.988.253
31/12/2019	11.460.451.226	3.116.064.710	30.312.627	-	14.606.828.563

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 13.764.354.353 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 21.060.645.266 VND).

Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm (VND)	Tài sản vô hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2019	11.051.862.834	2.967.788.256	14.019.651.090
Tăng trong năm	510.600.000	-	510.600.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	11.562.462.834	2.967.788.256	14.530.251.090
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2019	8.530.795.796	2.967.788.256	11.498.584.052
Hao mòn trong năm	791.773.587	-	791.773.587
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	9.322.569.383	2.967.788.256	12.290.357.639
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2019	2.521.067.038	-	2.521.067.038
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.239.893.451	-	2.239.893.451

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 10.944.836.440 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.470.716.440 VND).

Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Chi phí thuê tòa nhà	18.859.413.282	28.289.119.938
Chi phí vật dụng văn phòng	1.786.810.145	2.351.650.457
Chi phí cải tạo văn phòng	2.000.372.390	4.282.694.730
Chi phí phát hành trái phiếu	337.027.307	1.018.655.567
Khác	404.520.329	108.193.957
TỔNG CỘNG	**23.388.143.453**	**36.050.314.649**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

(Đơn vị: VND)

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2018	20.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	20.000.000.000
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	1.178.977.487
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	21.178.977.487

Vay ngắn hạn

(Đơn vị: VND)

	Lãi suất vay	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay thấu chi	6,4%	49.900.000.000	124.400.000.000	174.300.000.000	-
Vay ngắn hạn	6,5%	80.000.000.000	854.290.000.000	834.290.000.000	100.000.000.000
TỔNG CỘNG		**129.900.000.000**	**978.690.000.000**	**1.008.590.000.000**	**100.000.000.000**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	2.267.115.582	3.019.395.567
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	543.014.416	680.967.250
TỔNG CỘNG	**2.810.129.998**	**3.700.362.817**

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả các bên liên quan (thuyết minh 32.1)	2.622.106.731	464.497.916
Công ty TNHH Thời trang May Bình Minh	112.446.600	34.183.200
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam	73.000.000	-
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Tài chính	-	779.933.200
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	20.000.000	1.054.655.820
Đối tượng khác	76.916.043	289.333.868
TỔNG CỘNG	**2.904.469.374**	**2.622.604.004**

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
Thuế thu nhập cá nhân	4.328.876.828	58.978.967.991	(59.365.766.165)	3.942.078.654
- Của nhân viên Công ty	1.003.114.722	13.000.185.396	(13.036.045.506)	967.254.612
- Của nhà đầu tư cá nhân	3.325.762.106	45.978.782.595	(46.329.720.659)	2.974.824.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 29.1)	3.050.875.694	15.361.510.496	(14.906.260.111)	3.506.126.079
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	241.098.515	1.609.739.060	(1.841.009.025)	9.828.550
Các loại thuế khác	478.669.047	3.864.666.624	(4.146.414.184)	196.921.487
TỔNG CỘNG	**8.099.520.084**	**79.814.884.171**	**(80.259.449.485)**	**7.654.954.770**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Trích trước chi phí giới thiệu khách hàng	408.796.661	321.438.297
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài	1.833.647.053	4.206.896.928
Trích trước lãi vay tổ chức tài chính	249.315.068	553.948.128
TỔNG CỘNG	**2.491.758.782**	**5.082.283.353**

Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Đặt cọc môi giới trái phiếu	-	500.000.000.000
Phải trả cổ tức cho chủ sở hữu	-	50.245.777.925
Phải trả khác	2.845.649.995	1.047.865.852
TỔNG CỘNG	**2.845.649.995**	**551.293.643.777**

Giao dịch mua bán lại trái phiếu

(Đơn vị tính VND)

Giao dịch repo	Số đầu năm	Bán trong năm	Mua lại trong năm	Chi phí repo đã phân bổ trong năm	Số cuối năm	Mệnh giá trái phiếu repo tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giao dịch mua bán lại trái phiếu với các Tổ chức Tín dụng	160.157.245.736	-	(160.992.200.000)	834.954.264	-	-
TỔNG CỘNG	**160.157.245.736**	**-**	**(160.992.200.000)**	**834.954.264**	-	-

Trái phiếu phát hành dài hạn

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Gốc trái phiếu	400.000.000.000	300.000.000.000
Lãi dự trả theo phương pháp lãi suất thực	387.697.434	12.922.170.663
TỔNG CỘNG	**400.387.697.434**	**312.922.170.663**

Trái phiếu phát hành dài hạn bao gồm 3.000.000 trái phiếu BVSC_BOND_2018 và 1.000.000 trái phiếu BVSC_BOND_2019 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu (tổng cộng mệnh giá 400.000.000.000 VND). Đây là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi do Công ty phát hành theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty. Trái phiếu có kỳ hạn hai (2) năm được phát hành với lãi suất cố định 8,5%/năm. Trái phiếu do Công ty phát hành được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng đối với dịch vụ giao dịch ký quỹ của Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Vốn chủ sở hữu

(Đơn vị: VND)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**		**36.121.049.159**	**36.121.049.159**	**23.148.061.854**	**264.666.028.072**	**1.692.152.042.464**
Cổ tức trả cho chủ sở hữu	-	-	-		-	-	-	(21.660.043.500)	(21.660.043.500)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-		6.396.503.325	6.396.503.325	-	(12.793.006.650)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019	-	-	-		-	-	-	(7.109.192.538)	(7.109.192.538)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	-	-	-		-	-	9.682.970.000	-	9.682.970.000
Nộp bổ sung thuế/Thuế TNDN hoãn lại	-	-	-		-	-	(1.936.594.000)	(5.600.000)	(1.942.194.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-		-	-	-	135.509.609.995	135.509.609.995
Số cuối năm	**722.339.370.000**	**610.253.166.720**	**(496.682.500)**		**42.517.552.484**	**42.517.552.484**	**30.894.437.854**	**358.607.795.379**	**1.806.633.192.421**

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Số lượng cổ phần (*) (Đơn vị)	Giá trị (*) (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tập đoàn Bảo Việt	43.281.193	432.811.930.000	59,9%
Các cổ đông khác	28.918.952	289.189.520.000	40,1%
TỔNG CỘNG	**72.200.145**	**722.001.450.000**	**100,0%**

(*) Không bao gồm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Số lượng cổ phần được phép phát hành	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	33.792	33.792
Cổ phiếu thường	33.792	33.792
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.200.145	72.200.145
Cổ phiếu thường	72.200.145	72.200.145

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	142.554.320.000	202.839.450.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	152.220.000	1.105.620.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	11.952.000.000	1.753.300.000
TỔNG CỘNG	**154.658.540.000**	**205.698.370.000**

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	3.000.000.000	3.000.040.000
TỔNG CỘNG	**3.000.000.000**	**3.000.040.000**

Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	385.900.000	2.213.300.000
TỔNG CỘNG	**385.900.000**	**2.213.300.000**

Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	72.686.470.000	72.686.470.000
Chứng chỉ quỹ	102.000.000.000	102.000.000.000
TỔNG CỘNG	**174.686.470.000**	**174.686.470.000**

Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	25.172.493.819.000	24.019.054.660.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	234.606.360.000	279.960.730.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	509.936.430.000	312.755.540.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	92.969.860.000	92.969.860.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	169.266.687.000	214.142.220.000
TỔNG CỘNG	**26.179.273.156.000**	**24.918.883.010.000**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (tiếp)

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	5.844.020.000	2.146.660.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	9.675.180.000	203.549.270.000
TỔNG CỘNG	**15.519.200.000**	**205.695.930.000**

Tiền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	364.578.483.902	558.187.678.624
- Của Nhà đầu tư trong nước	357.316.565.572	545.908.007.029
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	7.261.918.330	12.279.671.595
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	223.301.242.574	235.604.670.445
TỔNG CỘNG	**587.879.726.476**	**793.792.349.069**

Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	563.256.823.806	733.215.022.591
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.231.036.994	1.340.746.926
TỔNG CỘNG	**564.487.860.800**	**734.555.769.517**

Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	2.380.074.024	2.783.270.970
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	494.038.798	349.507.676
TỔNG CỘNG	**2.874.112.822**	**3.132.778.646**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu hoạt động

Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (Đơn vị)	Giá bán bình quân (VND)	Tổng giá trị bán (VND)		Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước (VND)
I. LÃI BÁN							
Cổ phiếu niêm yết	**10.315.510**		**219.652.829.204**		**208.885.137.488**	**10.767.691.716**	**29.008.490.568**
FPT	453.540	54.163	24.565.215.000		23.211.174.421	1.354.040.579	-
HPG	458.800	32.001	14.681.939.500		13.332.326.422	1.349.613.078	1.425.909.027
MBB	1.138.100	21.606	24.590.000.000		23.242.683.173	1.347.316.827	1.159.933.992
TMT	2.800.000	10.600	29.680.000.000		28.000.103.500	1.679.896.500	-
Khác	5.465.070		126.135.674.704		121.098.849.972	5.036.824.732	26.422.647.549
Cổ phiếu chưa niêm yết	**6.430.362**		**101.225.086.600**		**86.840.120.000**	**14.384.966.600**	**2.520.220.214**
Chứng chỉ quỹ	**9.217.000**		**138.693.173.000**		**134.729.891.184**	**3.963.281.816**	**889.889.257**
Chứng chỉ quỹ mở E1VFVN30	8.987.000	15.091	135.622.036.500		132.429.891.184	3.192.145.316	889.889.257
Chứng chỉ quỹ mở FUESSV50	230.000	13.353	3.071.136.500		2.300.000.000	771.136.500	-
Trái phiếu niêm yết	**12.879.870**		**1.346.456.696.531**		**1.334.550.509.803**	**11.906.186.728**	**2.327.237.877**
Trái phiếu Chính phủ	3.370.000		371.959.940.000		360.755.395.092	11.204.544.908	9.000.000
Trái phiếu Doanh nghiệp	9.509.870		974.496.756.531		973.795.114.711	701.641.820	2.318.237.877
Trái phiếu chưa niêm yết	**52.688.985**		**6.570.799.692.592**		**6.560.374.566.353**	**10.425.126.239**	**2.591.988.976**
Trái phiếu Doanh nghiệp	52.688.985		6.570.799.692.592		6.560.374.566.353	10.425.126.239	2.591.988.976
TỔNG CỘNG	**91.531.727**		**8.376.827.477.927**		**8.325.380.224.828**	**51.447.253.099**	**37.337.826.892**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu hoạt động (tiếp)

Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (Đơn vị)	Giá bán bình quân (VND)	Tổng giá trị bán (VND)		Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay (VND)	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước (VND)
II. LỖ BÁN							
Cổ phiếu niêm yết	**52.128.332**		**1.107.727.244.098**		**1.177.658.434.948**	**(69.931.190.850)**	**(33.691.795.065)**
KBC	8.058.570	14.997	120.854.037.270		125.177.855.834	(4.323.818.564)	(19.004.876)
SJS	471.310	16.387	7.723.532.500		12.637.985.307	(4.914.452.807)	(237.641.734)
SSI	4.055.460	22.242	90.200.156.880		94.875.288.437	(4.675.131.557)	(273.167.396)
VPI	3.111.960	40.266	125.306.181.360		130.702.320.000	(5.396.138.640)	-
Khác	36.431.032		763.643.336.088		814.264.985.370	(50.621.649.282)	(33.161.981.059)
Cổ phiếu chưa niêm yết	**1.228.517**		**23.417.431.601**		**27.804.246.500**	**(4.386.814.899)**	**(949.099.720)**
BSR	100.000	8.840	884.000.000		1.380.000.000	(496.000.000)	-
HNF	160.000	42.075	6.732.000.000		9.600.000.000	(2.868.000.000)	-
Khác	968.517		15.801.431.601		16.824.246.500	(1.022.814.899)	(949.099.720)
Chứng chỉ quỹ	**6.385.000**		**92.884.421.700**		**95.690.397.389**	**(2.805.975.689)**	**(1.590.646.500)**
Chứng chỉ quỹ mở E1VFVN30	6.385.000	14.547	92.884.421.700		95.690.397.389	(2.805.975.689)	(1.590.646.500)
Trái phiếu niêm yết	**3.500.000**		**364.452.500.000**		**364.504.500.000**	**(52.000.000)**	**(80.080.000)**
Trái phiếu chính phủ	3.500.000		364.452.500.000		364.504.500.000	(52.000.000)	(80.080.000)
Trái phiếu chưa niêm yết	**500.500**		**110.237.000.000**		**116.157.133.999**	**(5.920.133.999)**	-
MBLAND-TONKIN	500	100.000.000	50.000.000.000		50.915.133.999	(915.133.999)	-
TP_TD1424092	500.000	120.474	60.237.000.000		65.242.000.000	(5.005.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**63.742.349**		**1.698.718.597.399**		**1.781.814.712.836**	**(83.096.115.437)**	**(36.311.621.285)**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu hoạt động (tiếp)

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VND)		Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VND)	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)
I. LOẠI FVTPL								
Cổ phiếu niêm yết	**189.762.246.176**	**180.822.550.600**	**(8.939.695.576)**		**(25.255.121.924)**	**16.315.426.348**	**56.122.313.131**	**(39.806.886.783)**
C32	10.099.896.688	8.870.974.600	(1.228.922.088)		(3.429.267.470)	2.200.345.382	5.383.165.482	(3.182.820.100)
TMT	50.000	27.350	(22.650)		(2.268.107.550)	2.268.084.900	8.120.104.550	(5.852.019.650)
SJS	5.498.226.635	6.098.580.000	600.353.365		(3.760.697.046)	4.361.050.411	7.204.100.411	(2.843.050.000)
Khác	174.164.072.853	165.852.968.650	(8.311.104.203)		(15.797.049.858)	7.485.945.655	35.414.942.688	(27.928.997.033)
Cổ phiếu UPCom	**83.272.941.379**	**70.870.256.777**	**(12.402.684.602)**		**(3.270.466.376)**	**(9.132.218.226)**	**3.566.861.171**	**(12.699.079.397)**
HNF	-	-	-		-	-	3.417.000.000	(3.417.000.000)
Khác	83.272.941.379	70.870.256.777	(12.402.684.602)		(3.270.466.376)	(9.132.218.226)	149.861.171	(9.282.079.397)
Chứng chỉ quỹ niêm yết	**37.661.457.049**	**39.260.500.000**	**1.599.042.951**		**911.214.606**	**687.828.345**	**4.148.815.071**	**(3.460.986.726)**
E1VFVN30	29.961.457.049	29.520.000.000	(441.457.049)		(1.338.785.394)	897.328.345	3.310.015.071	(2.412.686.726)
FUESSV50	7.700.000.000	9.740.500.000	2.040.500.000		2.250.000.000	(209.500.000)	838.800.000	(1.048.300.000)
Trái phiếu chưa niêm yết	**130.374.650.323**	**130.374.650.323**	-		-	**-**	-	-
TỔNG CỘNG	**441.071.294.927**	**421.327.957.700**	**(19.743.337.227)**		**(27.614.373.694)**	**7.871.036.467**	**63.837.989.373**	**(55.966.952.906)**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu hoạt động (tiếp)

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính (tiếp)

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VND)		Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VND)	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)
II. LOẠI AFS								
Ngắn hạn	**16.576.432.682**	**40.895.760.000**	**24.319.327.318**		**20.266.357.318**	**4.052.970.000**	**5.188.450.000**	**(1.135.480.000)**
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	**16.576.432.682**	**40.895.760.000**	**24.319.327.318**		**20.266.357.318**	**4.052.970.000**	**5.188.450.000**	**(1.135.480.000)**
VF1	16.576.432.682	40.895.760.000	24.319.327.318		20.266.357.318	4.052.970.000	5.188.450.000	(1.135.480.000)
Dài hạn	**92.000.000.000**	**106.298.720.000**	**14.298.720.000**		**8.668.720.000**	**5.630.000.000**	**8.504.400.000**	**(2.874.400.000)**
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	**92.000.000.000**	**106.298.720.000**	**14.298.720.000**		**8.668.720.000**	**5.630.000.000**	**8.504.400.000**	**(2.874.400.000)**
BVIF	80.000.000.000	92.501.120.000	12.501.120.000		7.965.520.000	4.535.600.000	7.286.400.000	(2.750.800.000)
BVPF	12.000.000.000	13.797.600.000	1.797.600.000		703.200.000	1.094.400.000	1.218.000.000	(123.600.000)
TỔNG CỘNG	**108.576.432.682**	**147.194.480.000**	**38.618.047.318**		**28.935.077.318**	**9.682.970.000**	**13.692.850.000**	**(4.009.880.000)**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu hoạt động (tiếp)

Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và AFS

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Từ tài sản tài chính FVTPL	69.624.813.373	20.324.596.094
- Cổ phiếu	69.624.813.373	20.324.596.094
Từ tài sản tài chính HTM	2.943.826.785	20.869.796.639
- Trái phiếu	1.321.580.212	18.286.679.974
- Hợp đồng tiền gửi	1.622.246.573	2.583.116.665
Từ các khoản cho vay	193.702.056.566	168.791.290.501
- Cho vay margin	169.654.204.556	144.544.436.211
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	24.047.852.010	24.246.854.290
Từ tài sản tài chính AFS	4.971.727.400	4.917.148.400
- Cổ phiếu	4.971.727.400	4.971.727.400
TỔNG CỘNG	**271.242.424.124**	**214.902.831.634**

Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	135.858.907.322	171.589.919.323
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	62.602.909	279.843.553
Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.846.382.979	6.518.202.269
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	11.022.954.544	7.329.571.942
Thu nhập hoạt động khác	1.945.263.739	1.399.358.598
- Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	85.843.871	245.960.286
- Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	627.931.430	497.082.302
- Doanh thu khác	1.231.488.438	656.316.010
TỔNG CỘNG	**154.736.111.493**	**187.116.895.685**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 7.7)	11.483.049.411	3.064.594.268
Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính AFS	(24.157.243.549)	(6.333.329.851)
TỔNG CỘNG	**(12.674.194.138)**	**(3.268.735.583)**

Chi phí lãi vay

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	25.750.458.277	12.922.170.663
Chi phí phát hành trái phiếu	681.628.260	344.980.797
Chi phí lãi vay khác	13.070.692.530	14.350.350.471
TỔNG CỘNG	**39.502.779.067**	**27.617.501.931**

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	48.194.834.734	38.996.489.445
- Lương và các khoản phúc lợi	46.511.700.889	37.654.149.960
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.683.133.845	1.342.339.485
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	1.655.148.487	2.334.084.108
Chi phí vật tư văn phòng	599.090.586	439.235.944
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.881.077.573	2.526.159.718
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	4.984.304.849	3.883.206.992
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.672.567.988	3.575.241.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.759.953.782	18.817.483.564
Chi phí khác	2.408.651.151	4.516.903.526
TỔNG CỘNG	**88.155.629.150**	**75.088.804.928**

Thu nhập và chi phí khác

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thu nhập khác	**394.272.728**	**214.282.701**
Thu nhập khác	394.272.728	214.282.701
Chi phí khác	**523.614.540**	**474.040.000**
Chi phí phạt vi phạm thuế	3.175.886	-
Chi về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC	41.219.348	-
Chi phí khác	479.219.306	474.040.000
Kết quả hoạt động khác	**(129.341.812)**	**(259.757.299**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2018: 20%)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận trước thuế	**151.162.613.468**	**122.479.971.774**
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	939.001.975	3.621.134.268
Biến động chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính không chịu thuế trong năm	17.896.620.988	12.450.209.125
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Thu nhập từ cổ tức	(61.062.348.992)	(25.241.744.494)
Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	(24.257.298.493)	(6.118.474.843)
Biến động chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính không chịu thuế trong năm	(7.871.036.467)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**76.807.552.479**	**107.191.095.830**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**15.361.510.496**	**21.438.219.166**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.050.875.694	8.027.075.760
Thuế TNDN đã trả trong năm	(14.906.260.111)	(26.414.419.232)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**3.506.126.079**	**3.050.875.694**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp	
	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào lãi/lỗ	2.244.119.112	1.952.626.135	291.492.977	(2.490.041.825)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	7.723.609.464	5.787.015.464	1.936.594.000	(576.905.120)
TỔNG CỘNG	**9.967.728.576**	**7.739.641.599**	**2.228.086.977**	**(3.066.946.945)**

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	49.838.642.879	38.698.207.993
Trong đó:		
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	11.220.595.561	9.763.130.675
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS	38.618.047.318	28.935.077.318
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**9.967.728.576**	**7.739.641.599**

Lũy kế thu nhập toàn diện khác

Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)	Số phát sinh trong năm (VND)	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh (VND)	Số cuối năm (VND)
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.935.077.318	9.682.970.000	-	38.618.047.318
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(5.787.015.464)	(1.936.594.000)	-	(7.723.609.464)
TỔNG CỘNG	**23.148.061.854**	**7.746.376.000**	**-**	**30.894.437.854**

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	10.393.576.000	17.363.384.960
- Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	10.393.576.000	17.363.384.960
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(2.647.200.000)	(17.035.048.000)
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(2.647.200.000)	(17.035.048.000)
Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-	(2.635.957.440)
TỔNG CỘNG	**7.746.376.000**	**(2.307.620.480)**

Những thông tin khác

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT)	Công ty cùng Tập đoàn
Bảo hiểm Nhân Thọ Hà Nội	Công ty thành viên (BVNT)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV)	Công ty cùng Tập đoàn
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Công ty thành viên (BVNT)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Đơn vị cùng Tập đoàn

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

(Đơn vị: VND)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Thu nhập/(Chi phí)	
		Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	48.012.000	294.475.794
	Phí lưu ký	251.929.873	318.730.318
	Phí cung cấp báo cáo	87.500.000	17.500.000
	Phí tư vấn	265.000.000	163.636.364
	Phí chi trả cổ tức, quản lý sổ cổ đông	88.000.000	88.000.000
	CNTT (Dự chi)	(3.460.829.856)	(2.396.523.021)
	Cổ tức đã trả	(12.984.357.900)	(30.296.835.100)
	Phí tư vấn và hỗ trợ quản lý cổ phiếu ESOP	165.000.000	150.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Phí giao dịch chứng khoán	7.305.938.779	14.007.545.149
	Phí lưu ký	460.913.884	581.701.442
	Thuê văn phòng	(3.358.951.200)	(3.008.016.000)
	Phí tư vấn chuyển nhượng cổ phiếu	-	150.000.000
Bảo hiểm Nhân Thọ Hà Nội	Thuê văn phòng 94 Bà Triệu	(498.000.000)	(498.000.000)
	Phí bảo hiểm an hưởng điền viên	-	(2.818.564.300)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	643.337.298	1.250.267.927
	Phí lưu ký	10.615.044	27.088.924
	Phí tư vấn chuyển nhượng cổ phiếu	-	150.000.000
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(1.378.829.650)	(1.089.864.842)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí lưu ký	226.643.007	249.845.694
	Phí giao dịch chứng khoán	161.248.833	63.788.360
Công ty CP Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng	(6.113.090.104)	(6.108.060.162)
	Tiền vé máy bay	-	(177.794.000)
	Tiền điện và giữ xe	620.213.234	-

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Những thông tin khác (tiếp)

Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

(Đơn vị: VND)

Bên liên quan	Các giao dịch	Số đầu năm	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số cuối năm
Tập đoàn Bảo Việt	Phí cung cấp báo cáo biến động cổ phiếu	-	87.500.000	87.500.000	-
	Phí chi trả cổ tức, quản lý sổ cổ đông	88.000.000	100.000.000	188.000.000	-
	Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	-	200.000.000	(200.000.000)
	Phí tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ	-	-	-	-
	Phí tư vấn chuyển nhượng TNPQ	-	-	50.000.000	(50.000.000)
	Dịch vụ CNTT	(627.101.409)	2.883.788.328	3.043.329.645	(786.642.726)
	Phí tư vấn chuyển nhượng VIGEBA	(50.000.000)	165.000.000	115.000.000	-
	Phải trả cổ tức	(30.296.835.100)	43.281.193.000	12.984.357.900	-
Tổng công ty Bảo Việt nhân thọ	Thuê văn phòng 11 NCT	-	4.028.918.400	4.856.122.800	(827.204.400)
	Phí tư vấn	-	-	80.000.000	(80.000.000)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí lưu ký chứng khoán	246.176.404	222.975.841	246.176.404	222.975.841
Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí bảo hiểm Healthcare	(389.162.906)	1.027.764.896	901.735.414	(263.133.424)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng	-	4.664.692.780	6.113.090.104	(1.448.397.324)
	Phí gửi xe	(41.580.000)	168.225.750	168.918.750	(42.273.000)
	Tiền điện	(33.755.010)	443.950.911	451.294.484	(41.098.583)
	Đặt cọc thuê nhà	462.596.640	-	-	462.596.640

Nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc Công ty (*)	6.234.034.568	6.993.208.510
Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; Lương và thưởng Hiệu quả của Chủ tịch HĐQT chuyên trách (**)	2.928.399.634	1.747.476.647
TỔNG CỘNG	**9.162.434.202**	**8.740.685.157**

(*) Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc trong năm bao gồm (i) số phát sinh trong năm, (ii) thưởng hiệu quả của năm 2018 được chi trả trong năm 2019.

(**) Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; Lương và thưởng hiệu quả của Chủ tịch HĐQT chuyên trách bao gồm (i) số phát sinh trong năm; (ii) thưởng hiệu quả năm 2018 chi trong năm 2019.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận sau thuế	135.509.609.995	103.531.794.433
Loại trừ lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện sau thuế	(7.579.543.490)	28.119.919.243
Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế	127.930.066.505	131.651.713.676
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(5.756.852.993)	(5.924.327.115)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	122.173.213.512	125.727.386.561
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.200.145	72.200.145
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.693	1.741

(*) Giá trị điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được Công ty ước tính bằng 5% lợi nhuận sau thuế đã thực hiện.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Những thông tin khác (tiếp)

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Đến 1 năm	6.907.910.700	9.384.210.171
Trên 1 - 5 năm	2.435.353.300	8.166.284.500
TỔNG CỘNG	**9.343.264.000**	**17.550.494.671**

Thông tin báo cáo bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (VND)	Đầu tư tài sản tài chính (VND)	Tư vấn và các bộ phận khác (VND)	TỔNG CỘNG (VND)
Năm nay				
1. Doanh thu bộ phận	357.861.095.076	192.825.610.030	12.968.218.283	563.654.923.389
2. Chi phí bộ phận	184.986.522.646	117.835.310.291	21.385.506.022	324.207.338.959
3. Chi phí phân bổ	55.969.474.719	30.157.925.112	2.028.229.319	88.155.629.150
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**116.905.097.711**	**44.832.374.627**	**(10.445.517.058)**	**151.291.955.280**
Năm trước				
1. Doanh thu bộ phận	371.804.199.018	167.046.218.184	8.728.930.540	547.579.347.742
2. Chi phí bộ phận	185.895.738.062	146.346.697.630	17.508.378.049	349.750.813.741
3. Chi phí phân bổ	50.984.999.866	22.906.818.789	1.196.986.273	75.088.804.928
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**134.923.461.090**	**(2.207.298.235)**	**(9.976.433.782)**	**122.739.729.073**

(*) Công ty chưa trình bày các khoản mục tài sản và nợ phân bổ do hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức và tiêu chí phân bổ.

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để Công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

Công tác QTRR tại Công ty được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo rủi ro tháng. Định kỳ hàng quý, Công ty tiến hành họp HĐ QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong quý, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình. Tuy nhiên, Ban Điều hành Công ty cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cân nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Những thông tin khác (tiếp)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Rủi ro về giá cổ phiếu đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015. Qua từng năm, Hội đồng Quản trị điều chỉnh, bổ sung các hạn mức này cho phù hợp với thị trường và chiến lược của công ty. Phụ lục mới nhất về Phân cấp quyết định đầu tư và Hạn mức đầu tư được Hội đồng Quản trị ban hành vào ngày 17 tháng 03 năm 2017.

Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục cổ phiếu. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết lại có xu hướng xấu đi nếu thị trường cổ phiếu niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường cổ phiếu giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2019, danh mục cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 17 %/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà Công ty sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sàn chứng khoán biến động +/-10%:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VND)
31 tháng 12 năm 2019		
Kịch bản 1	+10%	12.660.049.297
Kịch bản 2	-10%	(12.660.049.297)
31 tháng 12 năm 2018		
Kịch bản 1	+10%	11.230.512.589
Kịch bản 2	-10%	(11.230.512.589)

Đối với cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ: khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho Công ty chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng (Xem phần quản lý rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ ở phần sau của Thuyết minh này).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng cho khách hàng vay ký quỹ.

Tiền gửi ngân hàng

Để quản trị rủi ro tín dụng, hạn mức đầu tư vào tiền gửi ngân hàng được thực hiện tuân thủ theo hạn mức rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt vào đầu các năm tài chính. Thực tế cho thấy Công ty không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

Đầu tư trái phiếu

Công ty đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng quản trị Công ty. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Để quản trị rủi ro tín dụng trong dịch vụ cho vay ký quỹ, Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng. Các thông tin về mức độ tín nhiệm, lịch sử giao dịch và tài sản của khách hàng là những tiêu chí chính để xếp loại. Thêm vào đó, Công ty thực hiện việc đánh giá và điều chỉnh xếp loại khách hàng hàng tháng, đảm bảo tính cập nhật.

Công ty cũng đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay ký quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: sự biến động về giá, tính thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng, v.v. Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tất toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Những thông tin khác (tiếp)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Rủi ro tín dụng (tiếp)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

(Đơn vị: VND)

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	TỔNG CỘNG
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31/12/2019							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	**10.022.246.575**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**10.022.246.575**
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng tiền gửi	10.022.246.575	-	-	-	-	-	10.022.246.575
Tài sản tài chính khác	**1.533.702.830.132**	**-**	**-**	**-**	**2.296.373.861**	**4.579.344.386**	**1.540.578.548.379**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	21.178.977.487	-	-	-	-	-	21.178.977.487
Phải thu cổ tức	3.967.889.500	-	-	-	-	-	3.967.889.500
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.493.723.869.836	-	-	-	-	4.579.344.386	1.498.303.214.222
Khác	14.832.093.309	-	-	-	2.296.373.861	-	17.128.467.170
Tiền và các khoản tương đương tiền	**174.237.228.080**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**174.237.228.080**
TỔNG CỘNG	**1.717.962.304.787**	**-**	**-**	**-**	**2.296.373.861**	**4.579.344.386**	**1.724.838.023.034**

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại Ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

(Đơn vị: VND)

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	TỔNG CỘNG
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31/12/2018							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	**194.359.886.548**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**194.359.886.548**
Trái phiếu	142.759.886.546	-	-	-	-	-	142.759.886.546
Hợp đồng tiền gửi	51.600.000.002	-	-	-	-	-	51.600.000.002
Tài sản tài chính khác	**1.708.453.502.919**	**-**	**-**	**-**	**265.099.514**	**196.470.000**	**1.708.915.072.433**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Phải thu cổ tức	4.556.619.400	-	-	-	-	-	4.556.619.400
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.683.728.274.520	-	-	-	-	196.470.000	1.683.924.744.520
Khác	168.608.999	-	-	-	265.099.514	-	433.708.523
Tiền và các khoản tương đương tiền	**465.849.247.326**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**465.849.247.326**
TỔNG CỘNG	**2.368.662.636.793**	**-**	**-**	**-**	**265.099.514**	**196.470.000**	**2.369.124.206.307**

Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

B09 -CTCK
ngày 31 tháng 12 năm 2019
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi Công ty tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các khách hàng giao dịch chứng khoán.

Chính sách của Công ty là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, tuân thủ chính sách nội bộ về cân đối dòng tiền và thanh khoản. Tại Công ty chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ cũng như các nghĩa vụ thanh toán khác. Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty luôn duy trì ở trên 700%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ quy định 180%.

(Đơn vị: triệu đồng)	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	TỔNG CỘNG
31/12/2019								
Các khoản đầu tư tài chính	**-**	**512.689**	**10.022**	**-**	**-**	**-**	**-**	**522.711**
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng tiền gửi	-	-	10.022	-	-	-	-	10.022
Cổ phiếu	-	512.689	-	-	-	-	-	512.689
Tài sản tài chính khác	**6.875**	**21.179**	**1.512.524**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.540.578**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	21.179	-	-	-	-	-	21.179
Phải thu cổ tức	-	-	3.968	-	-	-	-	3.968
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.579	-	1.493.724	-	-	-	-	1.498.303
Khác	2.296	-	14.832	-	-	-	-	17.128
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	**-**	**174.237**	**-**	**-**	**-**	**-**	**174.237**
TỔNG CỘNG	**6.875**	**533.868**	**1.696.783**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.237.526**
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	100.000	-	-	-	-	100.000
Trái phiếu phát hành	-	-	300.137	100.251	-	-	-	400.388
Chi phí phải trả	-	-	2.242	-	-	-	-	2.242
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	2.810	-	-	-	-	2.810
Khác	-	-	4.502	-	-	-	-	4.502
TỔNG CỘNG	**-**	**-**	**409.691**	**100.251**	**-**	**-**	**-**	**509.942**

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

(Đơn vị: triệu đồng)	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	TỔNG CỘNG
31/12/2018								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	**-**	**466.675**	**65.244**	**24.000**	**106.350**	**54.350**	**-**	**716.619**
Trái phiếu	-	-	12.000	24.000	106.350	54.350	-	196.700
Hợp đồng tiền gửi	-	-	10.022	-	-	-	-	10.022
Cổ phiếu	-	466.675	-	-	-	-	-	466.675
Tài sản tài chính khác	**461**	**20.000**	**1.688.454**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.708.915**
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.000	-	-	-	-	-	20.000
Phải thu cổ tức	-	-	4.557	-	-	-	-	4.557
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	196	-	1.683.729	-	-	-	-	1.683.925
Khác	265	-	168	-	-	-	-	433
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	**-**	**465.849**	**-**	**-**	**-**	**-**	465.849
TỔNG CỘNG	**461**	**486.675**	**2.219.547**	**24.000**	**106.350**	**54.350**	**-**	**2.891.383**
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	129.900	-	-	-	-	129.900
Trái phiếu phát hành	-	-	312.922	-	-	-	-	312.922
Chi phí phải trả	-	-	4.528	-	-	-	-	4.528
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	3.700	-	-	-	-	3.700
Khác	-	-	714.073	-	-	-	-	714.073
TỔNG CỘNG	**-**	**-**	**1.165.123**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.165.123**

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC" hoặc "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.806.633.192.421 VND.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Bổ nghiệm ngày 27 tháng 6 năm 2017

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 87") và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với Thông tư số 87 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập

Số tham chiếu: 60758149/21085188/ATTC

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ từ trang 284 đến trang 307. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 87") và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với Thông tư 87 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách lập báo cáo được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Thông tư 87 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các quy định áp dụng, các diễn giải và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2400-2018-004-1

Nguyễn Văn Trung
Chủ nhiệm kiểm toán
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2016-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

V/v: báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2020

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng phòng Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng

(Đơn vị tính: VND)

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	86.374.787.737
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	46.519.586.249
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	95.028.922.682
4	**Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)**		**227.923.296.668**
5	**Vốn khả dụng**	**7**	**1.626.406.431.796**
6	**Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) (%)**		**714%**

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng phòng Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 36/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có trụ sở chính tại tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

STT	Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1	Phòng giao dịch Trụ sở chính (Hà Nội)	72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3	Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội)	Tầng 10, tòa nhà văn phòng Hapulico – Số 1 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội
4	Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội)	Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội
5	Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
6	Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
7	Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
8	Phòng giao dịch Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 1 & 2 số 174 Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.806.633.192.421 VND, tổng tài sản là 2.397.853.185.656 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Cơ sở trình bày

Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ("Thông tư 87"). Thông tư 87 có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 và thay thế Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.
Các cách thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 87.

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư 87 chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Chỉ tiêu **"Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí"** (Khoản 2, Điều 8 – Giá trị rủi ro hoạt động, Thông tư 87	Để xác định chính xác chỉ tiêu chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán chỉ tiêu an toàn tài chính, các chi phí phi tiền tệ phát sinh trong kỳ cần được trừ đi khỏi tổng chi phí. Theo đó, các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí bao gồm các chi phí sau: • Chi phí khấu hao; • Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, tài sản tài chính dài hạn và tài sản thế chấp; • Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu; • Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác; • Chênh lệch đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL").
2	Chỉ tiêu **"Rủi ro tăng thêm"** (Khoản 5, Điều 9 – Giá trị rủi ro thị trường, Thông tư 87)	Giá trị rủi ro thị trường điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thị trường của tài sản tiềm ẩn rủi ro thị trường (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.
3	Chỉ tiêu **"Rủi ro tăng thêm"** (Khoản 8, Điều 10 – Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư 87)	Giá trị rủi ro thanh toán điều chỉnh tăng thêm được tính bằng: Giá trị rủi ro thanh toán của tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (chưa bao gồm phần rủi ro tăng thêm) x Hệ số rủi ro tăng thêm.

Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu

Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 87 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng x 100\%}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư 87, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ (Thuyết minh 3.2.1);
- Các khoản tăng thêm (Thuyết minh 3.2.2); và
- Vốn khác (nếu có).

Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài đảm bảo (được xác định bằng giá trị thị trường của tài sản đảm bảo * (1 – Hệ số rủi ro thị trường);
- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày, được tính bằng khối lượng tài sản * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường);
- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
  - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu (tiếp)

Các khoản giảm trừ (tiếp)

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với chỉ tiêu tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;

- Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản bảo đảm, giá trị sổ sách.

Theo đó, giá trị thị trường của tài sản khi tính khoản điều chỉnh giảm phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) phù hợp với quy định của Thông tư 87.
Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;

- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 87;

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường đối với các tài sản là: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;

- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:

- Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;

- Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;

- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;

- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;

- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư 87.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu (tiếp)

Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế sau: Giá yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng, quỹ ETF là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán.Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu (tiếp)

Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

  Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.

- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định trong Thông tư 87.

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu (tiếp)

Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định trong Thông tư 87.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán như sau:

	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2.	Cho vay chứng khoán	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)),0}
3.	Vay chứng khoán	Max{(Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của hợp đồng),0}
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max{(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của hợp đồng x (1- Hệ số rủi ro thị trường)),0}
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)-Giá trị hợp đồng tính theo giá bán),0}
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max{(Số dư nợ - Giá trị tài sản đảm bảo),0}

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.2.1. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu (tiếp)

Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
	A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)	
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
	B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)	
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết; hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

Giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Giá tài sản được xác định theo thuyết minh 3.3.2

Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), trong hạn chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tuỳ thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác và phần chênh lệch đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") đã ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Giá trị rủi ro thị trường

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
1.	Tiền mặt (VND)	0	328.387.909	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0	173.908.840.171	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
	II. Trái phiếu Chính phủ			
1.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
2.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu		-	-
3.	*Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD*	3	-	-
	III. Trái phiếu doanh nghiệp			
1.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
2.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
3.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
4.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
5.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
6.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	35.204.150.323	10.561.245.097
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
8.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	IV. Cổ phiếu			
1.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	197.547.927.650	19.754.792.765
2.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	22.532.447.550	3.379.867.132
3.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	92.609.636.303	18.521.927.261
4.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
5.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	57.374.473.524	28.687.236.762
	V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			
1.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	54.693.360.000	5.469.336.000
2.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
	VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			
1.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	781.800	312.720
2.	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50	140.000	70.000
	VII. Chứng khoán phái sinh			
1.	Hợp đồng tương lai chỉ số	8	-	-

Cách tính:
Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày – giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)
Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở

2.	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-

Cách tính:
Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày – giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)
Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x Khối lượng mở

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Giá trị rủi ro thị trường (tiếp)

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VIII. Chứng khoán khác			
Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc các chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		-	-
Cách tính: *Giá trị rủi ro = (P0 x Q0 x k − P1 x Q1) x R − MD*			
Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)			**86.374.787.737**

Giá trị rủi ro thanh toán

	Giá trị rủi ro (VND)
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1)	1.096.766.000
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2)	45.422.820.249
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	**46.519.586.249**

Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch / Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro (VND)
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (*)	-	-	-	-	601.334.795	495.431.205	1.096.766.000
Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							**1.096.766.000**

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp)

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (tiếp)

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,80%
Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,20%
Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,80%
Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
Các tổ chức, cá nhân khác	8%

(*) Chi tiết	Giá trị sổ sách (VND)	Giá trị tài sản đảm bảo (VND)	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo (VND)	Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác (%)	Giá trị rủi ro thanh toán (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn	10.022.246.575	-	-	6	601.334.795
Dự thu cổ tức	3.967.889.500	-	-	8	317.431.160
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.225.000.569	-	-	8	178.000.045
TỔNG CỘNG	**16.215.136.644**	-	-		**1.096.766.000**

Rủi ro quá thời hạn thanh toán

Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
Từ 60 ngày trở đi	100	45.422.820.249	45.422.820.249
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN			**45.422.820.249**

Giá trị rủi ro hoạt động

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2019	372.572.633.215
Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 6.1)	(7.543.057.513)
Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	380.115.690.728
25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	95.028.922.682
20% Vốn pháp định của Công ty	60.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})	**95.028.922.682**

Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
Chi phí khấu hao	5.131.136.625
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản thế chấp	11.483.049.411
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	(25.448.429.149)
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán và tài sản tài chính khác	1.291.185.600
TỔNG CỘNG	**(7.543.057.513)**

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Vốn khả dụng

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		(1) Vốn khả dụng (VND)	(2) Khoản giảm trừ (VND)	(3) Khoản tăng thêm (VND)
A	**Vốn chủ sở hữu**			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	722.339.370.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	610.253.166.720		
3	Cổ phiếu quỹ	(496.682.500)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	30.894.437.854		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	42.517.552.484		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	42.517.552.484		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	358.607.795.379		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	95.795.528.861		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		16.965.735.020	291.800
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	**TỔNG**			**1.885.463.278.062**
B	**Tài sản ngắn hạn**			
I	**Tài sản tài chính**			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		2.675.400	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
10	Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
11	Phải thu nội bộ			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
13	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		6.440.012.898	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	**Tài sản ngắn hạn khác**			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		486.898.450	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.949.513.992	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	**TỔNG**			**8.879.100.740**

Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Vốn khả dụng (tiếp)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		(1) Vốn khả dụng (VND)	(2) Khoản giảm trừ (VND)	(3) Khoản tăng thêm (VND)
C	**Tài sản dài hạn**			
I	**Tài sản tài chính dài hạn**			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		95.170.500.000	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		92.501.120.000	
II	**Tài sản cố định**		**16.846.722.014**	
III	**Bất động sản đầu tư**		**-**	
IV	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**		**-**	
V	**Tài sản dài hạn khác**			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.092.282.572	
2	Chi phí trả trước dài hạn		23.388.143.453	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		21.178.977.487	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	**Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn**			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 87/2017/TT-BTC		-	
1C	**TỔNG**			**250.177.745.526**

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		(1) Vốn khả dụng (VND)	(2) Khoản giảm trừ (VND)	(3) Khoản tăng thêm (VND)
D	**Các khoản kí quỹ, đảm bảo**			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	**TỔNG**			**-**
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			**1.626.406.431.796**

(*) *Ghi chú*

Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2020

BAOVIET Securities

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT